



Phát triển bền vững CÙNG CÂY MÍA VIỆT NAM



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017-2018

www.ttcsugar.com.vn



Máy thu hoạch cắt khúc mía



Trở thành công ty Nông nghiệp hàng đầu Việt Nam và Khu vực

TÂM NHÌN



Cung cấp sản phẩm Nông nghiệp sạch, xây dựng hệ thống sản xuất và phân phối bền vững

SỨ MỆNH



Ngành Nông nghiệp TTC là tiên phong của nền Nông nghiệp Việt Nam hiện đại, hài hòa quyền lợi của nông dân, nhà máy, khách hàng và địa phương, gắn bó LÂU DÀI với nông dân, cung cấp sản phẩm SẠCH và mang lại GIÁ TRỊ cho khách hàng, quản trị ĐƯỢC rủi ro, tăng trưởng CAO HƠN bình quân Ngành, và cung cấp năng lượng TÁI TẠO cho đất nước

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

MỤC LỤC

02 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

04 Mục lục

06 Các thuật ngữ viết tắt

07 Cam kết tính trung thực và hợp lý BCTN Niên độ 2017-2018

Cộng Hưởng Sức Mạnh

THÔNG ĐIỆP BAN LÃNH ĐẠO

10 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị

14 Phòng vấn Tổng Giám đốc

18 Những con số nổi bật

26 Điểm nhấn tài chính

30 Những sự kiện nổi bật

38 Danh mục sản phẩm

Đồng Hành - Tận Tụy

QUẢN TRỊ CÔNG TY

48 Quy chế Quản trị Công ty theo thông lệ quốc tế

53 Bộ Quy chế ứng xử

54 Giới thiệu Hội đồng Quản trị

58 Báo cáo Hội đồng Quản trị và Hoạt động Quản trị Công ty

76 Định hướng chiến lược của Hội đồng Quản trị

78 Báo cáo Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

80 Báo cáo Tiểu ban Kiểm toán

82 Báo cáo các Tiểu ban khác trực thuộc Hội đồng Quản trị

83 Tuân thủ Pháp luật

87 Hoạt động Thị trường vốn và Quan hệ Nhà đầu tư

98 Phân tích Quản trị Công ty theo Thẻ điểm Quản trị Công ty Khu vực ASEAN

Nỗ Lực - Tận Tâm

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

112 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc

116 Báo cáo Ban Tổng Giám đốc

126 Hoạt động M&A - Sáp nhập để phát triển

132 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

136 Đầu tư và phát triển công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động

138 Hoạt động R&D - Khẳng định thương hiệu Việt

142 Hoạt động của Công ty con, Công ty liên kết

144 Đảm bảo chất lượng - Nền tảng của uy tín thương hiệu

148 Nhân sự và đào tạo - Điểm tựa vững chắc

Trách Nhiệm - Sẻ Chia

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

160 17 Tiêu chí Phát triển Bền vững của Liên Hiệp Quốc

164 Chia sẻ của Khách hàng

168 Chia sẻ của Người nông dân và các Trưởng trạm nông vụ

170 Chia sẻ của Nhân viên

172 Sự tham gia của các Bên liên quan

176 Tăng trưởng kinh tế bền vững

183 Bảo vệ môi trường

190 Cộng đồng, Xã hội

Vàng Vàng - Minh Bạch

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

202 Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất Niên độ 2017-2018

256 Báo cáo tài chính kiểm toán riêng Niên độ 2017-2018

Chủ Động - Sẵn Sàng

TỔNG QUAN CÔNG TY

264 Hồ sơ doanh nghiệp

268 Quá trình hình thành và phát triển

270 Hệ thống mạng lưới

274 Thông tin liên hệ



CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
ATIGA	Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN
AT VSLĐ	An toàn vệ sinh lao động
AT VSTP	An toàn vệ sinh thực phẩm
B2B	Khách hàng Doanh nghiệp
B2C	Khách hàng Tiêu dùng
BBH	Biên bản họp
BCTC	Báo cáo tài chính
BCTN	Báo cáo thường niên
BĐH	Ban Điều hành
BHS	Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BKS	Ban Kiểm soát
BLĐ	Ban Lãnh đạo
BLQ	Bên liên quan
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
CAGR	Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm
CBNV	Cán bộ nhân viên
CBQL	Cán bộ quản lý
CBTT	Công bố thông tin
CCS	Chữ Đường
CĐ	Cổ đông
CNTT	Công nghệ thông tin
CPQ	Cổ phiếu quỹ
CTCK	Công ty chứng khoán
CTCP	Công ty cổ phần
CTTV	Công ty thành viên
DTT	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
Đường RE	Đường tinh luyện
Đường RS	Đường kính trắng
EBIT	Lợi nhuận trước lãi vay và thuế
EBITDA	Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao
GDBLQ	Giao dịch Bên liên quan
GĐ	Giai đoạn
GP ĐKDN	Giấy phép đăng ký doanh nghiệp
GTVH	Giá trị vốn hóa
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HTK	Hàng tồn kho
IFC	Công ty Tài chính Quốc tế
ISO	Tổ chức Đường Thế giới
KHĐT	Kế hoạch Đầu tư
KSNB	Kiểm soát nội bộ

KTĐL	Kiểm toán độc lập
KTNB	Kiểm toán nội bộ
KTT	Kế toán trưởng
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
MNC	Khách hàng công nghiệp lớn
NCLQ	Người có liên quan
NĐ	Nghị định
NNB	Người nội bộ
NĐT	Nhà đầu tư
NQ	Nghị quyết
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PTBV	Phát triển bền vững
QCUX	Quy chế Ứng xử
QĐ	Quyết định
QH NĐT	Quan hệ Nhà đầu tư
QLRR	Quản lý rủi ro
QTCT	Quản trị Công ty
QTDN	Quản trị Doanh nghiệp
QTRR	Quản trị rủi ro
Rabobank	Tổ chức Nghiên cứu Nông nghiệp và Thực phẩm toàn cầu
R&D	Nghiên cứu và Phát triển
SHNN	Sở hữu nước ngoài
SME	Khách hàng Tiểu thủ Công nghiệp
SXKD	Sản xuất kinh doanh
SXTM	Sản xuất thương mại
TBCL	Tiểu ban Chiến lược
TBKT	Tiểu ban Kiểm toán
TBNS	Tiểu ban Nhân sự
TCT	Tổng Công ty
TGD	Tổng Giám đốc
TMN	Tấn mía/ngày
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
TT	Thông tư
TTC	Tập đoàn TTC
TTCA	TTC Attapeu
TTC Biên Hòa/Công ty	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa
TTCK	Thị trường chứng khoán
TTNĐ	Trung tâm nhiệt điện
TTS	Tổng tài sản
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VĐL	Vốn điều lệ
VNL	Vùng nguyên liệu
XNK	Xuất nhập khẩu

CAM KẾT
TÍNH TRUNG THỰC VÀ HỢP LÝ
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NIÊN ĐỘ 2017-2018

Ban KTNB CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa được thành lập từ ngày 04/12/2017 với mục tiêu đảm bảo các rủi ro trọng yếu được quản lý và kiểm soát, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động SXKD, nâng cao công tác quản trị rủi ro, cải tiến hệ thống kiểm soát cũng như quy trình quản trị; từ đó giúp Công ty hoạt động năng suất và hiệu quả hơn.

TRONG VAI TRÒ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KTNB, CHÚNG TÔI CAM KẾT:

Các nội dung được trình bày trong BCTN Niên độ 2017-2018 đáp ứng đầy đủ các quy định về CBTT cụ thể theo yêu cầu của TT 155/2015/TT-BTC Hướng dẫn CBTT trên TTCK. Chúng tôi nhận thấy Công ty đang nỗ lực hướng đến các thông lệ tốt trên thị trường cũng như các tiêu chuẩn quốc tế cao hơn như:

Báo cáo Tích hợp theo chuẩn mực quốc tế IIRC

Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN

Quy tắc Quản trị Công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD

Bộ tiêu chuẩn quốc tế về lập Báo cáo Phát triển Bền vững toàn cầu GRI

Building a better working world

Tất cả các thông tin, số liệu được trình bày trong BCTN Niên độ 2017-2018 được đảm bảo thống nhất với BCTC Niên độ 2017-2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

BLĐ Công ty đã thiết lập quy trình thực hiện và Ban KTNB đã thực hiện kiểm soát để đảm bảo sự hợp lý và chính xác của các chỉ số được lựa chọn và trình bày trong phần Báo cáo Phát triển Bền vững thuộc BCTN Niên độ 2017-2018.

Ban KTNB nhận thấy BCTN Niên độ 2017-2018 của Công ty đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý, nhằm phản ánh tốt nhất các thông tin về tình hình hoạt động SXKD trong Niên độ, hướng tới mục tiêu bảo vệ quyền lợi của CĐ, NĐT và các BLQ.

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ
TRƯỞNG BAN

HUỲNH THÀNH NHÂN

Cộng Hưởng Sức Mạnh

VỮNG VÀNG HỘI NHẬP

Với nội lực vượt trội kết hợp cùng sức mạnh cộng hưởng từ M&A, TTC Biên Hòa đang có những bước đi vững chắc để tăng cường năng lực cạnh tranh, hội nhập sâu rộng khi ATIGA đang tới gần.

01

THÔNGIỆP BAN LÃNH ĐẠO

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị	10
Phỏng vấn Tổng Giám đốc	14
Những con số nổi bật	18
Điểm nhấn tài chính	26
Những sự kiện nổi bật	30
Danh mục sản phẩm	38



Ông PHẠM HỒNG DƯƠNG - Chủ tịch HĐQT

10.285 TỶ ĐỒNG

DOANH THU THUẦN NIÊN ĐỘ 2017-2018



**CÔNG TY ĐÃ NỖ LỰC KHÔNG NGỪNG NGHỈ,
KIÊN ĐỊNH TRÊN CON ĐƯỜNG HƯỚNG
TỚI MỤC TIÊU “PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
CÙNG CÂY MÍA VIỆT NAM”.**

**Kính gửi Quý Cổ đông, Nhà đầu tư,
Quý Khách hàng và các Đối tác**

Niên độ 2017-2018 khép lại với nhiều dấu ấn trong hầu hết các hoạt động của TTC Biên Hòa. Trải qua 23 năm hình thành phát triển, Công ty đã nỗ lực không ngừng nghỉ, kiên định trên con đường hướng tới mục tiêu **“Phát triển bền vững cùng cây mía Việt Nam”**. Năm qua, tuy Ngành Đường phải trải qua những thăng trầm lớn mang tính chu kỳ nhưng TTC Biên Hòa vẫn hoàn thành sứ mệnh của một Công ty đầu Ngành, từng bước chuyển mình lớn mạnh trên con đường chinh phục thị trường Khu vực.

Tháng 9/2017, Công ty chính thức hoàn thành thương vụ M&A lớn nhất trong lịch sử Ngành Đường Việt Nam giữa CTCP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và CTCP Đường Biên Hòa, trở thành Công ty dẫn đầu Ngành trên mọi phương diện. Với ưu thế về công nghệ, năng lực sản xuất và nguồn nhân lực chất lượng của TTC Biên Hòa; cộng hưởng cùng thương hiệu lâu năm, hệ thống phân phối, danh mục khách

hàng cũng như Chuỗi giá trị Ngành Đường mà BHS đang sở hữu, có thể nói đã tạo nên một sự kết hợp hoàn hảo. Tận dụng tốt sức mạnh cộng hưởng và phát huy lợi thế kinh tế theo quy mô (economies of scale) từ các thương vụ sáp nhập đã hỗ trợ TTC Biên Hòa mở rộng và tăng quy mô sản lượng sản xuất, tăng hiệu suất vận hành các nhà máy; qua đó tối ưu hóa chi phí sản xuất, đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ và mở rộng thị phần, bao phủ thêm các phân khúc vừa và nhỏ tại các ngách thị trường tiềm năng, thị trường mục tiêu như Tây Nam Bộ, Miền Bắc... và đặc biệt là đẩy mạnh xuất khẩu.

Công ty hiện nay đã sở hữu 6 thị trường xuất khẩu tiềm năng, trong đó TTC Biên Hòa là Công ty Mía Đường duy nhất đến nay của Việt Nam xuất khẩu Đường sang Mỹ, sau khi đảm bảo được các yêu cầu như Giấy chứng nhận của Cục Quản lý Thực phẩm, Dược phẩm Mỹ (FDA) và chứng minh sản xuất bằng công nghệ Châu Âu với các tiêu chuẩn nghiêm ngặt. Đây là điều đáng tự hào và cũng là động lực để đội ngũ QL cũng như toàn thể CBNV không ngừng nâng cao năng lực, hoàn thiện hệ thống để đưa Công ty vươn đến những tầm cao mới.

Trong Niên độ 2017-2018, quyết định nâng giới hạn SHNN lên 100% cũng được xem là động lực mới để BLĐ nỗ lực nâng cao chất lượng QTDN, tạo nền tảng vững vàng trong chiến lược PTBV của Công ty. TTC Biên Hòa thuộc số ít các doanh nghiệp niêm yết trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng và doanh nghiệp niêm yết nói chung được nâng tỷ lệ này lên tối đa 100% cho NĐT NN tính đến thời điểm hiện tại. Điều này được kỳ vọng sẽ mang đến cho NĐT quốc tế cơ hội tiếp cận đầu tư dễ dàng hơn đối với cổ phiếu SBT, góp phần đảm bảo lợi ích cho NĐT và CĐ hiện tại. Cũng trong Niên độ 2017-2018, Công ty tiếp tục cải thiện, tái cấu trúc tài chính, tối ưu hóa cơ cấu vốn, tích

cực tìm kiếm NĐT chiến lược cùng đồng hành trên con đường chinh phục những mục tiêu mới, cao hơn và xa hơn. Không đánh đổi tăng trưởng bằng mọi giá, các hoạt động QTRR được HĐQT đặc biệt quan tâm nhằm đảm bảo phát triển phải bền vững, ổn định.

Trong một môi trường kinh doanh cạnh tranh, năng động và luôn thay đổi, mô hình quản trị hiện đại theo thông lệ quốc tế đã được Công ty hướng đến, trong đó bước đi đầu tiên là áp dụng mô hình TBKT trực thuộc HĐQT để hoạt động quản trị hiệu quả hơn, độc lập và bảo vệ quyền lợi CĐ. Chúng tôi tự hào là một trong những doanh nghiệp Việt Nam tiên phong áp dụng mô hình này, cụ thể hóa QTCT theo chuẩn mực quốc tế với sự hỗ trợ của IFC - Tổ chức Tài chính Quốc tế thuộc Ngân hàng Thế giới. Trong năm qua, chúng tôi cũng đồng hành cùng Deloitte thực hiện tư vấn chiến lược cho hoạt động kinh doanh, nhằm tái cơ cấu mô hình hoạt động để gia tăng sức cạnh tranh và tốc độ tăng trưởng trong tương lai của TTC Biên Hòa. Đặc biệt, Công ty cũng đang từng bước chuẩn hóa hoạt động QHNDT, thực hiện CBTT trên mức tuân thủ, theo chuẩn mực của Thẻ điểm QTCT Khu vực ASEAN và OECD, hướng đến bảo vệ quyền lợi tối đa của CĐ và NĐT.

Hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, gắn bó mật thiết cùng Người nông dân, TTC Biên Hòa nói chung và từng nhân viên, cán bộ nông vụ nói riêng luôn sát cánh, đồng hành cùng với bà con nông dân trên từng cánh đồng mía, thực hiện cam kết thu mua mía, chia sẻ khó khăn cũng như hỗ trợ kịp thời về tài chính, kỹ thuật để có được những vụ mùa bội thu, cuộc sống ấm no và góp phần tạo nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định cho hoạt động sản xuất của Công ty. Với niềm tin vào một nền Mía Đường bền vững, Công ty cũng đặc biệt chú trọng vào các hoạt động hướng tới



Cộng đồng-Xã hội, không chỉ đơn thuần là các chương trình cứu trợ, thiện nguyện mà còn là những hoạt động nhằm thúc đẩy giáo dục, y tế, việc làm... nâng cao chất lượng sống cho người dân.

Ngoài những nỗ lực được thể hiện qua kết quả HKĐD với TTS đạt hơn 17.694 tỷ đồng, DTT vượt kế hoạch đạt 10.285 tỷ đồng, LNST đạt 545 tỷ đồng; TTC Biên Hòa còn không ngừng khẳng định vị thế của một trong những Công ty Mía Đường đầu Ngành niêm yết trên TTCK Việt Nam. Đặc biệt trong kỳ rà soát danh mục vào tháng 7/2018, SBT là cổ phiếu thuộc Ngành Mía Đường duy nhất tại Việt Nam được đưa vào Rổ chỉ số VN30 của HOSE và hiện vẫn đang tiếp tục được duy trì. Ngoài ra, SBT còn nằm trong Danh mục của các Quỹ đầu tư có uy tín và thương hiệu trên thị trường như V.N.M ETF,

DB XTRACKER FTSE VIETNAM SWAP UCITS ETF, iShares MSCI Frontier 100 ETF, Quỹ VFMVN30 ETF Fund... với tổng sở hữu trên 20 triệu cổ phiếu.

Đối với Ngành Đường Việt Nam, hội nhập ATIGA, tham gia vào thị trường quốc tế sẽ là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp khi phải cạnh tranh trực tiếp với các nhà sản xuất lớn toàn cầu. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội để Đường Việt Nam được tiêu thụ trên thị trường thế giới nếu khẳng định được chất lượng sản phẩm và uy tín thương hiệu. ATIGA chính là cơ hội lớn để tiếp cận thị trường khu vực với hơn 650 triệu dân, tổng sản lượng Đường tiêu thụ gần 17 triệu tấn. Thời điểm hiệu lực của ATIGA, dỡ bỏ hàng rào hạn ngạch thuế quan chính thức được gia hạn thêm 2 năm đã giúp Ngành Đường Việt Nam nói chung, TTC Biên Hòa nói riêng và nông dân trồng mía có thêm

thời gian để chuẩn bị tốt hơn, sẵn sàng đương đầu với mọi thử thách cũng như cơ hội phía trước.

Với tôn chỉ hoạt động **“Lợi nhuận là nhất thời, thị trường là vĩnh cửu”**, TTC Biên Hòa khát vọng hiện thực hóa các mục tiêu, đó là tiếp tục giữ vững vị thế của doanh nghiệp Đường số 1 Việt Nam và nâng thị phần lên hơn 50% với tiêu chí **“Sạch”** và **“Vì sức khỏe người tiêu dùng”**; không ngừng đóng góp cho xã hội bằng những sản phẩm chiến lược có lợi cho sức khỏe như Đường hữu cơ, Đường phenol...

Thay mặt HĐQT, tôi gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý CĐ, NĐT, Khách hàng và Đối tác đã tin tưởng và đồng hành cùng Công ty trong suốt thời gian qua. Với những định hướng rõ ràng về chiến lược, gắn kết chặt chẽ với Cộng đồng-Xã hội từ một tập thể được kết tinh qua hành trình lao động miệt mài và đầy trách nhiệm, tôi có đầy đủ niềm tin cho một sự phát triển đột phá, vươn tầm cao mới trong Niên độ 2018-2019 và các năm tiếp theo.

Chúc Quý vị hạnh phúc và thành công.

Trân trọng

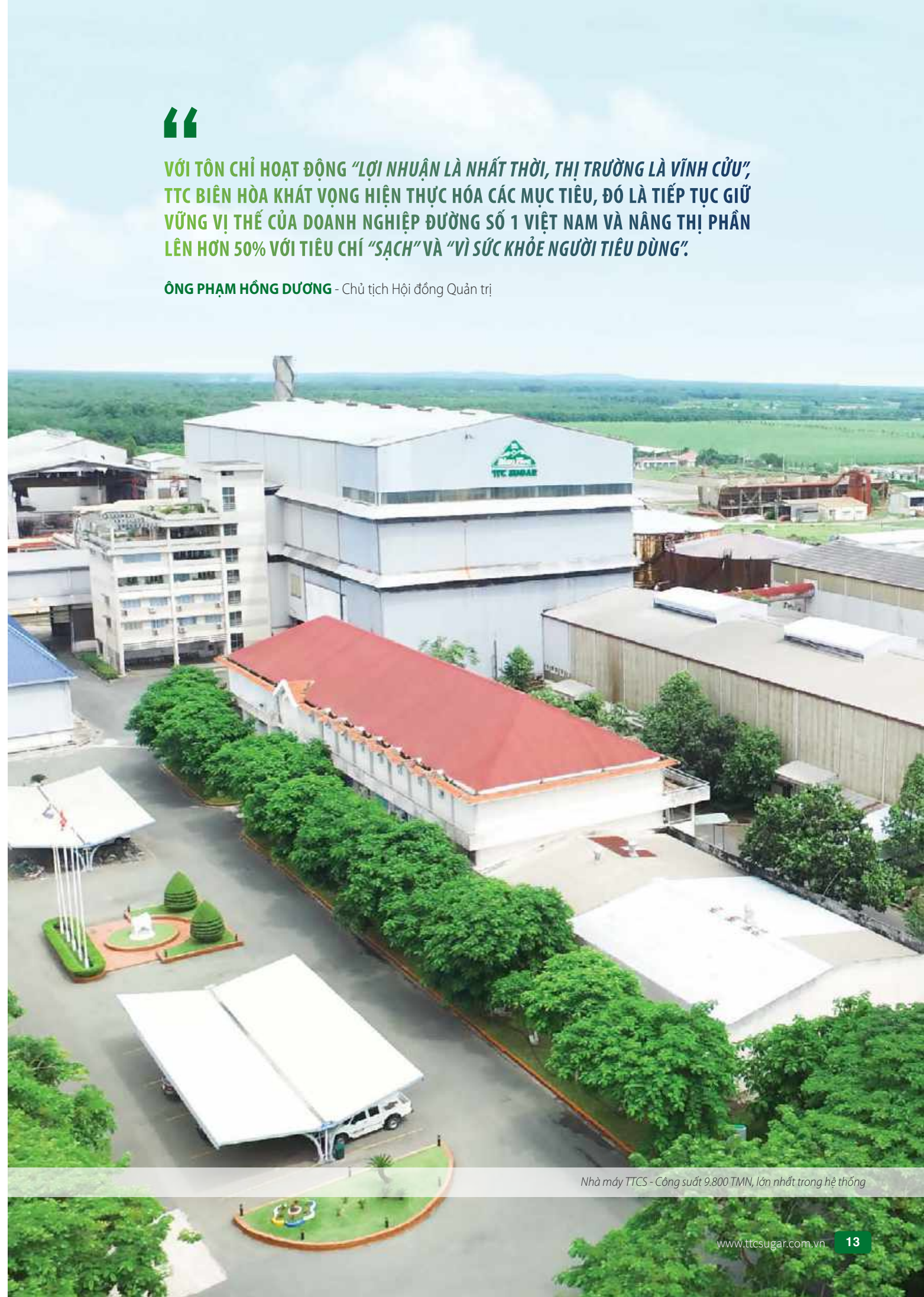
PHẠM HỒNG DƯƠNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

“

VỚI TÔN CHỈ HOẠT ĐỘNG “LỢI NHUẬN LÀ NHẤT THỜI, THỊ TRƯỜNG LÀ VĨNH CỬU”, TTC BIÊN HÒA KHÁT VỌNG HIỆN THỰC HÓA CÁC MỤC TIÊU, ĐÓ LÀ TIẾP TỤC GIỮ VỮNG VỊ THẾ CỦA DOANH NGHIỆP ĐƯỜNG SỐ 1 VIỆT NAM VÀ NÂNG THỊ PHẦN LÊN HƠN 50% VỚI TIÊU CHÍ “SẠCH” VÀ “VÌ SỨC KHỎE NGƯỜI TIÊU DÙNG”.

ÔNG PHẠM HỒNG DƯƠNG - Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nhà máy TTCS - Công suất 9.800 TMN, lớn nhất trong hệ thống



Ông NGUYỄN THANH NGŨ - Tổng Giám đốc

“

VỚI SẢN LƯỢNG MÍA LÀ 3,7 TRIỆU TẤN VÀ SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG TIÊU THỤ 572.300 TẤN, LẦN LƯỢT TĂNG 142% VÀ 132% SO VỚI NIÊN ĐỘ TRƯỚC, DTT CỦA CÔNG TY ĐÃ CÁN MỐC 10.285 TỶ ĐỒNG, TĂNG 129% VÀ VƯỢT 4% KẾ HOẠCH. LNTT ĐẠT 682 TỶ ĐỒNG, HOÀN THÀNH CHỈ TIÊU LỢI NHUẬN CẢ NĂM MÀ ĐHCĐ GIAO PHÓ, TĂNG TRƯỞNG 120% VÀ LNST ĐẠT 545 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 90% SO VỚI NIÊN ĐỘ TRƯỚC.

3,7 TRIỆU TẤN

SẢN LƯỢNG MÍA
↗ 142% SO VỚI NIÊN ĐỘ TRƯỚC

572.300 TẤN

SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG TIÊU THỤ
↗ 132% SO VỚI NIÊN ĐỘ TRƯỚC

682 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
↗ 120% SO VỚI NIÊN ĐỘ TRƯỚC

Được biết, Niên độ 2017-2018 vừa qua, Ngành Đường trong nước và thế giới không có nhiều yếu tố hỗ trợ, Ông đánh giá thế nào về hoạt động của TTC Biên Hòa trong bối cảnh này?

Theo diễn biến của chu kỳ Ngành Đường, giá Đường thế giới và trong nước tiếp tục suy giảm, gây khó khăn cho nhiều doanh nghiệp sản xuất Đường, không ít doanh nghiệp đã phải dừng sản xuất vì chi phí cao, không thể cạnh tranh. Dự báo xu thế diễn biến giá Đường cùng bối cảnh hội nhập sắp đến, có thể nói BLĐ và BDH chúng tôi đã có những bước chuẩn bị chu đáo cho một nội lực vững vàng, sẵn sàng hội nhập với chiến lược tăng năng lực cạnh tranh, dự kiến tổng sản lượng tiêu thụ trong Niên độ 2020-2021 đạt 1,23 triệu tấn Đường.

Với tâm thế luôn chủ động, ngay sau khi hoàn tất công tác M&A hình thành TCT ngành, TTC Biên Hòa đã nhanh chóng thiết lập và hoàn thiện bộ máy nhân sự, vận hành, ứng dụng các giải pháp CNTT trong quản trị, điều hành, giám sát, kiểm soát... Vì vậy, dù đối mặt với những thách thức chung ở chu kỳ thấp điểm toàn Ngành, TTC Biên Hòa vẫn hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHCĐ giao phó. Với sản lượng mía là 3,7 triệu tấn và sản lượng Đường tiêu thụ 572.300 tấn, lần lượt tăng 142% và 132% so với Niên độ trước, DTT của Công ty đã cán mốc 10.285 tỷ đồng, tăng 129% và vượt 4% kế hoạch. LNTT đạt 682 tỷ đồng, hoàn thành chỉ tiêu LN cả năm, tăng trưởng 120% và LNST đạt 545 tỷ đồng, tăng trưởng 90% so với Niên độ trước.

Như Ông đã chia sẻ, Niên độ 2017-2018 được xem là một năm thành công của TTC Biên Hòa với nhiều bước ngoặt trong hoạt động SXKD, yếu tố chính đóng góp là gì thưa Ông?

Kinh nghiệm 23 năm sản xuất Mía Đường đã giúp Công ty tạo ra những lợi thế của riêng mình với thị phần nội địa chiếm lĩnh thị trường là 40%; năng lực sản xuất dẫn đầu Ngành trên mọi phương diện. Công ty đã xây dựng được VNL rộng lớn ~ 58.600 ha gồm 10.200 ha 100% cơ giới hóa với công nghệ sản xuất hiện đại và đặc biệt là chiếm ¼ diện tích VNL cả nước, công suất ép mía 37.500 TMN và năng suất mía cải thiện 70 tấn/ha. Công ty hiện sở hữu 9 nhà máy luyện Đường từ Đường thô và Mía, trong đó có 4 Trung tâm luyện Đường thô lớn là TTCS, Biên Hòa-Ninh Hòa, Biên Hòa-Trị An, Biên Hòa-Đồng Nai với tổng công suất luyện Đường từ Đường thô khoảng 300.000 tấn Đường/năm; đặc biệt Biên Hòa-Đồng Nai là Nhà máy Đường duy nhất luyện quanh năm với công suất 400 tấn Đường/ngày.

Về cơ cấu sản phẩm, Công ty hiện đang sở hữu một danh mục sản phẩm đa dạng gồm 13 sản phẩm Đường với 47 tên thương mại được lưu hành trên thị trường từ sản phẩm cao cấp nhất là Đường Organic, RE thượng hạng, RS cao cấp đến các sản phẩm đặc biệt dành phục vụ riêng cho từng phân khúc khách hàng và kênh tiêu thụ khác nhau như Đường chức năng-ăn kiêng, Đường thời...; đóng góp 88% DT của Niên độ 2017-2018. Các sản phẩm Đường RE thượng hạng, RE đặc biệt và RE cao cấp được tung ra thị trường đều đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe nhất của kênh tiêu thụ khách hàng Công nghiệp lớn MNC, Tiểu thủ công nghiệp SME là các nhà sản xuất Dược phẩm và NGK có tên tuổi trên thị trường như Coca-Cola, Suntory Pepsi, Dược Hậu Giang, Dược Cửu Long..., bên cạnh các yêu cầu cao nhất về đặc tính kỹ thuật cũng như đạt tiêu chuẩn quốc tế trong sản xuất. Với mục đích tạo sự thuận lợi, an tâm cho khách hàng khi sử dụng Đường TTC

Biên Hòa, trong sản xuất, Công ty đã nghiên cứu phát triển các giải pháp sản phẩm mới như Đường lồng công nghiệp, Đường “big bag”, giao hàng pallet với hệ thống robot quần pallet hiện đại, đảm bảo năng suất, chất lượng, phục vụ khách hàng một cách tốt nhất.

Để Chuỗi giá trị Ngành Đường thật sự là điểm nhấn của TTC Biên Hòa, không những cải thiện cơ cấu DT, mà còn gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường, Công ty chú trọng phát triển các dòng sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường như Mật rỉ, Phân vi sinh hữu cơ, Điện thương phẩm, Nước Miaqua và các sản phẩm khác, đóng góp khoảng 12% DT trong Niên độ 2017-2018.

Đối với mật rỉ, sản lượng hàng năm đạt khoảng 185 ngàn tấn và phục vụ chủ yếu cho nhu cầu xuất khẩu cũng như khách hàng Công nghiệp trong nước. Về Phân vi sinh hữu cơ, được sản xuất từ nguyên liệu chính là bã bùn, tro lò hơi trong quá trình sản xuất Đường của nhà máy, Công ty đang triển khai Nhà máy Phân vi sinh GĐ 1 công suất 34.000 tấn/năm, giúp cải tạo đất cho vùng trồng mía và nâng cao năng suất mía.

Điện thương phẩm được hướng đến là một trong những sản phẩm quan trọng khi hiện nay Công ty sở hữu 4 Nhà máy có TTND có khả năng bán điện lên lưới điện quốc gia từ nguồn nguyên liệu sinh khối là bã mía với tổng công suất đạt 132 MW và lượng điện bán lên lưới hàng năm có thể đạt 170 triệu KWh. Sản phẩm cuối cùng tôi muốn đề cập là Nước uống đóng chai Miaqua. Điều đáng khích lệ ở đây, sản phẩm là thành quả sáng tạo của đội ngũ kỹ thuật Công ty để đa dạng hóa nguồn sản phẩm cung cấp đến khách hàng. Niên độ 2017-2018, chúng tôi sản xuất 400.000 thùng và đang dần thâm nhập vào thị trường nội địa.



Có thể nhận thấy TTC Biên Hòa thật sự lớn mạnh sau sáp nhập. BHS đã đóng góp gì trong bức tranh chung của toàn Công ty?

Thương vụ sáp nhập BHS vào TTC Biên Hòa đã phát huy được sức mạnh cộng hưởng giữa một bên có thị trường lớn, thương hiệu mạnh và một bên có công nghệ sản xuất hiện đại, chất lượng tốt, tạo nên một doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam cả về công suất ép mía, VNL và thị phần. Chúng tôi tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối sỉ và lẻ khắp cả nước với 49.000 cửa hàng bán lẻ, 88 nhà phân phối đại lý, 2.035 siêu thị và cửa hàng tiện lợi.

Trong số 13 sản phẩm Đường hiện có, chúng tôi đã xuất khẩu 10 sản phẩm bao gồm Đường Organic, RE thượng hạng, RE đặc biệt, RE cao cấp, RE tiêu chuẩn, RE hạt nhuyễn, RS cao cấp, RS tiêu chuẩn, Đường Thỏi, Đường Vàng ra 6 thị trường quốc tế, bao gồm Trung Quốc, Sri Lanka,

Myanmar, Singapore, Mỹ và Kenya; tiếp tục chứng minh địa bàn kinh doanh rộng khắp mà TTC Biên Hòa đang sở hữu. Đặc biệt Niên độ 2017-2018, TTC Biên Hòa là Công ty Mía Đường Việt Nam đầu tiên xuất Đường sang thị trường Mỹ, thị trường có tổng mức tiêu thụ lên đến 12 triệu tấn/năm, là một trong những nước nhập khẩu đường lớn nhất thế giới. Mỹ vốn là thị trường của các nhà xuất khẩu hàng đầu trên thế giới trong đó Mexico chiếm 1/3 sản lượng. Để xuất hàng sang Mỹ, Công ty phải đảm bảo đạt được các chỉ tiêu Giấy chứng nhận của Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Mỹ (FDA), sản phẩm phải chứng minh được sản xuất bằng công nghệ Châu Âu với các tiêu chuẩn nghiêm ngặt. Đây là một trong những điều khích lệ cho toàn thể đội ngũ CBNV trong quá trình đưa thương hiệu TTC Biên Hòa vươn ra toàn cầu.

Niên độ 2017-2018 đã ghi nhận đóng góp DT từ mảng xuất khẩu là 11%, ngoài

các kênh tiêu thụ chính khác là B2B, Thương mại và B2C lần lượt chiếm 56%, 20% và 13% DT. Trong Niên độ 2017-2018, TTC Biên Hòa chủ yếu tập trung phục vụ cho khách hàng tại khu vực miền Nam, chiếm khoảng 80% cơ cấu tiêu thụ Đường.

Trong nhiều năm liên tiếp, TTC Biên Hòa đều vinh dự được người tiêu dùng bình chọn là Hàng Việt Nam Chất lượng cao. Gần đây nhất, TTC Biên Hòa cũng vừa được vinh danh ở hạng mục “*Thương hiệu Gia vị Xuất sắc nhất - Best Spices Brand Of The Year*” trong lễ trao giải tại Singapore do CMO Asia trao tặng nhằm tôn vinh những thương hiệu uy tín trong ngành gia vị của năm tại Châu Á.

Công ty có chiến lược gì để giữ vững vị trí số 1 của mình trong Ngành Mía Đường Việt Nam?

Điểm đầu tiên tôi muốn nhắc đến ở đây là nội lực sẵn có của TTC Biên Hòa sẽ tiếp tục được phát huy. Với việc chính thức vận hành theo mô hình TCT với nguyên tắc Quản trị tập trung - Điều hành phân cấp - Kiểm soát độc lập đã giúp Công ty phát huy tốt nhất sức mạnh nội tại và sự cộng hưởng các điểm mạnh của các CTTV. Quản lý VNL tập trung giúp tối ưu công tác điều tiết mía nguyên liệu giữa các nhà máy, tiết giảm thời gian và chi phí vận chuyển, giữ được chữ Đường cao, nhờ đó tăng LN cho người trồng mía nhưng vẫn giảm được giá thành mía nguyên liệu. Niên độ 2017-2018, chi phí mía nguyên liệu tiết giảm 2% so với kế hoạch và giảm 12% so với cùng kỳ, đồng thời năng suất mía đầu tư tăng so với vụ trước gần 4 tấn/ha. Trong lĩnh vực sản xuất, các CTTV thường xuyên chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau cùng với định hướng từ TCT, giúp đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, an toàn, tăng hiệu suất thu hồi, nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết giảm giá thành sản xuất chung so với kế hoạch.



VỚI VIỆC CHÍNH THỨC VẬN HÀNH THEO MÔ HÌNH TCT VỚI NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ TẬP TRUNG - ĐIỀU HÀNH PHÂN CẤP - KIỂM SOÁT ĐỘC LẬP ĐÃ GIÚP CÔNG TY PHÁT HUY TỐT NHẤT SỨC MẠNH NỘI TẠI VÀ SỰ CỘNG HƯỞNG CÁC ĐIỂM MẠNH CỦA CÁC CTTV.

Điều thứ hai là liên tục sáng tạo và không ngừng đổi mới. Mặc dù danh mục sản phẩm của TTC Biên Hòa đã khá đa dạng so với những Doanh nghiệp cùng ngành tại Việt Nam nhưng đối với TTC Biên Hòa, chúng tôi không những muốn duy trì vị thế hiện tại mà hướng tới vươn tầm khu vực. Công ty vì vậy tiếp tục chú trọng vào đầu tư nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, giải pháp mới nhằm phục vụ tốt nhất cho khách hàng với mức giá hợp lý nhất, cạnh tranh nhất. Đối mới sản xuất nông nghiệp với quy trình canh tác cơ giới hóa liên hợp, áp dụng khoa học kỹ thuật trong phòng chống và trừ sâu bệnh, vừa tăng năng suất, hiệu quả sản xuất mía nguyên liệu vừa tránh gây hại cho môi trường. Công ty đầu tư phát triển Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng Mía Đường, phục tráng các nguồn gen quý, phát triển các giống mía năng suất, chữ Đường cao, đồng thời chịu hạn, chịu nước tốt, kháng sâu bệnh.

Để gia tăng hiệu quả từ phụ phẩm Mật rỉ, Công ty đang tiến hành việc nghiên cứu dự án khả thi xây dựng Nhà máy Sản xuất Ethanol từ mật rỉ công suất 100.000 lít/ngày. Ngoài ra, Nhà máy Phân vi sinh GĐ 2 đang gấp rút triển khai khi đưa vào vận hành vào Quý 4 năm 2018 với công suất gấp đôi GĐ 1 vào khoảng 70.000 tấn/năm, nhằm tối ưu hóa giá trị tro lò, bã bùn, các phụ phẩm của quá trình luyện Đường. Ngoài việc sử dụng cho các VNL của nông trường thuộc nhà máy TTCS, nông dân trồng mía có cánh đồng mẫu lớn, Công ty dự kiến sẽ phát triển và cung cấp ra các nông trường bên ngoài. Việc sử dụng phân hữu cơ cũng góp phần cải tạo đất, thân thiện với môi trường, giúp giảm giá thành canh tác và phát triển VNL một cách bền vững.

Không dừng ở đó, Công ty đã và đang đầu tư các dự án giảm tiêu thụ hơi, tăng hiệu suất phát nhiệt từ bã mía và sẽ nghiệm thu đưa vào sử dụng kể từ mùa vụ 2018-2019 bắt đầu vào khoảng tháng 11/2018 tại Nhà máy TTCS, và tiếp tục triển khai cho các nhà máy còn lại. Dự án đi vào hoạt động sẽ giúp nâng cao năng lực chế luyện của nhà máy, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng thiết bị. Công ty cũng tập trung đẩy mạnh cơ giới hóa ở các nông trường và trên VNL đầu tư thông qua các chính sách đầu tư khuyến khích sử dụng các dịch vụ cơ giới, hợp tác với thương hiệu John Deere, doanh nghiệp sản xuất thiết bị cơ giới hàng đầu thế giới, nhờ đó nhanh chóng áp dụng các công nghệ cơ giới mới nhất vào sản xuất nông nghiệp như cơ giới chính xác, tự động dẫn hướng, nâng cao hiệu suất lao động.

Với thế mạnh hiện có sau sáp nhập, trong Niên độ tiếp theo, chúng tôi cũng đã sẵn sàng cho việc Bắc tiến và phục vụ địa bàn miền Trung để đa dạng vùng địa lý sở hữu Đường của TTC Biên Hòa. Để tri ân sự ưu ái, tin dùng của khách hàng, vừa qua Công ty đã tổ chức chương trình khuyến mãi người tiêu dùng đầu tiên trong ngành Đường Việt Nam với tổng giải thưởng trị giá gần 3 tỷ đồng. Chương trình đã nhận được sự hưởng ứng tích cực từ các nhà phân phối và người tiêu dùng, góp phần đưa Đường sạch, an toàn cho sức khỏe đến mọi nhà.

Xin chân thành cảm ơn Ông!

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

40%

THỊ PHẦN

DẪN ĐẦU
NGÀNH ĐƯỜNG VIỆT NAM



572.300

TẤN ĐƯỜNG

TỔNG SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ
↑132% SO VỚI CÙNG KỲ



10.285

TỶ ĐỒNG

DOANH THU THUẦN
↑129% SO VỚI CÙNG KỲ



545

TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
VƯỢT KẾ HOẠCH NĂM



13

SẢN PHẨM ĐƯỜNG

47

TÊN THƯƠNG MẠI



4

SẢN PHẨM
CẠNH ĐƯỜNG-SAU ĐƯỜNG

MẬT RỈ, PHÂN VI SINH HỮU CƠ,
ĐIỆN THƯƠNG PHẨM,
NƯỚC ĐÓNG CHAI MIAQUA



88%

DOANH THU TỪ
SẢN PHẨM ĐƯỜNG



56%

DOANH THU ĐƯỜNG
TỪ KÊNH B2B

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

63

TỈNH THÀNH

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI
RỘNG KHẮP CẢ NƯỚC

6

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

(MỸ, TRUNG QUỐC, SINGAPORE,
SRI LANKA, MYANMAR, KENYA)

4

KÊNH KHÁCH HÀNG CHÍNH

(DOANH NGHIỆP B2B, THƯƠNG MẠI,
TIÊU DÙNG B2C, XUẤT KHẨU)

TIÊU DÙNG B2C

PHÁT TRIỂN MẠNH & RỘNG KHẮP

88

NHÀ PHÂN PHỐI

49.000

CỬA HÀNG BÁN LẺ

2.035

SIÊU THỊ & CỬA HÀNG TIỆN LỢI

VÙNG NGUYÊN LIỆU RỘNG LỚN VÀ HỆ THỐNG NHÀ MÁY HIỆN ĐẠI



58.600 HA

VÙNG NGUYÊN LIỆU
VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA



70 TẤN MÍA/HA

NĂNG SUẤT MÍA



~25%

DIỆN TÍCH
VÙNG NGUYÊN LIỆU CẢ NƯỚC



9

NHÀ MÁY LUYỆN ĐƯỜNG
TỪ ĐƯỜNG THÔ VÀ MÍA



10.200 HA

CƠ GIỚI HÓA 100%

37.500

TẤN MÍA/NGÀY

CÔNG SUẤT ÉP MÍA



4

TRUNG TÂM LUYỆN ĐƯỜNG THÔ LỚN

TTCS, BIÊN HÒA-NINH HÒA, BIÊN HÒA-TRỊ AN, BIÊN HÒA-ĐỒNG NAI
BIÊN HÒA-ĐỒNG NAI:
NHÀ MÁY DUY NHẤT LUYỆN QUANH NĂM



35

KHO THÀNH PHẨM

114.000 m²

TỔNG DIỆN TÍCH



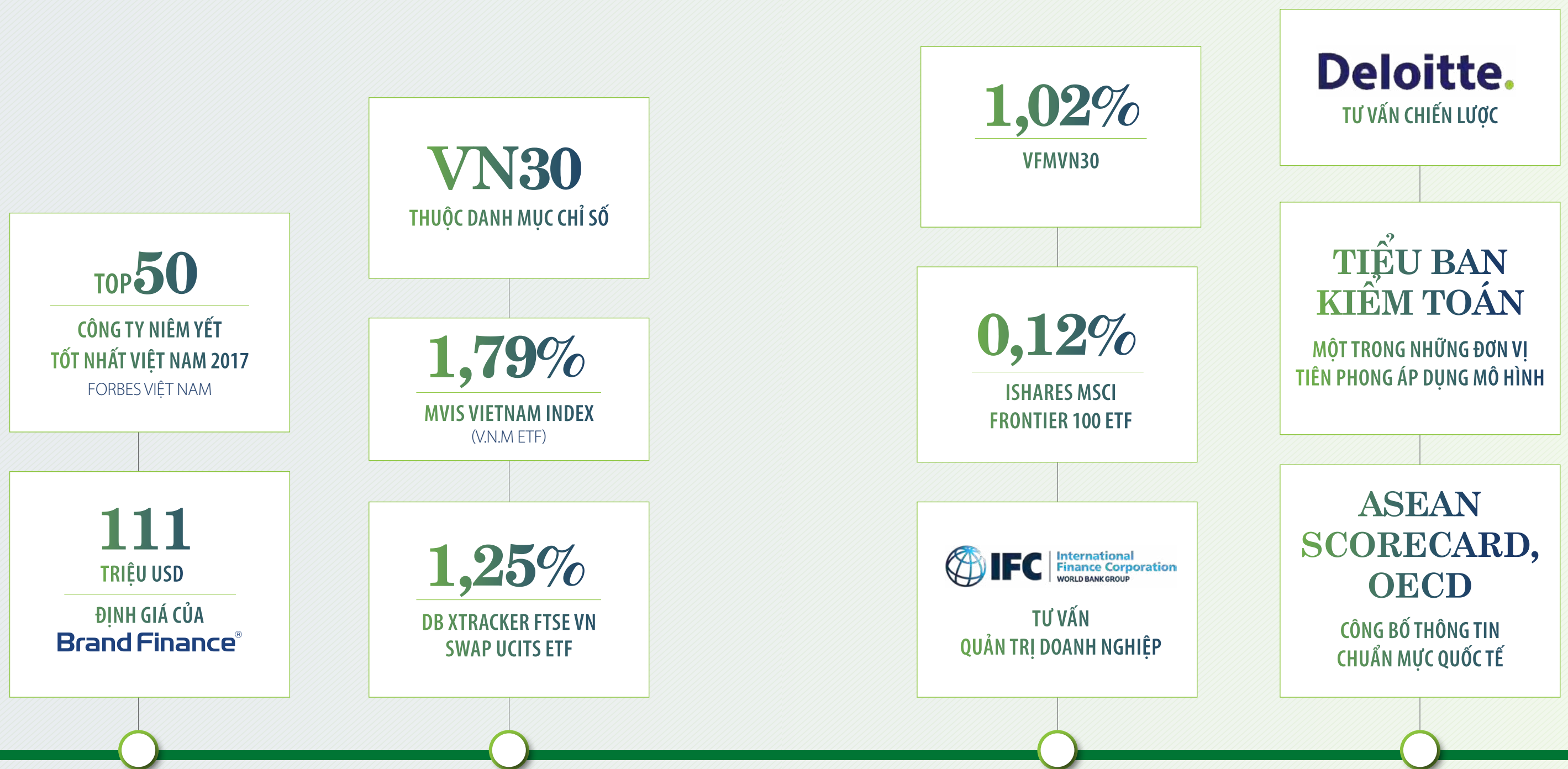
4

KHO NGUYÊN VẬT LIỆU

70.000 TẤN

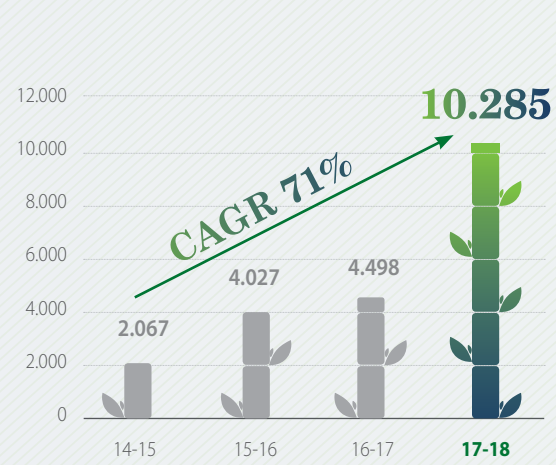
CÔNG SUẤT CHỨA NGUYÊN LIỆU THÔ

THƯƠNG HIỆU CỔ PHIẾU

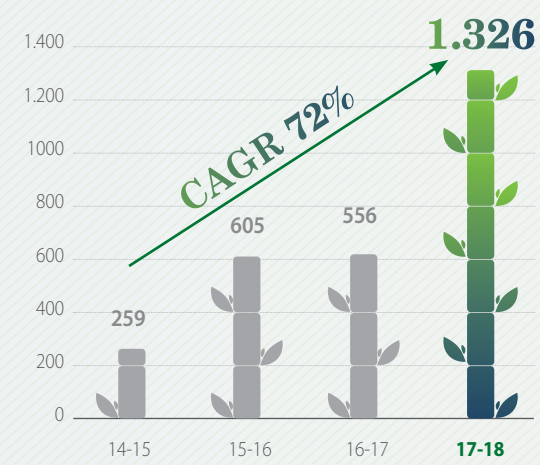


CHỈ SỐ TÀI CHÍNH TIÊU BIỂU

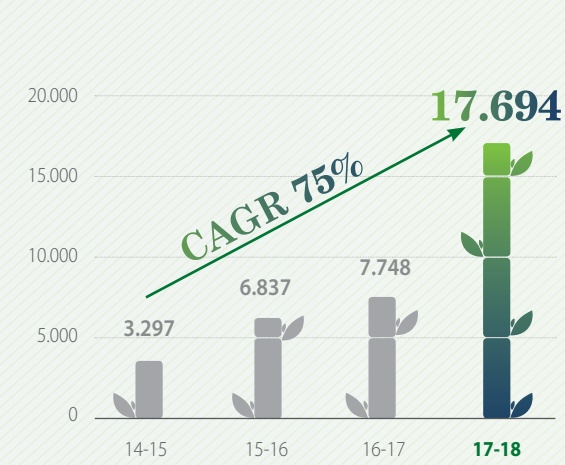
DOANH THU THUẦN (Tỷ đồng)



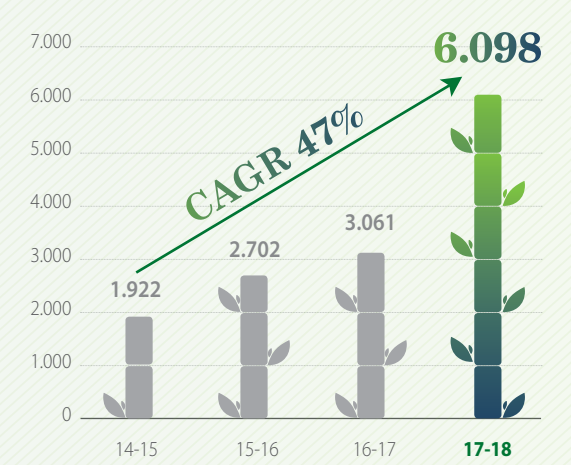
LỢI NHUẬN GỘP (Tỷ đồng)



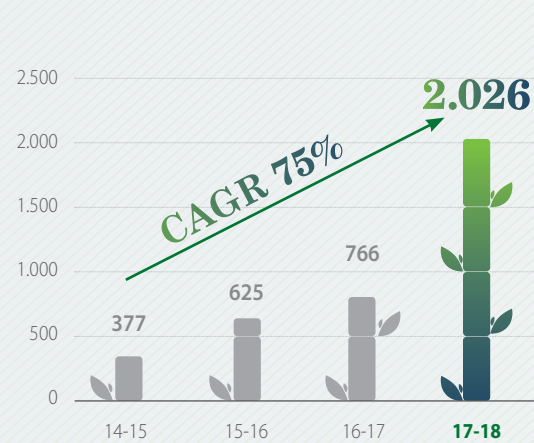
TỔNG TÀI SẢN (Tỷ đồng)



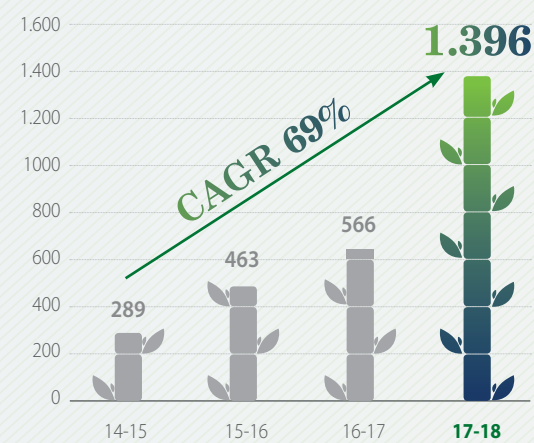
VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tỷ đồng)



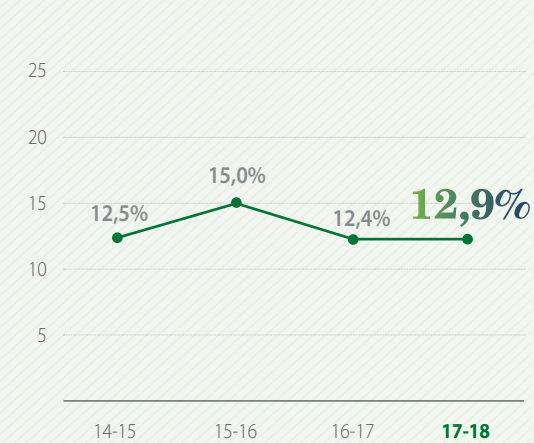
EBITDA (Tỷ đồng)



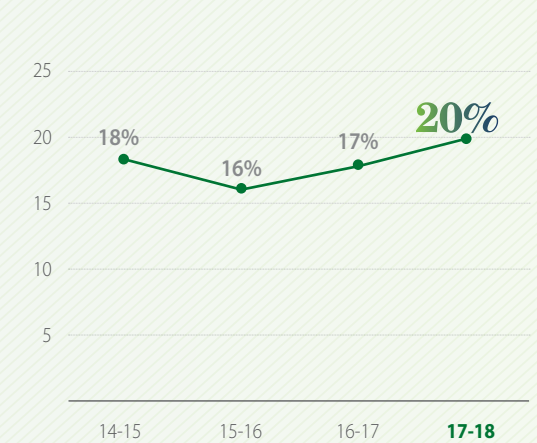
EBIT (Tỷ đồng)



BIẾN LỢI NHUẬN GỘP



BIẾN EBITDA



Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất Niên độ 2014-2015 đến 2017-2018

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	Tăng/Giảm cùng kỳ (%)	CAGR 2014-2018 (%)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
Tài sản ngắn hạn	1.891	4.216	4.415	9.813	122	73
Tiền và tài sản tương đương tiền	138	856	203	325	60	33
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7	46	112	614	448	344
Khoản phải thu ngắn hạn	961	1.931	2.068	4.715	128	70
Hàng tồn kho	749	1.333	1.958	3.972	103	74
Tài sản ngắn hạn khác	36	50	74	187	153	73
Tài sản dài hạn	1.405	2.620	3.333	7.881	136	78
Khoản phải thu dài hạn	49	194	247	544	120	123
Tài sản cố định	533	1.555	1.442	4.698	226	107
Bất động sản đầu tư	-	-	131	181	38	0
Tài sản dài hạn dở dang	171	125	79	134	70	-8
Đầu tư tài chính dài hạn	612	686	1.373	637	-54	1
Tài sản dài hạn khác	40	60	61	1.687	2.666	248
Tổng tài sản	3.296	6.836	7.748	17.694	128	75
Nợ phải trả	1.374	4.134	4.687	11.596	147	104
Nợ phải trả ngắn hạn	866	2.775	3.164	8.902	181	117
<i>Nợ vay ngắn hạn</i>	<i>668</i>	<i>2.520</i>	<i>2.850</i>	<i>7.703</i>	<i>170</i>	<i>126</i>
Nợ phải trả dài hạn	508	1.359	1.523	2.694	77	74
<i>Nợ vay dài hạn</i>	<i>508</i>	<i>1.359</i>	<i>1.501</i>	<i>2.582</i>	<i>72</i>	<i>72</i>
Vốn chủ sở hữu	1.922	2.702	3.061	6.098	99	47
Tổng nguồn vốn	3.296	6.836	7.748	17.694	128	75
BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH						
Doanh thu thuần	2.067	4.027	4.498	10.285	129	71
Giá vốn hàng bán	1.808	3.422	3.942	8.959	127	70
Lợi nhuận gộp	259	605	556	1.326	138	72
Lợi nhuận công ty liên kết	60	14	40	61	53	1
DT ròng từ hoạt động tài chính	15	-75	-58	-94	62	-284
Chi phí bán hàng và QLND	-134	-240	-237	-754	218	78
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	200	304	301	539	79	39
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	8	6	9	143	1.489	161
Lợi nhuận trước thuế	208	310	310	682	120	49
Lợi nhuận sau thuế	189	294	287	545	90	42
EBIT	289	463	566	1.396	147	69
EBITDA	377	625	766	2.026	164	75

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	ĐVT	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	Tăng/ Giảm cùng kỳ (%)
Chỉ số Thanh khoản						
Tỷ số thanh toán hiện hành	Lần	2,2	1,5	1,4	1,1	-21
Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	1,3	1,0	0,8	0,7	13
Chỉ số Cấu trúc vốn						
Nợ vay/TTS	Lần	0,36	0,57	0,56	0,58	4
Nợ vay/VCSH	Lần	0,61	1,44	1,42	1,69	19
Chỉ số Hoạt động						
Vòng quay khoản phải thu	Lần	7,5	7,4	6,5	9,6	48
<i>Ngày bình quân Vòng quay khoản phải thu</i>	<i>Ngày</i>	<i>49</i>	<i>49</i>	<i>56</i>	<i>38</i>	<i>-32</i>
Vòng quay khoản phải trả	Lần	25,5	62,2	53,1	45,4	-15
<i>Ngày bình quân Vòng quay khoản phải trả</i>	<i>Ngày</i>	<i>14</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>17</i>
Vòng quay HTK	Lần	2,7	3,3	2,4	3,0	25
<i>Ngày bình quân Vòng quay HTK</i>	<i>Ngày</i>	<i>135</i>	<i>111</i>	<i>152</i>	<i>122</i>	<i>-20</i>
Chỉ số Khả năng sinh lời						
Biên EBITDA	%	18,2	15,5	17,0	19,7	16
Biên EBIT	%	14,0	11,5	12,6	13,6	8
Biên Lợi nhuận gộp	%	12,5	15,0	12,4	12,9	4
Tỷ số LNST/VCSH bình quân (ROAE)	%	10,3	12,7	10,0	11,9	19
Biên Lợi nhuận ròng	%	9,1	7,3	6,4	5,3	-17
Tỷ số LNST/TTS bình quân (ROAA)	%	5,7	5,8	3,9	4,3	10

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất Niên độ 2014-2015 đến 2017-2018

THÁNG
7/2017

1.100 TỶ ĐỒNG
PHÁT HÀNH THÀNH CÔNG
GÓI TRÁI PHIẾU

Công ty phát hành thành công gói TP 1.100 tỷ đồng thông qua đơn vị tư vấn phát hành là Ngân hàng BIDV nhằm thực hiện dự án đầu tư cụm công nghiệp Mía Đường và VNL tại tỉnh Attapeu (Lào). Nguồn tiền huy động được dùng để mua phần vốn góp của Công ty TNHH Mía Đường TTC Attapeu, đánh dấu cho giai đoạn mở rộng đầu tư ra toàn Khu vực Đông Dương, đặc biệt là mảng sản phẩm Đường hữu cơ với giá trị cao.

Công ty tổ chức Hội nghị tổng kết thường niên Ngành Đường TTC nhằm đánh giá việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh, hoạt động sản xuất nông nghiệp, tình hình tài chính... của Niên độ 2016-2017. Hội nghị cũng đồng thời là một hoạt động góp phần củng cố mô hình tổ chức hậu M&A trong giai đoạn thực hiện sáp nhập.



Hội nghị tổng kết Niên độ 2016-2017

THÁNG
8/2017

**HỘI THẢO THƯỜNG NIÊN
MÍA ĐƯỜNG
QUỐC TẾ TTC
LẦN V**

Công ty tổ chức thành công “Hội thảo Thường niên Mía Đường Quốc tế TTC lần V” với chủ đề “Tái cơ cấu ngành Mía Đường Việt Nam” tại Phan Thiết (Bình Thuận) với thời lượng 2 ngày, 3 phiên họp liên quan Chính sách - Nông nghiệp - Kỹ thuật nhằm khẳng định vai trò tiên phong và sự ảnh hưởng của Công ty trong Ngành Mía Đường Việt Nam. Hội thảo quy tụ hơn 40 diễn giả và 400 đại biểu từ các quốc gia có thể mạnh về Ngành Mía Đường trên thế giới như Brazil, Úc, Thái Lan...



Hội thảo thường niên Mía Đường Quốc tế TTC lần 5 do TTC Biên Hòa tổ chức

THÁNG
9/2017

**HOÀN TẤT
SÁP NHẬP VỚI
ĐƯỜNG BIÊN HÒA**

40%
THỊ PHẦN NỘI ĐỊA

Đây là mốc thời gian lịch sử đánh dấu thời điểm hoàn tất sáp nhập với CTCP Đường Biên Hòa - một trong những thương vụ M&A tiêu biểu năm 2017 tại Việt Nam.

Sau sáp nhập, Tổng Công ty ngành Đường được thành lập với thị phần nội địa lên tới 40%, VDL đạt 5.570 tỷ đồng, tăng 120% so với đầu Niên độ.



Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai

THÁNG
10/2017

**HỘI THẢO
PHÒNG VỆ
THỰC PHẨM**

Công ty tổ chức “Hội thảo Phòng vệ Thực phẩm” tại Long An, tiếp nối chuỗi Hội thảo “Nâng cao nhận thức Phòng vệ Thực phẩm” tại các Tỉnh, Thành phố lớn của cả nước như TP.HCM, Tây Ninh, Biên Hòa, Bình Dương, Long An.

Đây là năm thứ 4 liên tiếp chương trình được tổ chức, thể hiện sự đồng hành sâu sát của Công ty đối với tất cả khách hàng.



Hội thảo Phòng vệ thực phẩm do TTC Biên Hòa tổ chức

THÁNG
11/2017

Nhằm hiện thực hóa chiến lược mở rộng thị phần của TTC Biên Hòa hậu sáp nhập, HĐQT quyết định triển khai đầu tư nâng công suất tại các Nhà máy trong Niên độ 2018-2019. Nhà máy TTCS và Biên Hòa-Ninh Hòa hướng đến 300.000 tấn/năm và 180.000 tấn/năm Đường luyện từ Đường thô.

Công ty thực hiện tăng VDL của Công ty TNHH Mía Đường TTC Attapeu từ 815 tỷ đồng lên 1.715 tỷ đồng, đánh dấu quyết tâm trong việc vươn ra thị trường khu vực Đông Dương.

Công ty tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên thông qua các Báo cáo trọng điểm của BLĐ, Tờ trình về hoạt động kinh doanh và định hướng phát triển cho Niên độ 2017-2018. Đặc biệt, Công ty thông qua việc thay đổi cơ cấu QTDN theo thông lệ tốt nhất trên thị trường, hướng đến chuẩn mực quốc tế khi chuyển đổi từ mô hình BKS sang TBKT trực thuộc HĐQT.



ĐHĐCĐ thường niên Niên độ 2016-2017

**NÂNG CÔNG SUẤT
NHÀ MÁY TTCS VÀ
BIÊN HÒA-NINH HÒA
TĂNG MẠNH
VDL CỦA TTC
ATTAPEU**

THÁNG
12/2017

Công ty công bố Nghị quyết HĐQT về việc thành lập Ban KTNB, với mục tiêu nhằm quản lý và kiểm soát rủi ro trọng yếu, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động SXKD, nâng cao công tác QTRR cũng như cải tiến hệ thống kiểm soát.



**THÀNH LẬP
BAN KTNB
NÂNG CAO CÔNG TÁC QTRR**

THÁNG
1/2018

**HỘI NGHỊ SƠ KẾT
6 THÁNG
ĐẦU NIÊN ĐỘ
QUYẾT TÂM ĐẠT
KẾ HOẠCH MỤC TIÊU**

Công ty tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu Niên độ để tổng kết chặng đường hoạt động 6 tháng đầu, kịp thời có những chấn chỉnh, rà soát và triển khai kế hoạch định hướng 6 tháng cuối Niên độ, đảm bảo đạt kế hoạch mục tiêu đã thông qua tại ĐHĐCĐ.

CTCK FPT5 ra khuyến nghị **Mua** với cổ phiếu SBT và mức giá mục tiêu là 30.000 đồng (cao hơn 23% so với giá thị trường tại thời điểm này) trên cơ sở Công ty đang có những chuyển biến lớn về năng lực sản xuất, nỗ lực hạ giá thành Đường thông qua nâng cao chất lượng mía và tăng hiệu quả sản xuất bằng cơ giới hóa cũng như không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.



Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu Niên độ 2017-2018

THÁNG
2/2018

**THÀNH LẬP
CHI NHÁNH CTCP
TTC - BIÊN HÒA
- NHÀ MÁY TTCS**

Công ty thành lập Chi nhánh CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa - Nhà máy TTCS, hỗ trợ chuyên môn hóa hoạt động của từng đơn vị, hỗ trợ Công ty tập trung hóa trong quá trình điều hành và hoạch định chiến lược, nâng cao năng lực cạnh tranh



Chi nhánh CTCP TTC Biên Hòa - Nhà máy TTCS

THÁNG
3/2018

**TIẾP TỤC
CHIẾN LƯỢC**

M&A

**HỘI THẢO
“QUẢN TRỊ
CÔNG TY”
PHỐI HỢP VỚI IFC**



TTC Biên Hòa tổ chức hội thảo QTCT phối hợp với IFC, đơn vị tư vấn hoạt động QTCT theo tiêu chuẩn quốc tế

Tiếp tục chiến lược M&A, tăng cường quy mô hoạt động, mở rộng mạng lưới khách hàng và nâng cao thị phần, HĐQT đã công bố NQ về việc mua lại toàn bộ vốn góp của Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai và CTCP Lộc Thổ tại Công ty TNHH MTV Hải Vi.

Công ty phối hợp với IFC thuộc Ngân hàng Thế giới, đơn vị thực hiện tư vấn QTDN tổ chức Hội thảo “Quản trị Công ty” với sự tham gia của các diễn giả là Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu và Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM), Chuyên gia QTDN và Chuyên gia Cao cấp về Môi trường và Xã hội của IFC, Phó TGD PwC Việt Nam. Hội thảo thể hiện quyết tâm của Công ty trong nỗ lực hoàn thiện mô hình QTDN định hướng PTBV.

Công ty tổ chức Hội nghị “Gặp gỡ Chuyên gia phân tích” từ các CTCK và Quỹ đầu tư nhằm cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời ra thị trường cho các Đối tác đầu tư với mục đích nâng cao hình ảnh của Công ty trên thị trường tài chính.

THÁNG
4/2018

450 TỶ ĐỒNG

**PHÁT HÀNH THÀNH CÔNG
GÓI TRÁI PHIẾU**

8.200 TỶ ĐỒNG

**DOANH THU THUẦN
HỢP NHẤT QUÝ 3
NIÊN ĐỘ 2017-2018**

**↗ 154% SO VỚI CÙNG KỲ
HOÀN THÀNH 83% KẾ HOẠCH**

**THAM GIA
C-SUITE
VIETNAM
INVESTOR
FORUM 2018**

**DO SSI VÀ CITI GROUP
TỔ CHỨC**

Công ty tổ chức Hội thảo “Hiện thực hóa giấc mơ làm chủ” với đối tượng là các cán bộ nông vụ, nhân viên của khối nông nghiệp của các CTTV với mục tiêu triển khai giải pháp giao khoán đất nông trường, hỗ trợ gia tăng tốc độ tăng trưởng. Kế hoạch đang được triển khai áp dụng tại Khu vực Tây Ninh và theo dõi để nhân rộng ra Khu vực Miền Trung.

Công ty phát hành thành công gói TP với tổng giá trị đạt 450 tỷ đồng cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải (Maritime Bank) nhằm mục đích tăng quy mô vốn hoạt động và bổ sung vốn lưu động để mở rộng hoạt động SXKD. Sau khi TP được phát hành, chỉ tiêu về Cơ cấu vốn vẫn được duy trì ở vùng an toàn, trong khung kiểm soát rủi ro tài chính và đáp ứng yêu cầu các chỉ số của ngân hàng thương mại.

Công ty công bố BCTC và Diễn giải BCTC Quý 3 Niên độ 2017-2018 với DTT hợp nhất 9 tháng tăng trưởng 154% so với cùng kỳ đạt gần 8.200 tỷ đồng, hoàn thành 83% kế hoạch năm, đóng góp bởi sản lượng tiêu thụ lũy kế đạt xấp xỉ 438.000 tấn. LNG và LNST lũy kế đạt 966 tỷ đồng và 397 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 127% và 54% so với cùng kỳ, là hiệu quả của việc sáp nhập với BHS trong thời gian vừa qua.

Công ty tham gia C-SUITE Vietnam Investor Forum 2018 do SSI và Citi Group phối hợp tổ chức, diễn ra tại TPHCM. Sự kiện nhằm mục đích kết nối các doanh nghiệp đầu ngành với các Nhà đầu tư nước ngoài trong khu vực Châu Á, những Quỹ đầu tư VIP của Citi Group.



Gặp gỡ NĐT trong chương trình C-SUITE Vietnam Investor Forum 2018 do SSI và Citi Group phối hợp tổ chức

THÁNG
5/2018

1.614 TỶ ĐỒNG

**TỔNG TIỀN HUY ĐỘNG
TRÁI PHIẾU NIÊN ĐỘ 2017-2018**

61,6 TRIỆU CỔ PHIẾU QUỸ

HOÀN TẤT MUA CỔ PHIẾU QUỸ

↗100%
NÂNG SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI

Công ty tiếp tục phát hành thành công gói TP cuối cùng của Niên độ 2017-2018 với giá trị 100 tỷ đồng cho Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, đảm bảo quá trình hoạt động SXKD. Như vậy, tổng số tiền thu được từ huy động TP trong Niên độ 2017-2018 đạt 1.614 tỷ đồng, tương đương 72 triệu USD.

Công ty ban hành NQ của HĐQT về việc thành lập TBKT trực thuộc HĐQT, trở thành một trong những công ty niêm yết tại Việt Nam tiên phong áp dụng các mô hình QTDN tiên tiến, phục vụ định hướng PTBV. Bộ máy giúp việc cho TBKT là Ban KTNB được thành lập vào tháng 12/2017.

Khởi động dự án “Strategy Review” với sự tư vấn của Deloitte Đông Nam Á nhằm tái cơ cấu mô hình hoạt động, gia tăng sức cạnh tranh và tốc độ tăng trưởng trong tương lai.



Nhà máy Phân vi sinh thuộc chương trình Nghiên cứu và Phát triển của TTC Biên Hòa

UBCKNN chấp thuận nâng giới hạn SHNN của Công ty lên 100% từ mức 49%. Đây là bước đi cần thiết trong lộ trình phát triển của Công ty trong chiến lược tiếp cận thị trường vốn quốc tế. Việc nâng tỷ lệ SHNN phù hợp với lộ trình phát triển của TTCK Việt Nam, góp phần cùng các tổ chức niêm yết khác trong nỗ lực nâng hạng thị trường từ Cận biên sang Mới nổi hạng hai trong những năm tiếp theo.

Công ty chủ động thực hiện khóa tập huấn về CBTT theo chuẩn mực quốc tế cao hơn - ASEAN Scorecard để đảm bảo nhu cầu thông tin chính xác, minh bạch và kịp thời cho CĐ, NĐT, cao hơn yêu cầu của Thông tư 155 và những văn bản Pháp luật Việt Nam liên quan khác.

CTCK SSI phát hành Báo cáo Phân tích nhanh cập nhật tình hình kinh doanh 9 tháng đầu Niên độ 2017-2018 của TTC Biên Hòa nhằm đánh giá hoạt động SXKD sau GD sáp nhập với kỳ vọng Công ty sẽ hoàn thành tốt mục tiêu đặt ra; đánh dấu thêm một CTCK hàng đầu Việt Nam chuyển tải thông tin của SBT đến với cộng đồng NĐT trên thị trường tài chính trong và ngoài nước.

CTCK Mirae Asset đưa ra khuyến nghị **Mua** cho cổ phiếu SBT với mức giá mục tiêu 24.000 đồng (cao hơn 33% so với giá thị trường tại thời điểm này), trong đó nhấn mạnh các yếu tố liên quan đến hoạt động kinh doanh cốt lõi như thị phần vượt trội, VNL lớn cũng như các yếu tố cộng hưởng tích cực có được từ việc sáp nhập BHS như cắt giảm chi phí vận chuyển, tận dụng tối ưu hệ thống kho bãi...

Công ty hoàn tất mua 61,6 triệu CPQ nhằm bảo vệ quyền lợi cho NĐT và CĐ, hạn chế rủi ro pha loãng cho CĐ hiện hữu, hỗ trợ gia tăng giá trị của CĐ trong tương lai. Việc mua lại CPQ của Công ty được đánh giá là có quy mô trên TTCK từ trước đến nay với giá trị CPQ đạt trên 11% VDL.

THÁNG
6/2018

**PHÁT HÀNH BẢN TIN
NHÀ ĐẦU TƯ
GẶP GỠ CỔ ĐÔNG VIP
NHÀ ĐẦU TƯ
TIỀM NĂNG
VÀ CHUYÊN GIA
PHÂN TÍCH**

**NHIỀU TỔ CHỨC
UY TÍN TRONG NƯỚC
VÀ QUỐC TẾ
KHUYẾN NGHỊ
MUA ĐỐI VỚI
CỔ PHIẾU SBT**

Công ty tiếp tục tổ chức Hội thảo “Quản trị Công ty” lần 2 với sự tư vấn của IFC và các diễn giả tham gia diễn thuyết là các Chuyên gia cao cấp quốc tế về QTDN; đặc biệt, là đại diện duy nhất của Việt Nam trong Dự án Thẻ điểm QTCT Khu vực ASEAN - một sáng kiến QTCT của các nước trong khu vực ASEAN nhằm thực thi kế hoạch hành động của Diễn đàn Thị trường vốn các nước ASEAN (ACMF).

CTCK HSC đưa ra khuyến nghị **Nắm giữ** đối với cổ phiếu SBT với mức giá mục tiêu gần 17.500 đồng (cao hơn 20% so với giá thị trường tại thời điểm này). Khuyến nghị dựa trên những đánh giá khả quan về triển vọng của Công ty với lợi thế cạnh tranh nhờ lợi thế chi phí thấp cũng như khả năng giữ vững thị phần ngay cả khi ATIGA có hiệu lực; trong khi các doanh nghiệp Mía Đường khác có thể sẽ gặp nhiều khó khăn trong quá trình hội nhập này.

Morningstar, Inc., Công ty Nghiên cứu Đầu tư nổi tiếng chuyên cung cấp dữ liệu thị trường và phân tích phát hành báo cáo đánh giá giá trị thực của cổ phiếu SBT ở mức 21.700 đồng với xu hướng tiếp tục tăng trong dài hạn. Báo cáo cũng đánh giá SBT đang bị định giá thấp hơn nhiều so với giá trị nội tại của Công ty.

Công ty lần đầu tiên phát hành Bản tin NĐT Quý 4 Niên độ 2017-2018 gồm hai phiên bản Anh - Việt, nhằm củng cố và cải tiến các kênh cung cấp thông tin thường xuyên và liên tục cho CĐ, NĐT trong và ngoài nước; đáp ứng tiêu chuẩn cao hơn về minh bạch thông tin trên TTCK Việt Nam.

Công ty và Đơn vị tư vấn SSI phối hợp tổ chức Hội thảo “Gặp gỡ Cổ đông VIP, Nhà đầu tư tiềm năng và Chuyên gia phân tích” đầu tiên trong chuỗi hoạt động QHNĐT năm 2018 chủ đề “Đồng hành cùng SBT, chia sẻ cơ hội, gia tăng giá trị - The sweet outcome”. Tại Hội thảo, Chủ tịch HĐQT đã chia sẻ những điểm sáng trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là tác động cộng hưởng từ sau thương vụ M&A với BHS; cập nhật vĩ mô ngành Đường và những chính sách mới có tác động thuận lợi cho Công ty trong thời gian tới; chiến lược PTBV và tiềm năng cũng như cơ hội khi đầu tư vào cổ phiếu SBT.



Hội thảo “Gặp gỡ CĐ VIP, NĐT tiềm năng và Chuyên gia phân tích” trong chuỗi hoạt động QH NĐT 2018

SẢN PHẨM CHÍNH

13
SẢN PHẨM ĐƯỜNG

47
TÊN THƯƠNG MẠI



01 ORGANIC

Hình thức đóng gói: 50 kg, 0,5 kg

Tên thương mại

- Tsu Organic
- Tsu Organic Dark Brown
- Tsu Special

Đặc tính kỹ thuật : - Pol (OZ) ≥ 82

Ưu điểm sản phẩm:

- Sản phẩm Đường hữu cơ
- Cao cấp theo tiêu chuẩn nghiêm ngặt của Mỹ và Châu Âu

Khách hàng mục tiêu:

- Phục vụ nhóm ngành hàng Organic và tiêu dùng trực tiếp



02 ĐƯỜNG RE THƯỢNG HẠNG

Hình thức đóng gói: 50 kg, 25 kg, 1 kg, 0,5 kg

Tên thương mại

- MIMOSA Super Refined Sugar
- Tsu Extra Premium
- Biên Hòa Pure Super Refined Sugar

Đặc tính kỹ thuật :

- Pol (OZ) $\geq 99,9$
- Ẩm (% w/w) $\leq 0,04$
- Màu (Icumsa) = 8
- Tro (% w/w) $\leq 0,01$
- Đường khử (% w/w) $\leq 0,03$
- SO_2 (mg/ kg) ≤ 2

Ưu điểm sản phẩm:

- Độ tinh khiết cao
- Chất lượng tốt nhất trên thị trường

Khách hàng mục tiêu:

- Đáp ứng các yêu cầu khắt khe nhất của Khách hàng Công nghiệp MNC như Dược phẩm



03 ĐƯỜNG RE ĐẶC BIỆT

Hình thức đóng gói: 50 kg, 1 kg, 0,5 kg, Đường que

Tên thương mại

- MIMOSA Special Refined Sugar
- Biên Hòa Pure
- Biên Hòa JOY
- Biên Hòa Stickssu
- Biên Hòa Pure Special Refined Sugar

Đặc tính kỹ thuật :

- Pol (OZ) $\geq 99,8$
- Ẩm (% w/w) $\leq 0,04$
- Màu (Icumsa) = 15
- Tro (% w/w) $\leq 0,03$
- Đường khử (% w/w) $\leq 0,03$
- SO_2 (mg/ kg) ≤ 2

Ưu điểm sản phẩm:

- Chất lượng cao
- Đáp ứng các nhu cầu chất lượng, màu sắc đối với các khách hàng có yêu cầu đặc biệt

Khách hàng mục tiêu:

- Khách hàng Công nghiệp MNC cao cấp: Dược phẩm, NGK
- Yêu cầu cao về đặc tính kỹ thuật đạt tiêu chuẩn quốc tế
- Đường không bị kết tủa sau khi đóng chai của các sản phẩm NGK



04 ĐƯỜNG RE CAO CẤP

Hình thức đóng gói: 50 kg, 1 kg, 0,5 kg, Đường que

Tên thương mại

- MIMOSA Premium Refined Sugar
- Biên Hòa Pure Premium
- TSU Premium
- Biên Hòa Stickssu
- TSU Harmuni
- Biên Hòa JOY
- Biên Hòa Pure

Đặc tính kỹ thuật :

- Pol (OZ) $\geq 99,8$
- Ẩm (% w/w) $\leq 0,04$
- Màu (Icumsa) = 25
- Tro (% w/w) $\leq 0,02$
- Đường khử (% w/w) $\leq 0,03$
- SO_2 (mg/ kg) ≤ 2

Ưu điểm sản phẩm:

- Đường tinh luyện được ứng dụng khá rộng rãi trong các ngành công nghiệp và tiêu dùng
- Đáp ứng được các yêu cầu khá phổ biến của thị trường

Khách hàng mục tiêu:

- Phù hợp với các tiêu chuẩn sản xuất cao của hầu hết khách hàng sản xuất trong các ngành hàng: Thực phẩm, NGK, Bánh kẹo, Sữa kem, Thủy hải sản
- Tiêu dùng trực tiếp (Gia đình, Quán cà phê...)



05 ĐƯỜNG RE TIÊU CHUẨN

Hình thức đóng gói: 50 kg, 1 kg, 0,5 kg

Tên thương mại

- MIMOSA Standard Refined Sugar
- Biên Hòa Pure
- Biên Hòa Pure Standard

Đặc tính kỹ thuật :

- Pol (OZ) $\geq 99,8$
- Ẩm (% w/w) $\leq 0,04$
- Màu (Icumsa) = 60
- Tro (% w/w) $\leq 0,03$
- Đường khử (% w/w) $\leq 0,05$
- SO_2 (mg/ kg) ≤ 2

Ưu điểm sản phẩm:

- Đường tinh luyện có tiêu chuẩn trung bình của dòng RE với hàm lượng SO_2

Khách hàng mục tiêu:

- Sản xuất hầu hết các loại sản phẩm thực phẩm đồ uống, sữa đặc, sữa nước, thủy hải sản...
- Tiêu dùng trực tiếp (Gia đình, Quán cà phê...)

SẢN PHẨM CHÍNH

13
SẢN PHẨM ĐƯỜNG

47
TÊN THƯƠNG MẠI



06 ĐƯỜNG RE HẠT NHUỖN

Hình thức đóng gói: 50 kg

Tên thương mại

- MIMOSA Caster Refined Sugar
- Biên Hòa Pure Caster

Đặc tính kỹ thuật :

- Pol (OZ) ≥ 99,8
- Ẩm (% w/w) ≤ 0,05
- Màu (Icumsa) = 30
- Tro (% w/w) ≤ 0,035
- Đường khử (% w/w) ≤ 0,035
- SO₂(mg/ kg) ≤ 2

Ưu điểm sản phẩm:

- Loại đường có kích cỡ đặc biệt đáp ứng nhu cầu về kích cỡ, chất lượng, mùi vị cho những phân khúc khách hàng riêng biệt

Khách hàng mục tiêu:

- Chủ yếu phục vụ nhóm ngành hàng trộn trực tiếp vào sản phẩm: Sữa bột, cà phê hòa tan, trà, trang trí bánh kẹo...



07 ĐƯỜNG RS CAO CẤP

Hình thức đóng gói: 50 kg, 1 kg, 0,5 kg

Tên thương mại

- MIMOSA Premium White Sugar
- Biên Hòa Premium White Sugar
- Biên Hòa Daily
- Biên Hòa Domin
- Tsu Family

Đặc tính kỹ thuật :

- Pol (OZ) ≥ 99,7
- Ẩm (% w/w) ≤ 0,05
- Màu (Icumsa) = 80 IU
- Tro (% w/w) ≤ 0,05
- Đường khử (% w/w) ≤ 0,1
- SO₂(mg/ kg) ≤ 10

Ưu điểm sản phẩm:

- Tiêu chuẩn cao cấp
- Sản phẩm RS có chất lượng tốt nhất thị trường

Khách hàng mục tiêu:

- Công nghiệp MNC, Tiêu dùng trực tiếp B2C
- Bánh kẹo, thực phẩm, sữa, NGK đục màu....



08 ĐƯỜNG RS TIÊU CHUẨN

Hình thức đóng gói: 50 kg, 1 kg, 0,5 kg

Tên thương mại

- Gia Lai Standard White Sugar
- Ninh Hòa Standard White Sugar
- Nước Trong Standard White Sugar
- Phan Rang Standard White Sugar
- SEC Standard White Sugar
- Biên Hòa Saving

Đặc tính kỹ thuật :

- Pol (OZ) ≥ 99,7
- Ẩm (% w/w) ≤ 0,05
- Màu (Icumsa) = 120
- Tro (% w/w) ≤ 0,05
- Đường khử (% w/w) ≤ 0,1
- SO₂(mg/ kg) ≤ 10

Ưu điểm sản phẩm:

- Sản phẩm RS theo tiêu chuẩn trung bình của thị trường

Khách hàng mục tiêu:

- Công nghiệp MNC, Tiêu dùng trực tiếp B2C
- Bánh kẹo, thực phẩm, sữa, NGK đục màu....



09 ĐƯỜNG CHỨC NĂNG VÀ ĐƯỜNG ĂN KIỀNG

Hình thức đóng gói: 1 kg, 0,5 kg, Dạng gói

Tên thương mại:

- Biên Hòa Pro Baking
- Biên Hòa Pure Value
- Biên Hòa Light
- Biên Hòa Mineral Sugar

Đặc tính kỹ thuật :

- Pol (OZ) ≥ 99,5
- Bổ sung thêm khoáng chất, vitamin, vi lượng

Ưu điểm sản phẩm:

- Đường tinh luyện chất lượng cao
- Bổ sung thêm các vitamin, khoáng chất, vi lượng

Khách hàng mục tiêu:

- Đáp ứng nhu cầu chuyên biệt của khách hàng: Ăn kiêng, làm bánh, bổ sung vi lượng...



10 ĐƯỜNG LỎNG

Hình thức đóng gói: Chai PET 300 ml, 750 ml, 5 l

Tên thương mại

- Biên Hòa Syrup
- Biên Hòa Flavor Syrup

Đặc tính kỹ thuật :

- Đường tổng ≥ 65%
- SO₂ (mg/kg) ≤ 10
- Màu (Icumsa)= 15

Ưu điểm sản phẩm:

- Với thành phần tự nhiên và nhiều sự lựa chọn về hương vị
- Mang lại vị ngọt tự nhiên

Khách hàng mục tiêu:

- Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trực tiếp
- Chế biến các món đồ uống cũng như món ăn hàng ngày

SẢN PHẨM CHÍNH

13
SẢN PHẨM ĐƯỜNG

47
TÊN THƯƠNG MẠI



11 ĐƯỜNG PHÈN

Hình thức đóng gói: 50 kg, 0,5 kg

Tên thương mại:

- Biên Hòa Pure Rock Sugar
- Biên Hòa Pro
- Mimosa Diamond

Đặc tính kỹ thuật:

- Pol (0Z) $\geq 99,5$
- Ẩm (% w/w) $\leq 0,2$
- Đường khử (% w/w) $\leq 0,15$
- SO_2 (mg/ kg) ≤ 7

Ưu điểm sản phẩm:

- Đường có kích cỡ to
- Đáp ứng thị hiếu tiêu dùng của khách hàng

Khách hàng mục tiêu:

- Phục vụ ngành hàng tiêu dùng
- Sử dụng chế biến các sản phẩm nước thanh nhiệt, tổ yến chưng, hầm thuốc bắc, nấu chè, món ăn dân gian...



12 ĐƯỜNG THỎI

Hình thức đóng gói: 226 g

Đặc tính kỹ thuật:

- Pol (0Z) ≥ 75
- Hình nón cực

Ưu điểm sản phẩm:

- Loại Đường không trải qua quá trình kết tinh mà cô đặc trực tiếp từ mật mía

Khách hàng mục tiêu:

- Phục vụ yêu cầu tiêu dùng của khách hàng
- Nhu cầu xuất khẩu



13 ĐƯỜNG VÀNG

Hình thức đóng gói: 50kg, 1 kg, 0,5 kg

Tên thương mại:

- Mimosa Natural Gold Sugar
- TSU Natural Gold Sugar
- Biên Hòa Natural Gold Sugar
- Light Soft Brown Biên Hòa Gold
- Dark Soft Brown Biên Hòa Gold
- Natural Caster Biên Hòa Gold
- Biên Hòa Gold JOY
- Biên Hòa Joy OEM

Đặc tính kỹ thuật:

- Pol (0Z) $\geq 98,5$
- Ẩm (% w/w) $\leq 0,1$
- SO_2 (mg/ kg) ≤ 10
- Màu (Icumsa) = 1000

Ưu điểm sản phẩm:

- Sản phẩm đáp ứng thị hiếu của khách hàng
- Giữ nguyên chất lượng và hương vị tự nhiên của cây mía

Khách hàng mục tiêu:

- Phục vụ Tiêu dùng B2C và Công nghiệp MNC
- Tạo độ màu và hương vị tự nhiên cho sản phẩm, thức ăn cho ong



Sản phẩm Đường hữu cơ cao cấp trong chuỗi sản phẩm đa dạng của TTC Biên Hòa

4 SẢN PHẨM CẠNH ĐƯỜNG-SAU ĐƯỜNG

SƠ VỚI CÁC ĐƠN VỊ KHÁC TRONG NGÀNH MÍA ĐƯỜNG VIỆT NAM, TTC BIÊN HÒA LÀ ĐƠN VỊ DẪN ĐẦU VỀ VIỆC PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM CẠNH ĐƯỜNG VÀ SAU ĐƯỜNG BAO GỒM: MẬT RỈ, PHÂN VI SINH HỮU CƠ, ĐIỆN THƯƠNG PHẨM, NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI MIAQUA.



01 MẬT RỈ

Sản lượng mật rỉ hàng năm khoảng 185 ngàn tấn.

Chủ yếu phục vụ cho xuất khẩu và cung cấp cho các khách hàng công nghiệp trong nước.

Bên cạnh đó, để gia tăng hiệu quả từ phụ phẩm mật rỉ; TTC Biên Hòa cũng đang tiến hành việc nghiên cứu dự án khả thi xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol từ mật rỉ công suất 100.000 lít/ngày. Dự án sẽ triển khai tại thời điểm thuận lợi trong tương lai.



02 PHÂN VI SINH HỮU CƠ

Được sản xuất từ nguồn nguyên liệu chính là bã bùn và tro lò hơi trong quá trình xuất Đường của Nhà máy.

Đang GD triển khai xây dựng Nhà máy Phân vi sinh công suất 34.000 tấn/năm GD 1 và nâng lên gấp đôi ở GD 2 với sản lượng 70.000 tấn/năm.

Nhà máy dự kiến đưa vào hoạt động vào tháng 10/2018.

Sản phẩm sản xuất ở dạng bột và dạng hạt theo nhu cầu sản xuất Phân hữu cơ vi sinh phục vụ cho vùng mía nguyên liệu của các nông trường thuộc Nhà máy TTCS và các nông dân trồng mía có cánh đồng mẫu lớn.

Phân hữu cơ vi sinh còn cung cấp cho các cây trồng khác làm tăng giá trị của phân hữu cơ vi sinh.



03 ĐIỆN THƯƠNG PHẨM

Hiện nay, 4 Nhà máy có TTND có khả năng bán điện lên lưới điện quốc gia từ nguồn nhiên liệu sinh khối bã mía là Biên Hòa-Ninh Hòa, TTC Attapeu, TTCS và TTCS Gia Lai.

Tổng công suất lắp đặt của các TTND đạt 132 MW, trong đó tại Nhà máy Biên Hòa-Ninh Hòa là 30 MW, Nhà máy TTC Attapeu là 30 MW, Nhà máy TTCS Gia Lai là 35 MW và Nhà máy TTCS là 37 MW.

Lượng điện bán lên lưới hàng năm có thể đạt 170 triệu KWh.

Các TTND tại Nhà máy Biên Hòa-Ninh Hòa:

- » Được đầu tư công nghệ hiện đại nhất, tự động hoàn toàn và đồng bộ.
- » Các lò hơi sử dụng lò hơi cao áp, áp suất lên đến 100bar
- » Turbine phát điện có suất tiêu hao hơi thấp ở mức 5-5,5kg hơi/KWh, thấp hơn rất nhiều so với trước đây ở mức 8-9 kg hơi/KWh.



04 NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI MIAQUA

Sản phẩm hoàn toàn mới được nghiên cứu và phát triển bởi đội ngũ kỹ thuật của Công ty.

Sản phẩm đã và đang được sản xuất với công suất hiện tại đạt 400.000 thùng/năm, đang dần thâm nhập vào thị trường nội địa.



Đồng Hành - Tận Tụy

TRÊN NHỮNG CÁNH ĐỒNG MÍA

TTC Biên Hòa là người bạn đồng hành, tận tụy hỗ trợ các nông trường mía từ giống cho tới kỹ thuật canh tác, ứng dụng công nghệ tưới tiêu bằng hệ thống dàn tưới pivot tự động, cơ giới hóa nông nghiệp, hỗ trợ sau thu hoạch... nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu sạch, an toàn và chất lượng cao.

02

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quy chế Quản trị Công ty theo thông lệ quốc tế	48
Bộ Quy chế ứng xử	53
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	54
Báo cáo Hội đồng Quản trị và Hoạt động Quản trị Công ty	58
Định hướng chiến lược của Hội đồng Quản trị	76
Báo cáo Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	78
Báo cáo Tiểu ban Kiểm toán	80
Báo cáo các Tiểu ban khác trực thuộc Hội đồng Quản trị	82
Tuân thủ Pháp luật	83
Hoạt động Thị trường vốn và Quan hệ Nhà đầu tư	87
Phân tích Quản trị Công ty theo Thẻ điểm	98
Quản trị Công ty Khu vực ASEAN	

HOẠT ĐỘNG QTCT CỦA TTC BIÊN HÒA HIỆN NAY ĐANG ĐƯỢC XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI TRÊN CƠ SỞ CỦA MÔ HÌNH CHIẾN LƯỢC PTBV ESG, HỖ TRỢ CÔNG TY TRONG VIỆC ĐÁNH GIÁ VÀ CÂN BẰNG LẠI MỨC ĐỘ HOÀN THIỆN CỦA NHỮNG YẾU TỐ VÔ HÌNH NHƯ GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU, UY TÍN, KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN, ĐỘ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG, SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG, SỰ ĐỒNG THUẬN CỦA XÃ HỘI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP, GẮN KẾT NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CUỐI CÙNG LÀ CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ.

Trong chương trình nghị sự những năm trở lại đây của các tổ chức trong nước và quốc tế cũng như Bộ Ngành, ảnh hưởng và tác động của QTCT tốt đối với các vấn đề Môi trường, Xã hội, Quản trị (ESG) ngày càng được quan tâm. Nguyên tắc đầu tư bền vững của Liên Hợp Quốc cho rằng khách hàng của các nhà quản lý tài sản đang thực sự bắt đầu chú ý hơn tới các vấn đề ESG, vì hiệu quả thực hiện ESG có thể được coi là một phần thiết yếu đối với chất lượng quản lý. Những công ty thể hiện được năng lực trong việc quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến ESG thường được NĐT đánh giá là có khả năng hoạt động tốt hơn trong dài hạn. Hoạt động QTCT của TTC Biên Hòa hiện nay cũng đang được xây dựng và triển khai trên cơ sở của mô hình chiến lược PTBV ESG, hỗ trợ Công ty trong việc đánh giá và cân bằng lại mức độ hoàn thiện của những yếu tố vô hình như giá trị thương hiệu, uy tín, kế hoạch nghiên cứu và phát triển, độ hài lòng của khách hàng, sức khỏe và an toàn, hiệu quả hoạt động về môi trường, sự đồng thuận của xã hội đối với hoạt động doanh nghiệp, gắn kết người lao động và cuối cùng là chất lượng QT.

Theo Ocean Tomo năm 2017, trong vòng 40 năm qua, tỷ lệ đóng góp của TS vô hình vào giá trị thị trường của các doanh nghiệp trong Chỉ số S&P 500 ngày càng thể hiện tầm quan trọng khi từ 83% Tài sản hữu hình của năm 1975 chỉ còn 16% cho năm 2015. Tính cạnh tranh về vốn ngày càng tăng, các NĐT hiện tại không chỉ nhìn vào các chỉ số đánh giá hiệu quả tài chính như hiệu suất đầu tư, chỉ số tài chính, mà họ - những NĐT có trách nhiệm đang

quan tâm nhiều hơn đến các yếu tố phi tài chính như tầm nhìn của HĐQT, năng lực QT của BLĐ, minh bạch trong quản lý, báo cáo và CBTT, trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng và xã hội... Có như vậy, việc đòi hỏi chính đáng về bảo vệ quyền lợi của CĐ, NĐT mới được thực thi, cũng như hiệu quả đầu tư bền vững mới được đảm bảo.

Cơ quan quản lý đang nỗ lực để nâng hạng TTCK Việt Nam từ Thị trường cận biên, và gần đây nhất, Việt Nam đã lọt vào danh sách theo dõi và có khả năng sẽ được nâng hạng lên Thị trường mới nổi hạng hai trong 4 cấp được FTSE phân chia là Thị trường cận biên (Frontier), Thị trường mới nổi hạng hai (Secondary Emerging), Thị trường mới

nổi (Advanced Emerging) và Thị trường phát triển (Developed), sớm nhất là vào tháng 9/2019 với điều kiện khả quan nhất. QTDN vì vậy không chỉ là câu chuyện riêng của từng công ty, mà trở thành trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp đối với thị trường tài chính và nền kinh tế Việt Nam. QLRR cần được mở rộng ra ngoài phạm vi tuân thủ pháp luật, nghĩa là một cơ chế QTCT đáng tin cậy, một HĐQT có tầm vĩ mô, một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả sẽ là các yếu tố quyết định cho hiệu quả hoạt động trong dài hạn của doanh nghiệp. Để cải tiến hoạt động QTCT của các doanh nghiệp Việt Nam, Chính phủ đã ban hành NĐ 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về QTCT áp dụng đối với công ty đại chúng và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/08/2017; theo sau là TT 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của NĐ 71 áp dụng ngày 06/11/2017. ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017 của TTC Biên Hòa cũng đã nhanh chóng thông qua Điều lệ và Quy chế QTCT mới tuân thủ theo yêu cầu pháp luật để chính thức thực thi vào tháng 11/2017.



Giống mía nguyên liệu được chọn lựa kỹ càng

TRONG NIÊN ĐỘ 2017-2018 VỪA QUA, ĐHĐCĐ CỦA TTC BIÊN HÒA ĐÃ THÔNG QUA VIỆC ÁP DỤNG MÔ HÌNH QTCT MỚI, NHẪM ĐÁP ỨNG NHU CẦU NGÀY CÀNG CAO CỦA NĐT TRONG GIAI ĐOẠN HỘI NHẬP CÙNG NHƯ ĐỊNH HƯỚNG KÊU GỌI NĐT CHIẾN LƯỢC THAM GIA ĐỒNG HÀNH CÙNG CÔNG TY TỪ HĐQT.

Quy chế Quản trị của TTC Biên Hòa quy định những nguyên tắc cơ bản về QTCT bao gồm: (1) Thực hiện ĐHĐCĐ theo thông lệ tốt trên thị trường; (2) Thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của HĐQT, TBKT, các Tiểu ban khác trực thuộc HĐQT, Người phụ trách QTCT, BDH; (3) Ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các BLQ; (4) Quy trình và thủ tục phối hợp giữa HĐQT và BTGD; (5) Các hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên HĐQT, BTGD và cấp QL. Quy chế QTCT điều chỉnh lần này nhằm xây dựng một môi trường của lòng tin, sự minh bạch, thúc đẩy đầu tư dài hạn, chống tham nhũng và đảm bảo đạo đức trong kinh doanh. HĐQT khi thực hiện hoạt động QT hiệu quả sẽ đem lại nhiều lợi ích mang tầm chiến lược như: (1) Tiết

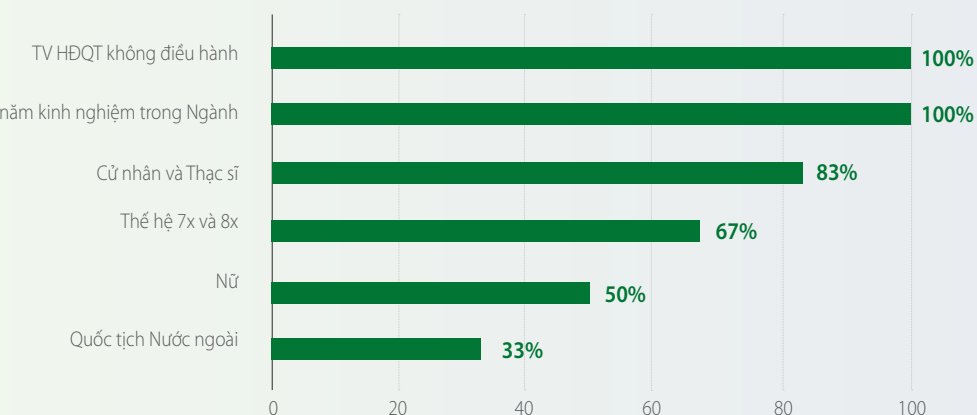
kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả HĐKD, tăng cường khả năng tiếp cận thị trường vốn với chi phí hợp lý; (2) Giảm thiểu rủi ro, tận dụng các cơ hội và tìm ra những lĩnh vực có thể tiết kiệm chi phí; (3) Nâng cao giá trị thương hiệu, uy tín Công ty, thị giá cổ phiếu cũng như thành công hơn trong việc thu hút các NĐT.

ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các CĐ có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần và được quyết định những vấn đề quy định theo Luật và Điều lệ Công ty. Trong Niên độ 2017-2018 vừa qua, ĐHĐCĐ của TTC Biên Hòa đã thông qua việc áp dụng mô hình QTCT mới, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của NĐT trong giai đoạn hội nhập cũng như định hướng kêu gọi NĐT chiến lược tham gia đồng hành cùng Công ty từ HĐQT. TTC Biên Hòa đã trở thành một số ít những doanh nghiệp tiên phong tại TTCK Việt Nam chính thức áp dụng mô hình QT mới vào tháng 5/2018, khi chức năng giám sát độc lập được chuyển về HĐQT dưới sự hỗ trợ của 2/6 TV HĐQT độc lập; thành lập TBKT báo cáo trực tiếp cho HĐQT, xóa bỏ mô hình BKS vốn dĩ được áp dụng trong hầu hết

các mô hình QT của các doanh nghiệp Việt Nam trong suốt nhiều thập kỷ qua nhưng chưa thể hiện được tốt nhất vai trò của mình; mặc dù trên thế giới, đặc biệt tại các nước Châu Âu, hầu hết doanh nghiệp đều không còn sử dụng. Quyết định bỏ mô hình BKS hoàn toàn không ảnh hưởng đến hoạt động kiểm soát Công ty, mà giúp tinh gọn bộ máy cũng như tập trung vai trò của HĐQT, và quan trọng hơn hết là tiết giảm được chi phí ít nhất 5% DT bị thất thoát do gian lận, theo nghiên cứu của PwC.

Mặc dù chưa đạt được tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến số lượng TV HĐQT độc lập ít nhất là 50% nhưng HĐQT của TTC Biên Hòa thể hiện rõ tính đa dạng trong cơ cấu hoạt động. HĐQT có 33% là quốc tịch nước ngoài, nữ giới chiếm 50%, thế hệ 7x và 8x là 67%, với 83% có trình độ cử nhân, thạc sĩ cũng như 100% trên 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Mía Đường và hoàn toàn 100% là TV HĐQT không ĐH. Sự đa dạng trong quốc tịch, giới tính, tuổi tác, trình độ, kinh nghiệm và cấu trúc hoạt động sẽ giúp tận dụng được tất cả các thế mạnh của các TV HĐQT.

ĐA DẠNG TRONG CẤU TRÚC HĐQT CỦA TTC BIÊN HÒA



Nguồn: TTC Biên Hòa



TRONG NIÊN ĐỘ 2017-2018 VỪA QUA, TTC BIÊN HÒA ĐÃ TĂNG THÊM SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP, ĐỒNG THỜI THÀNH LẬP 3 TIỂU BAN ĐỂ GIÚP VIỆC CHO HĐQT GỒM: TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC, TIỂU BAN KIỂM TOÁN VÀ TIỂU BAN NHÂN SỰ.



Dàn tưới pivot tự động tại VNL của TTC Biên Hòa

17 tiêu chí PTBV của Liên Hợp Quốc, 17 Mục tiêu PTBV quốc gia đến năm 2030 đều nhấn mạnh mục tiêu Bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và bé gái. Ngoài ra, chiến lược quốc gia về bình đẳng giới GD 2011-2020 cũng đề cập đến mục tiêu tỷ lệ nữ doanh nhân đạt 35% vào năm 2020. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng một HĐQT đa dạng về cơ cấu giới tính với sự hiện diện của các nhà lãnh đạo nữ có thể thúc đẩy hiệu quả kinh doanh và sự bền vững của doanh nghiệp. Với 50% tỷ lệ nữ giới trong HĐQT và 100% là TV HĐQT không ĐH, trong đó có 1 TV HĐQT không ĐH kiêm Chủ tịch TBKT là nữ, cấu trúc hoạt động của HĐQT TTC Biên Hòa đang từng bước đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, thậm chí vượt trội so với mức trung bình toàn cầu là 15% và Việt Nam là 18% là nữ, theo nghiên cứu của Deloitte. Tuy nhiên, đối với các quốc gia phát triển trên thế giới,

tỷ lệ này vẫn còn một khoảng cách rất xa. Tại Na Uy, nước tiên phong trong bình đẳng giới của HĐQT và cũng có tỷ lệ nữ giới trong HĐQT cao nhất thế giới, chiếm 42%; theo sau là Anh hưởng đến 33% đại diện HĐQT là nữ giới trên sàn chứng khoán niêm yết FTSE vào năm 2020. Tại Châu Á, Malaysia bắt buộc nữ giới phải chiếm ít nhất 30% các vị trí QL hoặc trong HĐQT; Hồng Kông quy định đa dạng giới tính trong HĐQT từ 2013, doanh nghiệp niêm yết bắt buộc phải CBTT về chính sách đa dạng giới tính trong BLĐ và phải giải trình nếu không tuân thủ; Singapore đang trong quá trình sửa đổi Bộ luật QTDN để cải thiện sự đa dạng về giới trong HĐQT.

Mô hình QTCT của TTC Biên Hòa thể hiện rõ tầm quan trọng và sự ảnh hưởng của 2 TV HĐQT độc lập quốc tịch Mỹ và Malaysia, được đánh giá có thời

gian gắn bó với Công ty để hiểu văn hóa và con người Việt Nam nói chung và TTC Biên Hòa nói riêng, nhằm cụ thể hóa hoạt động QTCT theo cách hợp lý nhất với môi trường doanh nghiệp. Với 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Mía Đường và Tài chính và gần 2 năm được bổ nhiệm làm TV HĐQT độc lập, trong Niên độ 2017-2018 kiêm nhiệm TV TBKT, Phó Ban TT TBNS, Ông Henry Chung đã góp phần tham mưu chiến lược nhân sự cấp cao và hoạt động KTNB cho Công ty, hỗ trợ HĐQT giám sát các hoạt động chiến lược và QT một cách độc lập, góp phần dung hòa lợi ích CĐ, NĐT và đặc biệt bảo vệ quyền lợi của CĐ thiểu số. Ông See Beow Tean được bổ nhiệm vào tháng 11/2017, ngay thời điểm ĐHĐCĐ thường niên Niên độ 2016-2017. Mặc dù chưa tròn năm thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của TV HĐQT độc lập, nhưng với 45 năm kinh nghiệm trong

lĩnh vực Bán lẻ toàn cầu và Mía Đường, Ông là một Cố vấn chiến lược quan trọng cho quá trình mở rộng mạng lưới thông qua việc đưa sản phẩm của TTC Biên Hòa vươn ra thị trường khu vực. Ngoài cương vị TV HĐQT độc lập, Ông còn được bổ nhiệm làm TV TBKT, Phó Ban TBCL, đã thực hiện giám sát và tham mưu chiến lược phát triển trung dài hạn, từng bước hướng công tác KTNB hoạt động theo thông lệ quốc tế, chuyên nghiệp và hiệu quả.

Trong Niên độ 2017-2018 vừa qua, việc tăng thêm số lượng TV HĐQT độc lập đã mang lại nhiều tác động tích cực trong quá trình thực hiện QTCT, khi (1) Đảm bảo các tình huống được đánh giá cởi mở, khách quan và đóng góp quan điểm không thiên vị cho các thảo luận của HĐQT, (2) Xây dựng lợi ích dài hạn của Công ty, hạn chế tối đa ảnh hưởng

bởi chiến lược ngắn hạn của những CĐ lớn có quyền phủ quyết, (3) Đảm bảo lòng tin của CĐ thiểu số khi họ hiểu được rằng quan điểm của mình được đại diện và bảo vệ bởi TV HĐQT độc lập.

TTC Biên Hòa cũng đã chính thức thành lập 3 Tiểu ban để giúp việc cho HĐQT. TBKT gồm 3 TV, trong đó tất cả đều là TV HĐQT không ĐH với Chủ tịch Tiểu ban là nữ, 2/3 là TV HĐQT độc lập nhằm thực hiện chức năng giám sát và kiểm soát một cách độc lập, minh bạch đối với việc ĐH Công ty. Hơn nữa, 2/3 TV của Tiểu ban đều là những người có kinh nghiệm và chuyên môn về kế toán, kiểm toán, vượt trội so với yêu cầu của ASEAN Scorecard, đảm bảo cho hoạt động của TBKT đạt được hiệu quả cao nhất.

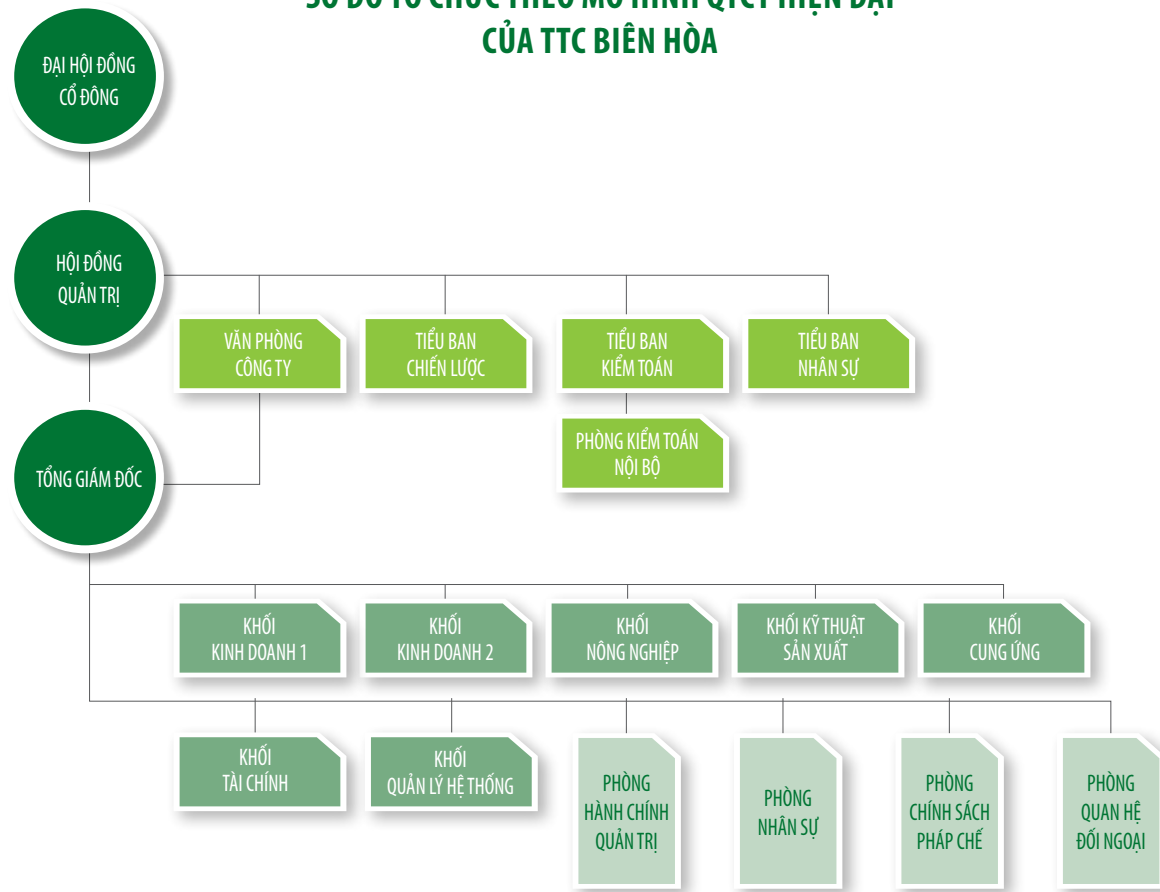
Sau sáp nhập, quy mô của Công ty đã ở một tầm vóc mới, trở thành một trong

những doanh nghiệp Mía Đường lớn nhất tại Việt Nam. Mong muốn đảm bảo các quyết sách về Chiến lược và Nhân sự của Công ty hài hòa với định hướng PTBV trong dài hạn, trong Quý 4 Niên độ 2017-2018, HĐQT cũng đã thành lập 2 TBCL và TBNS, trong đó mỗi Tiểu ban có sự tham gia của 1 TV HĐQT độc lập và Chủ tịch Tiểu ban hiện là TV HĐQT không ĐH. Mặc dù cơ cấu Tiểu ban chưa đảm bảo 100% yêu cầu của Thẻ điểm QTCT khu vực ASEAN, nhưng bước đầu cũng đã là thành quả đáng khích lệ trong việc tăng tính minh bạch và hiệu quả của HĐQT, kỳ vọng việc triển khai cũng như thực thi các nhiệm vụ trong Niên độ tới sẽ trở nên đồng bộ và hợp lý hơn. Ngoài ra, Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách QTCT cũng được HĐQT bổ nhiệm chính thức với nhiệm kỳ tối đa là 5 năm, có trình độ về pháp lý, trở thành người có tầm quan trọng trong việc hỗ trợ cho HĐQT thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình.

BTGD hiện có 6 TV với 2 TV là nữ, đều là những người có chuyên môn sâu rộng trong lĩnh vực phụ trách cùng với trên 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Mía Đường. TGD được HĐQT bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 5 năm, thay mặt cho HĐQT ĐH hoạt động kinh doanh của Công ty. TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Với đội ngũ QT và ĐH năng động, nhiệt huyết, giàu kinh nghiệm; Công ty đã, đang và sẽ không ngừng học hỏi, tiếp thu những kinh nghiệm tiên tiến, vận dụng linh hoạt vào hoạt động SXKD hàng ngày, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho quá trình PTBV lâu dài.

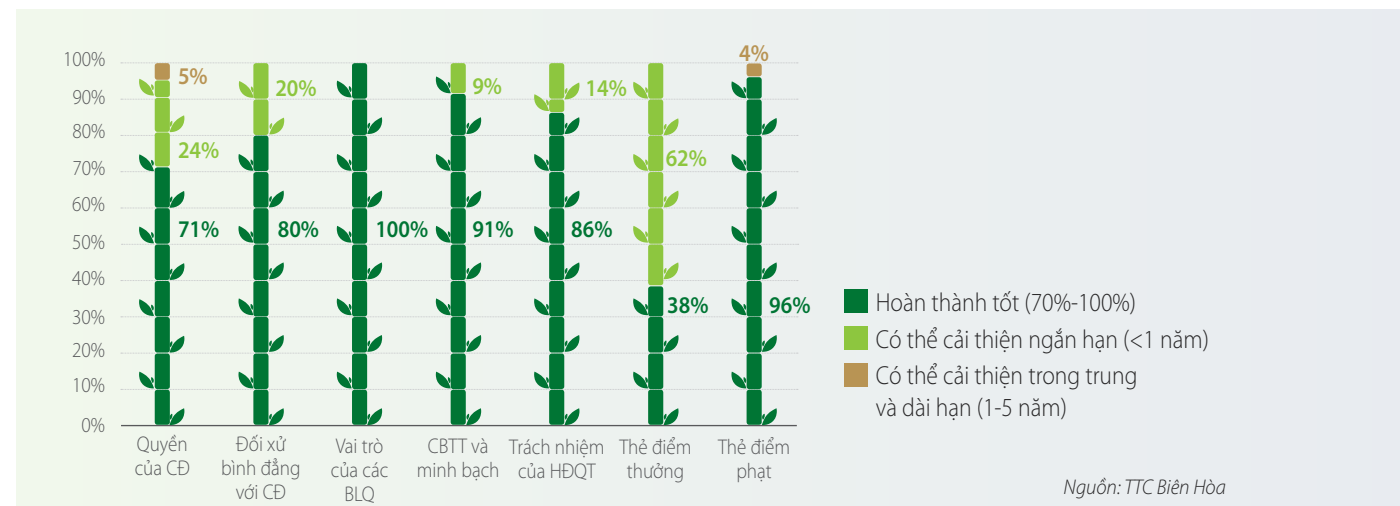
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC THEO MÔ HÌNH QTCT HIỆN ĐẠI CỦA TTC BIÊN HÒA



Dựa vào kết quả đánh giá chất lượng QTCT theo tiêu chuẩn ASEAN Scorecard trong Niên độ 2017-2018, mặc dù kết quả khá khả quan nhưng còn nhiều điểm phải cải thiện. Trong Niên độ 2018-2019, ngoài chính sách khuyến khích TV HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay chuyên môn đã được áp dụng trong những Niên độ trước; HĐQT sẽ tập trung các chương

trình định hướng cho TV HĐQT mới; chính sách kế nhiệm cho các vị trí Lãnh đạo cấp cao; đánh giá năng lực hàng năm đối với HĐQT, các Tiểu ban của HĐQT; đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGD, QL chủ chốt. Bên cạnh đó, Công ty sẽ triển khai các kế hoạch cải thiện hệ thống QT như nỗ lực tăng số lượng TV HĐQT độc lập để phụ trách TBKT như là một tuyến phòng vệ thứ 2 về QLRR bên cạnh Phòng

KTNB hiện tại. Công ty cũng sẽ tìm kiếm và sử dụng nguồn TV HĐQT độc lập do Viện TV HĐQT (VOID) - được thành lập bởi UBCKNN, HOSE, HNX, IFC và Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO) để thúc đẩy sự chuyên nghiệp của HĐQT, nâng cao đạo đức kinh doanh và tính minh bạch của các TV HĐQT độc lập; trong lộ trình cải thiện niềm tin, giá trị và thương hiệu của TTC Biên Hòa với các BLQ.



MỘT TRONG NHỮNG ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT GIA TĂNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA DOANH NGHIỆP LÀ TRÌNH ĐỘ QTCT. ĐẶC BIỆT TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA HIỆN NAY, NĐT VÀ DÒNG VỐN CỦA HỌ SẼ CHỈ TÌM ĐẾN NHỮNG CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC SỰ HIỆU QUẢ TRONG KINH DOANH, TÍNH MINH BẠCH TRONG HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY; TỪ ĐÓ THỂ HIỆN TINH THẦN BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA CĐ, NĐT VÀ CÁC BLQ CỦA BLĐ.

Trong năm 2018, HĐQT TTC Biên Hòa đã có dự thảo và sẽ ban hành “Bộ Quy chế ứng xử” với sự đồng hành tư vấn của Công ty Tài chính Quốc tế IFC – Thành viên của Ngân hàng Thế giới, nhằm đáp ứng các thông lệ tốt nhất trên thị trường về QTCT. Bộ Quy chế được kỳ vọng sẽ tạo ra những thông lệ thực hành tốt trong Công ty, trở thành đòn bẩy rút ngắn khoảng cách năng lực QT đối với các quốc gia trong khu vực. Bộ Quy chế được thiết kế và vận hành để phù hợp với hiện trạng hoạt động đặc thù của Công ty, tuân thủ theo pháp luật hiện hành cũng như các chuẩn mực đạo đức, văn hóa của Công ty nói riêng và của xã hội nói chung.

Bộ Quy chế xác định các chuẩn mực cụ thể của quy tắc giao tiếp, ứng xử, cam kết đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động hàng ngày cũng như giao tiếp với các BLQ (Đồng nghiệp, Khách hàng, NĐT, Nhà cung cấp...) từ các TV LĐ cấp cao là HĐQT đến những CBNV đang làm việc tại Công ty có ký hợp đồng dưới mọi hình thức (bao gồm nhưng không

giới hạn hợp đồng lao động không xác định thời hạn, xác định thời hạn, thời vụ, thử việc, hợp đồng cộng tác viên, hợp đồng đào tạo...). BLĐ cấp cao của Công ty được kỳ vọng không những hiểu thấu và tuân thủ QCUX mà còn thể hiện với tư cách của một người định hướng mẫu mực.

Bộ QCUX được truyền thông nội bộ, triển khai trên phương diện TCT và sắp tới sẽ được công bố trên trang điện tử của Công ty như là một cam kết của BLĐ đối với các đối tượng hữu quan. Phòng Nhân sự chịu trách nhiệm phổ biến các nội dung thuộc QCUX cũng như tích cực tuyên truyền để tạo nên nhận thức thường xuyên của mỗi CBNV. Tất cả những TV thuộc gia đình TTC Biên Hòa được yêu cầu nghiêm túc thực hiện và ký tên xác nhận sau khi hiểu rõ những quy định được Phòng Nhân sự phổ biến. Văn bản xác nhận sẽ được lưu giữ cùng với hồ sơ tuyển dụng của CBNV, được xem là cơ sở để xem xét mức độ khi có vi phạm xảy ra.

Giữ vai trò là đơn vị kiểm tra và kiểm soát tính tuân thủ của mọi hoạt động trong Công ty, Ban KTNB chịu trách nhiệm tiếp nhận tất cả các thông tin liên quan đến việc không tuân thủ quy định của Bộ QCUX được cho là có thể gây ra những rủi ro không tốt cho Công ty. Nếu có bất kỳ khúc mắc về nội dung của Bộ Quy chế, mỗi CBNV đều có quyền được yêu cầu sự trợ giúp từ cấp QL trực tiếp hoặc Ban KTNB. Việc trao đổi bắt đầu với cấp QL trực tiếp thường là cách tốt nhất để giải quyết

thắc mắc. Trong một số trường hợp đặc biệt, khi phải đối mặt với vấn đề cực kỳ quan trọng hoặc có liên quan đến xung đột lợi ích, mỗi CBNV sẽ nhận được sự trợ giúp sát sao và cụ thể từ Ban KTNB dưới hình thức văn bản.

Mọi CBNV khi phát hiện sai phạm, đều có nghĩa vụ báo cáo lên QL trực tiếp hoặc Phòng KTNB. CBNV vi phạm Bộ Quy chế sẽ chịu các hình thức kỷ luật theo quy định của Công ty, đồng thời có trách nhiệm đền bù thiệt hại do vi phạm đó gây ra (nếu có). Đồng thời, để bảo vệ người báo cáo, Bộ Quy chế cũng khẳng định trong bất kỳ trường hợp nào, Công ty đều nghiêm cấm việc trả thù và/hoặc trừng phạt, trù dập những người đã trình báo một cách trung thực về các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm quy định nội bộ của Công ty, quy định của pháp luật.

“

BỘ QUY CHẾ ĐƯỢC KỲ VỌNG SẼ TẠO RA NHỮNG THÔNG LỆ THỰC HÀNH TỐT TRONG CÔNG TY, TRỞ THÀNH ĐÒN BẨY RÚT NGẮN KHOẢNG CÁCH NĂNG LỰC QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC QUỐC GIA TRONG KHU VỰC. BỘ QUY CHẾ ĐƯỢC THIẾT KẾ VÀ VẬN HÀNH ĐỂ PHÙ HỢP VỚI HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐẶC THÙ CỦA CÔNG TY, TUÂN THỦ THEO PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CŨNG NHƯ CÁC CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC, VĂN HÓA CỦA CÔNG TY NÓI RIÊNG VÀ CỦA XÃ HỘI NÓI CHUNG.

KÊNH THÔNG BÁO, TIẾP NHẬN THÔNG TIN

Đơn vị phụ trách: Ban Kiểm toán Nội bộ

Số điện thoại 24/7: 0988.381.379

Email: tbbktnb@tcsugar.com.vn





Ông PHẠM HỒNG DƯƠNG

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Năm sinh: 1974

Thời điểm được bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT: Tháng 02/2015

Thời gian đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT: 3 năm 5 tháng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
1.585.469 cổ phần chiếm 0,28%

Trình độ chuyên môn:

- » Thạc sĩ Quản trị Sản xuất - Đại học Khoa học Ứng dụng Ludwigshafen, CHLB Đức
- » Kỹ sư Hóa

Các vị trí trong Ngành:

- » TV Hiệp hội Công nghệ Mía Đường Quốc tế (ISSCT)
- » TV Liên minh Đường ASEAN (ASA)
- » Phó Chủ tịch Hiệp hội Mía Đường Việt Nam

Quá trình công tác:

- » 11/2017 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- » 2/2015 - 11/2017: Chủ tịch HĐQT CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- » 2014 - 6/2015: TV HĐQT CTCP Mía Đường Nhiệt điện Gia Lai
- » 2013 - 6/2015: TV HĐQT CTCP SX-TM Bao bì Thành Thành Công
- » 2012 - 6/2015: TV HĐQT CTCP Đường Biên Hòa
- » 2011 - 2012: Phó TGD Kỹ thuật CTCP Bourbon Tây Ninh
- » 2009 - 2011: GD Nhà máy CTCP Bourbon Tây Ninh

Thành tựu nổi bật:

- » Định hướng và quản trị chiến lược đưa TTC Biên Hòa trở thành Công ty sản xuất Đường lớn nhất khu vực Đồng Dương.
- » Cùng đội ngũ cộng sự góp phần quan trọng trong việc nâng công suất cum nhà máy lớn nhất nước với 37.500 TMN.
- » Cung cấp những sáng kiến về đa dạng hóa các loại Đường chất lượng vượt trội, gần gũi với thiên nhiên, đáp ứng được yêu cầu của phân khúc khách hàng cao cấp.
- » 20 năm kinh nghiệm hoạt động và quản trị trong lĩnh vực Mía Đường.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ, Công ty con): Không



Bà NGUYỄN THỊ HOA

Phó Chủ tịch Thường trực Hội Đồng Quản Trị

Năm sinh: 1964

Thời điểm được bổ nhiệm Phó Chủ tịch

Thường trực HĐQT: Tháng 11/2016

Thời gian đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch

Thường trực HĐQT: 1 năm 8 tháng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
1.174.162 cổ phần chiếm 0,21%

Trình độ chuyên môn:

- » Cử nhân Tài chính - Kế toán
- » Cử nhân Luật Kinh tế

Quá trình công tác:

- » 11/2017 - nay: Phó Chủ tịch TT HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- » 11/2016 - 11/2017: Phó Chủ tịch TT HĐQT CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- » 2014 - 2017: Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Biên Hòa
- » 2006 - nay: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa
- » 2001 - 2005: KTT CTCP Bê tông Ly tâm Nha Trang
- » 1990 - 2000: KTT Công ty Đường Khánh Hòa

Thành tựu nổi bật:

- » Hoạch định và triển khai các dự án trọng tâm của TTC Biên Hòa, nổi bật là Đa dạng hóa sản phẩm, Hỗ trợ quản trị chi phí...
- » Tham vấn chiến lược tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả đầu tư các dự án.
- » Tham mưu công tác điều hành và cơ cấu nhân sự cho hoạt động M&A.
- » 30 năm kinh nghiệm hoạt động và quản lý trong lĩnh vực Mía Đường.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ, Công ty con): Không



Bà ĐẶNG HUỖNH ỨC MY

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Năm sinh: 1981

Thời điểm được bổ nhiệm TV HĐQT: Tháng 03/2015

Thời gian đảm nhiệm vị trí TV HĐQT: 3 năm 4 tháng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
32.523.424 cổ phần chiếm 5,84%

Trình độ chuyên môn:

- » Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học Preston, New Zealand
- » Chứng nhận CEO chuyên nghiệp - PACE

Quá trình công tác:

- » 11/2017 - nay: TV HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- » 2/2015 - 11/2017: TV HĐQT CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- » 4/2012 - 2/2015: Chủ tịch HĐQT CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- » 7/2009 - 12/2012: TGD CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- » 7/2007 - 7/2009: Phó TGD TT CTCP SX - TM Thành Thành Công
- » 12/2006 - 7/2007: Phó GĐĐH CTCP SX - TM Thành Thành Công

Thành tựu nổi bật:

- » Tham gia tư vấn, định hướng chiến lược cho sự phát triển của TTC Biên Hòa trong trung và dài hạn.
- » Đưa TTC Biên Hòa vượt qua những giai đoạn sóng gió của Ngành Mía Đường, đạt kết quả tăng trưởng ấn tượng.
- » Đưa thương hiệu TTC Biên Hòa vươn tầm Châu Á.
- » 15 năm kinh nghiệm điều hành và quản lý trong lĩnh vực Mía Đường.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ, Công ty con):

- » Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Thành Thành Công



Bà NGUYỄN THÙY VÂN

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Năm sinh: 1980

Thời điểm được bổ nhiệm TV HĐQT: Tháng 11/2017

Thời gian đảm nhiệm vị trí TV HĐQT: 8 tháng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
1.303.920 cổ phần chiếm 0,23%

Trình độ chuyên môn:

- » Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- » Chứng nhận Chương trình Cao học Ban Kiểm toán - Viện TV HĐQT Việt Nam

Các vị trí trong Ngành:

- » Trưởng BKS Hiệp hội Mía Đường Việt Nam

Quá trình công tác:

- » 11/2017 - nay: TV HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- » 2015 - 2017: TV BKS CTCP Đường Biên Hòa
- » 2012 - 2017: Trưởng BKS CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- » 2011 - 2012: Phó TGD CTCP Kho vận Thiên Sơn
- » 2009 - 2011: Phó GĐ CTCP Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín
- » 2008 - 2009: Trưởng phòng Giao dịch Hàng hóa Phái sinh CTCP Đầu tư Tín Việt
- » 2004 - 2007: Trưởng phòng Tài chính CTCP Vinamit

Thành tựu nổi bật:

- » Xây dựng và ban hành hệ thống kiểm soát hiệu quả, đảm bảo cao nhất tính tuân thủ nhằm bảo vệ lợi ích CĐ và NGT.
- » 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Mía Đường và Tài chính - Kế toán.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ, Công ty con): Không



Ông HENRY CHUNG

Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập

Năm sinh: 1974

Thời điểm được bổ nhiệm TV HĐQT: Tháng 10/2016

Thời gian đảm nhiệm vị trí TV HĐQT: 1 năm 9 tháng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
375.125 cổ phần chiếm 0,07%

Trình độ chuyên môn:

- » Cử nhân Kinh tế
- » Cử nhân Tài chính

Quá trình công tác:

- » 11/2017 - nay: TV HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- » 10/2016 - 11/2017: TV HĐQT CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- » 12/2015 - 8/2017: TV HĐQT CTCP Đường Biên Hòa

Thành tựu nổi bật:

- » Tham mưu chiến lược nhân sự cấp cao và KTNB cho TTC Biên Hòa.
- » Hỗ trợ HĐQT giám sát các hoạt động chiến lược và quản trị một cách độc lập.
- » Góp phần dung hòa lợi ích CĐ, NĐT và đặc biệt bảo vệ quyền lợi của CĐ thiểu số.
- » 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Mía Đường và Tài chính.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ, Công ty con): Không



Ông SEE BEOW TEAN

Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập

Năm sinh: 1953

Thời điểm được bổ nhiệm TV HĐQT: Tháng 11/2017

Thời gian đảm nhiệm vị trí TV HĐQT: 8 tháng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 0%

Các vị trí trong Ngành:

- » TV của Liên minh Đường ASEAN (ASA)

Quá trình công tác:

- » 11/2017 - nay: TV HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- » 1/2001 - 11/2010: GD Hoạt động tại Windsor and Brook Trading Pte Ltd
- » 1/1992 - 11/2000: GD Kinh doanh tại EDF&Man Asia Ltd Hongkong and Singapore

Thành tựu nổi bật:

- » Giám sát và tham mưu chiến lược phát triển trung dài hạn, công tác kiểm toán nội bộ cho TTC Biên Hòa.
- » Cố vấn chiến lược cho quá trình mở rộng mạng lưới thông qua việc đưa sản phẩm của TTC Biên Hòa vươn ra thị trường khu vực.
- » 45 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Bán lẻ toàn cầu và Mía Đường.

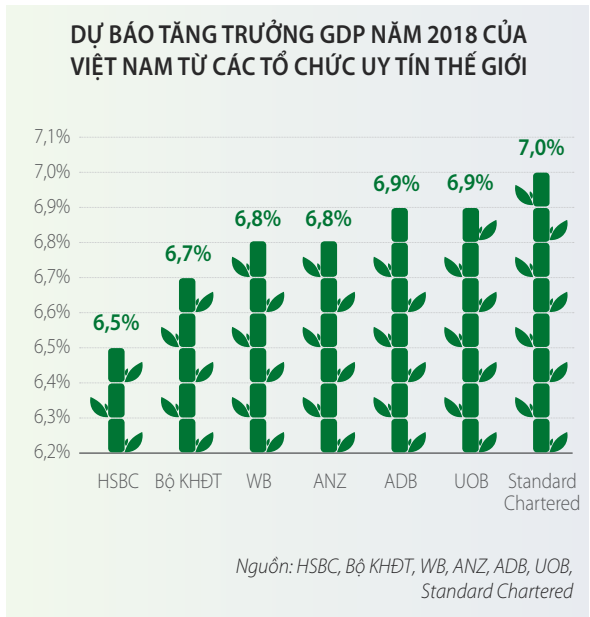
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty Mẹ, Công ty con): Không



VNL nông trường - Một trong những thế mạnh của TTC Biên Hòa

KINH TẾ VIỆT NAM TĂNG TRƯỞNG TÍCH CỰC DƯỚI GÓC NHÌN CỦA CÁC TỔ CHỨC UY TÍN THẾ GIỚI

Kinh tế Việt Nam năm 2018 được dự báo tăng trưởng ổn định nhờ vào những thành quả đạt được trong năm 2017 cũng như những kết quả khả quan nửa đầu năm 2018. Mặc dù kinh tế vĩ mô toàn cầu có nhiều bất ổn, song nhiều Tổ chức uy tín thế giới vẫn đánh giá cao khả năng tăng trưởng tốt trong ngắn hạn, nhờ nhu cầu nội địa được duy trì, điều kiện kinh doanh cải thiện, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định; thậm chí có những Tổ chức đã tăng mức dự báo sau khi đánh giá lại như Ngân hàng Thế giới (6,5%), Standard Chartered (6,8%). Tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội GDP Việt Nam năm 2018 phần lớn được kỳ vọng đạt từ 6,5% tới 7%, cao hơn chỉ tiêu mà Quốc hội đã đặt ra từ 6,5%-6,7%; trong đó lĩnh vực Sản xuất và Nông nghiệp sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính trong nửa cuối năm.

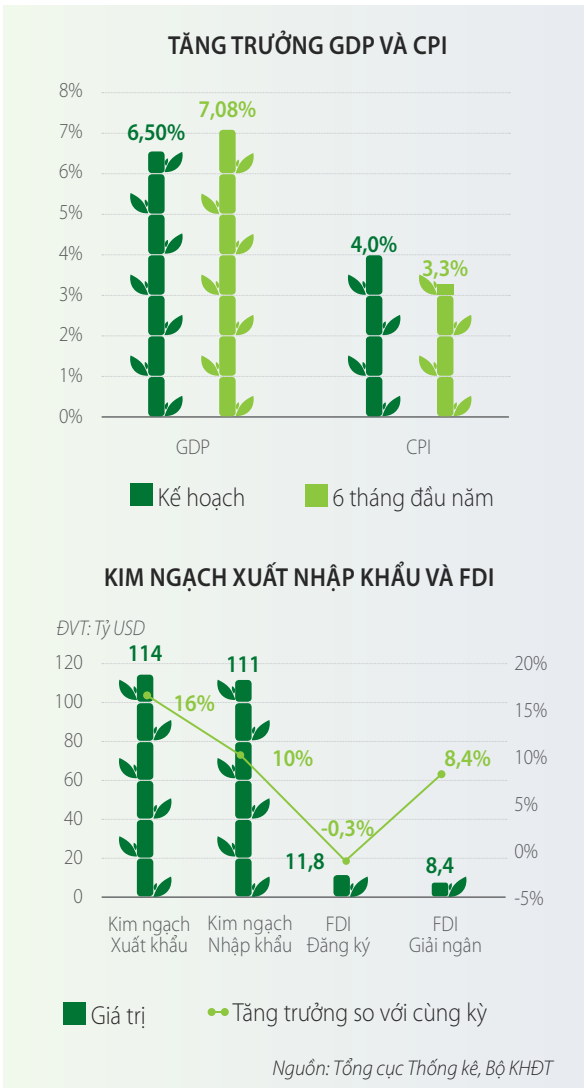


Với những đánh giá lạc quan về tình hình kinh tế trong nước, Bộ KHĐT dự kiến sẽ hoàn thành tốt 12 chỉ tiêu kế hoạch được Quốc hội thông qua cho năm 2018, trong đó có một số chỉ tiêu quan trọng có tác động tới phát triển Nông nghiệp mà đặc biệt là Ngành Mía Đường như: (1) Tăng trưởng GDP, (2) Tốc độ tăng Chỉ số giá tiêu dùng CPI, (3) Kim ngạch Xuất nhập khẩu, (4) Thu hút Đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI.

Mặc dù chiến tranh thương mại Mỹ - Trung diễn ra ngày càng gay gắt, ít nhiều ảnh hưởng đến thương mại toàn cầu nhưng 6 tháng đầu năm 2018, kinh tế vĩ mô của Việt Nam vẫn chuyển biến tích cực, khi hầu hết các chỉ tiêu đều hoàn thành kế hoạch nửa năm. Tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm 2018 tăng mạnh 7,08% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 6 tháng kể từ năm 2011; trong đó tăng trưởng khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản phục hồi rõ nét, ước cả năm khoảng 3,3%,

đến từ việc thực hiện hiệu quả cơ cấu ngành, vùng sản xuất theo 3 trục sản phẩm. Quy mô GDP theo giá hiện hành cả năm ước đạt khoảng 5.555 ngàn tỷ đồng, tương đương 243 tỷ USD và GDP bình quân đầu người đạt khoảng 2.540 USD/người/năm, tăng 6,3% so với cùng kỳ. CPI những tháng đầu năm biến động sát với dự báo của Chính phủ và ước cả năm sẽ thực hiện thành công, thậm chí tốt hơn kế hoạch với tốc độ tăng dưới 4%.

Một chỉ số vĩ mô đáng lưu ý khác là xuất nhập khẩu hàng hoá tăng cao khi kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng lần lượt 16% và 10% so với 6 tháng đầu năm 2017. Ước tính kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả năm đạt 238 tỷ USD, tăng 11,2%, vượt mục tiêu Quốc hội giao 7%-8%. FDI Đăng ký đạt 11,8 tỷ USD, tuy có giảm nhẹ 0,3% so với cùng kỳ nhưng mức Giải ngân tăng mạnh 8,4%, đạt 8,4 tỷ USD.



NGÀNH ĐƯỜNG THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM - THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI

VĨ MÔ NGÀNH ĐƯỜNG VỚI NHIỀU BIẾN ĐỘNG

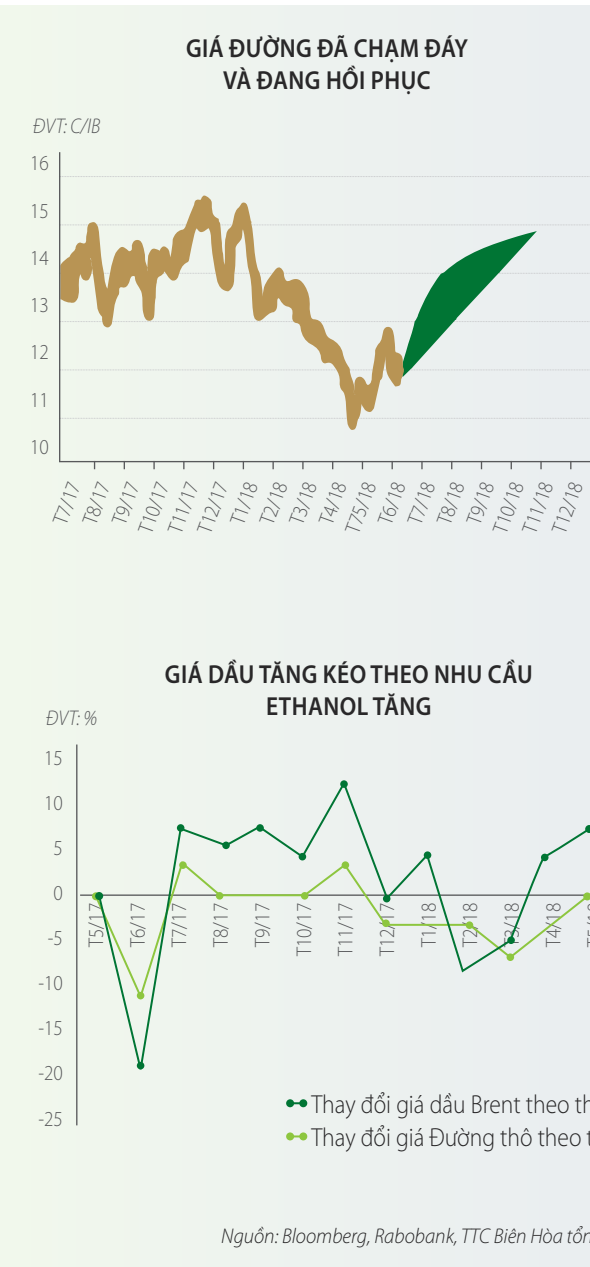
Có một thực tế phải nhìn nhận đó là Niên độ 2017-2018 vừa qua chứng kiến một giai đoạn rất khó khăn không chỉ cho Ngành Đường trong nước mà cả Ngành Đường thế giới. Sản lượng Đường toàn cầu niên vụ 2017-2018 theo ISO đạt 185,2 triệu tấn, tăng 10,3% so với Niên vụ 2016-2017 trong khi lượng Đường tiêu thụ chỉ đạt 174,6 triệu tấn. Cung vượt cầu chính là nguyên nhân giá Đường thế giới giảm mạnh, kéo theo sự sụt giảm của giá Đường trong nước.

Bên cạnh tác động về thời gian có hiệu lực của Hiệp định ATIGA trước khi chính thức được gia hạn thêm 2 năm, cơ chế chính sách hỗ trợ cho Ngành Mía Đường trong nước còn khá rời rạc, chưa hình thành được hệ thống cơ sở pháp lý đồng bộ để Ngành có thể đạt được mục tiêu PTBV. Các biện pháp chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại mặt hàng Đường vẫn chưa đạt được hiệu quả cao; hàng rào kỹ thuật, biện pháp phòng vệ khi hội nhập cũng chưa được hình thành. Tồn kho trong nước cao, Đường nhập lậu không chịu thuế và Đường lỏng với thuế suất 0% với giá liên tục giảm tràn vào Việt Nam, ảnh hưởng lớn tới nền sản xuất Mía Đường trong nước. Trước những diễn biến bất lợi của thị trường, các công ty Mía Đường đã phải nỗ lực rất nhiều để vừa đạt được các chỉ tiêu kinh doanh, vừa có thể đồng hành cùng người nông dân vượt qua những khó khăn trước mắt.

ĐƯỜNG THẾ GIỚI - NHỮNG CƠ HỘI MỚI: NGUỒN CUNG DỰ KIẾN GIẢM, TRIỂN VỌNG TĂNG GIÁ ĐƯỜNG, TĂNG TỶ TRỌNG SẢN XUẤT ETHANOL TỪ MÍA

Trước ngưỡng cửa hội nhập của Mía Đường Việt Nam vào khu vực và xa hơn nữa là đưa thương hiệu Đường Việt Nam ra thế giới, bên cạnh những thách thức hiện hữu thì cơ hội tăng trưởng vẫn rất khả quan nhờ vào các yếu tố tác động tích cực từ các nhà sản xuất, xuất khẩu cũng như nhu cầu tiêu thụ Đường trên toàn cầu. Giá Đường thô giao sau trên thế giới theo dự báo của Rabobank kỳ vọng sẽ bật tăng trở lại, phục hồi tại mức 14,5 cents/pound trong 3 tháng cuối 2018 khi dự báo sản lượng dư cung sẽ giảm xuống còn 4,4 triệu tấn so với mức 7,6 triệu tấn niên vụ trước. Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ cũng dự báo sản lượng Đường toàn cầu niên vụ 2018-2019 sẽ sụt giảm 4 triệu tấn còn 188 triệu tấn do hạn hán nghiêm trọng ở Brazil. Đồng thời nước này cũng cần nhắc tăng tỷ trọng mía sử dụng cho sản xuất Ethanol sẽ mang lại lợi nhuận tốt hơn trong viễn cảnh giá Đường thế giới giảm sâu trong khi giá dầu đã tăng đáng kể trong vòng 1 năm trở lại đây.

Bên cạnh đó, Thái Lan - nước xuất khẩu Đường lớn thứ 2 thế giới vừa qua đã quyết định cắt giảm 500 ngàn tấn Đường thô xuất khẩu. Chính phủ nước này cũng đang xem xét khả năng tăng sử dụng mía để sản xuất Ethanol vì hiện tại việc sản xuất Ethanol từ củ sắn đã ít cạnh tranh hơn. Khoảng chênh lệch giữa giá Đường Việt Nam và Đường nhập khẩu từ Thái Lan đã, đang và sẽ tiếp tục dần được thu hẹp; điều này góp phần nâng cao tính cạnh tranh của Đường trong nước.



NGÀNH ĐƯỜNG THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM - THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI (tiếp theo)

CHIẾN TRANH THƯƠNG MẠI CĂNG THẲNG GIỮA MỸ VÀ TRUNG QUỐC VÔ HÌNH CHUNG LÀM GIẢM NGUỒN CUNG ĐƯỜNG CỦA BRAZIL VÀ ẤN ĐỘ - 2 CƯỜNG QUỐC MÍA ĐƯỜNG THẾ GIỚI, TỪ ĐÓ MỞ RA NHIỀU HY VỌNG VỀ VIỆC CẢI THIỆN GIÁ ĐƯỜNG TOÀN CẦU TRONG THỜI GIAN TỚI.

Chiến tranh thương mại căng thẳng giữa Mỹ và Trung Quốc vô hình chung làm giảm nguồn cung Đường của Brazil và Ấn Độ - 2 cường quốc Mía Đường thế giới, từ đó mở ra nhiều hy vọng về việc cải thiện giá Đường toàn cầu trong thời gian tới. Khi Bắc Kinh áp thuế nhập khẩu 25% lên đậu tương Mỹ nhằm đáp trả chính sách thuế thì hàng loạt các công ty Trung Quốc đã chuyển hướng nhập khẩu đậu tương từ Brazil, Ấn Độ thay thế. Diện tích trồng đậu tương tại Brazil vì vậy đã tăng thêm 2 triệu ha trong 2 năm qua trong khi diện tích trồng mía giảm gần 400.000 ha. Hàng chục nhà máy

Đường tại miền Nam Brazil đã phải đóng cửa trong suốt 5 năm qua và tình hình tương tự cũng xảy ra tại Ấn Độ. Mới đây, Tổng thống Mỹ Donald Trump cũng cho biết sẽ sẵn sàng đánh thuế toàn bộ hàng Trung Quốc nhập khẩu vào Mỹ. Một tín hiệu tích cực khác là các Quỹ đầu cơ hàng hóa đang gia tăng mua Đường vào để thúc đẩy sản lượng tiêu thụ, các quỹ đầu tư trên thị trường hàng hóa cũng đã trở lại thị trường khi giá giảm mạnh, điều này phần nào giúp cải thiện giá Đường trên thị trường. Bên cạnh đó, việc Ấn Độ xây dựng kho dự trữ Đường cũng dẫn đến hạn chế xuất khẩu Đường ra thế giới.

Quốc gia	Vị thế	Tình hình
Brazil	» Nhà sản xuất Đường lớn nhất thế giới » Nhà xuất khẩu Đường lớn nhất thế giới » Tổng sản lượng niên vụ 2017-2018 ước 38,9 triệu tấn Đường » Chiếm khoảng 20% tổng sản lượng toàn cầu	» Sản lượng Đường niên vụ 2018-2019 dự kiến giảm 22% xuống 30 triệu tấn do: ❖ Hạn hán ❖ Sản xuất Ethanol gia tăng vì nhu cầu cao hơn, lợi nhuận lớn hơn ❖ Giá Đường thế giới giảm sâu, giá dầu tăng đáng kể trong vòng 1 năm trở lại » Đang làm tốt hơn các nước khác trong việc chuyển đổi lượng mía thặng dư thành Ethanol, được sản xuất thông qua quá trình chưng cất mía lên men
Ấn Độ	» Nhà sản xuất Đường lớn thứ 2 thế giới » Nhà xuất khẩu Đường top 4 thế giới » Nhà tiêu thụ Đường lớn nhất thế giới: Nội địa 25 triệu tấn » Tổng sản lượng niên vụ 2017-2018 ước 32,4 triệu tấn Đường » Chiếm khoảng 17% tổng sản lượng toàn cầu	» Đã tăng giá bán lên 24% bắt đầu từ Quý 1 Niên độ 2017-2018 » Kỳ vọng đạt được LN mà không nhờ vào sự trợ giá của Chính Phủ » Dự kiến sản xuất 35,5 triệu tấn Đường trong Niên độ 2018-2019 phá kỷ lục 32,4 triệu tấn của Niên độ 2017-2018 » Có thể xuất khẩu 2-4 triệu tấn Đường trong Niên độ 2018-2019
Thái Lan	» Nhà sản xuất Đường thứ 3 thế giới » Nhà xuất khẩu Đường lớn thứ 2 thế giới » Tổng sản lượng niên vụ 2017-2018 ước 14,7 triệu tấn Đường » Chiếm khoảng 7% sản lượng toàn cầu	» Đã quyết định cắt giảm 500 ngàn tấn Đường thô xuất khẩu. » Chính phủ xem xét khả năng tăng sử dụng nước mía để sản xuất Ethanol: ❖ Sản xuất Ethanol từ củ sắn đã ít cạnh tranh hơn ❖ Giá sắn đã tăng gấp đôi so với cùng kỳ ❖ Nhu cầu gia tăng với loại nông sản này trong lĩnh vực ăn chăn nuôi » Sản lượng Đường dự kiến giảm 6%, từ mức kỷ lục 14,7 triệu tấn Niên độ 2017-2018 xuống 13,8 triệu tấn Niên độ 2018-2019
Trung Quốc	» Nhà sản xuất Đường trong top 5 thế giới » Nhà nhập khẩu Đường lớn nhất thế giới » Tổng sản lượng niên vụ 2017-2018 ước 10,2 triệu tấn Đường » Chiếm khoảng 5% tổng sản lượng toàn cầu	» Nhu cầu ổn định mức 17 triệu, thâm hụt ~ 6 triệu tấn » Dự báo niên vụ 2018-2019 tiếp tục thâm hụt.

Nguồn: Worldatlas, Nasdaq, The Economic Times, The Saigon Times, CafeF, BVSC

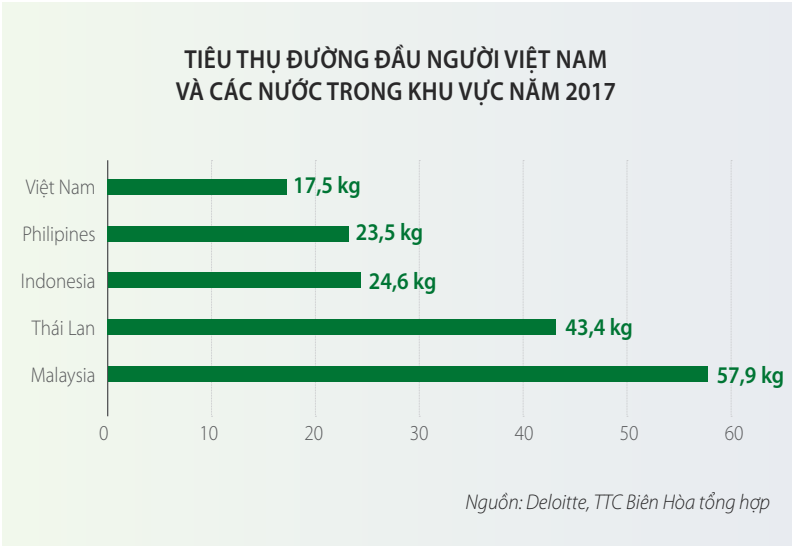
ĐƯỜNG TRONG NƯỚC - CƠ HỘI TĂNG TRƯỞNG

TỒN KHO DỰ KIẾN GIẢM, SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ TĂNG, SỰ QUAN TÂM SÁT SAO CỦA CHÍNH PHỦ TỚI NGÀNH MÍA ĐƯỜNG

CHUỖI GIÁ TRỊ TỪ CÂY MÍA RẤT ĐA DẠNG VỚI HÀNG LOẠT SẢN PHẨM CÓ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CAO ĐƯỢC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN TỪ NƯỚC ÉP VÀ BÃ MÍA.

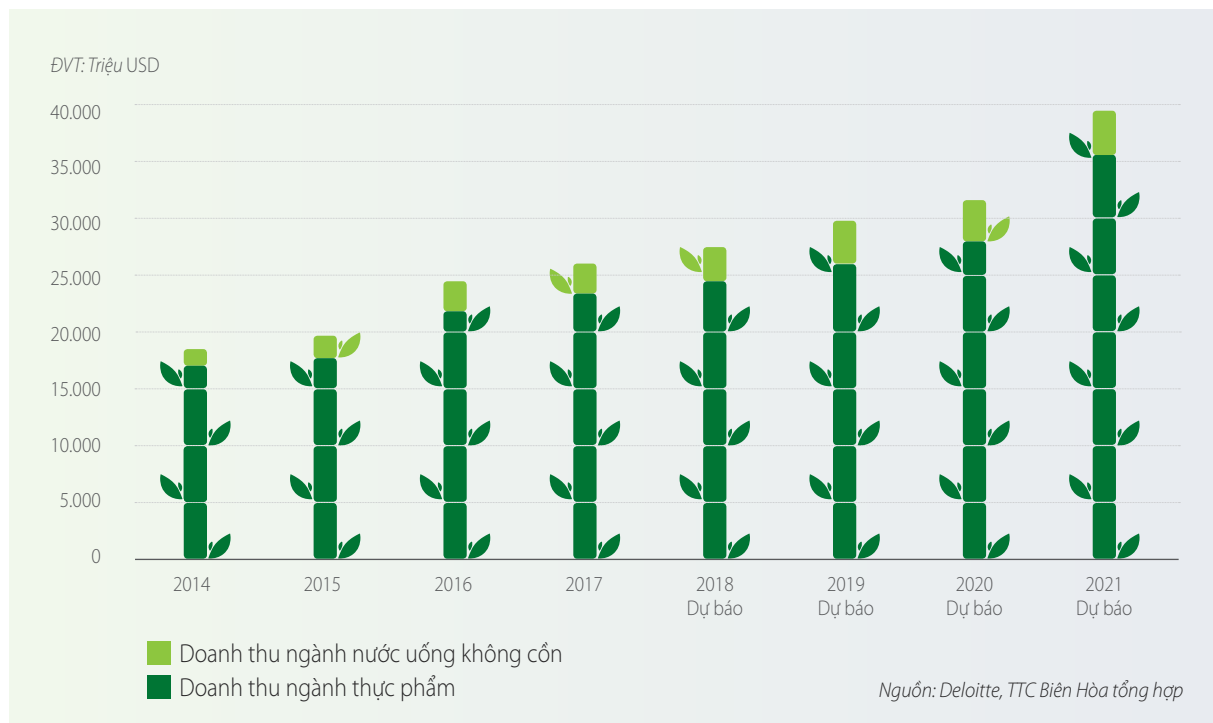
Chuỗi giá trị từ cây mía rất đa dạng với hàng loạt sản phẩm có giá trị gia tăng cao được nghiên cứu và phát triển từ Nước ép và Bã mía, trong đó có thể kể đến các sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường như Điện từ bã mía và Ethanol, đang có nhiều cơ hội tăng trưởng nhờ nhu cầu sử dụng năng lượng ngày càng tăng ở Việt Nam cùng với sự thiếu hụt nguồn cung của các sản phẩm xăng dầu. Giá dầu thô và giá xăng dầu thành phẩm trên thị trường thế giới có xu hướng tăng cao trong nửa đầu năm, theo đó giá bán lẻ tối đa các mặt hàng xăng dầu trong nước cũng tăng từ 7,5%-17,9% so với cuối năm 2017. Cùng với đó, Chính phủ hiện cũng đang có những kế hoạch nhằm hỗ trợ giá điện cho những đơn vị sản xuất điện từ Bã mía, theo đó giá điện kỳ vọng tăng từ 5,8 lên 7,5 cents/kwh.

Bên cạnh đó, Việt Nam đang bước vào thời kỳ “*dân số vàng*” khi phần lớn thuộc độ tuổi lao động, có nhu cầu rất lớn trong việc sử dụng các sản phẩm từ Đường để bổ sung năng lượng. Tiềm năng tiêu thụ Đường vẫn còn rất dồi dào khi mức tiêu thụ Đường đầu người Việt Nam chỉ đạt 17,5 kg năm 2017, thấp hơn rất nhiều so với các nước Khu vực ASEAN như Philippines 23,5 kg, Indonesia 24,6 kg, Thái Lan 43,4 kg và Malaysia 57,9 kg. PwC dự báo đến năm 2026, tiêu thụ Đường bình quân đầu người Việt Nam sẽ đạt 26 kg, nhưng con số này vẫn còn rất khiêm tốn so với các nước được nghiên cứu.



Ngành Đường Việt Nam cũng đang sở hữu nhiều cơ hội nhờ tăng trưởng kinh tế mở rộng với GDP dự báo từ các tổ chức uy tín đều trong khoảng 6,5% đến 7% cho năm 2018 và tầng lớp trung lưu và giàu có (MAC), vì vậy, đạt mức tăng trưởng CAGR GĐ 2012-2035 là 13%. Ngoài ra, với cơ cấu dân số trẻ, độ tuổi bình quân là 31 tuổi và tốc độ đô thị hóa nhanh nhất ASEAN cũng sẽ là một trợ lực cho Ngành Đường Việt Nam. Dự kiến đến năm 2035, Việt Nam có 54 triệu dân số thành thị, chiếm 50% tổng dân số và 21 triệu người ở độ tuổi 20 - nguồn cung lao động tiềm năng cho nền kinh tế và tỷ lệ dân số đô thị tăng lên 60% năm 2050 từ 36% của 2017. Những yếu tố này thúc đẩy nhu cầu sử dụng các sản phẩm Thực

phẩm và Đồ uống (F&B) như Bánh kẹo, Nước giải khát, Sữa kem... với Đường là nguyên liệu quan trọng. DT Ngành F&B đạt 40 tỷ USD năm 2021 từ 27 tỷ USD năm 2017, theo dự báo của Deloitte. Ngoài ra, cung cầu về Đường ở Việt Nam đang có mối tương quan ngược chiều khi từ Niên độ 2013-2014 trở lại đây, lượng Đường sản xuất có xu hướng giảm, trong khi nhu cầu tiêu thụ có xu hướng tăng dần lên. Việt Nam dự kiến cần thêm 1-1,5 triệu tấn Đường trong vài năm tới để phục vụ cho nhu cầu cá nhân và công nghiệp thực phẩm. Có thể kỳ vọng vào triển vọng tăng trưởng của Ngành Đường trong thời gian tới khi rủi ro với Ngành sẽ giảm dần vì giá Đường đang về mức vùng đáy lịch sử được thiết lập từ năm 2015.



Một điểm đáng lưu ý hiện nay là phần lớn Đường tiêu thụ ở các Kênh tiêu dùng trong nước là Đường không có nhãn mác, không truy xuất được nguồn gốc sản xuất và chất lượng sản phẩm không đồng nhất. Để xây dựng Ngành Đường Việt Nam PTBV và cạnh tranh được với Đường Thái Lan, Chính Phủ đã quyết tâm gia tăng các hoạt động xử lý vấn nạn đường lậu, tăng cường kiểm soát giá, chất lượng trên thị trường và tăng cường áp thuế cho Đường lậu. Ngoài ra, Hiệp hội Mía Đường Việt Nam cũng đưa ra cơ chế khuyến khích doanh nghiệp phát triển đa dạng các sản phẩm từ cây mía bằng cách áp dụng các giải pháp đồng bộ để giảm giá mía nguyên liệu và chấp nhận đóng cửa những nhà máy không đảm bảo được mục tiêu này.

Các doanh nghiệp hiện đang kỳ vọng trong thời gian tới Chính Phủ sẽ sớm thông qua việc xây dựng Luật Mía Đường, từ đó nâng tầm quan

trọng của Ngành Mía Đường trong danh mục nông sản quốc gia để có thể cộng hưởng với NĐ 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Mục tiêu đến năm 2020 sẽ có từ 80% đến 95% sản phẩm mía đường, tôm, cá ba sa; từ 15% đến 30% sản lượng chè, lúa hàng hóa, cà phê, trái cây xuất khẩu, rau an toàn... tiêu thụ thông qua chuỗi liên kết. Đi cùng với đó là thông tin tích cực và

thuận lợi cho Ngành khi Hiệp định ATIGA được giãn thời gian áp dụng thêm 2 năm đến 2020, là cơ hội cho 11 vạn hộ nông dân trồng mía, 38 vạn người lao động có thể chuẩn bị và kịp thích ứng cho hội nhập. Điều này được xem là phù hợp khi Chính phủ các quốc gia có thể mạnh về Đường trong khu vực như Thái Lan và Philippines đang trợ cấp mạnh mẽ cho Ngành Đường của họ cũng như triển khai các hoạt động bảo hộ thương mại.



TTC Biên Hòa nỗ lực mang sản phẩm Đường "Sạch" tới người tiêu dùng trong và ngoài nước

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TIỀN TIẾN NỀN TẢNG CHO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CẢI THIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

LÀ MỘT TRONG SỐ ÍT CÔNG TY TIỀN PHONG TẠI VIỆT NAM THỰC HIỆN MÔ HÌNH QTCT MỚI, HĐQT ĐÃ CHÍNH THỨC THÀNH LẬP TBKT VÀO THÁNG 5/2018.

Niên độ 2017-2018, Ngành Mía Đường không nhận được nhiều yếu tố hỗ trợ thuận lợi như các lĩnh vực khác. Các quyết sách của HĐQT vì vậy phải nhạy bén, kịp thời và phù hợp, nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty không biến động, giữ vững đà tăng trưởng ổn định cũng như không tách rời trách nhiệm với các BLQ đặc biệt là Người nông dân, Cộng đồng địa phương và Môi trường xã hội.

Trong năm qua, HĐQT đã lựa chọn hợp tác với đơn vị tư vấn QTDN chuyên nghiệp và uy tín IFC tư vấn cải tiến bộ máy QT, áp dụng nguyên tắc QTCT theo tiêu chuẩn quốc tế và thông lệ tốt nhất trên thị trường, song hành với phương châm hoạt động mà HĐQT quyết tâm thực hiện **"Phát triển bền vững cùng cây mía Việt Nam"**. Ngoài bộ Quy chế nội bộ về QTCT đã được thống nhất và ban hành đảm bảo tuân thủ các quy định QTCT mới nhất theo NĐ 71 và TT 95, HĐQT cũng đã chỉ đạo hoàn thiện bộ QCUX, bộ Quy chế GDBLQ nhằm xác định các chuẩn mực giao tiếp trong nội bộ và các BLQ, phòng chống tham nhũng, hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp, chế độ bảo vệ người tố giác; cũng như đảm bảo GDBLQ được thực hiện hợp lý và theo cơ chế thị trường, hạn chế tối đa các giao dịch gây bất lợi cho CĐ và NĐT.

Là một trong số ít công ty tiên phong tại Việt Nam thực hiện mô hình QTCT mới, HĐQT đã chính thức thành lập TBKT vào tháng 5/2018 sau khi xóa bỏ mô hình BKS vốn không phát huy được đầy đủ vai trò trách nhiệm bảo vệ quyền lợi của CĐ, NĐT. Chức năng giám sát độc lập được chuyển về HĐQT khi TBKT với sự tham gia của toàn bộ những TV HĐQT không ĐH, trong đó có 2 TV Tiểu ban là TV HĐQT độc lập, sẽ báo cáo trực tiếp cho HĐQT. HĐQT mong muốn tinh gọn bộ máy cũng như tập trung hóa vai trò của mình, trong đó quan trọng nhất là quan điểm tiết giảm chi phí ít nhất 5% DT bị thất thoát bởi gian lận theo nghiên cứu của PwC, sẽ được HĐQT hiện thực hóa trong thời gian sắp tới.

Cũng trong tháng 5/2018, HĐQT đã chính thức thành lập TBNS có sự tham gia của 1 TV HĐQT độc lập và Chủ tịch Tiểu ban là TV HĐQT không ĐH nhằm đảm bảo các quyết sách về nhân sự, thù lao hài hòa với định hướng phát triển trong dài hạn. TBNS ngoài việc thực hiện các chương trình định hướng cho TV HĐQT mới; ban hành các chính sách khuyến khích TV HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn; đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGD và CBQL chủ chốt; đánh giá năng lực hàng năm đối với tổng thể HĐQT, từng TV HĐQT, các Tiểu ban trực thuộc với quy trình đánh giá, tiêu chí dùng trong đánh giá rõ ràng minh bạch; nhiệm vụ trọng yếu sẽ là xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho HĐQT, TGD cũng như các nhân sự QL chủ chốt khác, đảm bảo nguồn nhân lực bền vững và liên tục.

Trước đó, vào tháng 4, HĐQT cũng thành lập TBCL với sự tham gia của 1 TV HĐQT độc lập, 1 Cố vấn độc lập cho BTGD và Chủ tịch Tiểu ban hiện là TV HĐQT không ĐH. Tiểu ban này sẽ hỗ trợ HĐQT những định hướng chiến lược phù hợp với quy mô hoạt động sau sáp nhập cũng như đi tắt đón đầu trong bối cảnh Ngành Đường không có nhiều yếu tố hỗ trợ. Với sự tham gia của TV HĐQT độc lập với 45 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Bán lẻ toàn cầu và Mía Đường, kỳ vọng TBCL sẽ góp phần mở rộng các kênh tiêu thụ của Công ty, đặc biệt là giữ vững địa bàn xuất khẩu tại Mỹ, Trung Quốc, Singapore, Sri Lanka, Myanmar, Kenya; cũng như vươn ra những thị trường mới vốn dĩ có những đòi hỏi khắt khe về chất lượng sản phẩm và quy trình sản xuất.



Quá trình kiểm tra chất lượng Đường nghiêm ngặt

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TIỀN TIẾN NỀN TẢNG CHO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

Nhằm tận dụng tối đa sức mạnh của những Tiểu ban được thành lập trong Niên độ 2017-2018, tránh hình thức và đi vào thực tiễn, HĐQT đang trong quá trình hoàn thiện Quy chế hoạt động, Cơ cấu quản trị, Điều lệ hoạt động của từng Tiểu ban theo đúng tiêu chuẩn ASEAN Scorecard, hướng đến hoạt động QTCT hiệu quả trong GD hội nhập của Ngành Mía Đường. Bên cạnh các Tiểu ban, một số Ban trực thuộc HĐQT như Ban Phát triển sản phẩm, Ban Xúc tiến M&A (tháng 4/2018), Hội đồng xử lý nợ (tháng 5/2018) cũng nhanh chóng được triển khai nhằm tham mưu cho HĐQT trong các lĩnh vực chuyên biệt.

Ban Phát triển sản phẩm có trách nhiệm lập và triển khai kế hoạch từng sản phẩm mới theo đúng lộ trình để cải thiện chuỗi giá trị Ngành Đường, nâng cao năng lực sản xuất cũng như hiệu quả cạnh tranh trên thị trường. Ban Xúc tiến M&A xác lập mục tiêu, xây dựng và thực hiện kế hoạch M&A, tìm kiếm các NĐT tiềm năng phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty cũng như lựa chọn những đơn vị tư vấn tài chính, định chế tài chính đủ năng lực, uy tín, chuyên môn để cùng hỗ trợ các hoạt động này. Hội đồng xử lý nợ tổ chức phân tích đánh giá hiện trạng nợ, đơn đốc theo dõi tiến độ thu hồi nợ; từ đó đưa ra phương án xử lý nợ đối với từng trường hợp, đảm bảo khả năng thanh toán luôn trong mức an toàn.

Ngoài ra, Deloitte Đông Nam Á cũng đã trở thành nhà tư vấn chiến lược thông qua Dự án “Strategy Review” nhằm tái

cơ cấu mô hình hoạt động, gia tăng sức cạnh tranh và tốc độ tăng trưởng trong tương lai của Công ty. Đáng chú ý là kế hoạch chuyển đổi hệ thống kế toán từ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam - VAS sang Chuẩn mực BCTC quốc tế - IFRS đang được thực hiện và sẽ sớm vận hành trong Niên độ 2018-2019, điều này trở thành bước đệm vững chắc cho việc gắn bó lâu dài của CĐ chiến lược nước ngoài cùng sự phát triển của Công ty. Trong số 2.090 công ty niêm yết trên TTCK Việt Nam tính đến 30/6/2018, chỉ có khoảng 10 doanh nghiệp tự nguyện lập BCTC theo IFRS, chiếm một con số khá khiêm tốn khoảng 0,5% và TTC Biên Hòa trở thành một trong số ít các Công ty trong danh sách. Để hiệu quả mang lại cho CĐ ngày càng thiết thực, HĐQT đã chỉ đạo áp dụng chuẩn mực CBTT theo ASEAN Scorecard với 2 ngôn ngữ Việt-Anh với nỗ lực đảm bảo quyền lợi không chỉ cho CĐ trong nước mà cả CĐ nước ngoài.

HĐQT muốn đảm bảo rằng Công ty đang có những bước chuẩn bị tốt nhất cho việc chào đón NĐT chiến lược nước ngoài trong Niên độ tiếp theo. Bên cạnh đó, với tư cách là một thành phần trong Rổ VN30 - Rổ Chỉ số bao gồm các cổ phiếu blue-chip trên TTCK với các chỉ tiêu hàng đầu về giá trị vốn hóa và thanh khoản, và xa hơn là trở thành tài sản cơ sở cho các sản phẩm ETF và phái sinh của các Chỉ số trong tương lai của HOSE; TTC Biên Hòa nỗ lực đóng góp một phần nhỏ trong hành trình nâng hạng TTCK Việt Nam từ Thị trường cận biên lên Thị trường mới nổi trong thời gian tới.



Ông Nguyễn Thanh Ngự - TGD (thứ 2 từ phải sang) đi thăm VNL cùng bà con nông dân

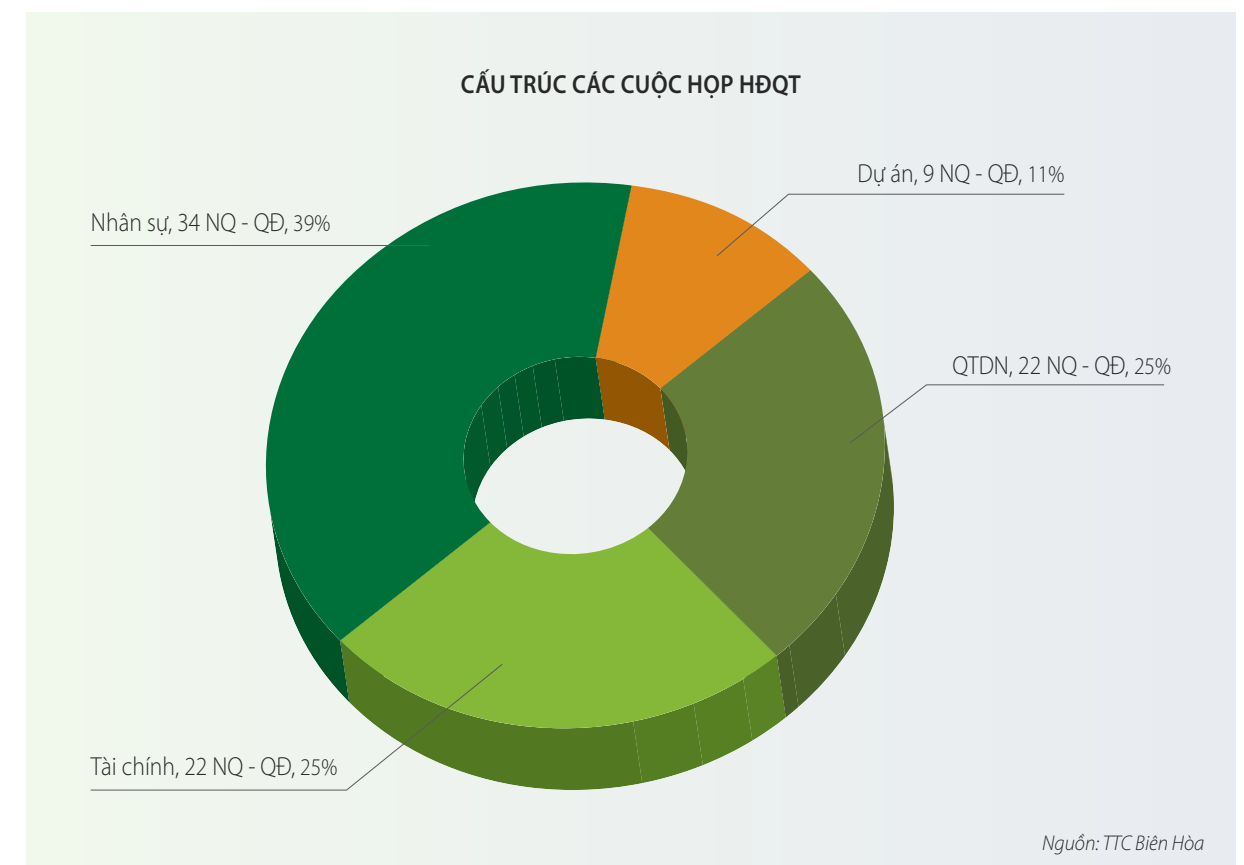


TỪ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN QUYẾT SÁCH

HĐQT đã triển khai các cuộc họp nhằm đảm bảo thực hiện nghiêm túc các NQ đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2016-2017, đảm bảo lợi ích cho CĐ, NĐT và các BLQ. Từ ngày 1/7/2017 đến 30/6/2018, HĐQT đã tiến hành 50 cuộc họp, ban hành tổng cộng 87 quyết sách bao gồm 34 NQ và 53 QĐ định hướng chiến lược cho 4 vấn đề trọng yếu là QTDN (25%), Tài chính (25%), Nhân sự (39%) và Dự án (11%).

Nhân sự là vấn đề nổi bật nhất trong Niên độ 2017-2018, chiếm 39% số lượng quyết sách được đưa ra do hậu sáp nhập, quy mô hoạt động của Công ty lớn gấp nhiều lần; HĐQT cần phải chuẩn bị một đội ngũ nhân sự đủ tâm và tầm để đưa Công ty đến mục tiêu 1,23 triệu tấn Đường trong Niên độ 2020-2021 và đưa thương hiệu Đường Việt Nam vươn tầm Khu vực. Niên độ 2017-2018, Công ty đã chính thức thay đổi mô hình QTCT theo tiêu chuẩn quốc tế đảm bảo 5 mục tiêu mà ASEAN Scorecard khuyến nghị: *Quyền của CĐ, Đối xử bình đẳng với CĐ, Vai trò các bên có quyền lợi liên quan, CBTT và minh bạch, và Trách nhiệm của HĐQT.*

Tài chính cũng là vấn đề trọng yếu trong các cuộc họp khi HĐQT có tới 22 các quyết định chỉ đạo liên quan đến tài chính, chiếm 25%. Trên thực tế, các quyết định chỉ đạo chủ yếu tập trung vào việc thực hiện các hoạt động chuyển dịch cơ cấu vốn theo hướng dài hạn và an toàn, đảm bảo nguồn lực tài chính ổn định cho quá trình **“Phát triển bền vững cùng cây mía Việt Nam”**. Tái cấu trúc tài chính nhằm tối ưu hóa cơ cấu vốn có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm việc thay đổi kỳ hạn, thời gian khoản vay; huy động các khoản vay mới dưới các hình thức khác nhau như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi; vốn hóa một phần hay toàn bộ khoản vay; phát hành cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi...



Nghị quyết/Quyết định	Thời gian	Nội dung	Số Quyết định	Thời gian	Nội dung
I. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP - 22 NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH					
9 NQ			13 QĐ		
19,20,23,26/2017/NQ-HĐQT	T9,10,11/2017	ĐHĐCĐ thường niên	30a,48,51/2017/QĐ-HĐQT 1,5,6,14 /2018/QĐ-HĐQT	T7,12/2017 T1,2,3/2018	Ban hành quy chế
38/2017/NQ-HĐQT	T 12/2017	Chủ trương giao dịch BLQ	10,11/2018/QĐ-HĐQT	T2/2018	Hệ thống cấp bậc, chức danh
24/2017/NQ-HĐQT	T11/2017	Hoạt động Công ty con	30b/2017/QĐ-HĐQT	T4,5/2018	Các Tiểu ban, Ban, Hội đồng
01/2018/NQ-HĐQT	T1/2018		15,19,20/2018/QĐ-HĐQT		
10,11/2018/NQ-HĐQT	T5/2018	Các Tiểu ban			
II. TÀI CHÍNH - 22 NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH					
17 NQ			5 QĐ		
15,17,18,21,25,27,30,34,36,37/2017/NQ-HĐQT	T9,10,11,12/2017	Hoạt động M&A	40,54/2017/QĐ-HĐQT	T9,12/2017	Chuyển nhượng cổ phần
07/2018/NQ-HĐQT	T4/2018				
32/2017/NQ-HĐQT	T12/2017	Chấm dứt hoạt động đầu tư tại Campuchia	42,43,50/2017/QĐ-HĐQT	T11,12/2017	Tăng vốn, đầu tư CTTV
33/2017/NQ-HĐQT	T12/2017	Chọn đơn vị KTĐL			
4,5/2018/NQ-HĐQT	T3/2018	Chuyển nhượng vốn, CPQ			
6,9/2018/NQ-HĐQT	T4,5/2018	Phát hành TP			
III. NHÂN SỰ - 34 NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH					
5 NQ			29 QĐ		
28,29/2017/NQ-HĐQT	T12/2017	Bổ nhiệm Nhân sự	33,34/2017/QĐ-HĐQT	T9/2017	Điều động nhân sự
35/2017/NQ-HĐQT	T12/2017	Phân quyền, phân công nhiệm vụ	25,26,37,41,45,52/2017/QĐ-HĐQT	T7,9,11,12/2017	Miễn nhiệm nhân sự
2,3/2018/NQ-HĐQT	T2/2018		02,09,16,18/2018/QĐ-HĐQT	T1,5/2018	
			27,28,29,30,31,35,36,32,46,47,53/2017/QĐ-HĐQT	T7,9,12/2017	Bổ nhiệm nhân sự
			03,4,7,8,13,17/2018/QĐ-HĐQT	T1,2,5/2018	
IV. DỰ ÁN - 9 NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH					
3 NQ			6 QĐ		
14,16/2017/NQ-HĐQT	T7,9/2017	Điều chỉnh dự án	39,39a/2017/QĐ-HĐQT 21/2018/QĐ-HĐQT	T9/2017	Chủ trương dự án
22/2017/NQ-HĐQT	T11/2017	Chủ trương dự án	44,49/2017/QĐ-HĐQT 12/2018/QĐ-HĐQT	T11,12/2017 T2/2018	Thành lập chi nhánh, ban quản lý dự án

Nguồn: TTC Biên Hòa

Về khía cạnh QT chiến lược, toàn bộ TV HĐQT của Công ty đều là TV HĐQT không ĐH cũng như căn cứ vào Điều lệ hoạt động của HĐQT, BKS và TBKT, những TV này đều không nhận lương, thưởng mà được chi trả thù lao. Tổng số thù lao nhận được trong Niên độ 2017-2018 của tất cả những TV này là 3,1 tỷ đồng, phù hợp với thời gian hoạt động thực tế của mỗi TV trong năm và không vượt quá mức thù lao mà ĐHĐCĐ đã thông qua là 6 tỷ đồng. Trong Niên độ 2017-2018, Công ty tiến hành tái cấu trúc bộ máy QT, do đó BKS đã được xóa bỏ từ 20/11/2017 và thay thế bằng việc thành lập TBKT vào tháng 5/2018, vì vậy tổng mức thù lao của BKS thực nhận chỉ là 278 triệu đồng. Đối với các TBKT, TBNS, TBCL, do mới được thành lập vào gần cuối Niên độ 2017-2018 nên các TV chưa nhận thù lao. Về khía cạnh ĐH và phát triển, BTGD và các CBQL khác nhận lương, thưởng trong năm tùy theo những đóng góp và thành tích đạt được với tổng cộng 5,3 tỷ đồng. Theo ghi nhận từ BCTC Niên độ 2017-2018 được kiểm toán bởi E&Y Việt Nam, tổng lương thưởng thù lao của HĐQT, BTGD và các CBQL khác ghi nhận 8,1 tỷ đồng, tăng 32% so với 6,1 tỷ đồng của Niên độ trước.

Với chi phí dịch vụ phi kiểm toán vượt trội gấp 3,3 lần so với dịch vụ kiểm toán là 7,6 tỷ đồng so với 2,3 tỷ đồng, HĐQT đang càng ngày thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến các hoạt động QTCT dựa trên mô hình chiến lược PTBV ESG (Môi trường - Xã hội - QT). HĐQT đã phân công Bà Đặng Huỳnh Ước My - TV HĐQT không ĐH chịu

trách nhiệm triển khai thực hiện dự án cải thiện QTCT với sự đồng hành hỗ trợ, theo dõi quá trình hoàn thiện định kỳ 6 tháng/lần từ phía IFC.

Sau khi thực hiện đánh giá, phân tích và tư vấn, IFC đã phối hợp cùng Công ty thực hiện 2 khóa đào tạo về QTDN cho tất cả LĐ cấp cao trong tháng 3 và tháng 6/2018 nhằm xây dựng một HĐQT hiệu quả, xử lý giao dịch với BLQ và xung đột lợi ích, minh bạch và CBTT theo Thẻ điểm ASEAN Scorecard. Diễn giả được mời là các Chuyên gia cao cấp quốc tế về QTDN như Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu và Quản lý Kinh tế Trung ương - CIEM, Chuyên gia QTDN và Chuyên gia cao cấp về Môi trường và Xã hội của IFC, Phó TGD PwC Việt Nam, đại diện duy nhất của Việt Nam trong Dự án của Thẻ điểm QTCT Khu vực ASEAN - một sáng kiến QTCT của các nước trong khu vực ASEAN nhằm thực thi kế hoạch hành động của Diễn đàn Thị trường vốn các nước ASEAN (ACMF).

Ngoài ra còn có những khóa đào tạo chuyên sâu dành riêng cho LĐ cao cấp, Người được ủy quyền CBTT, Thư ký kiêm người phụ trách QTCT về các hoạt động QTDN, KTNB được tổ chức bởi các Cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức đào tạo chuyên nghiệp, để kịp thời cập nhật những quy định mới. Tham gia những khóa đào tạo này là một phần trong lộ trình tăng cường năng lực hoạt động, nâng cao tính minh bạch để phát huy tối đa khả năng huy động nguồn vốn có chi phí phù hợp, phục vụ cho mục tiêu chiến lược đã được tư vấn bởi Deloitte.



STT	Họ tên	Chức vụ	Thu nhập thực nhận			Thời gian đảm nhiệm					Lý do	Các cuộc họp					Lý do vắng mặt	Khóa học
			Lương	Thưởng	Thù lao (Triệu đồng)	HĐQT	BKS	TBKT	TBCL	TBNS		HĐQT	BKS	TBKT	TBCL	TBNS		
A HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ																		
1	Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch HĐQT Chủ tịch TBCL Chủ tịch TBNS	NA	NA	360	1/7/2017-30/6/2018	NA	NA	20/4/2018-30/6/2018	29/5/2018-30/6/2018	NA	21 42%	NA	NA	4 100%	Mới thành lập	Công tác nước ngoài	1. Đào tạo QTCT - IFC tháng 3/2018 2. Đào tạo QTCT - IFC tháng 6/2018 3. Đào tạo dài hạn về Quản trị Nhà máy Đường - Thái Lan
2	Bà Nguyễn Thị Hoa	Phó Chủ tịch TT HĐQT	NA	NA	360	1/7/2017-30/6/2018	NA	NA	NA	NA	NA	50 100%	NA	NA	NA	NA	NA	1. Đào tạo QTCT - IFC tháng 3/2018 2. Đào tạo QTCT - IFC tháng 6/2018
3	Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch HĐQT	NA	NA	162	1/7/2017-20/11/2017	NA	NA	NA	NA	Từ nhiệm 20/11/2017	20 40%	NA	NA	NA	NA	Từ nhiệm 20/11/2017	Đào tạo QTCT - UBCKNN
4	Bà Đặng Huỳnh Ước My	TV HĐQT	NA	NA	1.200	1/7/2017-30/6/2018	NA	NA	NA	NA	NA	50 100%	NA	NA	NA	NA	NA	1. Đào tạo QTCT - UBCKNN 2. Đào tạo QTCT - IFC tháng 3/2018 3. Đào tạo QTCT - IFC tháng 6/2018
5	Nguyễn Thùy Vân	Phó Chủ tịch HĐQT Trưởng BKS Chủ tịch TBKT	NA	NA	314	20/11/2017-30/6/2018	1/7/2017-20/11/2017	15/5/2018-30/6/2018	NA	NA	Bổ sung TV HĐQT Thay đổi mô hình QTCT	19 38%	2 100%	1 100%	NA	NA	Là TV HĐQT từ 20/11/2017	1. Đào tạo QTCT - IFC tháng 3/2018 2. Đào tạo QTCT - IFC tháng 6/2018 3. Sổ tay hướng dẫn KTNB - UBCKNN 4. Cập nhật cách quy định mới và xu hướng phát triển KTNB tại VN - UBCKNN 5. Audit Committee Master Program - Viện TV HĐQT VN
6	Henry Chung	TV HĐQT độc lập TV TBKT Phó Ban TT TBNS	NA	NA	360	1/7/2017-30/6/2018	NA	15/5/2018-30/6/2018	NA	29/5/2018-30/6/2018	Bổ sung TBKT, TBNS	50 100%	NA	1 100%	NA	Mới thành lập	NA	Cư trú ở nước ngoài
7	See Beow Tean	TV HĐQT độc lập TV TBKT Phó Ban TBCL	NA	NA	180	20/11/2017-30/6/2018	NA	15/5/2018-30/6/2018	20/4/2018-30/6/2018	NA	Bổ sung TV HĐQT độc lập, TBKT, TBCL	30 60%	NA	1 100%	4 100%	NA	Là TV HĐQT từ 20/11/2017	Cư trú ở nước ngoài
B BAN KIỂM SOÁT																		
1	Nguyễn Thùy Vân - Trưởng BKS (Vui lòng xem phần HĐQT)																	
2	Huỳnh Thành Nhân	Kiểm soát viên	NA	NA	93	NA	1/7/2017-20/11/2017	NA	NA	NA	Thay đổi QTCT	NA	2 100%	NA	NA	NA	NA	Vai trò KTNB trong Công ty niêm yết - UBCKNN
3	Phạm Ngọc Thanh Mai	Kiểm soát viên	NA	NA	93	NA	1/7/2017-20/11/2017	NA	NA	NA	Thay đổi QTCT	NA	2 100%	NA	NA	NA	NA	Lý do cá nhân
C TIỂU BAN KIỂM TOÁN																		
1	Nguyễn Thùy Vân - Chủ tịch TBKT (Vui lòng xem phần HĐQT)																	
2	See Beow Tean - TV TBKT (Vui lòng xem phần HĐQT)																	
3	Henry Chung - TV TBKT (Vui lòng xem phần HĐQT)																	
D TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC																		
1	Phạm Hồng Dương - Chủ tịch TBCL (Vui lòng xem phần HĐQT)																	
2	See Beow Tean - Phó Ban TBCL (Vui lòng xem phần HĐQT)																	
3	Lê Ngọc Thông	Phó Ban	NA	NA	NA	NA	NA	NA	20/4/2018-30/6/2018	NA	Thay đổi QTCT	NA	NA	NA	4 100%	NA	NA	Không phát sinh các khóa đào tạo trong thời gian đương nhiệm
E TIỂU BAN NHÂN SỰ																		
1	Phạm Hồng Dương - Chủ tịch TBNS (Vui lòng xem phần HĐQT)																	
2	Henry Chung - Phó Ban TT TBNS (Vui lòng xem phần HĐQT)																	
3	Huỳnh Ngọc Sinh	TV	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	29/5/2018-30/6/2018	Thay đổi QTCT	NA	NA	NA	NA	Mới thành lập	NA	Không phát sinh các khóa đào tạo trong thời gian đương nhiệm

Nguồn: TTC Biên Hòa

CƠ CẤU THU NHẬP, THỜI GIAN ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ, CÁC KHÓA HỌC THAM GIA CỦA BTGD VÀ CÁC CBQL KHÁC

STT	Họ tên	Chức vụ	Thu nhập		Thời gian đảm nhiệm	Lý do thay đổi	Các khóa học
			Lương	Thưởng			
A BAN TỔNG GIÁM ĐỐC							
1	Nguyễn Thanh Ngữ	TGD	90%	10%	1/7/2017-30/6/2018	Đảm nhận chức vụ nguyên Niên độ	Đào tạo QTCT - IFC tháng 3/2018
2	Trần Quế Trang	Phó TGD TT	81%	19%	1/7/2017-30/6/2018		
3	Dương Thị Tô Châu	Phó TGD	89%	11%	1/7/2017-30/6/2018		Đào tạo QTCT - IFC tháng 6/2018
4	Nguyễn Quốc Việt	Phó TGD	84%	16%	1/7/2017-30/6/2018		
5	Lê Quang Hải	Phó TGD	90%	10%	5/12/2017-30/6/2018		
6	Trần Quốc Thảo	Phó TGD	83%	17%	7/7/2017-22/1/2018 13/2/2018-30/6/2018	Quá trình bố trí lại nhân sự nội bộ	
7	Trương Thanh	Phó TGD	100%	0%	22/1/2017-30/6/2018	Bổ nhiệm hết hiệu lực từ 21/7/2018	Đào tạo QTCT - IFC tháng 3/2018
B CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC							
1	Nguyễn Thị Thủy Tiên	GĐTC	100%	0%	1/7/2017-30/6/2018	Đảm nhận chức vụ nguyên Niên độ	Đào tạo QTCT - IFC tháng 3/2018
2	Lê Phát Tín	KTT	90%	10%	1/7/2017-30/6/2018		Đào tạo QTCT - IFC tháng 6/2018



TỪ QUYẾT SÁCH ĐẾN THỰC TIỄN

Trong GD hội nhập Ngành Mía Đường với nhiều biến động, Các TV HĐQT theo trách nhiệm và quyền hạn của mình vẫn hoàn thành tốt những công việc trọng tâm trong năm theo đúng tinh thần các NQ và QĐ của HĐQT, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu về kết quả HĐKD, hiện thực hóa chiến lược M&A, tăng vốn và quy mô hoạt động cũng như thực hiện lộ trình tái cấu trúc tài chính.

STT	Phụ trách	Hoạt động chính	Chi tiết hoạt động
1	Ông PHẠM HỒNG DƯƠNG Chủ tịch HĐQT	QTCT	» Thay đổi cơ cấu tổ chức hoạt động, phân quyền, phân nhiệm trong GD hậu sáp nhập. » Bổ sung 1 TV HĐQT độc lập, đảm số lượng theo quy định của Luật và thông lệ » Thành lập 3 Tiểu ban trực thuộc nhằm tăng tính hiệu quả hoạt động của HĐQT » Bổ nhiệm, miễn nhiệm các CBQL phù hợp với sơ đồ tổ chức » Thực hiện rà soát, thống nhất và ban hành hệ thống cấp bậc, chức vụ theo mô hình mới » Giám sát hoạt động của BTGD và các CBQL cấp cao » Hoạch định chiến lược cho Công ty và các CTTV trong trung hạn, dài hạn » Kịp thời có giải pháp trong giai đoạn thăng trầm của Ngành Đường » Giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh » Đảm bảo việc việc tuân thủ pháp luật, tình hình tổ chức triển khai thực hiện các NQ/QĐ của ĐHĐCĐ và HĐQT
	Bà NGUYỄN THỊ HOA Phó Chủ tịch TT HĐQT		
	Bà ĐẶNG HUỲNH ỨC MY TV HĐQT		
2	Ông PHẠM HỒNG DƯƠNG Chủ tịch HĐQT	CBTT	» Chỉ đạo thực hiện CBTT theo đúng quy định của Pháp luật trên mức tuân thủ: TT 155, TT 162, NĐ 71, TT 95, ASEAN Scorecard, CBTT song ngữ Việt- Anh, Tiêu chuẩn Báo cáo Tích hợp IIRC, Tiêu chuẩn Báo cáo PTBV GRI » Chỉ đạo ban hành Quy chế CBTT » Đảm bảo thông tin hoạt động công khai, minh bạch, kịp thời và chính xác. » Nâng cao hoạt động QHNDT, đảm bảo quyền lợi của CĐ, NĐT; đối xử công bằng với CĐ, NĐT và các BLQ
	Ông PHẠM HỒNG DƯƠNG Chủ tịch HĐQT		
3	Ông PHẠM HỒNG DƯƠNG Chủ tịch HĐQT	M&A	» Giám sát, triển khai các hoạt động M&A: HAGL Sugar (tháng 6/2017), BHS (tháng 9/2017), Xuất Nhập Khẩu BTCO (tháng 2/2018), Hải Vi (tháng 3/2018) » Hỗ trợ hoạt động cho hệ thống CTTV, đặc biệt đảm bảo hoạt động ổn định cho các công ty nhận sáp nhập
	Bà ĐẶNG HUỲNH ỨC MY TV HĐQT		
4	Ông PHẠM HỒNG DƯƠNG Chủ tịch HĐQT	Dự án	» Định hướng, giám sát việc triển khai các dự án quan trọng, tăng khả năng sản xuất của các nhà máy và đón đầu xu thế hội nhập » Cải thiện quy trình nghiệp vụ quản lý » Triển khai các dự án đã được phê duyệt chủ trương trong Niên độ trước: TTNĐ, Nhà máy sản xuất Phân hữu cơ vi sinh, Hệ thống sấy bã mía, Nhà máy cơ khí... » Định hướng và phê duyệt chủ trương nghiên cứu và đầu tư các dự án mới: Sấy bã mía, Tiết kiệm hơi, Đầu tư tăng công suất năng lực luyện, Điện mặt trời...
	Bà NGUYỄN THỊ HOA Phó Chủ tịch TT HĐQT		
	Ông LÊ VĂN DĨNH Phó Chủ tịch HĐQT		
5	Bà NGUYỄN THÙY VÂN TV HĐQT	QLRR	» Triển khai mô hình QTRR với 3 tuyến phòng vệ: ❖ Các bộ phận tham gia trực tiếp vào quá trình SXKD ❖ Các bộ phận đóng vai trò tư vấn, giám sát đảm bảo phát hiện kịp thời các sai sót và cải thiện các quy trình: Bộ phận Pháp chế, Bộ phận KSNB, Đảm bảo Chất lượng ❖ TBKT và Ban KTNB không thuộc BDH, đánh giá 2 tuyến phòng thủ trước và các rủi ro có thể xảy ra một cách độc lập và khách quan » Phân loại rủi ro dựa trên yếu tố tác động tới hoạt động kinh doanh: ❖ Rủi ro từ bên ngoài: Kinh tế, lãi suất, tỷ giá, chính sách pháp luật, xu thế tiêu dùng, đối thủ cạnh tranh ❖ Rủi ro nội tại: Nguyên liệu, chất lượng ❖ Chủ động nhận diện từng nhóm rủi ro cụ thể, chuẩn bị những giải pháp khắc phục, phòng tránh hiệu quả, đảm bảo hạn chế tới mức thấp nhất tác động tiêu cực của những rủi ro này.
	Ông HENRY CHUNG TV HĐQT độc lập		
	Ông SEE BEOW TEAN TV HĐQT độc lập		

ĐÁNH GIÁ VIỆC HOÀN THÀNH TRÁCH NHIỆM CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT, THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP VÀ BTGD

STT	Đơn vị	Chi tiết đánh giá
1	Ban Kiểm soát	» Nửa đầu Niên độ, BKS đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong việc giám sát tình hình thực hiện các NQ ĐHCĐ, tuân thủ pháp luật, hoạt động tài chính, hoạt động của các cơ quan quản trị, điều hành » BKS hỗ trợ và kiện toàn hệ thống KSNB; giữ vai trò nòng cốt trong việc rà soát, phát hiện và cải tiến hệ thống hoạt động; giúp HĐQT và BĐH an tâm, vững tin trong công tác QT, ĐH
2	Tiểu Ban Kiểm toán	» Kế thừa đội ngũ nhân sự giỏi chuyên môn cũng như kinh nghiệm nhiều năm trong BKS trước đây, TBKT thực hiện tốt các chức năng giám sát hoạt động của HĐQT và BTGD » Với chuyên môn sâu trong lĩnh vực kế toán-kiểm toán, TBKT góp phần quan trọng trong việc giám sát tạo lập và ban hành BCTC cũng như quá trình chọn lựa công ty KTĐL, đảm bảo số liệu BCTC phản ánh đúng và đủ hoạt động SXKD » TBKT quan tâm, sâu sát, phối hợp thường xuyên với hệ thống KSNB, KTNB, cùng cộng hưởng trở thành nền tảng vững chắc của quy trình QLRR
3	Tiểu Ban Chiến lược	» Ngay sau khi thành lập, TBCL đã phối hợp cùng đơn vị tư vấn Deloitte Đông Nam Á thực hiện rà soát và điều chỉnh chiến lược ngành Đường GD 2017-2018 đến 2020-2021 » TBCL đã lên kế hoạch triển khai chiến lược chung cho toàn Ngành, sau đó phân bổ cụ thể cho từng khối chức năng chính là xương sống cho hoạt động của Công ty trong giai đoạn tới » Đây là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng trong bối cảnh Ngành Đường trong nước và thế giới đang có nhiều biến động; Hiệp định ATIGA tuy đã được gia hạn thêm 2 năm nhưng những tác động trực tiếp của nó tới Ngành Đường là có thể dự báo được
4	Tiểu Ban Nhân sự	» Tuy chưa tổ chức một cuộc họp chính thức nào do chỉ được thành lập với thời điểm cuối Niên độ, nhưng TBNS trước đó trong quá trình làm việc đã tham gia xây dựng và tư vấn cho HĐQT các vấn đề liên quan đến nhân sự cấp cao » TBNS hỗ trợ chuẩn bị bộ máy nhân sự phù hợp, các chính sách lương thưởng cạnh tranh, hợp lý nhằm giữ chân nhân tài, tạo cơ sở vững chắc để hiện thực hóa các chiến lược đề ra
5	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	» 2 TV HĐQT độc lập nước ngoài bên cạnh việc đáp ứng đầy đủ những tiêu chuẩn theo quy định hiện hành để trở thành TV HĐQT độc lập, còn thể hiện một hệ thống kiến thức sâu rộng trong Ngành cũng như kinh nghiệm quý báu hoạt động trên thị trường quốc tế » TV HĐQT độc lập đóng vai trò quan trọng trong việc cố vấn chuyên môn, tham mưu các hoạt động QT, đảm bảo sự hiệu quả và minh bạch » Hỗ trợ các quyết định của HĐQT luôn được đưa ra một cách khách quan và độc lập, chất lượng ngày càng được nâng cao, quyền và lợi ích của mọi CĐ, NĐT luôn được đảm bảo » Ngoài nhiệm vụ chính, mỗi TV HĐQT độc lập còn tích cực tham gia và 2 trong 3 Tiểu ban, hỗ trợ đắc lực cho công tác Nhân sự và Chiến lược của HĐQT
6	Ban Tổng Giám đốc	» Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng tháng, quý và các cuộc họp bất thường, HĐQT thẳng thắn chất vấn và trao đổi cùng BTGD về các vấn đề liên quan tới quá trình hoạt động, thực hiện chiến lược SXKD và các mục tiêu đã được ĐHCĐ phê duyệt » HĐQT đánh giá cao nỗ lực của BTGD trong việc hoàn thành đa số các mục tiêu được ĐHCĐ thông qua, ngoài việc chưa thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu trong Niên độ 2017-2018 do điều kiện thị trường có thể làm ảnh hưởng đến việc pha loãng cổ phần » Niên độ 2017-2018 vẫn nằm trong xu hướng chưa thuận lợi đối với Ngành Đường, nhưng với sự chủ động hoạch định, dự báo và thực thi chiến lược tốt cùng sức mạnh cộng hưởng từ thương vụ sáp nhập với BHS, BTGD đã chỉ đạo vượt kế hoạch SXKD trong Niên độ 17-18, tiếp tục khẳng định vị thế số 1 của Ngành Đường Việt Nam.

PHÂN TÍCH SWOT - NHẬN DIỆN LỢI THẾ, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

S

1. Dẫn đầu về thị phần, năng lực sản xuất

- » 40% thị phần trong nước
- » VNL rộng lớn, chiếm 25% VNL cả nước, tập trung gần các nhà máy chế luyện
- » VNL nông trường được cơ giới hóa 100%
- » 9 Nhà máy với công nghệ tiên tiến, công suất ép mía lên tới 37.500 TMN
- » 4 Nhà máy có khả năng luyện Đường từ Đường thô
- » 1 Nhà máy có thể luyện Đường quanh năm
- » 1 Nhà máy có công suất lớn nhất cả nước

2. Sản phẩm đa dạng với chuỗi giá trị khép kín

- » 13 sản phẩm Đường với 47 tên thương mại, đáp ứng được mọi nhu cầu sử dụng của khách hàng
- » Sản phẩm Đường sạch, sản xuất theo công nghệ Châu Âu, đạt tiêu chuẩn ISO 9001 & ISO 22000
- » 4 sản phẩm Cạnh Đường-Sau Đường, đóng góp 7% DT
- » Thương hiệu lâu đời, sản phẩm đã được định vị trong suy nghĩ người tiêu dùng

3. Mạng lưới kinh doanh rộng khắp, hệ thống phân phối thuận tiện

- » 4 Kênh phân phối
- » B2B và B2C đều là thế mạnh vượt trội
- » Xuất khẩu vươn tới 6 thị trường lớn, chuẩn bị sẵn sàng để khai thác những thị trường mới
- » Hệ thống kho bãi lưu trữ, phân phối thuận lợi, có thể phục vụ khách hàng trên toàn quốc cũng như xuất khẩu

4. Đội ngũ nhân sự tiềm năng

- » BLĐ nhiều năm kinh nghiệm trong Ngành Mía Đường
- » Xây dựng định hướng chiến lược rõ ràng, chi tiết
- » Hỗ trợ từ IFC, Deloitte trong QTCT và định hướng chiến lược
- » Chủ động đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế trong QTDN, CBTT, Quản trị tài chính

W

- » Chi phí chế luyện Đường, chi phí vận chuyển cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới, dẫn tới giá thành cao
- » Khoa học công nghệ còn chưa được áp dụng rộng rãi
- » Chất lượng mía còn thấp, chử Đường chưa cao
- » Chưa khai thác hết chuỗi giá trị Ngành Đường
- » Các sản phẩm Cạnh Đường-Sau Đường chưa đem lại Biên LN như kỳ vọng
- » Chi phí lãi vay cao do mở rộng quy mô hoạt động sau M&A

O

- » Giá Đường thế giới được kỳ vọng bật tăng trở lại do tác động của kinh tế vĩ mô, sản lượng tiêu thụ ổn định trong khi sản lượng sản xuất giảm
- » Nhu cầu sử dụng xăng sinh học tăng trở lại
- » Khi Hiệp định ATIGA có hiệu lực, Công ty có cơ hội tiếp cận với thị trường 650 triệu dân của Khu vực Đông Nam Á, tiếp cận với nguồn nguyên liệu Đường thô giá rẻ mà không phải chịu thuế ngoài hạn ngạch
- » Việt Nam có tốc độ tăng trưởng cao, đặc biệt sự gia tăng của tầng lớp trung lưu và thượng lưu
- » Cơ cấu dân số trẻ do đó nhu cầu được cung cấp năng lượng lớn
- » Mức độ tiêu thụ Đường bình quân đầu người còn thấp và được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh
- » Nhu cầu sử dụng năng lượng ngày càng tăng cũng như sự thiếu hụt nguồn cung của các sản phẩm xăng dầu ở Việt Nam
- » Chính Phủ hiện có kế hoạch nhằm hỗ trợ giá điện cho những đơn vị sản xuất điện từ Bã mía, dự kiến tăng từ 5,8 lên 7,5 cents/KWh
- » Chính Phủ siết chặt giám sát chống buôn lậu, gian lận thương mại, tăng cường áp thuế cho Đường lông và kiểm soát chất lượng Đường
- » Hiệp định ATIGA được gia hạn tới năm 2020, tạo cơ hội cho Công ty có thêm thời gian để nâng cao năng lực sản xuất, hạ giá thành sản phẩm

T

- » Tồn kho trong nước cao
- » Tình trạng Đường nhập lậu diễn biến phức tạp đã tác động không nhỏ đến giá Đường
- » Đường Thái Lan, Đường nhập lậu, Đường lông với giá rẻ tạo sức ép lớn cho giá Đường trong nước
- » Người nông dân chưa thực sự gắn bó với cây mía do không có lời như các cây trồng khác, gây ảnh hưởng tới VNL
- » Biến đổi khí hậu dẫn tới thời tiết thay đổi bất thường, hạn hán, lũ lụt làm ảnh hưởng tới chất lượng cây mía, trữ Đường thấp

Mặc dù Niên độ 2017-2018 xét trên nhiều phương diện, HĐQT đã chỉ đạo BTGD hoàn thành tốt vai trò, trách nhiệm của một Công ty dẫn đầu Ngành, nhưng vẫn còn nhiều điểm cần cải thiện vì mục tiêu xa hơn của TTC Biên Hòa là vươn tầm khu vực và có khả năng cạnh tranh được với Đường Thái Lan trên thị trường thế giới. Tuy việc xây dựng đội ngũ LĐ kế thừa đã và đang được thực hiện nhưng chưa có chính sách người kế nhiệm rõ ràng, chi tiết và kế hoạch cụ thể về đội ngũ nhân sự kế thừa. Với quy mô hoạt động và vị thế của Công ty trong Ngành, số lượng TV HĐQT cần phải được tăng thêm để đáp ứng khối lượng công việc ngày càng gia tăng.

Ngoài ra, theo tiêu chuẩn ASEAN Scorecard, Chủ tịch TBNS cũng như TBKT cần phải là TV HĐQT độc lập và tất cả TV trong TBKT phải là TV HĐQT độc lập để đảm bảo được tính minh bạch và độc lập trong mọi quyết định. Vì vậy, việc bổ sung thêm ít nhất một TV HĐQT độc lập là vấn đề cần suy xét. Thực tế áp dụng toàn bộ mô hình KSNB theo COSO - Ủy ban thuộc Hội đồng Quốc gia Hoa Kỳ về chống gian lận khi lập BCTC tại TTC Biên Hòa chưa tổ chức được vòng 2, tức là chưa có bộ phận QLRR độc lập để theo dõi và giám sát rủi ro thường xuyên.



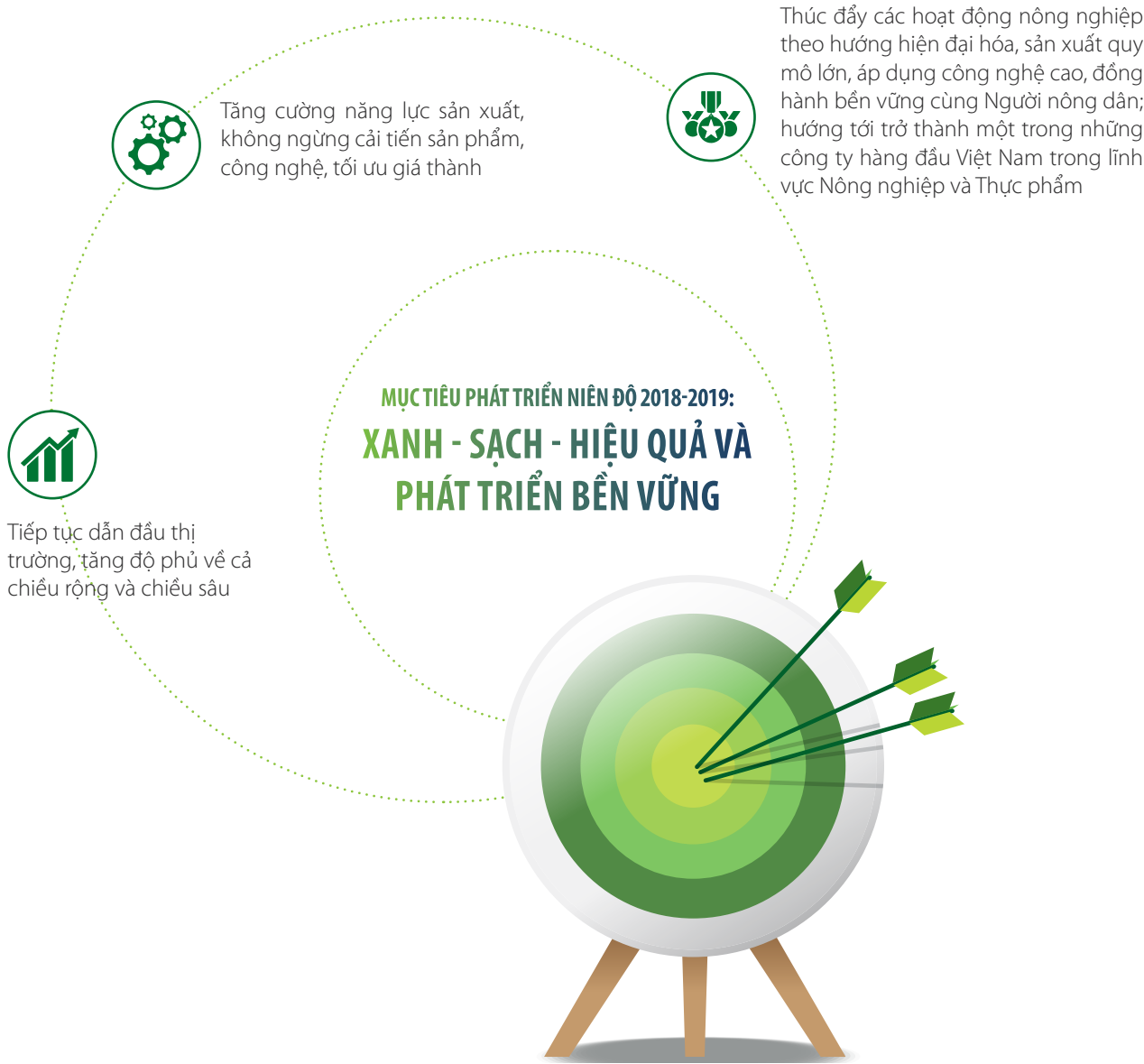
MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NIÊN ĐỘ 2018-2019: XANH - SẠCH - HIỆU QUẢ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NIÊN ĐỘ 2018-2019, CÔNG TY TIẾP TỤC PHÁT HUY HIỆU QUẢ CỘNG HƯỞNG TỪ HOẠT ĐỘNG M&A VỚI BHS, HAGL SUGAR; ĐẨY MẠNH TÁI CẤU TRÚC, MỞ RỘNG QUY MÔ HOẠT ĐỘNG THÔNG QUA CÁC THƯƠNG VỤ M&A KHÁC VỚI NHỮNG CÔNG TY CÙNG NGÀNH ĐỂ KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH, CHUẨN BỊ NỘI LỰC VỮNG VÀNG, SẴN SÀNG HỘI NHẬP KHI MỞ CỬA THỊ TRƯỜNG ĐƯỜNG.

Công ty đã và đang trong quá trình hiện thực hóa chiến lược cho GD 2016-2021, tập trung các hoạt động SXKD theo định hướng cốt lõi **“Xanh - Sạch - Hiệu quả và Phát triển bền vững”**. Để chuẩn bị và sẵn sàng cho một GD đầy thách thức nhưng cũng không thiếu những cơ hội, Niên độ 2018-2019, HĐQT sẽ tiếp tục duy trì việc tổ chức các cuộc họp mỗi quý để thảo luận về các vấn đề liên quan tới QTCT cũng như thực hiện chiến lược 50% thị phần, 1,23 triệu tấn Đường với tỷ lệ tăng trưởng kép 23%.

Niên độ 2018-2019, Công ty tiếp tục phát huy hiệu quả cộng hưởng từ hoạt động M&A với BHS, HAGL Sugar; đẩy mạnh tái cấu trúc, mở rộng quy mô hoạt động

thông qua các thương vụ M&A khác với những công ty cùng Ngành để không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, chuẩn bị nội lực vững vàng, sẵn sàng hội nhập khi mở cửa thị trường Đường. Mục tiêu phát triển của Công ty sẽ tập trung vào 3 nhóm chính: (1) Tiếp tục dẫn đầu thị trường, tăng độ phủ về cả chiều rộng và chiều sâu, (2) Tăng cường năng lực sản xuất, không ngừng cải tiến sản phẩm cũng như công nghệ, từ đó tối ưu giá thành, (3) Thúc đẩy các hoạt động nông nghiệp theo hướng hiện đại, sản xuất quy mô lớn, áp dụng công nghệ cao, đồng hành bền vững cùng Người nông dân; hướng tới trở thành một trong những công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm.



NỘI DUNG CÁC VẤN ĐỀ DỰ KIẾN SẼ THÔNG TRONG CUỘC HỌP HĐQT NIÊN ĐỘ 2018-2019

STT	Nội dung dự kiến	Thời gian họp HĐQT dự kiến
1	Tình hình thực thi chiến lược	Quý I, II, III, IV Niên độ 2018-2019
2	Phê duyệt các khoản vay	
3	Phê duyệt Quy chế/Chính sách	
4	Bổ nhiệm cán bộ	Quý I, III Niên độ 2018-2019
5	Phê duyệt BCTC kiểm toán năm, BCTC soát xét bán niên	
6	Tài liệu Tổ chức ĐHĐCĐ	Quý I Niên độ 2018-2019
7	Chính sách đầu tư	
8	Phê duyệt BCTN Niên độ 2017-2018	Quý II, IV Niên độ 2018-2019
9	Phê duyệt mục tiêu, kế hoạch ngân sách	
10	Đánh giá kết quả thực hiện năm, thi đua khen thưởng Niên độ 17-18	Quý IV Niên độ 2018-2019

Với niềm tin vào một giai đoạn khởi sắc trở lại của Ngành Đường, định hướng chiến lược trung và dài hạn Giai đoạn 2017-2018 đến 2020-2021 của TTC Biên Hòa là tập trung vào SXKD theo định hướng cốt lõi “**Xanh - Sạch - Hiệu quả và Phát triển bền vững**”. Niên độ 2018-2019, HĐQT đẩy mạnh hoàn thiện mô hình QTCT hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Trong đó, nổi bật là tập trung hoạt động R&D để đa dạng hóa danh mục, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng hệ thống phân phối nhằm tăng trưởng thị phần. Niên độ 2020-2021 đặt mục tiêu sản lượng tiêu thụ đạt 1,23 triệu tấn Đường với tỷ lệ tăng trưởng kép 23%, dẫn đầu các kênh Khách hàng Doanh nghiệp B2B, Tiêu dùng B2C và Xuất khẩu.



Sản phẩm Đường phèn cao cấp trong chuỗi sản phẩm Đường đa dạng của TTC Biên Hòa

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CHO NIÊN ĐỘ 2018-2019

HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, TRỞ THÀNH MỘT TRONG NHỮNG DOANH NGHIỆP NGÀNH NÔNG NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

- 1 Tiếp tục dẫn đầu thị trường Đường trong nước về sản lượng tiêu thụ, đạt mục tiêu tiêu thụ hơn 846.000 tấn.
- 2 Phân đầu chuyển từ việc cung cấp một mặt hàng tiêu dùng đơn thuần trở thành những sản phẩm tốt, có lợi cho sức khỏe, gắn bó bền vững với khách hàng, người tiêu dùng bằng cách đa dạng hóa danh mục sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm “**Xanh - Sạch - Tốt cho sức khỏe**” như Đường hữu cơ, Đường ăn kiêng, Đường phèn cao cấp...
- 3 Gia tăng các hoạt động xử lý vấn nạn Đường lậu, tìm cách thay thế bằng các sản phẩm Đường phù hợp.
- 4 Tập trung công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật ứng dụng trong nông nghiệp, tăng cường công tác khuyến nông tập trung: cày ngầm, tưới, cơ giới hóa hiệu quả, canh tác giới hạn, thiết kế đồng ruộng...
- 5 Quản lý tốt định mức và chi phí chế luyện, thực hiện tốt công tác bảo trì dự báo.
- 6 Phát triển hệ thống phân phối, tối ưu hóa chi phí vận chuyển, xây dựng đội ngũ nhân viên bán hàng chuyên nghiệp, chủ động đồng hành cùng khách hàng.
- 7 Tập trung đào tạo đội ngũ kế thừa, tạo điều kiện phát triển và trọng dụng nhân tài.
- 8 Xây dựng cấu trúc tài chính theo IFRS, phù hợp chuẩn mực quốc tế, tiếp tục hoàn tất công tác triển khai các dự án CNTT như QTRR Tài chính FRM, Quản lý quan hệ khách hàng CRM, Quản lý phân phối bán hàng DMS, Quản lý nguồn lực ERP, Dịch vụ Doanh nghiệp thông minh BI...

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



NÔNG NGHIỆP

TTC Biên Hòa định hướng dẫn đầu cả nước về VNL, tiên phong trong việc áp dụng kỹ thuật công nghệ cao trong hoạt động nông nghiệp

- » Ngành nông nghiệp cần chuyển mình một cách mạnh mẽ từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất quy mô lớn, áp dụng khoa học kỹ thuật công nghệ cao, triển khai đầu tư cơ giới hóa, thiết kế đồng ruộng.
- » Chú trọng giảm thiểu rủi ro thời tiết, ứng phó biến đổi khí hậu, cung cấp các dẫn chất phù hợp cho đất, sử dụng canh tác hữu cơ, canh tác chính xác.
- » Nghiên cứu và phát triển các loại giống năng suất chữ Đường tốt, áp dụng kỹ thuật canh tác hiệu quả nhằm tăng năng suất và chất lượng mía. Mục tiêu năng suất mía đầu tư đạt 100 tấn/ha.
- » Đảm bảo duy trì VNL đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất, đặc biệt phát triển mạnh diện tích mía hữu cơ, hướng tới diện tích 2.500 ha vào năm 2021.



CHUỖI CUNG ỨNG

TTC Biên Hòa định hướng mở rộng sang khu vực Đông Dương, sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế

- » Xây dựng hệ thống, quy trình sản xuất đạt chuẩn mực thế giới, từ đó tiết giảm chi phí sản xuất ở mức tương đương với các quốc gia Mía Đường trong khu vực.
- » Không ngừng cải tiến dây chuyền sản xuất, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới phục vụ đa dạng nhu cầu của người tiêu dùng, đáp ứng các yêu cầu cụ thể về sản phẩm của các kênh khách hàng riêng biệt.
- » Cung cấp sản phẩm Đường chất lượng cao và đa dạng, không chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng mà còn không ngừng vươn tới các tiêu chuẩn cao hơn về môi trường và xã hội.
- » Cải thiện mạng lưới kho vận, ứng dụng quản lý kho vận bằng phần mềm tối ưu hoá nhằm giảm chi phí HTK và giảm thời gian giao hàng.



KINH DOANH

TTC Biên Hòa định hướng trở thành một đơn vị có quy mô và hoạt động trên thị trường quốc tế với vai trò Sản xuất - Nhập khẩu - Xuất khẩu với sản lượng mục tiêu tới Niên độ 2020-2021 đạt trên 1,23 triệu tấn

- » Kênh Công nghiệp lớn MNC:
 - ❖ Tăng cường hợp tác chiến lược với hệ thống khách hàng thân thiết.
 - ❖ Đi vào chiều sâu các giải pháp sản phẩm để cùng khách hàng tiết giảm chi phí, thúc đẩy phát triển ổn định và bền vững.
- » Kênh Tiêu thụ công nghiệp SME và Kênh Tiêu dùng B2C:
 - ❖ Là những kênh có khả năng tăng trưởng cao do xu hướng phát triển mạnh của ngành hàng và nhu cầu tiêu dùng tăng cao, còn rất nhiều cơ hội trong khoảng trống thị phần.
 - ❖ Nhân rộng lợi thế thương hiệu Đường Biên Hòa đã đi sâu vào nhận thức của người tiêu dùng để đẩy mạnh việc phân phối sản phẩm bao phủ trên toàn quốc, kể cả những khu vực miền núi, vùng xa. Chú trọng tăng cường mức độ nhận biết về thương hiệu để tạo sự “kết dính”.

TTC BIÊN HÒA ĐÃ VÀ ĐANG TỪNG BƯỚC CHUYỂN MÌNH, ĐÓN ĐẦU CƠ HỘI TRONG GIAI ĐOẠN HỘI NHẬP, CHỦ ĐỘNG ĐỐI DIỆN VỚI CÁC THÁCH THỨC VÀ KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH, PTBV NHẪM HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU TRỞ THÀNH ĐƠN VỊ TIÊN PHONG TRONG NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM VÀ TIẾP TỤC GIỮ VỮNG VỊ TRÍ DẪN ĐẦU NGÀNH ĐƯỜNG BA NƯỚC ĐÔNG DƯƠNG.

GIỚI THIỆU TV HĐQT ĐỘC LẬP

Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông See Beow Tean	TV HĐQT độc lập kiêm, TV TBKT, Phó Ban TBCL	Vui lòng xem phần Giới thiệu HĐQT trang 56
Ông Henry Chung	TV HĐQT độc lập kiêm, TV TBKT, Phó Ban Thường trực TBNS	Vui lòng xem phần Giới thiệu HĐQT trang 56

ĐHĐCĐ thường niên Niên độ 2016-2017 diễn ra vào ngày 20/11/2017 đã thống nhất bổ nhiệm thêm Ông See Beow Tean sinh năm 1953, quốc tịch Malaysia làm TV HĐQT độc lập của Công ty; nâng số lượng TV HĐQT độc lập lên 2/6, chiếm hơn 33% số TV HĐQT, phù hợp chuẩn mực về QTCT theo NĐ 71/2017/NĐ-CP ban hành ngày 06/06/2017. Tất cả các tiêu chuẩn bắt buộc phải đáp ứng để trở thành TV HĐQT độc lập đều được Công ty áp dụng theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Với vai trò của TV HĐQT độc lập, Ông Henry Chung và Ông See Beow Tean đồng thời tham gia làm TV của TBKT, và lần lượt là Phó Ban Thường trực TBNS và Phó Ban TBCL. Việc thành lập các Tiểu ban trong Niên độ 2017-2018 với Điều lệ hoạt động được xác định rõ ràng đã giúp các TV HĐQT độc lập xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của mình, hỗ trợ tối đa HĐQT trong việc giám sát điều hành Công ty một cách độc lập, bảo vệ lợi ích của CĐ và NĐT theo tiêu chuẩn QTCT mới nhất - Thẻ điểm QTCT Khu vực ASEAN và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD).



CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA TV HĐQT ĐỘC LẬP TRONG NIÊN ĐỘ 2017-2018

Với vai trò chất vấn, giám sát và tham mưu hoạt động QTCT, TV HĐQT độc lập không ĐH góp phần dung hòa lợi ích của các CĐ, NĐT và đặc biệt bảo vệ quyền và lợi ích của CĐ thiểu số, một bộ phận CĐ không có nhiều điều kiện về mặt tiếp nhận thông tin và phân tích dự báo hoạt động của Công ty. TV HĐQT độc lập của TTC Biên Hòa đã hoàn thành nhiệm vụ được phân công bởi HĐQT thông qua hàng loạt những hoạt động, điển hình:

- » Hỗ trợ HĐQT thực hiện việc QTCT hiệu quả và minh bạch bằng cách cải thiện các vấn đề liên quan đến những tiêu chuẩn QTDN hiện đại; giám sát việc thực hiện CBTT theo thông lệ tốt trên thị trường; soát xét BCTC để đảm bảo số liệu trung thực và hợp lý; gia tăng hoạt động KSNB, KTNB để nâng tầm hoạt động QTRR; nhận thức và đánh giá đúng mực vai trò của KTĐL; giám sát và đưa ra ý kiến về xung đột lợi ích và giao dịch với các BLQ;

- » Tham mưu và đề xuất các vấn đề liên quan đến công tác nhân sự cho HĐQT, bao gồm: (1) Bộ tiêu chuẩn nhân sự áp dụng cho tất cả các cấp bậc trong Công ty, đặc biệt là đánh giá năng lực, hiệu quả làm việc của TV HĐQT, TGD và CBQL bao gồm sơ cấp, trung cấp và cao cấp; (2) Định hướng và phát triển nguồn CBQL; (3) Xây dựng các quy định, đánh giá quy mô và cơ cấu về chế độ lương, thưởng, thù lao và các chính sách đãi ngộ khác cho các TV HĐQT, TGD và CBQL;
- » Tham mưu và hỗ trợ các vấn đề liên quan định hướng chiến lược của HĐQT, bao gồm: (1) Phê chuẩn tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược dài hạn; (2) Giám sát việc lập, triển khai và thực thi chiến lược; (3) Phụ trách định hướng về PTBV và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BTGD TRONG NIÊN ĐỘ 2017-2018

Trong Niên độ 2017-2018, HĐQT đã tổ chức một cách có trách nhiệm các cuộc họp định kỳ để đưa ra các quyết định mang tính chất định hướng, chỉ đạo cho BDH triển khai hoạt động kinh doanh theo đúng chiến lược phát triển của Công ty. HĐQT đã ban hành các NQ và QĐ trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình; theo đúng trình tự và thủ tục của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế QTCT, phù hợp với thực tiễn kinh doanh, đáp ứng được yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển. Đây là một năm đầy thách thức của Ngành Đường khi đứng trước ngưỡng cửa hội nhập, cùng lúc rơi vào chu kỳ đầy, các cuộc họp kịp thời đã đưa ra những quyết sách nhằm:

- » Xem xét và điều chỉnh kịp thời chiến lược phát triển của Công ty trong giai đoạn từ 2017-2018 đến 2020-2021;
- » Quyết định kế hoạch phát triển SXKD và ngân sách của Niên độ 2017-2018;
- » Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty theo tư vấn của IFC sau khi hoàn tất công tác M&A;
- » Quyết định các dự án đầu tư và dự án R&D theo định hướng chiến lược;
- » Quyết định chính sách đầu tư đối với nông dân trồng mía.

Bên cạnh đó, BTGD Công ty cũng đã linh động trong công tác điều hành trước những biến động không ngừng của thị trường và tuân thủ các định hướng, chỉ đạo chiến lược của HĐQT, điển hình:

- » Hoàn tất thực hiện thủ tục sáp nhập BHS vào TTC Biên Hòa;
- » Triển khai các dự án đầu tư nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất, như Dự án Sấy bã mía, Dự án Năng lượng mặt trời, Dự án Tiết kiệm hơi...;
- » Tiếp tục phát triển đa dạng hóa sản phẩm với việc nâng động giới thiệu sản phẩm mới ra thị trường;
- » Thực hiện các chương trình khuyến mãi, truyền thông về Đường sạch, triển khai sản xuất sản phẩm Đường Organic, nhằm đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ và phục vụ đa dạng nhu cầu khách hàng;
- » Hoàn thiện công tác phân công, phân nhiệm và hoàn thành hệ thống văn bản lập quy để đảm bảo bộ máy vận hành thông suốt.

Theo đánh giá của TV HĐQT độc lập, trong Niên độ 2017-2018, BDH Công ty đã hoàn thành được các mục tiêu về DT, LN được ĐHĐCĐ giao phó.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2018-2019

- » Ông Henry Chung và Ông See Beow Tean dự kiến sẽ tiếp tục đồng hành cùng TTC Biên Hòa với vai trò là TV HĐQT độc lập. Trong Niên độ tới, Ông See Beow Tean với kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực kinh doanh đối với ngành hàng tiêu dùng, sẽ liên tục cập nhật các biến động của thị trường trong và ngoài nước, kịp thời tham mưu, đề xuất các điều chỉnh cần thiết; từ đó giám sát việc triển khai và thực thi chiến lược, nhằm hướng tới mục tiêu đưa Ngành Đường của TTC Biên Hòa PTBV và vươn tầm khu vực.
- » Với vai trò là Phó Ban Thường trực của TBNS, Ông Henry Chung sẽ không ngừng hoàn thiện bộ tiêu chuẩn nhân sự cũng như đưa ra các đề xuất về chế độ lương, thưởng, thù lao nhằm thu hút và giữ chân nhân tài. Ông cũng sẽ cùng TBNS sâu sát hơn trong quá trình đánh giá năng lực của các TV HĐQT, TGD và CBQL để kịp thời có những điều chỉnh về mặt chiến lược nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả điều hành hoạt động, hỗ trợ đắc lực cho chiến lược 50% thị phần nội địa trong Niên độ 2020-2021.

- » TV HĐQT độc lập sẽ tiếp tục đóng vai trò như người giám sát, làm giảm nguy cơ lạm dụng quyền hạn của những người QL, ĐH; góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của CĐ, NĐT, đặc biệt là các CĐ nhỏ lẻ trong bối cảnh cơ cấu CĐ hiện nay của TTC Biên Hòa có tới 42,8% là CĐ trong nước và 7,33% là CĐ nước ngoài, theo số liệu chốt đến ngày 30/6/2018.
- » Ngoài ra, là những TV HĐQT độc lập không ĐH đan xen hợp lý với những TV HĐQT không ĐH sẽ đảm bảo đưa ra những quyết định không thiên vị, gây xung đột về lợi ích giữa các CĐ, tạo ra đối trọng để hài hòa lợi ích giữa các nhóm CĐ, đồng thời quan tâm tới cả những BLQ khác. Từ đó, bảo vệ uy tín Công ty, giữ vững lòng tin với khách hàng, “giữ chân” nhân tài... nhằm hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra khi TTC Biên Hòa phải tiếp tục khẳng định vị thế của mình đối với Ngành Mía Đường Việt Nam.

GIỚI THIỆU TIỂU BAN KIỂM TOÁN

Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
Bà Nguyễn Thùy Vân	Chủ tịch TBKT kiểm TV HĐQT	Vui lòng xem phần Giới thiệu HĐQT trang 55
Ông See Beow Tean	TV TBKT kiểm TV HĐQT độc lập	Vui lòng xem phần Giới thiệu HĐQT trang 56
Ông Henry Chung	TV TBKT kiểm TV HĐQT độc lập	Vui lòng xem phần Giới thiệu HĐQT trang 56

HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN

DỰA THEO MÔ HÌNH QTCT MỚI ĐƯỢC ÁP DỤNG THEO CHUẨN QUỐC TẾ VÀ THÔNG LỆ TỐT TRÊN THỊ TRƯỜNG, TBKT ĐÃ ĐƯỢC THÀNH LẬP TRỰC THUỘC HĐQT THAY THẾ BKS TRƯỚC ĐÂY KỂ TỪ NGÀY 15/5/2018.

Tiểu ban gồm 3 TV trong đó đảm bảo 2/3 số TV Tiểu ban là TV HĐQT độc lập, nhằm thực hiện chức năng giám sát và kiểm soát một cách độc lập, minh bạch đối với việc điều hành Công ty. Mô hình mới này được vận hành dưới sự nỗ lực của HĐQT và TBKT sẽ bảo vệ tốt nhất quyền lợi của CĐ, NĐT và hướng đến PTBV của TTC Biên Hòa.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 30/6/2018, TBKT đã tổ chức 1 cuộc họp trực tiếp với sự tham gia của cả 3 TV vào tháng 5/2018 và một số cuộc họp hội ý thông qua hội nghị trực tuyến cũng như thư điện tử. Tuy TBKT được thành lập gần cuối Niên độ 2017-2018 nhưng các TV đã tiếp nối nhanh chóng các công việc của BKS trước đây, thực hiện rà soát tổng hợp các công việc của BKS và đánh giá các hoạt động của Công ty để báo cáo kết quả lên HĐQT. Có thể tóm tắt kết quả hoạt động của TBKT như sau:

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2017-2018

Giám sát hoạt động của HĐQT và BTGD

Qua xem xét các công việc kiểm tra đánh giá của BKS trước đây đối với hoạt động của HĐQT và BTGD, TBKT ghi nhận các kết quả sau:

- » Các hoạt động của Công ty phù hợp với nội dung trong GPĐKDN, Điều lệ và tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, chế độ quản lý của Nhà nước cũng như chế độ kế toán tài chính;
- » Hoạt động của HĐQT và BTGD phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- » HĐQT và BTGD đã thực hiện đầy đủ các chỉ đạo về sản xuất và kinh doanh theo đúng NQ ĐHĐCĐ đã đề ra;
- » BTGD đã thực hiện đầy đủ các chỉ đạo theo đúng các NQ của HĐQT.



Giám sát BCTC

TBKT đã thực hiện giám sát BCTC Quý, 6 tháng và năm trước khi BDH trình HĐQT, ĐHĐCĐ hoặc công bố ra bên ngoài theo quy định của Pháp luật. Kết quả giám sát cho thấy:

- » BCTC Quý, Bán niên và Năm được lập và công bố phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán, các quy định của pháp luật hiện hành;
- » Trong năm không có bất kỳ thay đổi nào của chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động trọng yếu tới tình hình tài chính và BCTC đã công bố;
- » Không có ghi nhận bất thường đối với giao dịch BLQ (mua bán hàng hóa, góp vốn, chia cổ tức...).

Giám sát hệ thống KSNB

Định kỳ hàng Quý, TBKT giám sát hệ thống KSNB thông qua báo cáo của KTNB, Kiểm toán độc lập. Kết quả giám sát cho thấy Công ty có hệ thống KSNB hoạt động hữu hiệu:

- » Kết quả KTNB cho thấy việc tuân thủ các quy trình hiện hành được thực hiện rất tốt;
- » Các quy trình nghiệp vụ được ban hành, cập nhật và quản lý bởi bộ phận chuyên trách. Trong quá trình vận hành hệ thống KSNB, CBNV Công ty rất có ý thức và có trách nhiệm trong việc đánh giá các điểm chưa hoàn thiện của hệ thống để đưa ra các đóng góp tích cực nhằm củng cố hệ thống ngày càng hoàn thiện;
- » Công ty đã và đang triển khai đưa hệ thống quản lý phê duyệt, lưu trữ quy trình truyền thống sang hệ thống quản lý trực tuyến giúp tối ưu hóa thời gian thực hiện các bước, thuận tiện cho việc lập hồ sơ, soát xét, phê duyệt, tra cứu thông tin đồng thời hạn chế các sai sót.

Giám sát hoạt động KTNB

KTNB trực thuộc về mặt chức năng và chịu sự giám sát độc lập của TBKT thông qua việc phê duyệt kế hoạch kiểm toán năm, xem xét Quy chế tổ chức hoạt động và phương pháp KTNB. TBKT đánh giá chức năng KTNB hoạt động hiệu quả, mang lại giá trị gia tăng đáng kể cho Công ty. Cụ thể:

- » Trên cơ sở kế thừa đội ngũ KSNB trực thuộc BKS, các nhân sự KTNB khá am hiểu về mọi mặt hoạt động của Công ty nên hỗ trợ rất nhiều cho TBKT;
- » Việc phối hợp giữa TBKT và BTGD trong quản lý vai trò, chức năng KTNB giúp KTNB phát huy tốt nhiệm vụ của mình, không chỉ ở yêu cầu đảm bảo tuân thủ mà còn hỗ trợ các đơn vị trong công tác cảnh báo và QLRR của các mảng hoạt động trong cả trước, trong và sau khi nghiệp vụ phát sinh;

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2018-2019

TRONG NIÊN ĐỘ 2018-2019, TBKT SẼ TIẾP TỤC DUY TRÌ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN TỐT TRONG NIÊN ĐỘ 2017-2018, TRÊN CƠ SỞ ĐÓ TIẾP TỤC CẢI TIẾN PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ:

- » Rà soát BCTC trên cơ sở xem xét các vấn đề kế toán trọng yếu và tính đầy đủ - nhất quán của thông tin công bố;
- » Tiếp tục công tác giám sát tính hiệu quả của hệ thống KSNB để kịp thời phát hiện các chốt kiểm soát chưa chặt chẽ, nâng tầm công tác giám sát tuân thủ sang công tác QLRR để hỗ trợ Công ty trong việc kịp thời phát hiện các rủi ro tiềm ẩn và rủi ro mới phát sinh nhằm kiểm soát chặt các rủi ro chính, có ảnh hưởng trọng yếu;

- » Qua kết quả KTNB cho thấy việc tuân thủ quy trình ở các đơn vị được kiểm toán được thực hiện tốt. Việc chuyển từ kiểm toán tuân thủ sang hỗ trợ các đơn vị trong công tác cảnh báo rủi ro đã có những kết quả tốt và sẽ là tiền đề để tiến tới công tác QLRR trong niên độ sau;
- » Vai trò của KTNB trong Công ty được ghi nhận và ngày càng nâng cao thông qua những phản hồi tích cực từ các đơn vị được kiểm toán.

Giám sát hoạt động QLRR

QLRR được coi là một nhiệm vụ quan trọng trong quản trị hiệu quả và PTBV. Do đó, hoạt động QLRR tại Công ty dưới sự giám sát của TBKT được thực hiện tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm sau:

- » Đánh giá định kỳ hàng năm về các tài liệu của hoạt động QLRR;
- » Hỗ trợ các đơn vị triển khai các phương pháp QLRR cũng như các kiểm soát nhằm xử lý các rủi ro;
- » Đánh giá các quy trình QLRR do bộ máy QT, ĐH thực hiện, trên cơ sở đó góp phần nâng cao hiệu quả của quy trình này;
- » Nhận diện kịp thời các rủi ro trọng yếu của các hoạt động, các dự án trọng điểm; từ đó có kế hoạch giảm thiểu rủi ro kịp thời và phù hợp; trợ giúp cho việc quản lý dự án một cách khoa học, đúng tiến độ, không vượt ngân sách và tuân thủ các yêu cầu pháp lý.

Giám sát dịch vụ KTĐL

Kết quả giám sát cho thấy đề xuất kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch kiểm toán Niên độ 2017-2018 của KTĐL là phù hợp với yêu cầu của Công ty về phạm vi, đối tượng, phương pháp, thời gian cũng như các yêu cầu đảm bảo chất lượng, tính độc lập, không xung đột lợi ích của KTĐL. Từ các kết quả làm việc với các đơn vị KTĐL, TBKT sẽ đề xuất để trình ĐHĐCĐ biểu quyết lựa chọn KTĐL cho Niên độ 2018-2019.

Với quy mô, mức độ phức tạp và tầm quan trọng ngày càng lớn của các quyết sách mà HĐQT đưa ra, đòi hỏi đảm bảo mức độ chính xác và hợp lý cao nhất, đặc biệt là sau quá trình sáp nhập, quy mô của Công ty đã ở một tầm vóc mới; HĐQT đã quyết định thành lập các Tiểu ban chuyên trách để xử lý hiệu quả những vấn đề liên quan đến Chiến lược, Kiểm toán và Nhân sự. Với sự góp mặt của đa số TV HĐQT, đặc biệt là các TV độc lập trong Tiểu ban sẽ chuyên trách từng lĩnh vực, thực hiện giám sát và kiểm soát hiệu quả hoạt động của BDH cũng như tăng cường tính khách quan và độc lập trong các quyết định.

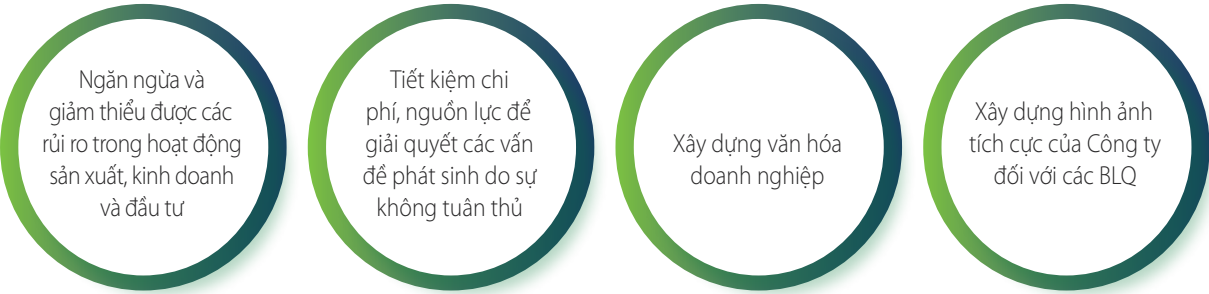
Chủ động đáp ứng nhanh với những tiêu chuẩn QTCT mới nhất, trong định hướng chiến lược vươn tầm khu vực, Công ty đã thành lập các Tiểu ban bao gồm Kiểm toán, Chiến lược và Nhân sự trong Niên độ 2017-2018.

STT	Họ tên	Chức danh	Vị trí	Cổ phần có quyền biểu quyết
I Tiểu ban Chiến lược				0,318%
1	Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch HĐQT	Trưởng Ban	0,28%
2	Ông See Beow Tean	TV HĐQT độc lập	Phó Ban	0%
3	Ông Lê Ngọc Thông	Cố vấn BTGD	Phó Ban	0,038%
II Tiểu ban Kiểm toán				0,3%
1	Bà Nguyễn Thùy Vân	TV HĐQT	Trưởng Ban	0,23%
2	Ông Henry Chung	TV HĐQT độc lập	TV	0,07%
3	Ông See Beow Tean	TV HĐQT độc lập	TV	0%
III Tiểu ban Nhân sự				0,372%
1	Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch HĐQT	Trưởng Ban	0,28%
2	Ông Henry Chung	TV HĐQT độc lập	Phó Ban Thường trực	0,07%
3	Ông Huỳnh Ngọc Sinh	Trưởng phòng Nhân sự	TV	0,022%
Tổng cộng				0,99%

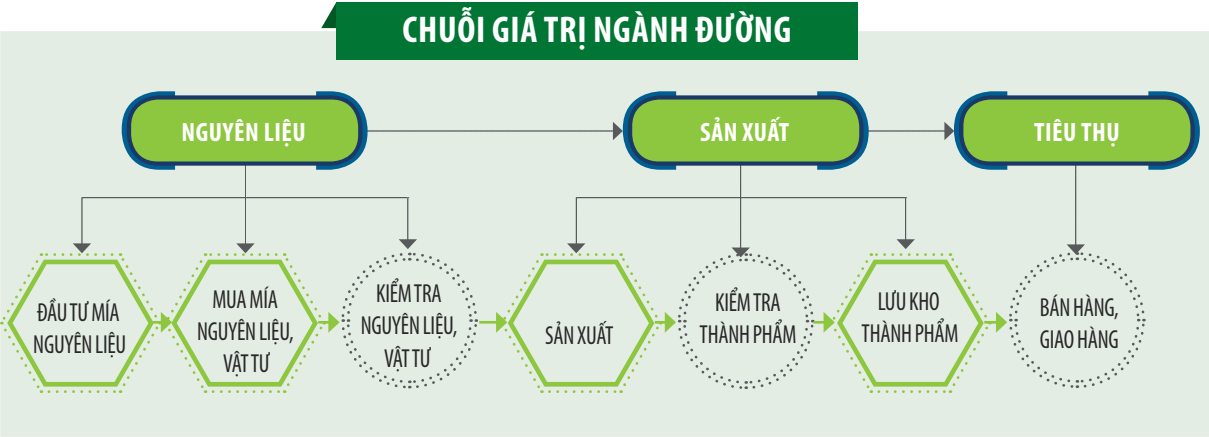
Chỉ tiêu	Tiểu ban Chiến lược	Tiểu ban Nhân sự
Thành lập	» Ngày 20/4/2018 » QĐ số 15/2018/QĐ-HĐQT thành lập TBCL, Tổ chức và Quản trị	» Ngày 29/5/2018 » NQ số 11/2018/BB-HĐQT thành lập TBNS
Chức năng nhiệm vụ	» Phê duyệt tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu dài hạn » Giám sát việc lập, triển khai và thực thi chiến lược » Phụ trách định hướng về PTBV và có trách nhiệm » Phụ trách lĩnh vực quan hệ với các BLQ » Phụ trách lĩnh vực báo cáo tích hợp	» Đề xuất tiêu chí và quy trình đánh giá về phẩm chất, năng lực của TV HĐQT, TGD và CBQL » Tham mưu cho HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TV HĐQT, TGD và CBQL » Tham mưu, đề xuất các giải pháp cho HĐQT xem xét và xử lý các hành vi sai phạm của TV HĐQT, TGD và CBQL » Tham mưu cho HĐQT các chính sách, văn bản lập quy liên quan đến lĩnh vực nhân sự, lương thưởng đối với các TV HĐQT, TGD, CBQL, toàn Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT » Tham mưu cơ cấu nhân sự của các đơn vị cho HĐQT
Hoạt động Niên độ 2017-2018	» Phối hợp cùng đơn vị tư vấn Công ty TNHH Deloitte Consulting Việt Nam thực hiện rà soát và điều chỉnh chiến lược Ngành Đường GD 2017-2018 đến 2020-2021 » Thời gian thực hiện rà soát chiến lược từ ngày 15/5/2018 - 20/6/2018	» Tham gia xây dựng các nội dung: Quy chế tiền lương, Quy chế thi đua khen thưởng, QCUX » Tham mưu cho HĐQT liên quan tới hơn 22 QĐ bổ nhiệm và 2 QĐ miễn nhiệm đối với các CBQL cấp cao
Cuộc họp Niên độ 2017-2018	» Ngày 15/5/2018: Họp triển khai dự án soát xét chiến lược » Ngày 4/6/2018: Họp thảo luận về chiến lược » Ngày 18/6/2018: Họp thảo luận về chiến lược » Ngày 15/7/2018: Họp thống nhất nội dung chiến lược GD 2017-2018 đến 2020-2021 » Kết quả đạt được từ các cuộc họp: Thống nhất chiến lược phát triển Ngành Đường cho tới Niên độ 2020-2021	Do mới được thành lập vào giai đoạn kết thúc Niên độ 2017-2018, TBNS chưa tổ chức các cuộc họp chính thức nhưng vẫn nỗ lực thực hiện các trách nhiệm liên quan theo quy định tại chức năng nhiệm vụ của TBNS
Kế hoạch Niên độ 2018-2019	» Tiếp tục triển khai chi tiết chiến lược phát triển, hoạt động của từng bộ phận chức năng (kinh doanh, tài chính, chuỗi cung ứng ...) như đã phê duyệt » Giám sát việc thực thi chiến lược toàn Ngành	» Ban hành chính thức tiêu chí và quy trình đánh giá về phẩm chất, năng lực của HĐQT, TGD và CBQL » Tham mưu việc ban hành, soát xét định kỳ các văn bản lập quy bao gồm QCUX, tiền lương, thi đua khen thưởng, đào tạo, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động và các quy trình hoạt động khác liên quan lĩnh vực nhân sự » Tham mưu cho HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TV HĐQT, TGD và CBQL

Tên hành trình hướng đến mục tiêu trở thành Công ty Mía Đường hàng đầu khu vực Đông Dương và vươn tầm Đông Nam Á, TTC Biên Hòa với vị thế là Công ty niêm yết dẫn đầu Ngành tại HOSE có GTVH gần 7.700 tỷ đồng, luôn nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc thượng tôn pháp luật. Việc tuân thủ pháp luật luôn được Công ty hiểu ở mức độ rộng hơn, tức là không chỉ tuân thủ các quy định nội bộ của doanh nghiệp, nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử, hoặc gói gọn trong Pháp luật Việt Nam mà thậm chí là các điều ước quốc tế mà Việt Nam đang là TV. Hơn hết, tất cả các yếu tố nêu trên sẽ cộng hưởng cho mục tiêu PTBV trong định hướng phát triển của Công ty.

Trong thực tế, Công ty luôn xem việc tuân thủ pháp luật là vấn đề cốt lõi , bởi vì đây là nền tảng, là cơ sở để hỗ trợ Công ty trong việc:



HĐQT Công ty trong những năm qua đã chỉ đạo triển khai xây dựng, ban hành các công cụ, chính sách để thực thi và giám sát việc tuân thủ. Từ năm 2014, Công ty đã xây dựng và ban hành “*Cẩm nang Pháp luật Ngành Mía Đường*” với nội dung xuyên suốt là các quy định pháp luật, kinh nghiệm thực tiễn được liệt kê, giải thích và hướng dẫn áp dụng cho từng công đoạn trong chuỗi giá trị của Ngành Mía Đường.



NGUYÊN LIỆU

- » Trong hoạt động đầu tư phát triển mở rộng VNL, Công ty luôn chú trọng công tác đánh giá tác động môi trường, xã hội và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; pháp luật về đất đai khi thực hiện các hoạt động xác lập quyền sử dụng đất; thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ của người sử dụng đất.
- » Trong hoạt động hợp tác với nông dân để đầu tư trồng và thu mua mía, Công ty luôn tôn trọng quyền lợi của Người nông dân thông qua việc tuân thủ các quy định của hợp đồng và các quy định pháp luật liên quan đến giao dịch.
- » Trong hoạt động thu mua mía nguyên liệu, Công ty tuân thủ theo yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-98: 2012/ BNNPTNT ban hành theo TT số 29/2012/TT-BNNPTNT ngày 03/07/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

NHỮNG CƠ SỞ PHÁP LÝ TIÊU BIỂU

STT	Tên gọi	Nội dung	Ban hành
1	TT 29/2012/TT-BNNPTNT	Về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng mía nguyên liệu	03/07/2012
2	QĐ 68/2013/QĐ-TTg	Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp	14/11/2013
3	Luật Đất đai năm 2013	Luật Đất đai	29/11/2013
4	TT 08/2014/TT-BNNPTNT	Hướng dẫn thực hiện QĐ 68/2013/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp	20/03/2014
5	NĐ 43/2014/NĐ-CP	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (được sửa đổi, bổ sung bởi NĐ số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017)	15/05/2014
6	Luật đầu tư 2014	Luật đầu tư	26/11/2014
7	NĐ 118/2015/NĐ-CP	Hướng dẫn Luật đầu tư năm 2014	12/11/2015
8	TT 83/2016/TT-BTC	Hướng dẫn thực hiện ưu đãi đầu tư quy định tại Luật đầu tư năm 2014 và NĐ 118/2015/NĐ-CP	17/06/2016
9	NĐ 57/2018/NĐ-CP	Về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	17/04/2018
10	NĐ 98/2018/NĐ-CP	Về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.	05/07/2018

 SẢN XUẤT

Trong quá trình thực hiện sản xuất, Công ty cũng tuân thủ đầy đủ các thủ tục và được chấp thuận tất cả giấy phép, phê chuẩn cần thiết cho hoạt động SXKD như Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATVSTP, môi trường; tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn máy móc thiết bị, an toàn lao động...

NHỮNG CƠ SỞ PHÁP LÝ TIÊU BIỂU

❶ Đối với điều kiện của cơ sở sản xuất

STT	Tên gọi	Nội dung	Ban hành
1	Luật An toàn thực phẩm năm 2010	An toàn thực phẩm	17/06/2010
2	TT liên tịch 13/2014/TTLT/BYT-BNNPT-NT-BCT	Hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm	09/04/2014
3	NĐ 15/2018/NĐ-CP	Quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm	02/02/2018

❷ Đối với An toàn lao động, máy móc thiết bị

STT	Tên gọi	Nội dung	Ban hành
1	Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006	Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật	01/07/2007
2	NĐ 127/2007/NĐ-CP	Hướng dẫn Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (sửa đổi, bổ sung bởi NĐ 78/2018/NĐ-CP ngày 16/05/2018)	01/08/2007
3	Bộ luật Lao động năm 2012	Lao động	18/06/2012
4	NĐ 45/2013/NĐ-CP	Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động (sửa đổi bổ sung bởi NĐ 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016)	10/05/2013
5	Luật ATVSLĐ năm 2015	ATVSLĐ	25/06/2015
6	NĐ 44/2016/NĐ-CP	Quy định chi tiết một số điều của Luật ATVSLĐ về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động	15/05/2016
7	TT 53/2016/TT-BLĐTBXH	Ban hành danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	28/12/2016
8	TT 54/2016/TT-BLĐTBXH	Ban hành 30 quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	28/12/2016
9	TT 16/2017/TT-BLĐTBXH	Hướng dẫn hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	08/06/2017

❸ Đối với môi trường

STT	Tên gọi	Nội dung	Ban hành
1	Nghị định 80/2014/NĐ-CP	Thoát nước và xử lý nước thải	06/08/2014
2	Luật Bảo vệ Môi trường 2014	Bảo vệ Môi trường	01/01/2015
3	NĐ 19/2015/NĐ-CP	Hướng dẫn Luật Bảo vệ Môi trường	14/02/2015
4	NĐ 38/2015/NĐ-CP	Quản lý chất thải và phế liệu	24/04/2015
5	NĐ 155/2016/NĐ-CP	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bảo vệ Môi trường	18/11/2016

 TIÊU THỤ

- » Đối với hoạt động bán hàng nội địa, Công ty tuân thủ các quy định về công bố ATVSTP; ghi nhãn hàng hóa, vận chuyển và giao nhận hàng hóa; hạn chế cạnh tranh, chuyển giá, sở hữu trí tuệ, thuế, kế toán.
- » Đối với hoạt động ngoại thương, Công ty tuân thủ các quy định về xuất nhập khẩu, điều ước quốc tế, thông lệ thương mại quốc tế.

NHỮNG CƠ SỞ PHÁP LÝ TIÊU BIỂU

❶ Về công bố sản phẩm

STT	Tên gọi	Nội dung	Ban hành
1	Luật An toàn thực phẩm năm 2010	An toàn thực phẩm	17/06/2010
2	NĐ 15/2018/NĐ-CP	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm	02/02/2018

❷ Về nhãn hiệu hàng hóa

STT	Tên gọi	Nội dung	Ban hành
1	TT liên tịch 34/2014/TTLT-BYT-BNNPT-NT-BCT	Hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn	27/10/2014
2	NĐ 43/2017/NĐ-CP	Quy định về nhãn hàng hóa	14/04/2017
3	NĐ 109/2018/NĐ-CP	Quy định về nông nghiệp hữu cơ	29/08/2018

❸ Về mua bán, vận chuyển hàng hóa

STT	Tên gọi	Nội dung	Ban hành
1	Luật Thương mại năm 2005	Thương mại	14/06/2005
2	Luật An toàn thực phẩm năm 2010	An toàn thực phẩm	17/06/2010
3	NĐ 109/2013/NĐ-CP	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn	24/09/2013
4	TT 166/2013/TT-BTC	Quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế	15/11/2013
5	NĐ 49/2016/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 109/2013/NĐ-CP ngày 24/09/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn	27/05/2016
6	Luật Quản lý ngoại thương	Quản lý ngoại thương	12/06/2017
7	NĐ 69/2018/NĐ-CP	Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương	15/05/2018
8	TT 12/2018/TT-BCT	Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và NĐ số 69/2018/NĐ-CP	15/06/2018

4 Về thị phần, cạnh tranh

STT	Tên gọi	Nội dung	Ban hành
1	Luật Cạnh tranh 2004	Luật Cạnh tranh	03/12/2004
2	NĐ 116/2005/NĐ-CP	Hướng dẫn Luật Cạnh tranh	15/09/2005
3	NĐ 39/2018/NĐ-CP	Quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp SME	11/03/2018

5 Về bảo vệ người tiêu dùng

STT	Tên gọi	Nội dung	Ban hành
1	Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	17/11/2010
2	NĐ 99/2011/NĐ-CP	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	27/10/2011
3	NĐ 185/2013/NĐ-CP	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	15/11/2013
4	NĐ 124/2015/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	19/11/2015

Bên cạnh đó, với trách nhiệm của một Công ty niêm yết đầu Ngành, TTC Biên Hòa luôn tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến TTCK, QTDN và CBTT, tiêu biểu:

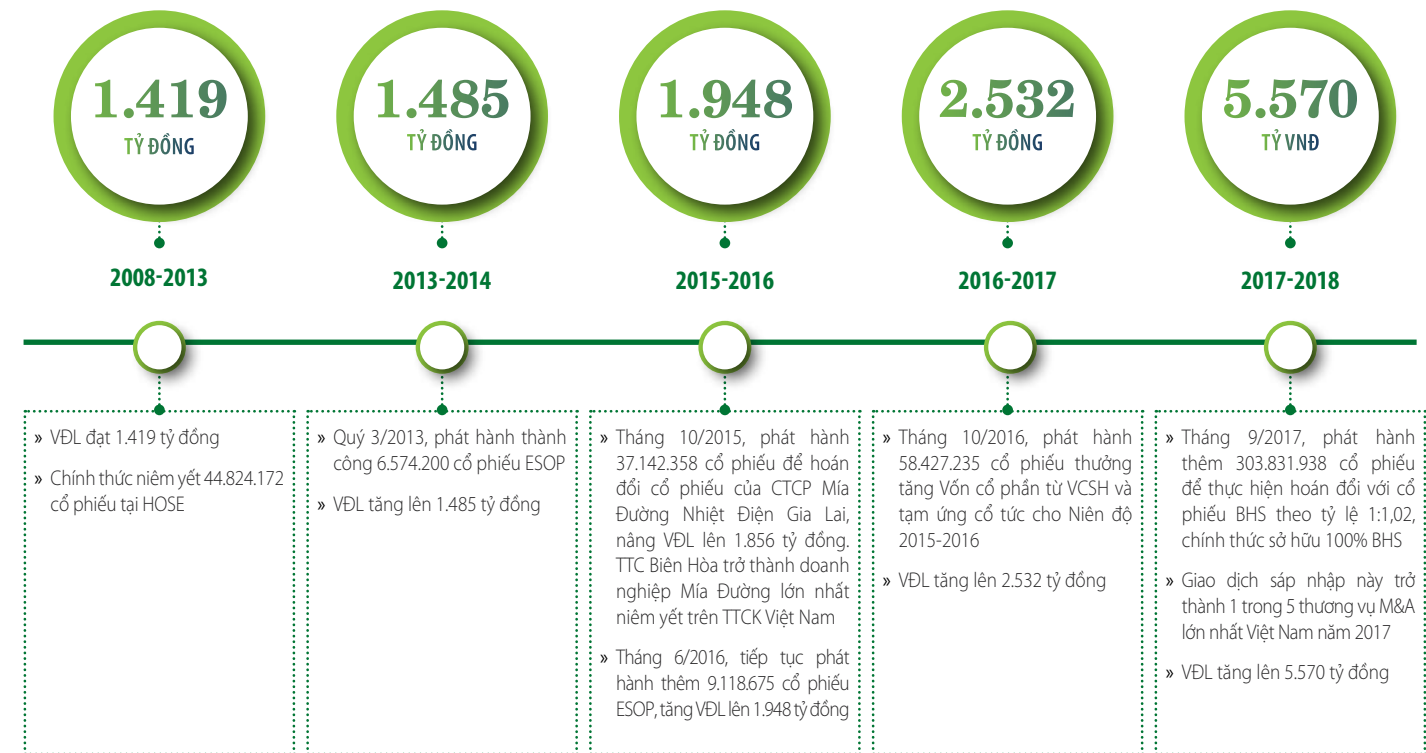
- » Đối với quy định pháp luật về chứng khoán, Công ty đã ban hành các quy chế về CBTT theo quy định TT 155/2015/TT-BTC, Quy chế CBTT của HOSE; Quy chế về giao dịch với các bên có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Đồng thời, Niên độ 2017-2018 cũng là năm đầu tiên Công ty hướng tới áp dụng những tiêu chuẩn CBTT theo Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN - ASEAN Scorecard. Đây là một sáng kiến QTCT của các nước trong khu vực ASEAN nhằm thực thi kế hoạch hành động của Diễn đàn Thị trường vốn các nước ASEAN (ACMF) hướng đến phát triển một thị trường vốn hội nhập trong khu vực.
- » Đối với quy định về QTCT, cho mục đích kiện toàn mô hình QTCT theo tiêu chuẩn quốc tế và thông lệ tốt trên thị trường với sự đồng hành tư vấn của IFC - Ngân hàng Thế giới, Công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ về QTCT theo quy định của TT 95/2017/TT-BTC; các nguyên tắc QTCT của OECD để đáp ứng được đầy đủ 5 tiêu chí lớn của QTDN là: (1) *Đảm bảo quyền lợi của CĐ*, (2) *Đối xử bình đẳng với CĐ*, (3) *Xác định và thực thi vai trò với các BLQ*, (4) *Thực hiện minh bạch CBTT*, và (5) *Hoàn thiện trách nhiệm của HĐQT*.

Bên cạnh việc tuân thủ Pháp luật, Công ty còn cụ thể hóa các quy định Pháp luật vào hệ thống văn bản quản lý nội bộ của Công ty; cũng như hướng dẫn cụ thể, rõ ràng trình tự thực hiện các quy trình nghiệp vụ của các Đơn vị trực thuộc; tạo hành lang, cơ sở rõ ràng để CBNV Công ty tuân thủ, hoàn thành chức năng nhiệm vụ được giao, cũng như tạo hệ thống khung văn bản để Công ty có cơ sở kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý vi phạm.



Trong quá trình xác lập, thực hiện, chấm dứt các quan hệ giao dịch với nhà cung cấp, khách hàng, Công ty luôn công bố đầy đủ, rõ ràng các quy định Pháp luật cần phải tuân thủ, các quy định nội nộ của Công ty có liên quan và yêu cầu nhà cung cấp, khách hàng cùng phối hợp với Công ty trong việc tuân thủ. Điển hình như bộ hợp đồng mẫu của Công ty trong lĩnh vực cung ứng, kinh doanh đều có điều khoản về cạnh tranh không lành mạnh và quy định rõ chế tài trong trường hợp vi phạm, tạo cơ sở rõ ràng để các bên tham gia giao dịch hiểu và tuân thủ.

TRÊN CƠ SỞ HIỂU RÕ SỰ VẬN ĐỘNG KHÔNG NGỪNG CỦA NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG, KÉO THEO SỰ THAY ĐỔI CỦA CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT, CÔNG TY SẼ TIẾP TỤC ĐẢM BẢO CẬP NHẬT KỊP THỜI, TUÂN THỦ ĐẦY ĐỦ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN QUẢN LÝ NỘI BỘ, TRIỂN KHAI TOÀN DIỆN, ĐỒNG BỘ ĐẾN TOÀN THỂ CBNV ĐỂ NÂNG CAO TÍNH CHỦ ĐỘNG TRONG VIỆC TUÂN THỦ PHÁP LUẬT.



Niên độ 2017-2018 ghi nhận những dấu ấn trong hoạt động M&A, đặc biệt là thương vụ sáp nhập BHS bằng hoán đổi cổ phiếu với 303.831.938 cổ phiếu phổ thông phát hành thêm để thực hiện hoán đổi với 297.874.449 cổ phiếu đang lưu hành của BHS vào tháng 9/2017. Tỷ lệ thực hiện là 1:1,02, nghĩa là 1 cổ phiếu BHS sẽ được hoán đổi thành 1,02 cổ phiếu SBT phát hành thêm cho mục đích sáp nhập và hợp nhất. VDL của Công ty từ đó tăng mạnh 120% so với đầu Niên độ lên

5.570 tỷ đồng, tương ứng với 557.018.673 cổ phần. Bên cạnh lợi ích đến từ việc tăng trưởng mạnh về quy mô, thương vụ sáp nhập này đóng vai trò rất quan trọng trong định hướng chiến lược nâng thị phần nội địa lên 50% trong Niên độ 2020-2021. Công ty tiếp tục tận dụng lợi thế hệ thống bán lẻ lớn từ BHS để mở rộng thị trường trên tất cả các Kênh tiêu thụ, tăng trưởng DT và LN tương ứng, cải thiện tỷ suất sinh lời và quan trọng nhất là khẳng định vị thế đầu Ngành.

THAY ĐỔI CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TTC BIÊN HÒA TRONG NIÊN ĐỘ 2017-2018

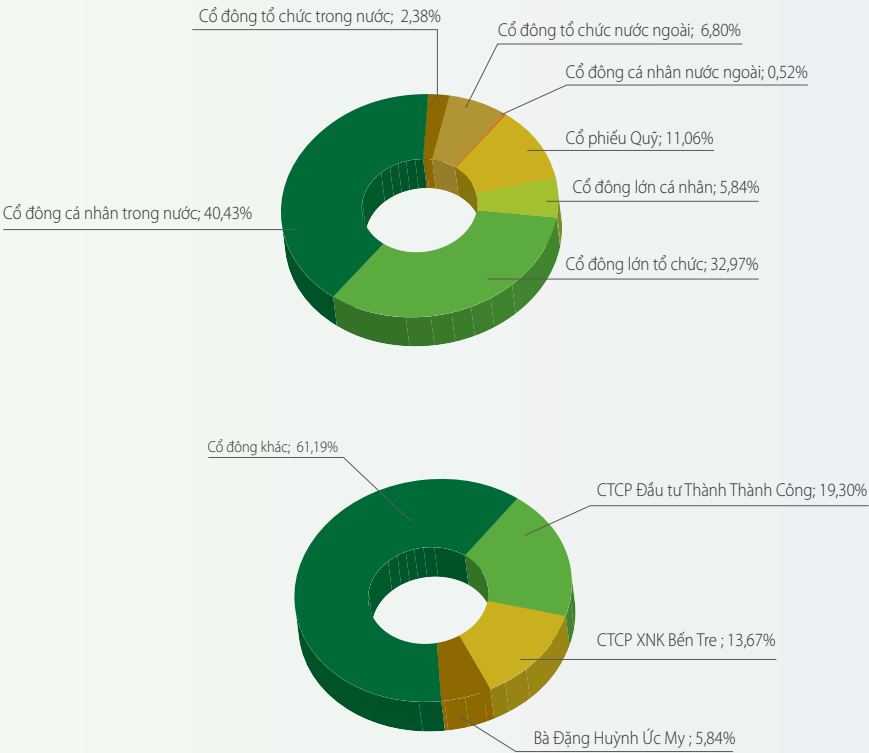
Tại thời điểm ngày 30/6/2018 kết thúc Niên độ 2017-2018, TTC Biên Hòa có 3 CĐ lớn sở hữu trên 5% Vốn cổ phần, chiếm 38,81% VDL bao gồm 1 cá nhân là Bà Đặng Huỳnh Úc My – TV HĐQT nắm giữ 32.523.424 cổ phiếu, chiếm 5,84% và 2 tổ chức lần lượt là CTCP Đầu tư Thành Thành Công nắm giữ 107.511.290 cổ phiếu tương đương 19,30% và CTCP XNK Bến Tre nắm giữ 76.124.566 cổ phiếu tương đương 13,67%. Bên cạnh đó, số lượng CĐ sở hữu từ 1% tới 5% Vốn cổ phần bao gồm 3 cá nhân và 1 tổ chức với tổng số lượng cổ phiếu sở hữu 34.617.463 cổ phiếu, chiếm 6,21% VDL và số lượng CĐ sở hữu dưới 1% vốn cổ phần là 12.084 CĐ với 244.641.030 cổ phần, chiếm 43,92% VDL.

Tháng 5/2018, Công ty đã hoàn tất mua vào 61.600.900 cổ phiếu làm CPQ, tương ứng 11,06% tổng số cổ phiếu đang lưu hành, được đánh giá là có quy mô trên TTCK từ trước đến nay. Đồng thời, đây là bước đi quan trọng trong nỗ lực bảo vệ quyền lợi cho NGT và CĐ, hạn chế rủi ro pha loãng cho CĐ hiện hữu cũng như góp phần hỗ trợ gia tăng giá trị của CĐ trong tương lai. Với quyết định mua CPQ lần này, BLĐ TTC Biên Hòa phát đi tín hiệu về sự lạc quan đối với triển vọng phát triển, cầu chuyện tăng trưởng và tiềm năng Công ty trong dài hạn.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TTC BIÊN HÒA TẠI NGÀY 30/6/2018

STT	Cơ cấu CĐ theo tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CĐ	
				Cá nhân	Tổ chức
I	CĐ lớn sở hữu từ 5% Vốn cổ phần	216.159.280	38,81%	1	2
1	Trong nước	216.159.280	38,81%	1	2
2	Nước ngoài	-	-	-	-
II	CĐ sở hữu từ 1% - 5% Vốn cổ phần	34.617.463	6,21%	3	1
1	Trong nước	24.727.718	4,44%	3	-
2	Nước ngoài	9.889.745	1,77%	-	1
III	CĐ sở hữu dưới 1% Vốn cổ phần	244.641.030	43,92%	11.960	124
1	Trong nước	213.716.221	38,37%	11.660	85
2	Nước ngoài	30.924.809	5,55%	300	39
IV	Cổ phiếu quỹ	61.600.900	11,06%	-	1
TỔNG CỘNG		557.018.673	100%	11.964	128

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TTC BIÊN HÒA TẠI NGÀY 30/6/2018



Nguồn: TTC Biên Hòa, 30/06/2018

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU SBT GIAI ĐOẠN 01/07/2017 - 30/06/2018

STT	Người nội bộ và Người có liên quan	Chức danh	Cổ phần sở hữu 01/07/2017 (*)		Cổ phần sở hữu 30/06/2018 (**)		Lý do tăng, giảm	Bổ nhiệm/ Bãi nhiệm
			Cổ phần	Tỷ lệ	Cổ phần	Tỷ lệ		
1	Phạm Hồng Dương	Chủ tịch HĐQT	1.592.119	0,63%	1.585.469	0,28%	- Bán cổ phiếu - Nhận cổ phiếu BHS hoán đổi	Bổ nhiệm Tháng 2/2015
2	Nguyễn Thị Hoa	Phó Chủ tịch TT HĐQT	0	0%	1.174.162	0,21%	Nhận cổ phiếu BHS hoán đổi	Bổ nhiệm Tháng 11/2016
3	Đặng Huỳnh Ước My	TV HĐQT	6.944.368	2,74%	32.523.424	5,84%	Mua ròng	Bổ nhiệm Tháng 3/2015
4	Nguyễn Thùy Vân	TV HĐQT	1.350.520	0,53%	1.303.920	0,23%	Bán ròng	Bổ nhiệm Tháng 11/2017
5	Henry Chung	TV HĐQT	0	0%	375.125	0,07%	Nhận cổ phiếu BHS hoán đổi	Bổ nhiệm Tháng 10/2016
6	Trần Quế Trang	Phó TGĐ TT	0	0%	1.225.550	0,22%	Nhận cổ phiếu BHS hoán đổi	Bổ nhiệm Tháng 11/2016
7	Dương Thị Tô Châu	Phó TGĐ	87.500	0,03%	84.335	0,015%	- Bán cổ phiếu - Nhận cổ phiếu BHS hoán đổi	Bổ nhiệm Tháng 3/2016
8	Nguyễn Quốc Việt	Phó TGĐ	578.604	0,23%	661.604	0,11%	Mua ròng	Bổ nhiệm Tháng 7/2017
9	Lê Quang Hải	Phó TGĐ	0	0%	598.391	0,11%	Nhận cổ phiếu BHS hoán đổi	Bổ nhiệm Tháng 12/2017
10	Trần Quốc Thảo	Phó TGĐ	0	0%	179.938	0,03%	Nhận cổ phiếu BHS hoán đổi	Bổ nhiệm Tháng 02/2018
11	Nguyễn Thành Khiêm	GD Khối Kỹ thuật Sản xuất	0	0%	244.922	0,04%	Nhận cổ phiếu BHS hoán đổi	Bổ nhiệm Tháng 2/2018
12	Lê Đức Tồn	Quyển GD Chi nhánh	103.206	0,04%	267.281	0,05%	- Bán cổ phiếu - Nhận cổ phiếu BHS hoán đổi	Bổ nhiệm Tháng 2/2018
13	Huỳnh Văn Pháp	GD Kinh doanh	61.600	0,02%	182.126	0,03%	- Bán cổ phiếu - Nhận cổ phiếu BHS hoán đổi	Bổ nhiệm Tháng 12/2017
14	Hồ Nguyễn Duy Khương	GD Khối Hỗ trợ	87.750	0,03%	44.000	0,008%	Bán ròng	Bãi nhiệm Tháng 7/2017
15	Nguyễn Việt Hùng	GD Nguyên liệu vùng 2	103.100	0,04%	53.100	0,01%	Bán ròng	Bổ nhiệm Tháng 7/2017
16	Nguyễn Hùng Việt	GD Kỹ thuật	72.500	0,03%	36.250	0,007%	Bán ròng	Bổ nhiệm Tháng 12/2017
17	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Phó GD Chi nhánh	103.200	0,04%	100.446	0,02%	- Bán cổ phiếu - Nhận cổ phiếu BHS hoán đổi	Bổ nhiệm Tháng 4/2018
18	Lê Phát Tín	KTT	73.100	0,03%	36.550	0,007%	Bán ròng	Bổ nhiệm Tháng 3/2015
19	Huỳnh Thành Nhân	TV Ban KTNB	21.500	0,008%	21.256	0,004%	- Bán cổ phiếu - Nhận cổ phiếu BHS hoán đổi	Bổ nhiệm Tháng 12/2017
20	Nguyễn Thị Minh Hanh	NCLQ của Bà Hồ Nguyễn Duy Khương	0	0%	0	0%	- Phát sinh tăng 51.000 cổ phiếu do hoán đổi cổ phiếu BHS - Bán hết lượng cổ phiếu này	Vẫn là NCLQ
21	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	NCLQ của Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	93.200	0,04%	46.661	0,008%	Bán ròng	Vẫn là NCLQ
22	Vô Thị Bích Hạnh	NCLQ của Ông Lê Phát Tín	38.700	0,015%	19.350	0,003%	Bán ròng	Vẫn là NCLQ
Tổng cộng			11.310.967	4,453%	40.763.860	7,302%		

Nguồn: TTC Biên Hòa

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG LỚN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU SBT GIAI ĐOẠN 01/07/2017 - 30/06/2018

STT	Người thực hiện giao dịch	Loại CĐ	Cổ phiếu sở hữu 01/07/2017 (*)		Cổ phiếu sở hữu 30/06/2018 (**)		Lý do tăng, giảm	Tình trạng
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		
1	CTCP Đầu tư Thành Thành Công	CĐ lớn	59.729.015	23,59%	107.511.290	19,30%	Mua ròng	CĐ lớn
2	CTCP XNK Bến Tre	CĐ lớn	0	0%	76.124.566	13,67%	Nhận chuyển nhượng từ CTCP Global Mind VN do thực hiện sáp nhập	CĐ lớn
3	Đặng Huỳnh Ước My	CĐ lớn	6.944.368	2,74%	32.523.424	5,84%	Mua ròng	CĐ lớn
4	CTCP Global Mind VN	CĐ lớn	43.764.728	17,29%	0	0%	Thực hiện chuyển nhượng do CTCP Global Mind VN sáp nhập với CTCP XNK Bến Tre	Không là CĐ lớn từ tháng 1/2018
Tổng cộng			110.438.111	43,62%	216.159.280	38,81%		

(*) Tổng số lượng cổ phiếu tại thời điểm 01/07/2017 là 253.188.268 cổ phiếu
(**) Tổng số lượng cổ phiếu tại thời điểm 30/06/2018 là 557.018.673 cổ phiếu

Nguồn: TTC Biên Hòa

NÂNG TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI LÊN 100%,
CHÀO ĐÓN NHÀ ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC NƯỚC NGOÀI

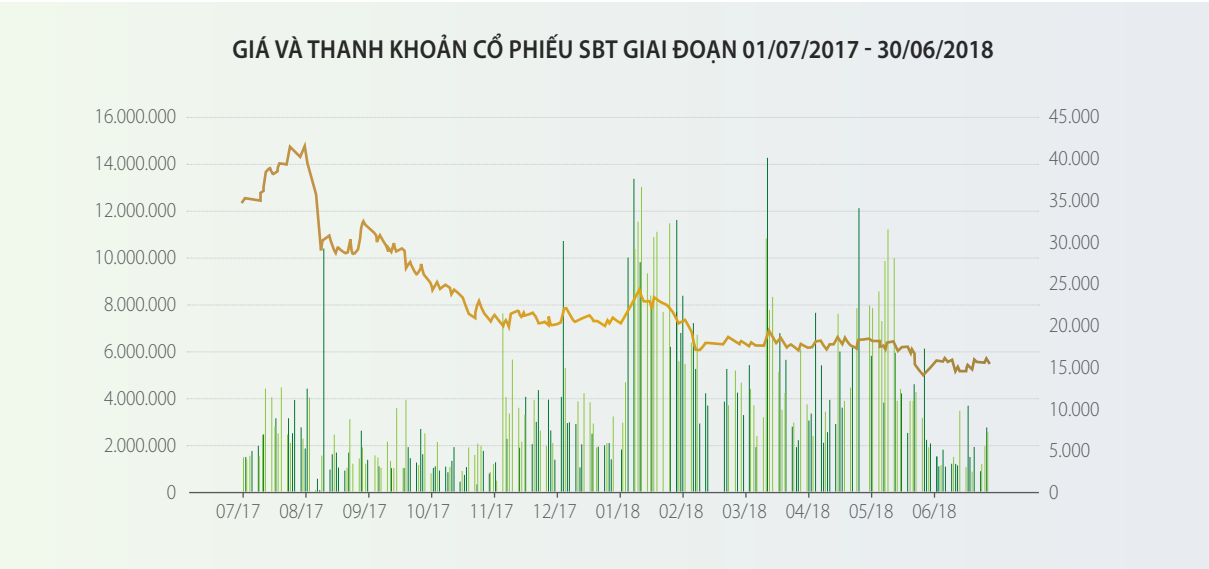
Hiện tại, tỷ lệ sở hữu của CĐ trong nước chiếm đa số trong cơ cấu CĐ với tỷ trọng 92,68%, và 7,32% còn lại thuộc về CĐ nước ngoài. Tháng 5/2018, UBCKNN đã chấp thuận nâng giới hạn SHNN của Công ty từ 49% lên tối đa 100%. TTC Biên Hòa chính thức trở thành doanh nghiệp thứ 3 trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng sau CTCP Sữa Việt Nam (VNM) và CTCP Vĩnh Hoàn (VHC), và là doanh nghiệp niêm yết thứ 20 được nâng SHNN lên tối đa 100% cho NĐT nước ngoài tại thời điểm đó. Việc tăng giới hạn SHNN lên mức tối đa là bước đi cần thiết trong lộ trình phát triển của TTC Biên Hòa, với chiến lược tiếp cận thị trường vốn quốc tế, hỗ trợ NĐT quốc tế cơ hội tiếp cận đầu tư dễ dàng hơn đối với cổ phiếu SBT, quan trọng hơn nữa là góp phần đảm bảo lợi ích cho CĐ hiện hữu. Tìm kiếm NĐT chiến lược nước ngoài không chỉ giúp Công ty đa dạng hóa các phương thức huy động vốn để cải thiện các chỉ số thanh khoản, cơ cấu vốn và khả năng sinh lời mà còn là cơ sở để mở rộng hoạt động xuất khẩu, trong hành trình đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, tạo nền tảng vững chắc, củng cố triển vọng tăng trưởng trong dài hạn.

Quyết định nâng SHNN, tìm kiếm NĐT chiến lược còn được xem là động lực mới để HDQT nỗ lực nâng cao chất lượng QTDN, tạo nền tảng vững vàng cho hoạt động PTBV. BLĐ Công ty ý thức được môi trường kinh doanh trở nên cạnh

tranh, năng động và luôn thay đổi, mô hình quản trị hiện đại theo thông lệ quốc tế phải được hướng tới, trong đó bước đi đầu tiên là không sử dụng mô hình BKS, thay vào đó là TBKT trực thuộc HĐQT để hoạt động quản trị hiệu quả hơn. Deloitte, một trong những Công ty kiểm toán hàng đầu thế giới đang là đơn vị tư vấn chiến lược cho hoạt động kinh doanh của TTC Biên Hòa. Ngoài ra, IFC - Tổ chức Tài chính Quốc tế thuộc Ngân hàng Thế giới cũng đang đồng hành với Công ty trong việc cải thiện hoạt động QTDN theo tiêu chuẩn quốc tế.



GIÁ CỔ PHIẾU SBT ĐIỀU CHỈNH SAU SÁP NHẬP, DUY TRÌ TỐT THANH KHOẢN TRONG NIÊN ĐỘ 2017-2018



Nguồn: TTC Biên Hòa, 30/06/2018

SBT là một trong những mã cổ phiếu có thanh khoản tốt và vượt trội với khối lượng khớp lệnh trung bình 52 tuần lên tới hơn 4 triệu cổ phiếu và giá trị giao dịch hơn 89 tỷ đồng/phiên. Trong khi khối lượng giao dịch các cổ phiếu cùng Ngành khác chỉ đạt trung bình 103 nghìn cổ phiếu và giá trị giao dịch 4 tỷ đồng, thấp hơn gần 39 và 23 lần so với SBT.

Trong giai đoạn 01/07/2017-30/06/2018, giá cổ phiếu SBT đã có xu hướng giảm. Tuy vậy, đây cũng là xu hướng chung của các doanh nghiệp Ngành Đường trong bối cảnh giá Đường thế giới có những diễn biến bất lợi. Bên cạnh đó, đây cũng là giai đoạn TTCK trong nước có nhiều biến động phức tạp do ảnh hưởng bởi những yếu tố vĩ mô khó lường.

Tại ngày 30/06/2018, GTVH của TTC Biên Hòa đạt 7.679 tỷ đồng tương đương hơn 335 triệu USD, chiếm 0,26% vốn hóa thị trường toàn sàn HOSE và là Công ty có GTVH lớn thứ 2 trong Ngành Mía Đường, theo sau CTCP Đường Quảng Ngãi (QNS)

với GTVH 10.632 tỷ đồng, tương đương 464 triệu USD. Tuy nhiên, cơ cấu Doanh thu của QNS phần lớn đến từ Sửa đầu nành chiếm khoảng 50% và Đường chiếm 25% trong khi TTC Biên Hòa ghi

nhận 88% DT đến từ hoạt động bán Đường. Tính trên phương diện này, có thể nói TTC Biên Hòa là Công ty đứng đầu về GTVH trong Ngành Mía Đường Việt Nam.

STT	Chỉ tiêu	Giá trị	ĐVT
1	Giá cổ phiếu	15.500	Đồng
2	Giá trị vốn hóa	7.679	Tỷ đồng
3	52 tuần	335	Triệu USD
	Giá cao nhất	41.650	Đồng
	Giá thấp nhất	14.250	Đồng
	Khối lượng giao dịch trung bình	4.147.759	Cổ phiếu
	Giá trị giao dịch trung bình	89	Tỷ đồng
4	Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết	557.018.673	Cổ phiếu
	Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành	495.417.773	Cổ phiếu
	Cổ phiếu quỹ	61.600.900	Cổ phiếu
5	Giới hạn SHNN	100	%
	Tỷ lệ sở hữu của CĐ nước ngoài	7,32	%
6	Tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng	60	%
7	EPS	974	Đồng
8	P/E	15,91	Lần
9	P/B	1,26	Lần

Nguồn: TTC Biên Hòa, 30/06/2018

Một điểm sáng trong Niên độ 2017-2018 là việc SBT là cổ phiếu doanh nghiệp Mía Đường Việt Nam duy nhất lọt vào Rổ VN30 - Chỉ số giá của 30 công ty niêm yết trên HOSE có GTVH và thanh khoản hàng đầu, đáp ứng các tiêu chí sàng lọc. Mặc dù TTCK Việt Nam không diễn biến tích cực, đặc biệt là những tháng đầu năm 2018, cổ phiếu SBT vẫn được điểm danh trong các đợt cơ cấu danh mục của các Quỹ ETF và các Bộ Chỉ số có uy tín nhất trên thị trường. Đến hết ngày 30/06/2018, SBT nằm trong Danh mục của Quỹ VFMVN30 EFT Fund - Quỹ ETF trong nước lấy Chỉ số VN30 làm tham chiếu với 2,85 triệu cổ phiếu đang sở hữu. Bên cạnh đó, SBT vẫn đang là thành phần của các Rổ Chỉ số quan trọng khác, nổi bật như V.N.M ETF với gần 12,65 triệu cổ phiếu, DB XTRACKER FTSE VIETNAM SWAP UCITS ETF với 5,96 triệu cổ phiếu và iShares MSCI Frontier 100 ETF với 988 nghìn cổ phiếu...



**XÂY DỰNG BỘ PHẬN QHNDT CHUYÊN NGHIỆP - PHỤC VỤ TOÀN DIỆN
NHU CẦU CỦA ĐỐI TÁC ĐẦU TƯ**

Tháng 04/2018, Bộ phận QHNDT đã được chính thức thành lập, đánh dấu một bước đi quan trọng trong việc hướng tới xây dựng mối quan hệ bền vững giữa Công ty với CĐ, khẳng định cam kết đồng hành, bảo vệ lợi ích cho nhóm BLQ của thị trường vốn. Trong lộ trình chuẩn hóa hoạt động QHNDT, Công ty đã từng bước thực hiện CBTT trên mức tuân thủ, không những theo tiêu chuẩn của luật pháp Việt Nam, cụ thể quy định tại TT 155, TT 162, NĐ 71, TT 95 mà còn hướng tới các chuẩn mực quốc tế cao hơn và thông lệ tốt trên thị trường như ASEAN Scorecard và OECD.

Việc CBTT song ngữ Việt - Anh nhằm thông tin kịp thời tới các BLQ, đặc biệt là những tổ chức nước ngoài các hoạt động và định hướng của BLĐ cũng là một phần đóng góp nhỏ trong nỗ lực nâng hạng cho TTCK Việt Nam. Những thông tin được công bố kịp thời và minh bạch sẽ góp phần đảm bảo quyền của CĐ, đối xử công bằng với CĐ và quyền lợi của các BLQ, hỗ trợ nâng cao hình ảnh thương hiệu cổ phiếu SBT trên TTCK trong và ngoài nước.

HOẠT ĐỘNG QHNDT VÀ THI TRƯỜNG VỐN NỔI BẬT TRONG NIÊN ĐỘ 2017-2018

THÁNG	SỰ KIỆN
07/2017	» Phát hành thành công gói TP 1.100 tỷ đồng » Thực hiện dự án đầu tư Cụm công nghiệp Mía Đường và VNL tại tỉnh Attapeu (Lào) » Mở rộng đầu tư vào Khu vực Đông Dương, đặc biệt là mảng sản phẩm Đường hữu cơ với giá trị cao
09/2017	» Hoàn tất sáp nhập với BHS » Một trong những thương vụ M&A tiêu biểu năm 2017 tại Việt Nam » Sau sáp nhập, thị phần nội địa 40%, V&L 5.570 tỷ đồng, tăng 120% so với đầu Niên độ
11/2017	» ĐHĐCĐ thông qua các Báo cáo trọng điểm của BLĐ hoạt động SXKD, định hướng phát triển Niên độ 2017-2018... » Thông qua việc thay đổi cơ cấu QTDN theo thông lệ tốt nhất trên thị trường, hướng đến chuẩn mực quốc tế
03/2018	» Công bố mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai và CTCP Lộc Thổ tại Công ty TNHH MTV Hải Vĩ để thực hiện chiến lược VNL » Tiếp tục chiến lược M&A, tăng cường quy mô hoạt động, mở rộng mạng lưới khách hàng và nâng cao thị phần » Phối hợp với IFC tổ chức hội thảo “<i>Quản trị Công ty</i>” » Thể hiện quyết tâm của Công ty trong nỗ lực hoàn thiện mô hình QTDN định hướng PTBV » Tổ chức “<i>Gặp gỡ Chuyên gia Phân tích</i>” từ các CTCK và Quỹ đầu tư » Mở đầu cho công tác cung cấp thông tin chuyên nghiệp, minh bạch, kịp thời cho các Đối tác đầu tư
04/2018	» Thông qua NQ phát hành TP với tổng giá trị đạt 450 tỷ đồng. Sau phát hành, chỉ tiêu về Cơ cấu vốn vẫn được duy trì ở vùng an toàn, đáp ứng yêu cầu các chỉ số của NHTM » Bắt đầu thực hiện mua lại cổ phiếu làm CPQ bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần, khớp lệnh theo giá thị trường. Bảo vệ lợi ích của CĐ, NĐT, thể hiện tinh thần trách nhiệm của BLĐ đối với Công ty và các BLQ » Công bố BCTC và Diễn giải BCTC Quý 3 Niên độ 2017-2018. DTT, LNG, LNST lũy kế tăng trưởng 154%, 127% và 54% so cùng kỳ là hiệu quả của việc sáp nhập với BHS
05/2018	» Phát hành thành công gói TP cuối cùng trong Niên độ 2017-2018 với giá trị 100 tỷ đồng. Tổng số tiền thu được từ huy động TP trong Niên độ 2017-2018 đạt 1.614 tỷ đồng, tương đương 72 triệu USD » Tham gia C-SUITE Vietnam Investor Forum 2018 do SSI và Citi Group phối hợp tổ chức. Gặp gỡ NĐT đến từ Thái Lan, Singapore, Hong Kong: Phillip Capital, Chaopraya Investment, Seatown Holdings, Trinity Securities... » UBCKNN chấp thuận nâng giới hạn SHNN lên 100% từ mức 49%. Tiếp cận thị trường vốn quốc tế, tìm kiếm NĐT chiến lược nước ngoài » Tham gia khóa tập huấn thực hiện CBTT áp dụng các chuẩn mực quốc tế cao hơn - ASEAN Scorecard. Nâng tầm thương hiệu cổ phiếu SBT trên TTCK Việt Nam » Hoàn tất mua 61,6 triệu CPQ. Giá trị CPQ đạt trên 11% V&L
06/2018	» Tổ chức hội thảo “<i>Quản trị Công ty</i>” lần 2 với sự tư vấn của IFC, đặc biệt có sự tham gia giảng dạy của đại diện duy nhất Việt Nam trong Dự án Thẻ điểm ASEAN Scorecard » Lần đầu tiên phát hành Bản tin NĐT Quý 4 Niên độ 2017-2018 song ngữ Anh-Việt » Cùng cố và cải tiến các kênh cung cấp thông tin đa dạng, thường xuyên và liên tục cho CĐ, NĐT trong và ngoài nước » Phối hợp với SSI tổ chức Hội thảo “<i>Gặp gỡ CĐ VIP, NĐT tiềm năng và Chuyên gia Phân tích</i>”, thuộc chuỗi hoạt động QH NĐT năm 2018 “<i>Đồng hành cùng SBT, chia sẻ cơ hội, gia tăng giá trị - The sweet outcome</i>”

Tên thực tế, giá cổ phiếu nên phản ánh đầy đủ giá trị nội tại của Công ty thông qua chiến lược phát triển trong dài hạn cũng như kết quả HĐKD tăng trưởng ổn định qua từng năm một cách hợp lý. Từ đầu năm 2018 đến 30/06/2018, đã có nhiều CTCK đưa ra nhận định về giá trị cổ phiếu SBT trong tương lai cũng như triển vọng phát triển của Công ty sẽ như thế nào trong bối cảnh Ngành Mía Đường không nhiều yếu tố hỗ trợ thuận lợi như các lĩnh vực hoạt động khác. Các khuyến nghị **Nắm giữ** và **Mua** cổ phiếu SBT chiếm đa số trong các phân tích của FPTS, Mirae Asset, SSI, Morningstar, HSC, với giá mục tiêu tăng cao nhất là 33% so với thị giá tại thời điểm định giá.

HSC, một trong những CTCK hàng đầu trên thị trường cũng có báo cáo phân tích về cổ phiếu SBT vào tháng 06/2018. Đây là thời điểm tương đối khó khăn khi giá cổ phiếu SBT rớt xuống mức gần như là đáy trong lịch sử 13.300 đồng vào cuối tháng 05. Tuy nhiên, HSC vẫn có cái nhìn tương đối lạc quan về hoạt động SXKD của Công ty và tin tưởng vào khả năng tăng giá của SBT trong tương lai. Những phân tích và đánh giá khả quan về tương lai SBT trong thời điểm này vô hình chung là nhân tố khách quan tác động CE, NĐT có lòng tin hơn với hoạt động của Công ty và chờ đợi sự tăng trưởng của giá cổ phiếu SBT trong Niên độ 2018-2019.

TỔNG HỢP PHÂN TÍCH TỪ CÁC CTCK

STT	CTCK	Khuyến nghị	Ngày báo cáo	Giá thị trường (Đồng)	Giá mục tiêu (Đồng)	Tăng/Giảm với Giá thị trường (%)	Phân tích từ CTCK
1	FPTS	Mua	11/01/2018	24.350	30.000	23	- Công ty đang có những chuyển biến lớn về năng lực sản xuất, nỗ lực hạ giá thành Đường thông qua nâng cao chất lượng cây mía và tăng hiệu quả sản xuất bằng cơ giới hóa. - Đồng thời, Công ty cũng đang tăng mạnh về công suất luyện Đường thô, song song với việc mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.
2	Mirae Asset	Mua	14/05/2018	18.045	24.000	33	- Nhấn mạnh các yếu tố liên quan đến hoạt động kinh doanh cốt lõi như thị phần vượt trội, VNL lớn cũng như các yếu tố cộng hưởng tích cực có được từ việc sáp nhập BHS như cắt giảm chi phí vận chuyển, tận dụng tối ưu hệ thống kho bãi. - Đánh giá cao hoạt động mua vào CPQ và hoạt động mua vào của NNB và NCLQ.
3	SSI	NA	31/05/2018	Báo cáo nhanh			- Mặc dù giá Đường trong nước suy giảm, giá bán Đường của SBT vẫn được duy trì nhờ sáp nhập với BHS. - CTTV này tập trung vào mảng bán lẻ nhiều hơn bán buôn, do đó góp phần giữ giá trung bình của toàn Công ty.
4	Morningstar Inc	NA	04/06/2018	15.800	21.666	37	- Công ty Nghiên cứu Đầu tư nổi tiếng chuyên cung cấp dữ liệu thị trường và phân tích nhận định SBT có xu hướng tiếp tục tăng trong dài hạn. - Cổ phiếu SBT đang bị định giá thấp hơn nhiều so với giá trị nội tại của Công ty.
5	HSC	Nắm giữ	15/06/2018	14.532	17.439	20	- Đánh giá khả quan về triển vọng của Công ty nhờ tác động sau sáp nhập, với lợi thế cạnh tranh, chi phí thấp cũng như khả năng giữ vững thị phần ngay cả khi ATIGA có hiệu lực; trong khi các doanh nghiệp Mía Đường khác có thể sẽ gặp nhiều khó khăn trong quá trình hội nhập này. - Dự báo LNST Niên độ 2018-2019 đạt 692 tỷ đồng, tăng 21%.

Nguồn: FPTS, Mirae Asset, SSI, Morningstar, HSC



Hội thảo “Gặp gỡ Chuyên gia phân tích” được tổ chức tháng 03/2018

ĐẢM BẢO CHÍNH SÁCH CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

Nhìn lại chặng đường chi trả cổ tức, Công ty đã đảm bảo quyền lợi thực tế cho toàn bộ CE khi thực hiện xuyên suốt chính sách trả cổ tức bằng tiền mặt từ năm 2008 đến nay với tỷ lệ thấp nhất vào năm 2013, 2014 là 5%, cao nhất là năm 2012 với 20%. Bắt đầu từ năm 2016 trở đi, chiến lược cổ tức có sự thay đổi khi HĐQT quyết định chuyển sang chi trả bằng cổ phiếu để đảm bảo nguồn tiền giữ lại cho hoạt động SXKD ổn định, bền vững trong bối cảnh quy mô Công ty ngày một lớn mạnh và chiếm lĩnh thị phần Đường Việt Nam.

NQ ĐHCĐ thường niên Niên độ 2016-2017 số 02/2017/NQ-ĐHCĐ ngày 20/11/2017 đã thông qua việc chia cổ tức với tỷ lệ 6% mệnh giá trên VDL, dự kiến thực hiện trong GD 01/07/2017 - 30/06/2018. Tuy nhiên, do diễn biến không thuận lợi của TTCK Việt Nam cũng như các yếu tố tác động của Ngành Đường, Công ty đã dời lại thời gian chi trả cổ tức sang Niên độ 2018-2019 nhằm đảm bảo giá cổ phiếu không bị pha loãng ảnh hưởng đến giá trị đầu tư của CE, NĐT. Việc chi trả cổ tức dự kiến sẽ được thực hiện và hoàn tất trong năm 2018.

STT	Năm	Ngày/Tháng	Bảng tiền	Cổ phiếu
1	2008	25/04	12%	Không
2		04/12	5%	Không
3	2010	17/05	13%	Không
4		23/12	10%	Không
5	2011	10/05	8%	Không
6		10/11	10%	Không
7	2012	09/05	20%	Không
8		15/11	15%	Không
9	2013	17/05	10%	Không
10		20/12	5%	Không
11	2014	11/06	5%	Không
12	2015	18/12	7%	Không
13	2016	11/10	Không	- Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:6 - Thưởng bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:24
14	2017	06/09	Không	Phát hành 303.830.405 cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu BHS
15		20/11		- Cổ tức bằng cổ phiếu, 6% - Dự kiến sẽ chi trả trong năm 2018

Nguồn: TTC Biên Hòa



Ông Phạm Hồng Dương - Chủ tịch HĐQT chia sẻ cơ hội đầu tư vào cổ phiếu SBT

ĐA DẠNG HÓA CÁC KÊNH HUY ĐỘNG VỐN - CÁC GÓI TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH TRONG NIÊN ĐỘ 2017-2018

Ngoài mục tiêu tăng quy mô vốn hoạt động, bổ sung Vốn lưu động để mở rộng hoạt động SXKD, việc phát hành TP sẽ giúp TTC Biên Hòa ổn định dòng tiền, tăng hiệu quả sử dụng vốn và tái cấu trúc tài chính. Nguồn vốn bổ sung Vốn lưu động đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ Công ty mở rộng và tăng quy mô sản lượng sản xuất, tăng hiệu suất vận hành các nhà máy, qua đó tối ưu hóa chi phí sản xuất và phát huy lợi thế kinh tế theo quy mô. Trên

thực tế, sản lượng sản xuất tăng thêm sẽ giúp tiết giảm định mức định phí, khấu hao/kg sản phẩm...; từ đó đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ, mở rộng thị phần, bao phủ thêm các phân khúc vừa và nhỏ tại các ngách thị trường tiềm năng, thị trường mục tiêu như Tây Nam Bộ, Miền Bắc... và xuất khẩu sang những thị trường khó tính nhất. Trong Niên độ 2017-2018 vừa qua, TTC Biên Hòa đã thực hiện phát hành mới 4 gói TP với tổng giá trị lên tới 1.614 tỷ đồng.

STT	Tên trái phiếu	Giá trị (Tỷ đồng)	Trái chủ	Thời điểm phát hành	Thời gian đáo hạn	Kỳ hạn (Năm)	Lãi suất	Mục đích	Phương thức thanh toán gốc
1	TP CTCP Thành Thành Công - Tây Ninh năm 2017	425,6	BIDV	07/2017	07/2023	6	Thả nổi + Biên độ 3,2%	Đầu tư cụm dự án tại Tỉnh Attapeu (Lào)	- Gốc TP được thanh toán định kỳ từ năm 2019 - Hoàn trả khi đáo hạn
2	TP CTCP Đường Biên Hòa năm 2017	638,4	BIDV	07/2017	07/2023	6	Thả nổi + Biên độ 3,2%		
3	TP CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa năm 2018	450	Maritime Bank	04/2018	04/2019	1	10,5%/năm, cố định	Bổ sung Vốn lưu động	Một lần vào ngày đáo hạn TP
4		100	PTI	05/2018	05/2019	1	11,0%/năm, cố định		

Nguồn: TTC Biên Hòa



Ông Phạm Hồng Dương - Chủ tịch HĐQT trao đổi với Quản lý Cấp cao

DUY TRÌ QUAN HỆ TỐT VỚI CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Đa dạng hóa nguồn lực tài chính, đáp ứng linh hoạt nhu cầu hoạt động SXKD, Công ty tiếp tục cải thiện năng lực QT, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn nhằm duy trì tốt mối quan hệ với các Định chế tài chính trong và ngoài nước, đặc biệt là các Ngân hàng nước ngoài có tên tuổi đang hoạt động tại Việt Nam. Hiện nay, Công ty đang có mối quan hệ tín dụng với tổng cộng 26 Định chế tài chính, trong đó có 17 Ngân hàng trong nước chiếm 84% tổng dư nợ và 9 Ngân hàng nước ngoài chiếm 16% tổng dư nợ tại thời điểm 30/06/2018 là 10.244 tỷ đồng.

STT	Loại Ngân hàng	Tên Ngân hàng	Dư nợ tại 30/06/2018 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	STT	Loại Ngân hàng	Tên Ngân hàng	Dư nợ tại 30/06/2018 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
1		BIDV	2.222	21,68	18		ANZ	605	5,91
2		Vietinbank	1.157	11,28	19		Maybank	298	2,91
3		Vietcombank	1.088	10,62	20		BPCE IOM	262	2,56
4		Maritime Bank	947	9,25	21		HSBC	150	1,47
5		OCB	567	5,54	22	Nước ngoài	UOB	136	1,33
6		VP Bank	522	5,1	23		Sinopac	66	0,65
7		VIB	475	4,64	24		Lào Việt Bank	61	0,6
8		Tiền Phong Bank	450	4,39	25		Shinhan Bank	60	0,58
9	Trong nước	Bảo Việt Bank	350	3,42	26		DBS	41	0,4
10		Techcombank	260	2,53	Tổng dư nợ Ngân hàng nước ngoài			1.679	16,41
11		MB Bank	243	2,36					
12		SHB	100	0,98					
13		PTI	100	0,98					
14		HDBank	52	0,5					
15		Agribank	18	0,18					
16		VDB	11	0,11					
17		VNFF	3	0,03					
Tổng dư nợ Ngân hàng trong nước			8.565	83,59					

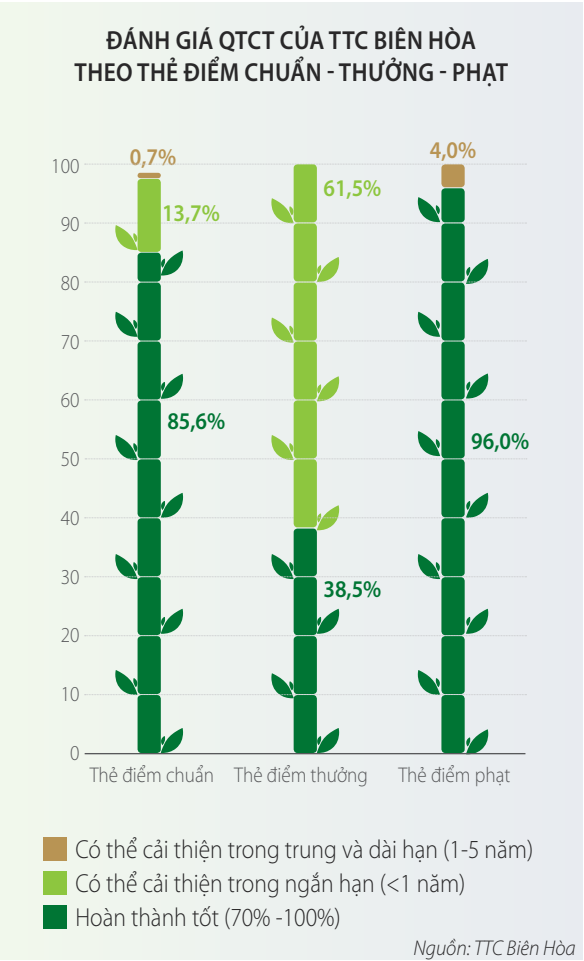
Nguồn: TTC Biên Hòa



Một trong những lễ ký kết hợp tác phát hành trái phiếu của TTC Biên Hòa ND 17-18

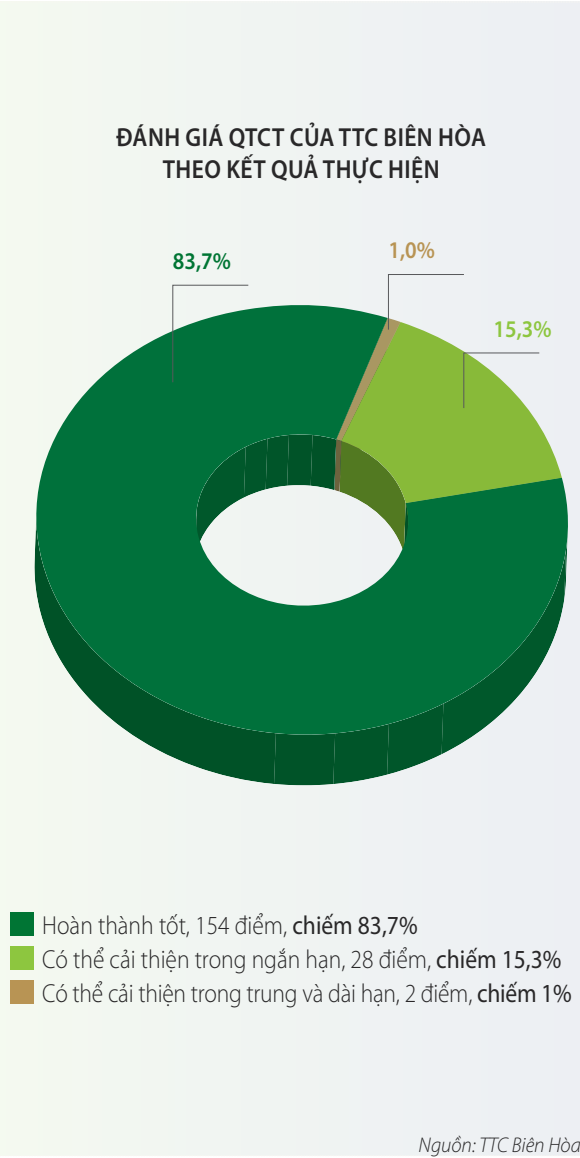
Thẻ điểm QTCT Khu vực ASEAN là bộ câu hỏi được xây dựng dựa trên các quy tắc QTCT của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và khuôn khổ luật pháp QTCT của các nước Malaysia, Singapore, Thái Lan, Indonesia, Philippines và Việt Nam. Trong năm 2017, Bộ Thẻ điểm cải thiện thêm nhiều vấn đề liên quan đến đánh giá QTDN của các Công ty niêm yết khu vực ASEAN, trong đó nhấn mạnh hơn vai trò của các bên hữu quan; gia tăng trọng số cho các lĩnh vực quan trọng của QTDN như cấu trúc và tính độc lập của HĐQT, các Tiểu ban của HĐQT, thực hành tổ chức ĐHĐCĐ, công bố biên bản ĐHĐCĐ, chống tham nhũng, chính sách tố giác vi phạm quản trị.

Bộ Thẻ điểm có tổng cộng 184 tiêu chuẩn thuộc 5 nguyên tắc chính là *Quyền của Cổ đông, Đối xử công bằng giữa các Cổ đông, Vai trò các bên hữu quan, Công bố, minh bạch thông tin và Trách nhiệm của HĐQT*. Trong đó 146 tiêu chuẩn đánh giá tình hình thực hiện QTCT theo thông lệ tốt dựa trên Thẻ điểm Tiêu chuẩn, chiếm 79%. Ngoài ra, Bộ đánh giá còn có 38 tiêu chuẩn phản ánh tình hình thực hiện QTCT theo thông lệ tốt nhất tương ứng 13 Thẻ điểm Thương, chiếm 7% và những vấn đề trong QTCT mà doanh nghiệp có hoạt động QTCT tốt tuyệt đối không được phép vi phạm là 25 Thẻ điểm Phạt, tương ứng 14%.



Chất lượng hoạt động QT tại TTC Biên Hòa được phản ánh qua việc đạt 86%, 39% và 96% hoàn thành tốt các quy tắc QTCT (từ 70% đến 100% yêu cầu) thuộc Thẻ điểm Tiêu chuẩn, Thẻ điểm Thương và Thẻ điểm Phạt; tương đương tổng điểm hoàn thành tốt các nguyên tắc QTDN của ASEAN là 84%.

Phần lớn các nguyên tắc chưa đạt chuẩn đều có khả năng cải thiện trong ngắn hạn (dưới 1 năm) chiếm 15,3%, và chỉ có 1% thẻ điểm chưa hoàn thành sẽ được Công ty cải thiện trong trung và dài hạn (từ 1 đến 5 năm). Điều này thể hiện nỗ lực của Công ty trong việc hướng tới các chuẩn mực, thông lệ QT tốt nhất trên thị trường, rút ngắn khoảng cách QTCT với các nước phát triển, là tiền đề cho sự hội nhập của TTC Biên Hòa nói riêng cũng như TTCK Việt Nam nói chung với khu vực.



Thẻ điểm	Hoàn thành tốt (70%-100%)	Có thể cải thiện ngắn hạn (<1 năm)	Có thể cải thiện trung và dài hạn (1-5 năm)	Cơ sở đưa ra nhận định
A. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG				
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời: Tất cả CĐ được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) được CĐ thông qua tại các ĐHĐCĐ đối với cổ tức cuối năm? Nếu Công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu, Công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố?	✓		- ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức 6% cho CĐ - Do điều kiện thị trường chưa thuận lợi nên cổ tức dự kiến sẽ chi trả trong năm 2018
A.2.1	CĐ có quyền tham gia sửa đổi Quy chế Công ty?	100%		- Điều lệ-Điều 14.2: ĐHĐCĐ thông qua bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty - Quy chế QTCT-Điều 35.3: Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ Quy chế này do HĐQT xem xét xây dựng và trình ĐHĐCĐ thông qua
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu?	100%		Điều lệ-Điều 5.1: ĐHĐCĐ phê duyệt việc phát hành thêm cổ phiếu
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của Công ty, dẫn đến việc bán Công ty?	100%		Điều lệ-Điều 14.2: Bán tài sản có giá trị từ 70% trở lên tổng giá trị tài sản phải được ĐHĐCĐ thông qua
A.3.1	CĐ có cơ hội thông qua thù lao hoặc mọi khoản tăng thù lao cho TV/Ủy viên HĐQT không ĐH ?	100%		- Điều lệ-Điều 14.2: Thù lao của TV HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua - ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: Nghị quyết Số 2/2017 - Điều 2.15 ĐHĐCĐ thông qua thù lao cho HĐQT
A.3.2	Công ty cho phép CĐ không có quyền kiểm soát quyền để cử TV/Ủy viên HĐQT?	100%		- Điều lệ-Điều 24.2: CĐ hoặc nhóm CĐ nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử tối đa 1 ứng viên - Quy chế QTCT-Điều 14.1.a: CĐ hoặc nhóm CĐ đáp ứng các điều kiện theo quy định của Điều lệ và quy định pháp luật có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử, ứng cử các ứng viên
A.3.3	Công ty cho phép CĐ bầu chọn từng TV/Ủy viên HĐQT?	100%		- Điều lệ-Điều 20.3: Việc biểu quyết bầu TV HĐQT thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc phương thức bầu dồn phiếu - ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: Thẻ lệ bầu cử TV HĐQT Điều 6 Mục 1: Phiếu bầu cử ghi đầy đủ họ tên từng TV HĐQT
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi Đại hội tiến hành?	100%		ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: - Nội quy làm việc Điều 9.2: CĐ biểu quyết bằng cách dong thẻ Biểu quyết hoặc chọn ý kiến tại Phiếu biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu kín - Lịch trình Đại hội: Nội dung chương trình Phần I.3.b - Thông qua nội quy ĐHĐCĐ
A.3.5	BBH ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng CĐ có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	100%		ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: BBH - Phần III Mục 7 - CĐ hỏi và Ban chủ tọa trả lời
A.3.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	100%		BBH ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: - Phần V Mục A và B: Tổng số phiếu bầu và Tỷ lệ tán thành cho từng nội dung - Phần VI Mục 1: Tổng số phiếu bầu và Tỷ lệ tán thành thông qua BBH
A.3.7	Công ty có công bố danh sách TV HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	70%		BBH ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017 - Phần III: - Có 2 TV HĐQT trong số 6 TV HĐQT tham dự
A.3.8	Công ty có công bố rằng tất cả TV HĐQT và TGD có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?		✓	- TGD có tham dự ĐHĐCĐ
A.3.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	100%		Điều lệ-Điều 12.2: Các cuộc họp ĐHĐCĐ thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa
A.3.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của CĐ (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi NQ tại ĐHĐCĐ mới nhất?	100%		ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: Nội quy làm việc Điều 9 - Công ty sử dụng hình thức biểu quyết theo số phiếu biểu quyết của CĐ

THẺ ĐIỂM TIÊU CHUẨN

Thẻ điểm		Hoàn thành tốt (70%-100%)	Có thể cải thiện ngắn hạn (<1 năm)	Có thể cải thiện trung và dài hạn (1-5 năm)	Cơ sở đưa ra nhận định
A. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG					
A.3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/ hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?		✓		Sẽ thực hiện tại ĐHĐCĐ Niên độ 2017-2018
A.3.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả NQ trong ĐHĐCĐ gần nhất?	100%			ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: BBH được công bố ngày 21/11/2017, ngày họp ĐHĐCĐ là 20/11/2017
A.3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày?			✓	- ĐHĐCĐ và bất thường được thực hiện theo Thông tư 155: 10 ngày trước khai mạc ĐHĐCĐ - Sẽ nỗ lực thực hiện tại ĐHĐCĐ các Niên độ sắp tới
A.3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo NQ cần được thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/tài liệu ĐHĐCĐ/ Dự thảo và/hoặc các Báo cáo?		✓		- ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: Tờ trình từng vấn đề nhưng chưa cung cấp cơ sở thông tin cụ thể - ĐHĐCĐ Niên độ 2017-2018: Cung cấp cụ thể cơ sở và thông tin cho từng Tờ trình
A.3.15	CĐ có được cho cơ hội để đóng góp các vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	100%			Điều lệ-Điều 17.4: CĐ hoặc nhóm CĐ sở hữu ít nhất 10% cổ phần trong thời gian liên tục 6 tháng có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ ít nhất 5 ngày làm việc trước ngày họp
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thầu tóm cần được CĐ thông qua, TV/Ủy viên HĐQT của Công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	70%			Có thực hiện trong thực tế, ví dụ như thương vụ mua lại Đường Biên Hòa
A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của CĐ bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?		✓		Công ty sẽ có chương trình khuyến khích sự tham gia của CĐ bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ
B. ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG					
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty có 1 phiếu biểu quyết?	100%			- Điều lệ-Điều 11.1: CĐ có quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu - Quy chế QTCT-Điều 7.1: Mỗi thẻ biểu quyết có ghi rõ số phiếu biểu quyết của CĐ - ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: Nội quy làm việc Điều 9.1 - Mỗi thẻ biểu quyết có ghi rõ số phiếu biểu quyết của CĐ
B.1.2	Trong trường hợp Công ty có nhiều hơn 1 loại cổ phiếu, Công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu?	100%			Trong Niên độ 2017-2018, Công ty chỉ có phát sinh thêm CPQ
B.2.1	Mỗi NQ trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến 1 nội dung của dự thảo NQ, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng 1 NQ?		✓		- ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: Tờ trình từng vấn đề, NQ tổng hợp chung - ĐHĐCĐ Niên độ 2017-2018: 1 Tờ trình sẽ ra 1 NQ riêng
B.2.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?		✓		- ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: Tài liệu chưa được dịch sang tiếng Anh - ĐHĐCĐ Niên độ 2017-2018: Tài liệu sẽ được dịch sang tiếng Anh và công bố cùng ngày tiếng Việt
B.2.3	Có cung cấp tiểu sử của TV/Ủy viên HĐQT sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, TV HĐQT đang tại vị trong các Công ty niêm yết khác)?	100%			ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: Tờ trình 14 kèm theo Sơ yếu lý lịch
B.2.4	Kiểm toán viên/Công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	100%			ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: Tờ trình 6 thông qua lựa chọn Công ty Kiểm toán
B.2.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?	100%			ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: Thư mời tham dự và mẫu giấy ủy quyền được cung cấp trên Website Công ty
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm TV HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài?	100%			Bộ QCUX-Điều 7.3: CBNV không được sử dụng thông tin trong Công ty để kiếm lợi cho cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác
B.3.2	TV HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo dịch cổ phiếu Công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	100%			TT 155-CBTT giao dịch NNB: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu 3 ngày làm việc

THẺ ĐIỂM TIÊU CHUẨN

Thẻ điểm		Hoàn thành tốt (70%-100%)	Có thể cải thiện ngắn hạn (<1 năm)	Có thể cải thiện trung và dài hạn (1-5 năm)	Cơ sở đưa ra nhận định
B. ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG					
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu TV HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với Công ty không?	100%			Quy chế QTCT-Điều 25.1: TV HĐQT phải công khai các lợi ích liên quan
B.4.2	Công ty có chính sách yêu cầu một Tiểu ban bao gồm TV HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của Công ty, CĐ?		✓		BCTN 2017-2018-Báo cáo của TBKT: - TBKT thực hiện nhiệm vụ này - Tuy nhiên TBKT chỉ mới có 2 TV HĐQT độc lập, chiếm 67%
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu TV HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà TV đó có xung đột lợi ích?	100%			Quy chế QTCT-Điều 25.5: TV HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà TV đó hoặc NCLQ đến TV đó tham gia
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho TV HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	100%			Quy chế QTCT-Điều 25.4: Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các TV HĐQT trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty và tổ chức liên quan đến TV HĐQT là Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc Công ty hoạt động theo nhóm Công ty
B.5.1	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	100%			- Điều lệ-Điều 35.4: Giao dịch được tổ chức độc lập đánh giá là công bằng và hợp lý đến lợi ích của CĐ và Công ty - BCTN 2017-2018, Báo cáo của HĐQT và hoạt động QTCT: Công bố đầy đủ các GDBLQ
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của CĐ thông qua các GDBLQ, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các CĐ không liên quan lợi ích	100%			Điều lệ-Điều 35.4: Hợp đồng GDBLQ có giá trị lớn hơn 35% TTS cần phải được CĐ không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết tán thành
C. VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN					
C.1.1	Công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	100%			- Bộ QCUX-Điều 4: Cam kết đối với người tiêu dùng, khách hàng và nhà cung cấp - BCTN 2017-2018: Chia sẻ của khách hàng - Quy trình chọn thầu
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	70%			- Bộ QCUX-Điều 4: Cam kết đối với người tiêu dùng, khách hàng và nhà cung cấp - BCTN 2017-2018: Sự tham gia của CBLQ
C.1.3	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của Công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của Công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy PTBV?	100%			BCTN 2017-2018: Thông điệp Chủ tịch HĐQT; Quy chế QTCT; Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT; Định hướng chiến lược của HĐQT; Báo cáo BTGD; Đầu tư và phát triển công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động; Đảm bảo chất lượng; 17 tiêu chí PTBV của Liên Hiệp Quốc; Chia sẻ của Người nông dân; Tăng trưởng kinh tế bền vững; Bảo vệ môi trường; Cộng đồng xã hội
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của Công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi Công ty hoạt động?	100%			BCTN 2017-2018: Thông điệp Chủ tịch HĐQT; Quy chế QTCT; Báo cáo BTGD; Đầu tư và phát triển công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động; Đảm bảo chất lượng; 17 tiêu chí PTBV của Liên Hiệp Quốc; Chia sẻ của Người nông dân; Tăng trưởng kinh tế bền vững; Bảo vệ môi trường; Cộng đồng xã hội
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của Công ty?	70%			- Bộ QCUX-Điều 16: CBNV phải có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật bao gồm Luật phòng chống tham nhũng - BCTN 2017-2018: Bộ QCUX
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	70%			Thể hiện rõ bằng các điều khoản trong hợp đồng vay, tài trợ vốn
C.1.7	Công ty có viết Báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	100%			BCTN 2017-2018: Thông điệp Chủ tịch HĐQT; Quy chế QTCT; Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT; Định hướng chiến lược của HĐQT; Báo cáo BTGD; Đầu tư và phát triển công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động; Đảm bảo chất lượng; 17 tiêu chí PTBV của Liên Hiệp Quốc; Chia sẻ của Người nông dân; Tăng trưởng kinh tế bền vững; Bảo vệ môi trường; Cộng đồng xã hội
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên Website hay BCTN để CBLQ có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra với quyền lợi của họ?	70%			- BCTN 2017-2018: Thông tin liên hệ - Website: Mục liên hệ, Mục QHNDT

THẺ ĐIỂM TIÊU CHUẨN

Thẻ điểm		Hoàn thành tốt (70%-100%)	Có thể cải thiện ngắn hạn (<1 năm)	Có thể cải thiện trung và dài hạn (1-5 năm)	Cơ sở đưa ra nhận định
C. VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN					
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	100%			BCTN 2017-2018: Nhân sự và đào tạo; Chia sẻ của Nhân viên; Sự tham gia của các BLQ; Phát triển kinh tế bền vững
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	100%			BCTN 2017-2018: Nhân sự và đào tạo; Chia sẻ của Nhân viên
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của Công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	100%			BCTN 2017-2018: Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT; Nhân sự và đào tạo
C.4.1	Công ty có chính sách tổ giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho Nhân viên và CBLQ về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được để cập trên trang Web Công ty hoặc BCTN?	70%			- Bộ QCUX-Điều 15: CBNV có trách nhiệm báo cáo trung thực, đầy đủ, rõ ràng và chính xác các hành vi vi phạm hoặc hành vi nghi ngờ vi phạm - BCTN 2017-2018: Bộ QCUX
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/không phù hợp đạo đức?	70%			Bộ QCUX-Điều 15: Công ty nghiêm cấm các hành vi trả thù và/hoặc trừng phạt, trù dập người có nhậ ý báo cáo
D. CBTT VÀ MINH BẠCH					
D.1.1	Thông tin về CD có tiết lộ danh tính của các chủ sở hữu nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	100%			- BCTN 2017-2018: Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT; Hoạt động Thị trường vốn và QHNDT - Website: Mục QHNDT
D.1.2	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của CD lớn?		✓		Sẽ cải thiện từ Niên độ 2018-2019 trở đi
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của TV HĐQT?		✓		Sẽ cải thiện từ Niên độ 2018-2019 trở đi
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của BĐH?		✓		Sẽ cải thiện từ Niên độ 2018-2019 trở đi
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về Công ty mẹ, con, liên kết, liên doanh và Công ty có mục đích đặc biệt (SPE)/ (SPV)?	70%			- BCTC: Thuyết minh BCTC của các Niên độ - BCTN 2017-2018: Hoạt động của Công ty con - Công ty liên kết
D.2.1	BCTN: Mục tiêu của Công ty	100%			Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi; Thông điệp của Chủ tịch HĐQT; Định hướng chiến lược của HĐQT
D.2.2	BCTN: Chỉ số hiệu quả tài chính	100%			Những con số nổi bật; Điểm nhấn tài chính; Những sự kiện nổi bật; Hoạt động Thị trường vốn và QHNDT; Báo cáo BTGD; Hoạt động M&A; Đầu tư và phát triển công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động; Tăng trưởng kinh tế bền vững; BCTC
D.2.3	BCTN: Chỉ số hiệu quả phi tài chính	100%			Những con số nổi bật; Những sự kiện nổi bật; Danh mục sản phẩm; Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT; Hoạt động Thị trường vốn và QHNDT; Hoạt động R&D, khẳng định thương hiệu Việt; 17 tiêu chí phát triển bền vững của LHQ; Bảo vệ môi trường; Cộng đồng, xã hội; Hệ thống mạng lưới
D.2.4	BCTN: Chính sách cổ tức	70%			Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT; Hoạt động thị trường vốn và QHNDT
D.2.5	BCTN: Chi tiết tiểu sử của TV HĐQT	100%			Giới thiệu HĐQT
D.2.6	BCTN: Chi tiết về tham gia của mỗi TV HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm	100%			Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT; Báo cáo TV HĐQT độc lập; Báo cáo TBKT; Báo cáo các Tiểu ban khác trực thuộc HĐQT
D.2.7	Tổng thù lao của mỗi TV HĐQT	70%			Quy chế QTCT; Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT
D.2.8	BCTN có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của Công ty với quy tắc QTCT và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	100%			Cam kết về tính chính xác và trung thực của BCTN
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	100%			- Điều lệ-Điều 35 và 36: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi; Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường - Quy chế QTCT-Chương VI: Ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty - BCTN 2017-2018: Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT; Hoạt động thị trường vốn và QHNDT
D.3.2	Công ty có công bố tên của CBLQ, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	70%			- BCTN 2017-2018: Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT; Hoạt động thị trường vốn và QHNDT - BCTC: Thuyết minh BCTC

THẺ ĐIỂM TIÊU CHUẨN

Thẻ điểm		Hoàn thành tốt (70%-100%)	Có thể cải thiện ngắn hạn (<1 năm)	Có thể cải thiện trung và dài hạn (1-5 năm)	Cơ sở đưa ra nhận định
D. CBTT VÀ MINH BẠCH					
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của Công ty do NNB của Công ty thực hiện?	100%			- Website: Mục CBTT - BCTN 2017-2018: Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT; Hoạt động Thị trường vốn và QHNDT
D.5.1	Phí kiểm toán và phí kiểm toán có được công bố công khai?	70%			BCTN 2017-2018: Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT
D.5.2	Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?	100%			BCTN 2017-2018: Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT
D.6.1	Hình thức truyền thông: Báo cáo Quý	100%			- Website: Bản tin NĐT, BCTC, Diễn giải BCTC, TCBC về Ngành Mía Đường và Công ty - Báo cáo phân tích của các CTCK: HSC, SSI, Mirae Asset, FPTS - Các bài viết về Công ty trên phương tiện truyền thông tài chính: Đầu tư Tài chính, Báo Đầu tư, Người Đồng hành, VNExpress, Saigon Times; Bloomberg...
D.6.2	Hình thức truyền thông: Website Công ty	100%			2 ngôn ngữ: Tiếng Việt và Tiếng Anh
D.6.3	Hình thức truyền thông: Đánh giá của chuyên gia phân tích	80%			Báo cáo phân tích của các CTCK: HSC, SSI, Mirae Asset, FPTS
D.6.4	Hình thức truyền thông: Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo	100%			- TCBC hàng tháng hoặc khi có sự kiện có liên quan đến Ngành Mía Đường và Công ty - Hợp báo công bố các sự kiện lớn
D.7.1	BCTC năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	100%			TT 155: Công bố trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính 30/6/2018
D.7.2	BCTN có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	100%			TT 155: Công bố trong vòng 110 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính 30/6/2018
D.7.3	Sự trung thực và hợp lý của BCTC năm có được TV HĐQT và/hoặc TV điều hành có thẩm quyền của Công ty khẳng định?	100%			- BCTN 2017-2018: Cam kết về tính chính xác và trung thực của BCTN - BCTC: Được khẳng định bởi Chủ tịch HĐQT và TGD
D.8.1	Website Công ty: BCTC (Quý gần nhất)	100%			Mục QHNDT: BCTC
D.8.2	Website Công ty: Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	100%			- Mục QHNDT: Hoạt động QHNDT - Bản tin NĐT - Mục QHNDT: Hoạt động QHNDT - Thông tin nổi bật
D.8.3	Website Công ty: BCTN có thể được tải về	100%			Mục QHNDT: Thông tin doanh nghiệp - BCTN
D.8.4	Website Công ty: Thông báo và tài liệu hợp ĐHĐCD và/hoặc ĐHCD bắt thường	100%			Mục QHNDT: ĐHĐCD
D.8.5	Website Công ty: BBH ĐHĐCD và/hoặc ĐHCD bắt thường	100%			Mục QHNDT: ĐHĐCD
D.8.6	Website Công ty: Điều lệ Công ty có thể được tải về	100%			Mục QHNDT: Thông tin doanh nghiệp - Điều lệ
D.9.1	QHNDT: Công ty có công bố thông tin liên hệ của cán bộ/bộ phận chịu trách nhiệm về QHNDT?	100%			Mục QHNDT: Hoạt động QHNDT - Liên hệ
E. TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT					
E.1.1	Công ty có công bố Quy chế QTCT/Điều lệ hoạt động của HĐQT?	100%			- Website: Mục QHNDT - Thông tin doanh nghiệp - Quy chế QTCT - BCTN 2017-2018: Quy chế QTCT; Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT
E.1.2	Các loại Quyết định phải có phê duyệt của TV HĐQT có được công bố công khai?	100%			- Website: Mục QHNDT - CBTT - Điều lệ-Điều 25.4: Những vấn đề phải được HĐQT phê chuẩn - TT 155: CBTT trong vòng 24h
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của TV HĐQT có được quy định và công bố rõ ràng?	80%			- Điều lệ-Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT - Quy chế QTCT: + Điều 20: Ban KTNB + Điều 21: Các Tiểu ban của HĐQT
E.1.4	Công ty có công bố tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật?	100%			- Website: Mục Giới thiệu - Tầm nhìn và Sứ mệnh - BCTN 2017-2018: Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi; Báo cáo HĐQT; Định hướng chiến lược HĐQT

THẺ ĐIỂM TIÊU CHUẨN

Thẻ điểm		Hoàn thành tốt (70%-100%)	Có thể cải thiện ngắn hạn (<1 năm)	Có thể cải thiện trung và dài hạn (1-5 năm)	Cơ sở đưa ra nhận định
E. TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT					
E.1.5	TV HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của Công ty ít nhất 1 năm?	100%			- Điều lệ-Điều 25.3: Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua - Quy chế QTCT- Điều 29.2: TGD phải chuẩn bị và trình HĐQT phê duyệt cho từng năm tài chính - BCTN 2017-2018: Quy chế QTCT; Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT; Định hướng chiến lược của HĐQT
E.1.6	TV HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của Công ty?	100%			- Điều lệ-Điều 25: Quyền hạn nhiệm vụ HĐQT - Quy chế QTCT-Điều 30: Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các TV HĐQT - BCTN 2017-2018: Quy chế QTCT; Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT; Định hướng chiến lược của HĐQT; Báo cáo TV HĐQT độc lập; Báo cáo TBKT; Báo cáo các Tiểu ban trực thuộc HĐQT
E.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai?	70%			BCTN 2017-2018: Bộ QCUX
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả TV HĐQT, LH cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	80%			BCTN 2017-2018: Bộ QCUX; Nhân sự và đào tạo
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?	80%			BCTN 2017-2018: Bộ QCUX Nhân sự và đào tạo
E.2.4	TV HĐQT độc lập có chiếm tối thiểu 50% số TV HĐQT?	70%			TV HĐQT độc lập: 2/6 người, chiếm 34%
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm đối với mỗi TV HĐQT độc lập?	100%			Điều lệ-Điều 24.1 và Quy chế QTCT-Điều 12.1: TV HĐQT có nhiệm kỳ tối đa 5 năm
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa 5 vị trí HĐQT mà 1 TV HĐQT độc lập/không ĐH có thể nắm giữ đồng thời tại những Công ty khác không?		✓		Quy chế QTCT-Điều 13.2: TV HĐQT Công ty có thể đồng thời là TV HĐQT của Công ty khác
E.2.7	Công ty có TV HĐQT ĐH nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các Công ty niêm yết ngoài tập đoàn?	100%			Hoàn toàn không xảy ra
E.2.8	Công ty có TBNS hay không?	100%			Được thành lập trong Niên độ 2017-2018
E.2.9	TBNS có bao gồm đa số TV HĐQT độc lập?	70%			Có 1/3 TV là TV HĐQT độc lập nhưng là TV HĐQT không ĐH
E.2.10	Chủ tịch TBNS có phải là TV HĐQT độc lập?		✓		Chủ tịch TBNS hiện là Chủ tịch HĐQT - TV HĐQT không ĐH
E.2.11	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/Điều lệ của TBNS?	70%			BCTN 2017-2018: Báo cáo của các Tiểu ban thuộc HĐQT
E.2.12	Sự tham gia của TV trong các cuộc họp của TBNS có được công bố công khai, TBNS có họp tối thiểu 2 lần/năm?	100%			- Báo cáo tình hình QTCT mỗi 6 tháng: TBNS họp ít nhất định kỳ hàng quý - BCTN 2017-2018: Báo cáo của các Tiểu ban thuộc HĐQT
E.2.13	Công ty có Tiểu ban Thù lao không?	70%			TBNS kiêm nhiệm chức năng này
E.2.14	Tiểu ban Thù lao có bao gồm đa số TV HĐQT độc lập?		✓		Có 1/3 TV là TV HĐQT độc lập không ĐH
E.2.15	Chủ tịch của Tiểu ban Thù lao có phải là TV HĐQT độc lập?		✓		Chủ tịch TBNS hiện là Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT không ĐH
E.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/Điều lệ Tiểu ban Thù lao?	70%			BCTN 2017-2018: Báo cáo của các Tiểu ban thuộc HĐQT
E.2.17	Sự tham gia của TV trong các cuộc họp của Tiểu ban Thù lao có công bố công khai, Tiểu ban Thù lao có họp tối thiểu 2 lần/năm?	70%			- Báo cáo tình hình QTCT mỗi 6 tháng: TBNS họp ít nhất định kỳ hàng quý - BCTN 2017-2018: Báo cáo của các Tiểu ban thuộc HĐQT
E.2.18	Công ty có TBKT không?	100%			Được thành lập trong Niên độ 2017-2018
E.2.19	TBKT có bao gồm toàn bộ TV HĐQT không ĐH với đa số TV HĐQT độc lập?	100%			- Chủ tịch TBKT: TV HĐQT không ĐH - 2 TV TBKT: TV HĐQT độc lập
E.2.20	Chủ tịch của TBKT có phải là TV HĐQT độc lập?	70%			Chủ tịch TBKT: TV HĐQT không ĐH nhưng không phải TV HĐQT độc lập
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/Điều lệ TBKT?	100%			BCTN 2017-2018: Báo cáo TBKT
E.2.22	Tối thiểu 1 TV HĐQT độc lập của TBKT có chuyên môn về kế toán không?	70%			Chủ tịch TBKT: TV HĐQT không ĐH kinh nghiệm kế toán - kiểm toán

THẺ ĐIỂM TIÊU CHUẨN

Thẻ điểm		Hoàn thành tốt (70%-100%)	Có thể cải thiện ngắn hạn (<1 năm)	Có thể cải thiện trung và dài hạn (1-5 năm)	Cơ sở đưa ra nhận định
E. TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT					
E.2.23	Sự tham gia của TV trong các cuộc họp của TBKT có được công bố công khai, TBKT có họp tối thiểu 4 lần trong năm?	100%			- Báo cáo tình hình QTCT mỗi 6 tháng: TBKT họp ít nhất định kỳ hàng quý - BCTN 2017-2018: Báo cáo của TBKT
E.2.24	TBKT có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, miễn nhiệm KTEL?	100%			- BCTN 2017-2018: Báo cáo của TBKT
E.3.1	Hợp HĐQT có được lập kế hoạch trước năm tài chính?	100%			HĐQT có lịch họp hàng quý cho 1 năm tới trước khi năm tài chính bắt đầu
E.3.2	TV HĐQT có họp tối thiểu 6 lần trong năm?	100%			- Báo cáo tình hình QTCT mỗi 6 tháng: TBNS họp tối thiểu 6 lần/năm - BCTN 2017-2018: Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT
E.3.3	Mỗi TV HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm?	100%			- Báo cáo tình hình QTCT mỗi 6 tháng: TBNS họp tối thiểu 6 lần/năm - BCTN 2017-2018: Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT
E.3.4	Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số TV HĐQT đối với các cuộc họp cần ra quyết định của HĐQT?	100%			Điều lệ-Điều 28.9 và Quy chế QTCT-Điều 18.1: Tối thiểu 3/4 số TV HĐQT tham dự các cuộc họp
E.3.5	TV HĐQT không ĐH của Công ty có họp riêng tối thiểu 1 lần trong năm mà không có mặt các TV điều hành?	100%			Toàn bộ 6 TV HĐQT hiện có 4 TV không ĐH và 2 TV độc lập họp tối thiểu 6 lần/năm
E.3.6	Văn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu 5 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp HĐQT?		✓		Ít nhất 2 ngày trước ngày họp
E.3.7	Thư ký Công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình?	100%			Điều lệ-Điều 33 và Quy chế QTCT-22: Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách QTCT
E.3.8	Thư ký Công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký Công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?		✓		Điều lệ-Điều 33.2 và Quy chế QTCT-22.2: Thư ký Công ty là người có hiểu biết về pháp luật
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn TV HĐQT mới?	70%			Quy chế QTCT-Điều 13.1: Có năng lực dân sự và trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty
E.3.10	Công ty có mô tả quy trình được áp dụng trong việc bổ nhiệm TV HĐQT mới?	70%			Điều lệ-Điều 24.2 và Quy chế QTCT-Điều 14.1: TV HĐQT được ĐH và các nhóm ĐH để cử hoặc tự ứng cử thông qua bỏ phiếu biểu quyết
E.3.11	Tất cả TV HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với Công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm 1 lần?	100%			Điều lệ-Điều 24.1 và Quy chế QTCT-Điều 12.1: TV HĐQT có nhiệm kỳ tối đa 5 năm
E.3.12	Công ty có công bố chính sách/thực hành về thù lao đối với TV HĐQT ĐH và TGD?	70%			BCTN 2017-2018: Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT
E.3.13	Cơ cấu thù lao cho TV HĐQT không ĐH có được công bố công khai?	70%			BCTN 2017-2018: Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT
E.3.14	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của TV HĐQT ĐH và/hoặc LH cấp cao?	100%			- ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: NQ 2/2017 Điều 2.15 - ĐHĐCĐ thông qua thù lao cho HĐQT - BCTN 2017-2018: Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các TV HĐQT ĐH hoặc ĐKH với lợi ích lâu dài của Công ty?	70%			BCTN 2017-2018: Quy chế QTCT; Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT
E.3.16	Công ty có bộ phận KTNB riêng biệt?	100%			Ban KTNB trực thuộc TBKT
E.3.17	Trưởng bộ phận KTNB có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của Công ty thuê ngoài có được công bố?	100%			Trưởng ban KTNB là nhân viên toàn thời gian tại Công ty
E.3.18	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm KTNB có phải được TBKT thông qua?	100%			BCTN 2017-2018: Báo cáo TBKT
E.3.19	Công ty có công bố quy trình kiểm soát nội bộ/ hệ thống QLRR và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà Công ty đang thực hiện?	70%			BCTN 2017-2018: Báo cáo TBKT; Tuân thủ pháp luật
E.3.20	BCTN/Báo cáo QTCT có công bố rằng TV HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của Công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống QLRR?	70%			BCTN 2017-2018: Báo cáo TBKT; Tuân thủ pháp luật

THẺ ĐIỂM TIÊU CHUẨN

Thẻ điểm		Hoàn thành tốt (70%-100%)	Có thể cải thiện ngắn hạn (<1 năm)	Có thể cải thiện trung và dài hạn (1-5 năm)	Cơ sở đưa ra nhận định
E. TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT					
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm CNTT, môi trường, xã hội và kinh tế)?		✓		BCTN 2017-2018: Báo cáo TBKT; Tuân thủ pháp luật
E.3.22	BCTN/Báo cáo QTCT có trình bày tuyên bố của TV HĐQT hay TBKT về sự đầy đủ của các chốt KSNB/hệ thống QLRR của Công ty?	70%			BCTN 2017-2018: Quy chế QTCT; Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT; Báo cáo TBKT; Tuân thủ pháp luật
E.4.1	2 người khác nhau đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT và TGD?	100%			Chủ tịch HĐQT và TGD là 2 người khác nhau
E.4.2	Chủ tịch HĐQT có phải là TV HĐQT độc lập?	70%			Chủ tịch HĐQT là TV HĐQT không ĐH nhưng không phải TV HĐQT độc lập
E.4.3	Có bất kỳ TV HĐQT là nguyên TGD/GĐĐH của Chủ tịch HĐQT 2 năm trước?	100%			Hoàn toàn không xảy ra
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT có được công bố?	70%			Điều lệ Điều 26.2: Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT
E.4.5	Nếu Chủ tịch HĐQT không phải là TV HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng TV độc lập và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?		✓		Công ty đang có 2 TV HĐQT độc lập
E.4.6	Công ty có tối thiểu một TV HĐQT không ĐH có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà Công ty đang hoạt động?	100%			- 6 TV HĐQT là TV không ĐH trong đó có 2 TV độc lập - Tất cả đều có kinh nghiệm về Ngành Mía Đường, với trên 5 năm kinh nghiệm
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho TV HĐQT mới?		✓		Hiện mới chỉ được trao đổi trong các cuộc họp HĐQT
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích TV HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?	90%			BCTN 2017-2018: Quy chế QTCT; Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT; Nhân sự và đào tạo
E.5.3	Công ty có công bố cách thức TV HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGD/QL chủ chốt?	70%			BCTN 2017-2018: Quy chế QTCT; Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT; Nhân sự và đào tạo
E.5.4	TV HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGD/QL chủ chốt?	70%			- ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: Báo cáo của HĐQT - BCTN 2017-2018: Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	70%			- ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: Báo cáo của HĐQT - BCTN 2017-2018: Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với từng TV HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	70%			- ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: Báo cáo của HĐQT - BCTN 2017-2018: Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với các Tiểu ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	70%			- ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: Báo cáo của HĐQT - BCTN 2017-2018: Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT

THẺ ĐIỂM THƯỜNG

Thẻ điểm		Hoàn thành tốt (70%-100%)	Có thể cải thiện ngắn hạn (<1 năm)	Có thể cải thiện trung và dài hạn (1-5 năm)	Cơ sở đưa ra nhận định
A.1.1	Công ty có cho phép sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử có đảm bảo tại ĐHĐCĐ?		✓		Dự kiến áp dụng phương pháp này tại ĐHĐCĐ Niên độ 2017-2018 trở đi
B.1.1	Công ty có ra thông báo về ĐHĐCĐ như thông báo cho HOSE, tối thiểu 28 ngày trước ngày họp?		✓		- TT 155: ĐHĐCĐ và bắt thường 10 ngày trước khai mạc - Dự kiến: Thực hiện tại ĐHĐCĐ các Niên độ sắp tới
C.1.1	Công ty có thực hiện khuôn khổ báo cáo được quốc tế công nhận về PTBV (GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB) không?	80%			- BCTN theo Chuẩn Báo cáo Tích hợp Quốc tế (IIRC) - Báo cáo PTBV theo chuẩn GRI
D.1.1	BCTC hàng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính?		✓		- BCTC kiểm toán Niên độ 2016-2017: Công bố trong 84 ngày - BCTC Kiểm toán Niên độ 2017-2018: Công bố trong 90 ngày (Tuân thủ cao hơn TT 155)
D.1.2	Công ty có công bố chi tiết về thù lao của TGD?	70%			BCTN 2017-2018: Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT
E.1.1	Công ty có tối thiểu 1 TV HĐQT độc lập là nữ?		✓		- 6 TV HĐQT không ĐH - 3 TV HĐQT không ĐH là nữ
E.1.2	Công ty có công bố chính sách, mục tiêu có thể đo lường để thực thi sự đa dạng của HĐQT và báo cáo tiến độ đạt được?		✓		BCTN 2017-2018: Quy chế QTCT; Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT
E.2.1	TBNS có bao gồm toàn bộ TV HĐQT độc lập?		✓		Có 1/3 TV là TV HĐQT độc lập nhưng là TV HĐQT không ĐH
E.2.2	TBNS có thực hiện quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng TV HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược Công ty?	70%			- Điều 8.1-Quy chế tổ chức và Hoạt động của TBNS: TBNS tham mưu bộ tiêu chuẩn nhân sự, thực hiện công tác đánh giá năng lực, hiệu quả làm việc của các TV HĐQT - BCTN 2017-2018: Báo cáo của các Tiểu ban trực thuộc HĐQT
E.3.1	Công ty có sử dụng các Công ty tìm kiếm hay nguồn ứng cử viên độc lập bên ngoài khi tìm kiếm ứng cử viên cho TV HĐQT?		✓		Công ty đang nghiên cứu thực hiện tìm nguồn ứng viên HĐQT từ Viện TV HĐQT do HOSE thành lập
E.4.1	Công ty có số TV HĐQT độc lập không ĐH chiếm trên 50% số TV HĐQT với Chủ tịch HĐQT là TV độc lập?	70%			- 6 TV HĐQT là TV HĐQT không ĐH - 2 TV HĐQT là TV HĐQT độc lập - Chủ tịch HĐQT là TV HĐQT không ĐH
E.5.1	HĐQT có mô tả quy trình quản trị về vấn đề liên quan CNTT như gián đoạn, an ninh mạng, khôi phục thảm họa, để đảm bảo rằng tất cả các rủi ro chính được xác định, quản lý và báo cáo cho HĐQT?		✓		BCTN 2017-2018: Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT
E.6.1	Công ty có Tiểu ban QLRR riêng biệt?		✓		TBKT phụ trách QLRR

THẺ ĐIỂM PHẠT

	Thẻ điểm	Hoàn thành tốt (70%-100%)	Có thể cải thiện ngắn hạn (<1 năm)	Có thể cải thiện trung và dài hạn (1-5 năm)	Cơ sở đưa ra nhận định
A.1.1	Công ty không hoặc sơ suất không đối xử công bằng đối với việc mua lại cổ phần đối với tất cả các CĐ?	100%			Hoàn toàn không xảy ra
A.2.1	Có bằng chứng gì về rào cản đối với việc CĐ không được trao đổi thông tin hoặc tham khảo ý kiến các CĐ khác?	100%			Hoàn toàn không xảy ra
A.3.1	Công ty có đưa nội dung bổ sung và không được thông báo trước trong chương trình nghị sự vào thông báo ĐHĐCĐ/ĐHĐCĐ bất thường?	100%			Mọi thông tin đều được thông báo thông qua tài liệu chuẩn bị cho ĐHĐCĐ cho các Niên độ
A.3.2	Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch TBKT và TGD có tham dự ĐHĐCĐ mới nhất?	100%			ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: - Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch TBKT và TGD có tham dự ĐHĐCĐ - BBH-Phần III.3: Ghi nhận đầy đủ sự tham dự này
A.4.1	Thỏa thuận CĐ?	100%			Không tồn tại thỏa ước này
A.4.2	Giới hạn biểu quyết?	100%			- Điều lệ-Điều 20: Số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu - Quy chế QTCT-Điều 7: Thẻ biểu quyết ghi rõ số phiếu biểu quyết của CĐ - ĐHĐCĐ Niên độ 2016-2017: Nội quy họp Điều 9: Số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu; Thẻ biểu quyết ghi rõ số phiếu biểu quyết của CĐ
A.4.3	Cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết?	100%			Không tồn tại loại cổ phiếu này
A.5.1	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp, sở hữu chéo có tồn tại không?		✓		Các BLQ tới TV HĐQT
B.1.1	Công ty có bị kết luận vi phạm nào về giao dịch nội gián liên quan đến TV HĐQT, BĐH và Nhân viên trong 3 năm qua?	100%			Mọi giao dịch nội gián hoàn toàn bị cấm tại Công ty
B.2.1	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến GDBLQ đáng kể hoặc trọng yếu trong 3 năm trước không?	100%			Hoàn toàn không xảy ra
B.2.2	Có bất kỳ GDBLQ nào có thể được phân loại là hỗ trợ tài chính (nghĩa là không được thực hiện hợp lý trên cơ sở thị trường) cho các đơn vị không phải là Công ty con?	100%			Hoàn toàn không xảy ra
C.1.1	Có vi phạm luật pháp nào về các vấn đề lao động/việc làm/người tiêu dùng/phản sản/thương mại/cạnh tranh hay môi trường?	100%			Hoàn toàn không xảy ra
C.2.1	Công ty có phải chịu bất kỳ hình phạt nào của cơ quan quản lý vì đã không CBTT trong khoảng thời gian được yêu cầu đối với các sự kiện trọng yếu?	100%			Hoàn toàn không xảy ra
D.1.1	Công ty có nhận được "ý kiến loại trừ" trong BCKT độc lập?	100%			Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần
D.1.2	Công ty có nhận được "ý kiến bất lợi" trong BCKT độc lập?	100%			Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần

	Thẻ điểm	Hoàn thành tốt (70%-100%)	Có thể cải thiện ngắn hạn (<1 năm)	Có thể cải thiện trung và dài hạn (1-5 năm)	Cơ sở đưa ra nhận định
D.1.3	Công ty có nhận được "từ chối đưa ra ý kiến" trong BCKT độc lập?	100%			Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần
D.1.4	Công ty có sửa đổi BCTC trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán?	100%			Hoàn toàn không xảy ra
E.1.1	Có bằng chứng gì là Công ty đã không tuân thủ quy tắc và quy định nào về niêm yết trong năm qua ngoài các quy định về CBTT?	100%			Hoàn toàn không xảy ra
E.1.2	Có trường hợp nào mà TV HĐQT không điều hành đã từ nhiệm và nêu ra bất kỳ lo ngại nào liên quan đến QT?	100%			Hoàn toàn không xảy ra
E.2.1	Công ty có TV HĐQT độc lập nào đã phục vụ hơn 9 năm hay 2 nhiệm kỳ 5 năm (chọn trường hợp nào cao hơn) với cùng chức trách?	100%			Hoàn toàn không xảy ra
E.2.2	Công ty đã không xác định rõ ai là TV HĐQT độc lập?	100%			2 TV HĐQT được xác định rõ theo quy định của pháp luật Việt Nam
E.2.3	Công ty có bất kỳ TV HĐQT độc lập nào giữ vai trò quản trị ở tổng cộng hơn 5 HĐQT của các Công ty đại chúng?	100%			Hoàn toàn không xảy ra
E.3.1	Trong 2 năm trước, có TV HĐQT hay LH điều hành cấp cao nào từng là Nhân viên hoặc TV hợp danh của Công ty KTDL hiện tại?	100%			Hoàn toàn không xảy ra
E.4.1	Chủ tịch HĐQT có phải là TGD của Công ty trong 3 năm qua không?	100%			Chủ tịch HĐQT và TGD là 2 người khác nhau
E.4.2	Các TV độc lập không ĐH có được nhận các quyền chọn mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng không?	100%			Hoàn toàn không xảy ra



Máy cày ngâm bón phân, một trong những hoạt động cơ giới hóa tại VNL của TTC Biên Hòa

Nỗ Lực - Tận Tâm

DẪN ĐẦU CÔNG NGHỆ

CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

TTC Biên Hòa nỗ lực không ngừng trong hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng công nghệ mới, cải tiến hoạt động sản xuất, giảm giá thành, nâng cao hiệu quả, đảm bảo chất lượng; nhằm đáp ứng tiêu chuẩn của đa dạng khách hàng, chinh phục những thị trường xuất khẩu khắt khe nhất trên Thế giới.



03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc	112
Báo cáo Ban Tổng Giám đốc	116
Hoạt động M&A - Sáp nhập để phát triển	126
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	132
Đầu tư và phát triển công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động	136
Hoạt động R&D - Khẳng định thương hiệu Việt	138
Hoạt động của Công ty con, Công ty liên kết	142
Đảm bảo chất lượng - Nền tảng của uy tín thương hiệu	144
Nhân sự và đào tạo - Điểm tựa vững chắc	148



Ông **NGUYỄN THANH NGŨ**

Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1987

Thời điểm được bổ nhiệm TGD: Tháng 11/2014

Thời gian đảm nhiệm vị trí TGD: 3 năm 8 tháng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:

2.181.361 cổ phần chiếm 0,39%

Trình độ chuyên môn:

- » Cử nhân Quản trị Kinh doanh - Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. HCM
- » Chương trình Phát triển Hạt giống Lãnh đạo Doanh nghiệp - PACE

Quá trình công tác:

- » 11/2017 - nay: TGD CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- » 11/2014 - 11/2017: TGD CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- » 2016 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Mía Đường Tây Ninh
- » 2016 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Khoai mì Tây Ninh
- » 2016 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Tapioca Việt Nam
- » 2016 - 2/2018: Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Nước Trong
- » 5/2014 - 10/2014: TGD CTCP Mía Đường Nhiệt điện Gia Lai
- » 1/2013 - 3/2014: Phó TGD TT CTCP Đường Ninh Hòa

Thành tựu nổi bật:

- » Gần 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Mía Đường và 5 năm trong công tác điều hành quản trị các doanh nghiệp có quy mô lớn với hệ thống mạng lưới vượt khỏi lãnh thổ Việt Nam.
- » Có những quyết sách kịp thời và phù hợp với điều kiện thị trường tại từng thời điểm, đưa TTC Biên Hòa vượt qua các thách thức từ thị trường, đối thủ cạnh tranh để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch mỗi Niên độ.
- » Điều hành các hoạt động kinh doanh, đảm bảo sau M&A các CTTV phát triển theo lộ trình của TTC Biên Hòa; đưa TTC Biên Hòa chiếm thị phần vượt trội trong Ngành Mía Đường Việt Nam.



Bà **TRẦN QUẾ TRANG**

Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Năm sinh: 1980

Thời điểm được bổ nhiệm Phó TGD TT: Tháng 11/2016

Thời gian đảm nhiệm vị trí Phó TGD TT: 1 năm 8 tháng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:

1.225.550 cổ phiếu chiếm 0,22%

Trình độ chuyên môn:

- » Cử nhân Tài chính Quốc tế - Đại học Kinh tế TP. HCM
- » Chương trình Phát triển Hạt giống Lãnh đạo Doanh nghiệp - PACE

Quá trình công tác:

- » 11/2017 - nay: Phó TGD TT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- » 11/2016 - 11/2017: Phó TGD TT CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- » 2015 - 2017: TGD CTCP Đường Biên Hòa
- » 2013 - 2015: Phó TGD CTCP Đường Biên Hòa
- » 2010 - 2013: Phó TGD CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- » 2005 - 2010: Giám đốc PGD Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIBank)
- » 2003 - 2005: Trưởng phòng Hành chính tại Công ty TNHH Cơ điện Đại Cát

Thành tựu nổi bật:

- » Hơn 8 năm kinh nghiệm trong việc dẫn dắt các doanh nghiệp có quy mô và 5 năm kinh nghiệm trong điều hành cấp cao Lĩnh vực Mía Đường.
- » Thực hiện các thương vụ đầu tư lớn cũng như đóng vai trò quan trọng trong hoạt động M&A của TTC Biên Hòa.



Bà **DƯƠNG THỊ TÔ CHÂU**

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1973

Thời điểm được bổ nhiệm Phó TGD: Tháng 3/2016

Thời gian đảm nhiệm vị trí Phó TGD: 2 năm 4 tháng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:

84.335 cổ phần chiếm 0,02%

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- » 11/2017 - nay: Phó TGD CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- » 2015 - 11/2017: Phó TGD CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- » 2015 - 11/2017: GD Kinh doanh CTCP Đường Biên Hòa
- » 2013 - 2014: GD Thương mại CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- » 2010 - 2013: GD Thương mại CTCP Bourbon Tây Ninh
- » 2004 - 2010: Trưởng phòng Kinh doanh và Tiếp thị CTCP NIVL
- » 1997 - 2003: Trưởng phòng Kinh doanh và Tiếp thị Công ty TNHH Nagarjuna International
- » 1996 - 1997: Giám sát Phòng Xuất nhập khẩu Công ty TNHH NIKE Việt Nam

Thành tựu nổi bật:

- » Hơn 20 năm kinh nghiệm trong việc vận hành kinh doanh, tạo kênh phân phối đa dạng cho các sản phẩm Đường, góp phần tăng trưởng thị phần của TTC Biên Hòa, đặc biệt trong phân khúc khách hàng Công nghiệp lớn MNC.
- » Với vốn kiến thức và hiểu biết sâu rộng về Ngành Đường Việt Nam và Khu vực, Bà được đánh giá là một trong những nhân sự kinh doanh hàng đầu Ngành Mía Đường Việt Nam hiện nay.



Ông **NGUYỄN QUỐC VIỆT**

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

Thời điểm được bổ nhiệm Phó TGD: Tháng 7/2017

Thời gian đảm nhiệm vị trí Phó TGD: 1 năm

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:

661.602 cổ phần chiếm 0,12%

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế - Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- » 7/2017 - nay: Phó TGD CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- » 2015 - 2016: TV HĐQT CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- » 2014 - 2015: Phó TGD Kỹ thuật Sản xuất CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- » 2014 - 2015: Phó TGD CTCP Đường Biên Hòa
- » 2010 - 2014: GĐĐH CTCP Mía Đường Phan Rang
- » 2009 - 2010: GD Chi nhánh CTCP Thành Thành Công

Thành tựu nổi bật:

- » Hơn 10 năm kinh nghiệm trong ngành Mía Đường, đảm nhiệm nhiều vị trí QL cấp cao phụ trách lĩnh vực sản xuất và kinh doanh.
- » Với những am hiểu phong phú về chuỗi giá trị Ngành Đường, Ông có những đóng góp quan trọng trong việc cải thiện hiệu quả sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh của TTC Biên Hòa.



Ông **LÊ QUANG HẢI**

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1964

Thời điểm được bổ nhiệm Phó TGD: Tháng 12/2017

Thời gian đảm nhiệm vị trí Phó TGD: 7 tháng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
598.391 cổ phần chiếm 0,1%

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Hóa thực phẩm

Quá trình công tác:

- » 12/2017 - nay: Phó TGD CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- » 2015 - 2016: TV HĐQT CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- » 2014 - 2015: Phó TGD Kỹ thuật Sản xuất CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- » 2013 - 2014: Phó TGD Kỹ thuật Sản xuất CTCP Đường Biên Hòa
- » 2008 - 2013: GD Dự án CTCP Đường Biên Hòa
- » 1998 - 2007: Trưởng phòng Kỹ thuật CTCP Đường Biên Hòa

Thành tựu nổi bật:

- » Là một trong những chuyên gia hàng đầu về kỹ thuật sản xuất Mía Đường với 30 năm kinh nghiệm.
- » Áp dụng những công nghệ sản xuất Đường tiên tiến tại TTC Biên Hòa nhằm cải tiến kỹ thuật, tiết giảm chi phí khi chế luyện nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm và ổn định dây chuyền sản xuất.



Ông **TRẦN QUỐC THẢO**

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1979

Thời điểm được bổ nhiệm Phó TGD: Tháng 2/2018

Thời gian đảm nhiệm vị trí Phó TGD: 5 tháng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
199.938 cổ phần chiếm 0,03%

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính - Kinh doanh

Quá trình công tác:

- » 2/2017 - nay: Phó TGD CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- » 2017 - nay: Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai
- » 2016- 2017: Phó TGD TT CTCP Đường Biên Hòa
- » 2015 - 2016: Phó TGD Tài Chính CTCP Đường Biên Hòa
- » 2014 - 2015: Phó TGD TT CTCP Đường Ninh Hòa
- » 2012 - 2014: GD Khối Kinh doanh & Hỗ trợ CTCP Đường Ninh Hòa
- » 2011 - 2012: Phó GD CTCP Khai thác & Quản lý KCN Đặng Huỳnh
- » 2010 - 2011: Trưởng phòng Đầu tư CTCP Xây dựng và Kinh doanh Nhà Đại Phúc - Dafuco

Thành tựu nổi bật:

- » Hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ở các doanh nghiệp lớn, với thế mạnh về QT tài chính và xây dựng hệ thống.
- » Hỗ trợ TTC Biên Hòa quản lý nguồn vốn hợp lý, đảm bảo tính thanh khoản; linh hoạt sử dụng các công cụ tài chính để đầu tư mở rộng VNL, nâng cao năng lực SXKD và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.



Dàn tưới Pivot tự động - Một trong những công nghệ tiên tiến được áp dụng tại TTC Biên Hòa

NỖ LỰC ĐƯỢC GHI NHẬN

VỚI CHỦ TRƯỞNG NÂNG CAO HIỆU SUẤT THU HỒI, GIẢM THIỂU TỔNG MẤT MẤT TRONG KHÂU SẢN XUẤT, HOẠT ĐỘNG NHÀ MÁY ĐƯỢC VẬN HÀNH KHÁ TỐT, CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT ĐỀU ĐẠT VÀ VƯỢT KẾ HOẠCH VÀ CÙNG KỲ

Ngành Mía Đường tuy đối mặt với nhiều khó khăn trong Niên độ 2017-2018, nhưng với những nỗ lực kép của toàn thể CBNV, TTC Biên Hòa vẫn tạo ra được những thành quả đáng khích lệ, là tiền đề cho những năm hoạt động sắp tới; đặc biệt là ngày hội nhập ATIGA, cạnh tranh một cách công bằng và sòng phẳng với các đối thủ trong Khu vực đang đến rất gần.

Về công tác nguyên liệu, Công ty đã tổ chức ép được 3,7 triệu tấn mía, tăng 142%; sản lượng Đường thô đưa vào hòa tan đạt mức kỷ lục qua các năm, đạt gần 246 ngàn tấn, tăng 214% so với cùng kỳ năm ngoái.

Đối với công tác sản xuất, với chủ trương nâng cao hiệu suất thu hồi, giảm thiểu tổng mất mát trong khâu sản xuất, hoạt động nhà máy được vận hành khá tốt, các chỉ tiêu sản xuất đều đạt và vượt kế hoạch và cùng kỳ. Sản lượng sản xuất Niên độ 2017-2018 đạt gần 601 ngàn tấn Đường, tăng 177% so với Niên độ trước. Ngoài ra, hiệu suất an toàn thiết bị đạt gần 99%, hiệu suất thu hồi Đường từ mía vượt xấp xỉ 2%, góp phần tiết giảm các chi phí sản xuất làm giảm giá thành.

Về công tác kinh doanh, sản lượng Đường tiêu thụ trong năm đạt 572.300 tấn, tăng 132% so với cùng kỳ nhờ vào nỗ lực mở rộng mạng lưới khách hàng hiện hữu thuộc những kênh khách hàng đóng góp DT chủ lực của Công ty bao gồm B2B Doanh nghiệp và B2C Tiêu dùng.

Để đảm bảo hiệu quả kinh tế cũng như duy trì tốc độ tăng trưởng LN hàng năm, Công ty đã nỗ lực tăng cả về chất và lượng Đường tiêu thụ; thực hiện kiểm soát chi

CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016-2017	2017-2018	Tăng/Giảm
1	Sản lượng mía ép	Tấn	1.537.169	3.721.857	142%
2	Sản lượng Đường thô nguyên liệu	Tấn	78.292	245.911	214%
3	Sản lượng Đường sản xuất	Tấn	217.148	600.619	177%
4	Sản lượng tiêu thụ Đường	Tấn	247.174	572.300	132%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	310	682	120%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	287	545	90%

Nguồn: BCTC Kiểm toán hợp nhất Niên độ 2017-2018

682 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
NIÊN ĐỘ 2017-2018
HOÀN THÀNH 100% KẾ HOẠCH



Dây chuyền đóng gói thành phẩm tại Nhà máy

phí hợp lý nhằm tiết giảm giá thành; cung ứng cho thị trường các sản phẩm Đường tinh luyện đạt tiêu chuẩn chất lượng nhưng giá ở mức cạnh tranh nhất.

Với sự chủ động hoạch định, dự báo và thực thi chiến lược tốt, cùng sức mạnh cộng hưởng từ thương vụ sáp nhập BHS với hệ thống bán lẻ lớn được kế thừa, Công ty đã hoàn thành vượt mục tiêu mà ĐHĐCĐ giao phó. LNTT đạt 682 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch; trong đó LN thuần đến từ HĐKD đạt 539 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 79% LNTT. LNST vì vậy cũng cải thiện 90% so với cùng kỳ đạt 545 tỷ đồng.

Vì mô Ngành Đường không thuận lợi, tình hình tiêu thụ gặp nhiều khó khăn khi giá bán Đường liên tục giảm mạnh, nhưng với sự linh hoạt trong công tác bán hàng thì sản lượng tiêu thụ Đường của Công ty vẫn đạt 572.300 tấn, tăng 132% so với cùng kỳ và vượt 11% kế hoạch. Trong đó tiêu thụ nội địa đạt 490.000 tấn, chiếm hơn 86% tổng sản lượng do Công ty duy trì được lượng khách hàng ổn định, số lượng khách hàng tiềm năng có nhu cầu tiêu thụ sản phẩm Đường Kênh SME mở rộng lên đến hơn 6.000 khách hàng. Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, Công ty cũng luôn tập trung đầu tư phát triển, hoàn thiện cơ cấu sản phẩm tiêu dùng đa dạng, phong phú chủng loại cũng như xây dựng mức giá phù hợp nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

DTT Niên độ 2017-2018 đạt 10.285 tỷ đồng, tăng mạnh 129% và đạt 104% kế hoạch. Cơ cấu DT bám sát theo định hướng của BLĐ khi 88% DT đến từ các sản phẩm Đường. Tuy nhiên, với mục tiêu phát huy sức mạnh của Chuỗi giá trị được tạo ra từ Cây mía bao gồm Nước ép và Bã mía, Công ty đang từng bước tăng tỷ trọng DT từ các sản phẩm Cạnh Đường-Sau Đường như Mật rỉ 3%, tăng 86%; Điện thương phẩm 2%, tăng 58%; Phân bón 2%, tăng 85% so với cùng kỳ. Ngoài ra trong năm qua, Công ty ghi nhận thêm DT từ 1 sản phẩm mới nằm ngoài Chuỗi giá trị là Cao su, chiếm 3%.

CƠ CẤU DOANH THU

STT	Chỉ tiêu	2016-2017 (Tỷ đồng)	2017-2018 (Tỷ đồng)	Tăng/Giảm
1	DTT	4.498	10.285	129%
1.1	Đường	3.886	9.045	133%
1.2	Mật rỉ	187	348	86%
1.3	Điện thương phẩm	106	167	58%
1.4	Phân bón	123	228	85%
1.5	Doanh thu khác	196	497	154%
2	DT hoạt động tài chính	222	712	221%
3	Thu nhập khác	19	178	837%

Nguồn: BCTC Kiểm toán hợp nhất Niên độ 2017-2018

Giá vốn hàng bán biến động tương ứng với mức tăng DT trong kỳ, mặc dù DT tăng mạnh nhưng Tỷ trọng Giá vốn trên DTT vẫn được giữ ngang bằng với năm ngoái trong đó Giá vốn Đường trong kỳ thực hiện giảm ở mức 5% so với kế hoạch. Công ty đã duy trì tỷ suất sinh lợi gộp từ hoạt động kinh doanh khá tốt mặc dù diễn biến thị trường Ngành trong Niên vụ qua có

10.285 TỶ ĐỒNG

DOANH THU THUẦN
NIÊN ĐỘ 2017-2018
129%, ĐẠT 104% KẾ HOẠCH

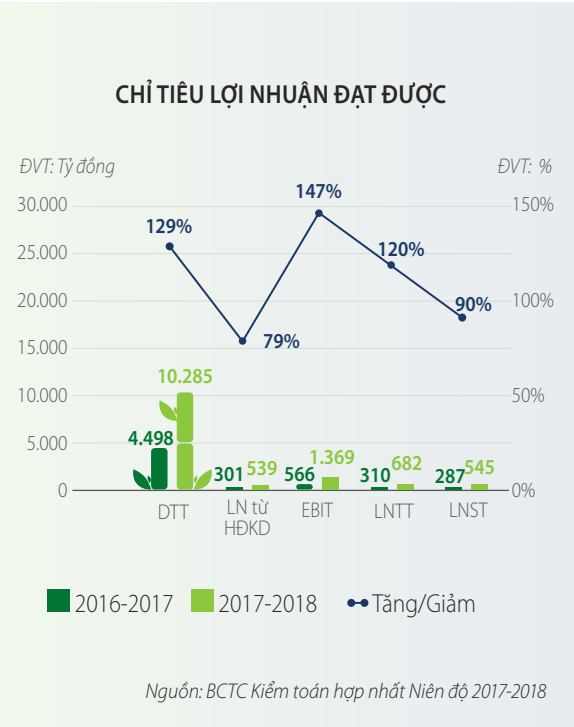
88%

DOANH THU THUẦN
ĐẾN TỪ CÁC SẢN PHẨM ĐƯỜNG

DT hoạt động tài chính là 712 tỷ đồng, tăng vượt trội 221% so với NĐ 16-17, trong đó phần lớn đến từ hoạt động thoái vốn KCN Thành Thành Công (TTC IZ) khi hoạt động này mang về gần 368 tỷ đồng, chiếm 52% tổng DT hoạt động tài chính. Trong bối cảnh Ngành Đường có nhiều thăng trầm, việc ghi nhận thu nhập khác vào thời điểm hợp lý đến từ những tích sản trong danh mục BĐS đầu tư là điều hợp lý và cần thiết. Cụ thể, Kho Tân Kim tại Long An đóng góp hơn 128 tỷ đồng trong tổng thu nhập khác là 178 tỷ đồng, tăng mạnh so với kế hoạch và gấp hơn 9 lần so với cùng kỳ.

Công ty đã đồng loạt triển khai các giải pháp CNTT, tiếp cận phương thức quản lý hiện đại và khoa học nhằm tối ưu hóa các nguồn lực. Hệ thống ERP đã triển khai thành công và đưa vào vận hành nhằm hỗ trợ tốt hơn cho công tác QTDN, mở rộng áp dụng hệ thống AX Dynamic - một trong các giải pháp khác để quản trị nguồn lực doanh nghiệp giúp Công ty quản lý hiệu quả nguồn lực sản xuất, chi phí hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh trong tất cả các khâu từ canh tác, thu hoạch đến sản xuất, lưu thông.

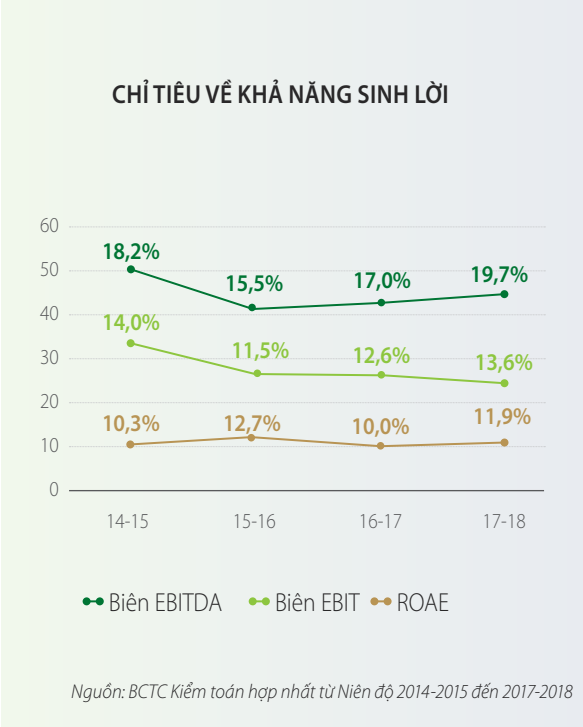
Trên cơ sở đó, Chi phí hoạt động tài chính và Chi phí bán hàng được kiểm soát chặt chẽ và giảm nhiều so với kế hoạch, trong đó Chi phí bán hàng giảm 31%, Chi phí hoạt động tài chính giảm 8%. Ghi nhận tăng nhẹ so với cùng kỳ khi tỷ trọng Chi phí bán hàng và Quản lý doanh nghiệp trên DTT là 7,3%, so với cùng kỳ là 5,3%, vì Công ty đang trong giai đoạn thực hiện mục tiêu chiến lược mở rộng thị phần, hướng đến 1,23 triệu tấn Đường Niên độ 2020-2021; tiếp tục đẩy mạnh phát triển hệ thống phân phối B2C thông qua các kênh và chuỗi phân phối bán lẻ. Ngoài ra, do BHS trước đây là doanh nghiệp Đường dẫn đầu về kênh bán lẻ, với đặc thù là giá bán cao nhưng chi phí bán hàng và đóng gói sản phẩm cũng cao hơn so với các kênh Đường bao thông thường; do đó sau sáp nhập đây là nguyên nhân chính khiến cho Chi phí bán hàng tăng.



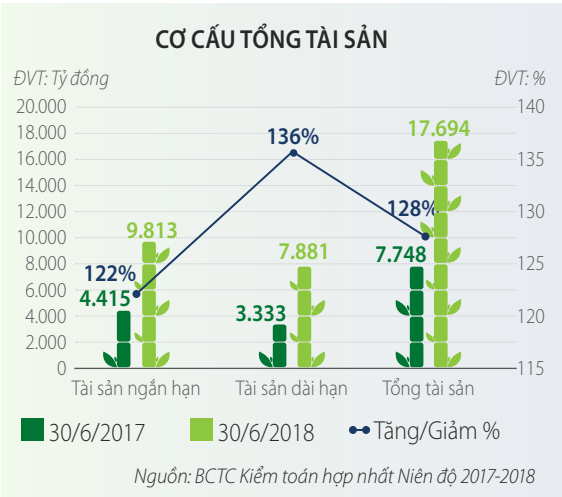
Sản phẩm Đường sạch TTC Biên Hòa đạt các tiêu chuẩn quốc tế

SAU KHI HOÀN THÀNH VIỆC M&A VỚI BHS, TTS CỦA CÔNG TY GHI NHẬN SỰ TĂNG TRƯỞNG MẠNH LÊN TỚI 128% DO TÁC ĐỘNG CỘNG HƯỞNG VỀ QUY MÔ VÀ HOẠT ĐỘNG.

Khả năng sinh lời, nhìn chung các chỉ số trong Niên độ 2017-2018 đều có sự tăng trưởng tốt so với cùng kỳ, cụ thể Biên Lợi nhuận Trước thuế, Lãi vay và Khấu hao EBITDA tăng 16% khi đạt 19,7%, Biên Lợi nhuận Trước thuế và Lãi vay EBIT cũng tăng 8% đạt 13,6%.



Sau khi hoàn thành việc M&A với BHS, TTS của Công ty ghi nhận sự tăng trưởng mạnh lên tới 128% do tác động cộng hưởng về quy mô và hoạt động. TTS đạt 17.694 tỷ đồng, so với cùng kỳ chỉ có 7.748 tỷ đồng trong đó Tài sản ngắn hạn tăng 122%, Tài sản dài hạn tăng 136% nhờ việc tăng trưởng mạnh về quy mô và lợi thế thương mại tăng lên đáng kể; tuy nhiên cơ cấu tỷ trọng tài sản ngắn và dài hạn vẫn được giữ ổn định. Tài sản cố định cũng tăng mạnh từ 1.442 tỷ đồng lên 4.698 tỷ đồng, tương đương tăng 226%, nguyên nhân chủ yếu là do hợp nhất những tài sản sau M&A với BHS như nhà cửa, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các thiết bị văn phòng



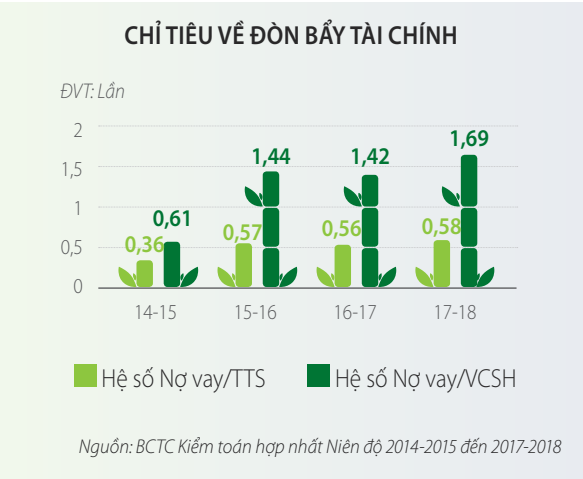
Bên cạnh các lợi thế từ quá trình sáp nhập, ở chiều ngược lại, các khoản nợ vay ngắn và dài hạn cũng tăng lên dẫn tới việc Chi phí lãi vay của Công ty tăng đáng kể so với cùng kỳ. Tuy nhiên, trong năm qua, Công ty đã tận dụng được đòn bẩy tài chính này cho quá trình phát triển mở rộng, nhờ đó vẫn duy trì được hệ số khả năng thanh toán lãi vay EBIT/Chi phí lãi vay ở mức hợp lý 2 lần, tương tự như Niên độ trước, không để việc thanh toán lãi vay ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ nợ tuy tăng, nhưng BLĐ đánh giá việc sử dụng đòn bẩy tài chính là điều cần thiết trong quá trình hướng tới mục tiêu mở rộng thị phần B2C và B2B đặc biệt là kênh MNC, nỗ lực đạt được kế hoạch sản lượng tiêu thụ Niên độ 2020-2021 là 1,23 triệu tấn Đường. Đồng thời, Công ty cũng đang có xu hướng cơ cấu tỷ lệ nợ này thấp xuống và chuyển dịch cơ cấu nợ để tăng nợ vay dài hạn, giảm áp lực lãi vay đối với hoạt động SXKD. Về cơ cấu vốn, tỷ trọng Nợ vay/VCSH và Nợ vay/TTS tăng tương ứng 18% và 4% so với 30/6/2017. Trong đó, chủ yếu là việc gia tăng nợ phải trả ngắn hạn nhằm hỗ trợ hoạt động mở rộng quy mô hoạt động của toàn bộ TCT hậu M&A.

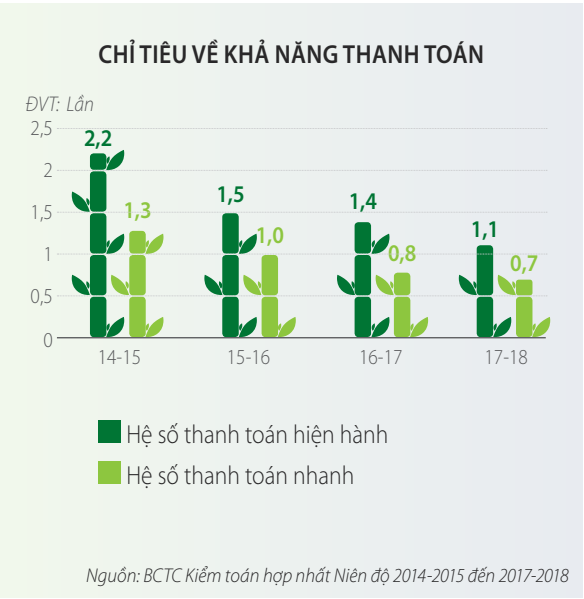
CÁC CHỈ TIÊU NỢ VAY

Chỉ tiêu	30/06/2017		30/06/2018		Tăng/Giảm (%)	
	Giá trị (Tỷ đồng)	%	Giá trị (Tỷ đồng)	%	Giá trị (Tỷ đồng)	%
Nợ ngắn hạn	3.164	68%	8.902	77%	5.738	181%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.850	61%	7.703	66%	4.853	170%
Nợ dài hạn	1.523	32%	2.694	23%	1.171	77%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.501	32%	2.582	22%	1.081	72%
Nợ phải trả	4.687	100%	11.596	100%	6.909	147%

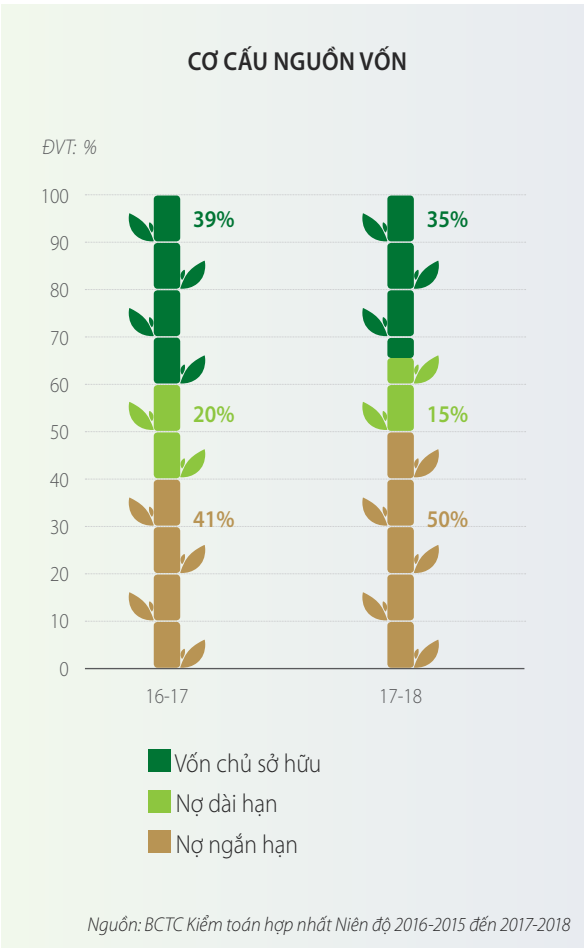
Nguồn: BCTC Kiểm toán hợp nhất Niên độ 2017-2018



Mặc dù diễn biến Ngành Đường Niên độ 2017-2018 chịu tác động không tốt từ thị trường Đường thế giới, tuy nhiên các chỉ số tài chính về khả năng thanh toán của Công ty vẫn đảm bảo, tình hình thanh toán nợ được kiểm soát và trong mức an toàn, cụ thể chỉ số thanh toán hiện hành của Công ty luôn cao hơn 1 lần, đạt 1,1 lần.



Giai đoạn trước và sau M&A, cơ cấu nguồn vốn có nhiều chuyển dịch, đặc biệt là trong tỷ trọng Nợ ngắn hạn và Nợ dài hạn. Theo đó, tỷ lệ Nợ ngắn hạn tăng lên so với Nợ dài hạn do cấu trúc vốn của nhóm các Công ty thuộc BHS. Để cải thiện hiệu quả của cơ cấu vốn, Công ty đã có kế hoạch và đang nỗ lực tìm kiếm, hợp tác với các đối tác chiến lược hỗ trợ tái cấu trúc vốn, chuyển dịch cơ cấu vốn của TTC Biên Hòa theo hướng bền vững, giảm nợ ngắn hạn và tăng nợ dài hạn, đảm bảo nguồn lực ổn định cho quá trình PTBV của Công ty.



Niên độ 2017-2018 ghi nhận Lưu chuyển tiền thuần đã cải thiện khá tốt khi chuyển từ âm sang dương đạt 123 tỷ đồng. Trong đó, phần lớn đến từ sự đóng góp của Dòng tiền lưu chuyển thuần từ Hoạt động kinh doanh do tăng LN từ hoạt động kinh doanh sau sáp nhập; điều này phần nào đã giúp Công ty gia tăng sức mạnh tài chính khi có lượng tiền mặt khá lớn, và sẵn sàng chi trả khi có những vấn đề phát sinh cũng như đảm bảo khả năng thanh toán một cách kịp thời và hiệu quả. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính âm chủ yếu do hoạt động mua lại CPQ vào năm 2018.

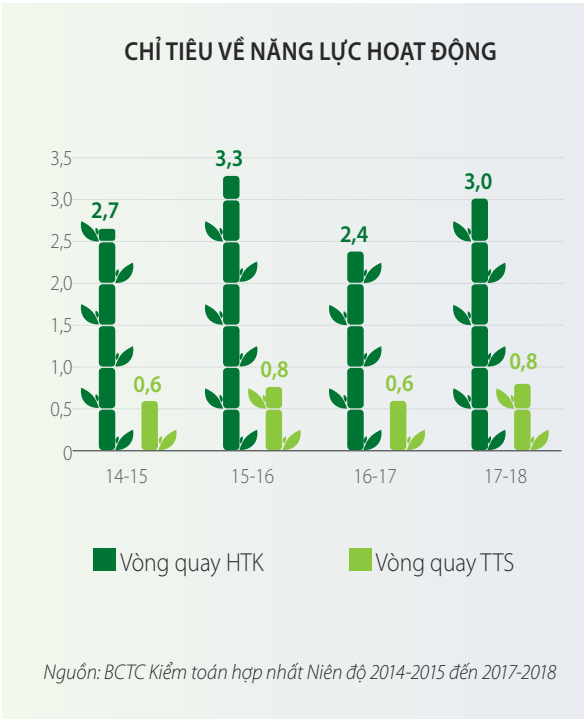
CÁC CHỈ TIÊU VỀ DÒNG TIỀN HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	30/06/2017 (Tỷ đồng)	30/06/2018 (Tỷ đồng)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(532)	1.085
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(696)	775
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	575	(1.737)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(653)	123
Tiền đầu kỳ	855	203
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(0)	(1)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	202	327

Nguồn: BCTC Kiểm toán hợp nhất Niên độ 2017-2018

Về năng lực hoạt động, tận dụng lợi thế vốn có từ mạng lưới kinh doanh của BHS, Công ty đã cải thiện hệ số vòng quay HKT tăng 26%, từ 2,40 lần lên 3,02 lần. HTK tăng 99% so với cùng kỳ, đạt 3.972 tỷ đồng. Tuy HTK ghi nhận tăng về giá trị tuyệt đối nhưng tỷ trọng HTK/TTTS đã ghi nhận giảm từ 25% tại thời điểm 30/6/2017 xuống còn 22% tại thời điểm 30/6/2018. Ngoài ra, tỷ trọng của thành phẩm và hàng hóa cũng giảm mạnh từ 86% xuống chỉ còn 62%. Trong khi đó Nguyên vật liệu lại tăng từ 12% lên 27%, do Công ty tận dụng giá Đường thô giảm để mua thêm nhằm chủ động nguồn Đường giá rẻ phục vụ chiến lược mở rộng thị trường trong thời gian tới. Đây được xem là một điểm sáng trong bức tranh tài chính khi Công ty đã kiểm soát tốt hơn sản lượng HTK.

Trên thực tế với việc tiết giảm chi phí giá thành, SBT đang có lượng thành phẩm giá thấp. Ngoài ra, với nguồn nguyên liệu giá rẻ, đây sẽ là những lợi thế cạnh tranh trong thời gian sắp tới. Vòng quay TTTS cũng được cải thiện khá tốt sau khi Công ty hoàn thành việc M&A với BHS khi ghi nhận tăng 31%, từ 0,62 lần lên 0,81 lần.



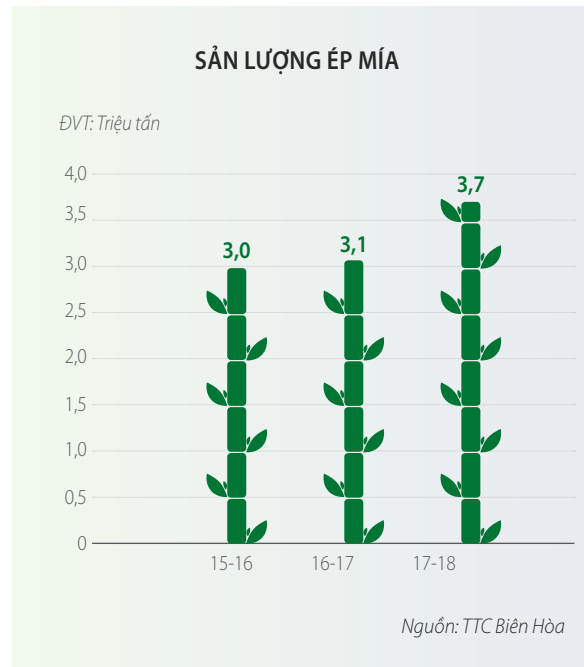
ĐIỂM NHẤN HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2017-2018 (*)

CÔNG TÁC NGUYÊN LIỆU

Để đảm bảo công suất ép nhà máy được ổn định cũng như cung ứng tốt hơn về số lượng Đường tiêu thụ theo nhu cầu thị trường, Công ty đã chủ động thực hiện kế hoạch thu mua từ nhiều nguồn cung ứng nhằm bù đắp phần thiếu hụt trong mía thuộc VNL Đầu tư. Qua 3 vụ sản lượng mía thu mua của Ngành Đường TTC ngày càng tăng cao, cụ thể niên vụ 2017-2018, Công ty đã thu mua hơn 3,7 triệu tấn mía, tăng hơn 23% so với Niên độ 2015-2016 và hơn 19% so với cùng kỳ.

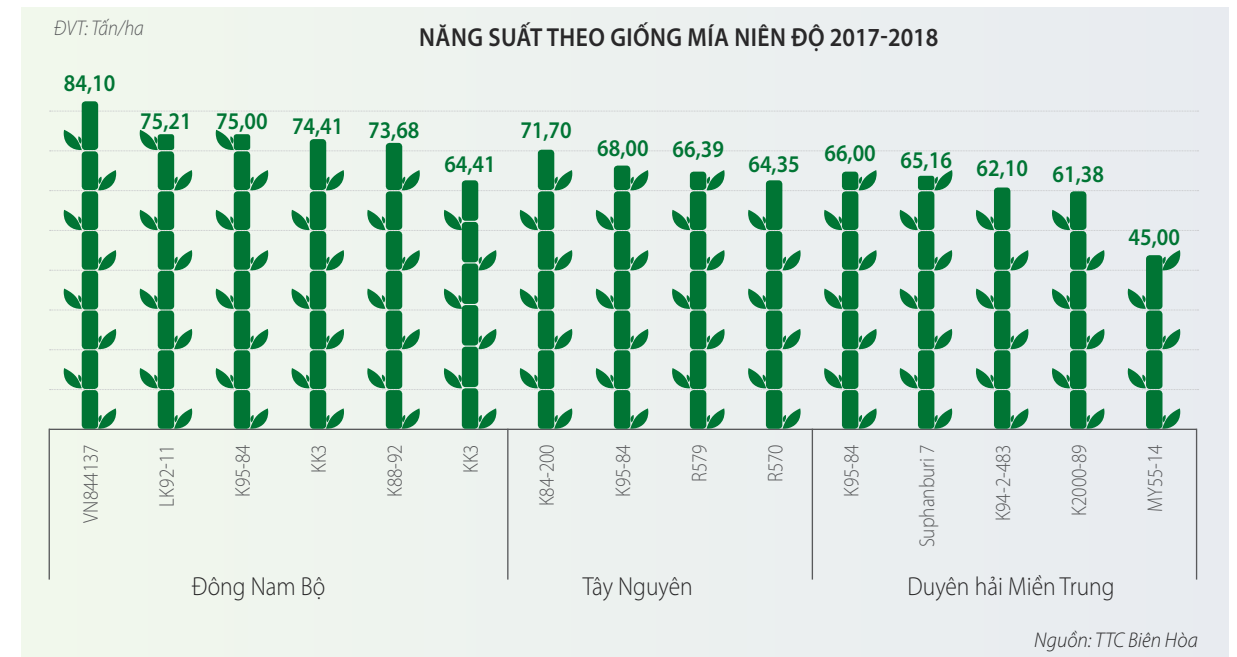


Cơ cấu diện tích VNL Đầu tư thuê của nông dân và VNL Nông trường thuộc sở hữu của Công ty qua 3 vụ trồng cũng thể hiện rõ quan điểm phát triển của TTC Biên Hòa. Theo đó Công ty định hướng sẽ chủ động hơn trong việc sử dụng VNL khi giảm dần tỷ lệ phụ thuộc trên VNL đầu tư và tăng tỷ lệ diện tích đất nông trường nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động, cũng như chủ động trong việc sử dụng đất.

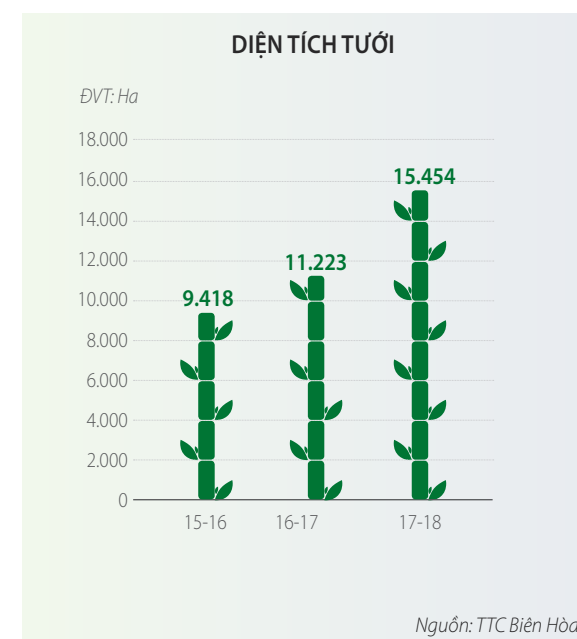


CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG

Tỷ trọng giống chín sớm tăng dần qua các vụ do năng suất và chữ Đường từ các giống mía này luôn cao hơn các giống còn lại. Đồng thời tỷ lệ giống chín trung bình cũng gia tăng nhằm tạo thuận lợi và chủ động trong sắp xếp lịch thu hoạch.



Tổng diện tích mía tươi tăng dần khi vụ 2017-2018 tăng 64% so với 2015-2016 và 38% so với cùng kỳ. Trên thực tế, hiệu quả của việc tưới mía được đánh giá qua chất lượng chữ Đường thu được và năng suất tấn/ha mang về; mía được chăm sóc và tưới thì năng suất được cải thiện đáng kể. Cụ thể, năng suất vụ 2017-2018 đạt bình quân hơn 70 tấn/ha, tăng 7% so với 2015-2016 và 3% so với cùng kỳ; chữ Đường CCS tăng 2% so với 2015-2016 và 1% so với cùng kỳ.



Ngoài ra, công tác trồng và chăm sóc đối với khu vực mía có nhiễm sâu bệnh được quan tâm hỗ trợ, Công ty cũng phổ biến rộng rãi trên phương tiện truyền thông về lịch thu hoạch giúp Người nông dân chủ động về công đồn cũng như thời gian trả đất.

70 TẤN/HA

NĂNG SUẤT VỤ 2017-2018

➦ 7% SO VỚI 2015-2016 VÀ 3% CÙNG KỲ

64 %

TĂNG TRƯỞNG TỔNG DIỆN TÍCH MÍA TƯỚI

➦ SO VỚI 2015-2016

(*) Số liệu tại Niên độ 2015-2016 và Niên độ 2016-2017 đã được điều chỉnh bao gồm thêm số liệu của BHS

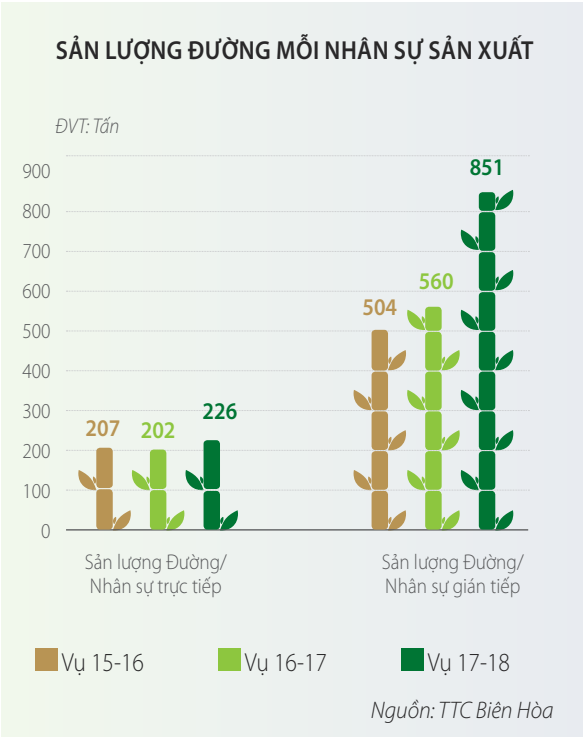
CÔNG TÁC TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ SẢN XUẤT

Chất lượng Đường thành phẩm có sự cải thiện vượt bậc khi sản phẩm không phù hợp xuất phát từ nguyên nhân Đường bị vốn cục đã được Công ty kiểm soát ở mức tối đa; cụ thể giảm hơn 93% sản phẩm Đường bị vốn cục so với vụ trước. Với chủ trương nâng cao hiệu suất thu hồi, giảm thiểu tổng mất mát trong khâu sản xuất, trong Niên vụ 2017-2018 hoạt động nhà máy được vận hành khá tốt, các chỉ tiêu sản xuất đều đạt và vượt kế hoạch và cùng kỳ. Sự tập trung cao độ trong công tác vận hành và công tác bảo trì vụ sản xuất 2017-2018 được đánh giá khá tốt bởi những kết quả tại các chỉ tiêu an toàn thiết bị cụ thể hệ số an toàn ở mức đạt 99,5%.

Suất tiêu hao điện/tấn mía đạt 30,82 KWh/tấn mía tại Nhà máy TTCS Tây Ninh tiệm cận chuẩn tốt nhất của Ngành Đường thế giới; đây là kết quả đáng ghi nhận của tập thể CBNV khối nhà máy khi đã ý thức chủ động tiết kiệm năng lượng trong công tác vận hành. Đồng thời là việc phối kết hợp nhịp nhàng giữa nông nghiệp và nhà máy cũng đã tạo sự ổn định hơn về công suất ép, cũng như chủ động giảm thời gian sửa chữa định kỳ làm tổng điện năng tiêu thụ trong sản xuất được kiểm soát ở mức tối đa.

Chất lượng và năng suất lao động toàn Công ty được cải thiện thông qua việc tái cấu trúc toàn Công ty cũng như hoàn tất trong thực hiện giao và đánh giá hiệu quả công việc theo Thẻ điểm cân bằng KPI. Kết quả ghi nhận được năng suất lao động trong Niên độ 2017-2018 với

Sản lượng Đường một Nhân sự trực tiếp và Sản lượng Đường một Nhân sự gián tiếp sản xuất được tăng lần lượt 12% và 52% với cùng kỳ, đạt 226 tấn và 851 tấn.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NIÊN ĐỘ 2018-2019

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

STT	Mục tiêu	Chi tiết
1	Diện tích mía nguyên liệu	54.440 ha
2	Tổng sản lượng mía ép	3.734.531 tấn
3	Sản lượng Đường thành phẩm sản xuất	628.480 tấn
4	Sản lượng Đường tiêu thụ mục tiêu	846.733 tấn
5	Công suất ép mía bình quân	> 36.000 TMN
6	Chữ Đường CCS bình quân	> 9,75 CCS
7	Năng suất mía đầu tư	70 tấn/ha
8	Công suất luyện Đường thô	2.250 tấn Đường/ngày

Nguồn: TTC Biên Hòa

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH

Phân loại	Giải pháp	Chi tiết
Hoạt động nguyên liệu	Quy hoạch VNL	» Ưu tiên phát triển khu vực mía vùng gần nhà máy » Trong ngắn hạn tiếp tục phát triển diện tích tại các khu vực tiềm năng và thuận lợi canh tác mía như Campuchia, Long An » Mở rộng diện tích các mô hình nông trường kiểu mẫu
	Tập trung quy hoạch đồng ruộng Organic	» Phát triển VNL Organic tại TTC Attapeu » Mục tiêu phát triển đạt 1.000 ha trong 3 năm tới » Trở thành 1 trong những đơn vị sản xuất Đường Organic Top 10 thế giới xét về diện tích VNL
	Đối tượng đầu tư	» Giảm dần hình thức canh tác trên đất thuê » Khuyến khích đầu tư trên đất chủ sở hữu
	Cải tiến chính sách đầu tư	» Phân nhóm nông dân trồng mía, có chính sách đầu tư phù hợp với từng nhóm » Tăng cường sự gắn bó bền vững giữa nhà máy và người trồng mía; đảm bảo Công ty có lãi, nông dân có lợi
	Đẩy mạnh khuyến nông và kỹ thuật canh tác	» Hỗ trợ nông dân để gia tăng năng suất và chất lượng mía » Tập trung công tác phòng trừ sâu bệnh » Chú trọng cơ cấu giống phù hợp với thổ nhưỡng của từng VNL » Đẩy mạnh cơ giới hóa từ khâu trồng, chăm sóc đến khâu thu hoạch » Tăng cường áp dụng các hệ thống tưới hữu hiệu nâng cao năng suất mía
	Hoàn thiện công tác quản lý thu hoạch	» Xây dựng lịch đón chặt » Điều tiết kiểm soát thu hoạch một cách hợp lý, khoa học » Triển khai áp dụng từng bước hệ thống ERP, phần mềm quản lý nông nghiệp tập trung
Hoạt động sản xuất	Nâng cao công tác tổ chức quản lý và đào tạo	» Cải tiến công tác hệ thống quản lý nông nghiệp » Giao KPI cho từng cá nhân phụ trách » Nâng cao chất lượng đội ngũ CBNV » Đào tạo cán bộ nông vụ, cán bộ khuyến nông
	Quản lý sản xuất	» Giám sát thực hiện các thông số kỹ thuật » Kiểm soát chi phí theo các định mức » Gia tăng năng suất, giảm giá thành » Tăng cường công tác kiểm soát môi trường » Triển khai ứng dụng, áp dụng ERP trong sản xuất
	Đầu tư mới, bảo trì bảo dưỡng	» Cải tiến và đầu tư mới máy móc thiết bị; nâng cao năng suất, tăng cường giám sát hoạt động » Cải tiến các thiết bị phân luyện nhằm nâng cao tối đa chất lượng Đường tinh luyện » Đảm bảo mục tiêu vì sức khỏe cộng đồng
	Đào tạo, nhân sự	» Tăng cường đào tạo theo chuyên đề » Hướng dẫn công việc cho nhân viên nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng vận hành hệ thống » Chú trọng công tác đào tạo cán bộ kế thừa để chủ động nguồn lực cho GD phát triển sắp tới
	R&D	» Đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm mới » Đáp ứng nhu cầu thị trường và khách hàng » Nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm
Hoạt động kinh doanh	Phát triển Kênh B2C	» Định vị sản phẩm TTC BH trên thị trường » Đa dạng chủng loại sản phẩm dành cho Kênh B2C » Tăng cường phát triển nhà phân phối » Tăng cường nhân sự cho các Kênh Hiện đại MT và Truyền thống GT
	Gia tăng sản lượng tiêu thụ Kênh SME	» Giữ vững Kênh khách hàng MNC hiện có » Tiếp tục phát triển thêm khách hàng mới » Nâng cao dịch vụ khách hàng » Đẩy mạnh xuất khẩu tại chỗ
	Quản lý	» Hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy » Ban hành chính sách bán hàng » Quản lý hoạt động kho vận » Ban hành quy trình xuất nhập khẩu » Quy trình xử lý khiếu nại khách hàng
	Nhân sự, đào tạo	» Tăng cường công tác đào tạo nâng cao năng lực bán hàng » Áp dụng lương mềm theo KPI
Hoạt động tài chính	Nâng cao hiệu quả quản trị tài chính	» Tăng cường khai thác các nguồn vốn lãi suất thấp » Kiểm soát tỷ lệ nợ vay để đảm bảo thanh khoản » Cân đối sử dụng nguồn nhằm đảm bảo duy trì các chỉ số tài chính an toàn » Hỗ trợ tái cấu trúc tài chính tại Công ty con
	Tái cơ cấu quản lý danh mục đầu tư	» Cơ cấu danh mục đầu tư » Tập trung đầu tư công ty cùng ngành nhằm gia tăng sức mạnh cộng hưởng
Hoạt động khác	Hoàn thiện hệ thống	» Phát huy vai trò tham mưu kế toán QT và điều hành theo kế hoạch » Hiệu chỉnh các quy trình nhằm tăng cường QT tài chính, hoàn thành GD 2 Dự án ERP
	Nhân sự	» Xây dựng bộ tiêu chí năng lực CBQL » Hoàn thiện hệ thống KPI » Xây dựng cơ chế lương linh hoạt (lương mềm, lương theo hiệu quả) » Tập trung đào tạo: Đào tạo chuyên đề, luân chuyển cán bộ, khuyến khích đào tạo nội bộ » Thực hiện chính sách khoán lương » Tăng cường công tác đào tạo nội bộ
	QTCT	» Áp dụng quy tắc QTDN theo ASEAN Scorecard được tư vấn bởi IFC » Hoàn thiện hệ thống quản lý ERP AX Dynamic tất cả các CTTV Ngành Đường » Áp dụng chuẩn mực hạch toán IFRS » Hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy » Triển khai hệ thống ERP GD 2 tại tất các CTTV Ngành Đường

NGÀNH MÍA ĐƯỜNG VIỆT NAM CÔNG SUẤT NHỎ, PHÂN TÁN NÊN KHÓ

Theo báo cáo của Hiệp hội Mía Đường, vụ mùa 2017-2018 Việt Nam có 41 nhà máy đang hoạt động với tổng công suất thiết kế lên tới 150.000 TMN, vượt xa so với mục tiêu 105.000 TMN của Quyết định 26/2007/TTg. Tuy nhiên, với thực trạng hiện nay của VNL, đây là tín hiệu đáng để lo lắng.

Liên tục trong các năm qua, Ngành Mía Đường Việt Nam luôn đau đầu với tình trạng tranh giành mía nguyên liệu, dẫn đến tình trạng thu mua mía chất lượng thấp, đẩy giá mía lên cao, chi phí vận chuyển và trung gian tăng cao không đáng có, góp phần đẩy giá thành sản xuất lên mức cao hơn nhiều so với khu vực.

Thống kê của Viện Kinh tế Nông nghiệp cho thấy, giá thành sản xuất của Việt Nam hiện cao hơn 25-40% so với Thái Lan; trong đó cao nhất là ở Khu vực miền Tây Nam Bộ ước khoảng 14.200 đồng/kg. Công suất bình quân vụ mùa 2017-2018 của các nhà máy Mía Đường Việt Nam chỉ khoảng 3.650 TMN, thấp

hơn rất nhiều so với mức bình quân 19.130 TMN của Thái Lan hay 10.000 TMN của Úc và 5.000-7.000 TMN của Philippines. Công suất nhà máy nhỏ nên khi vào chính vụ, mía chín đồng loạt, các nhà máy dù chạy 24/24 vẫn không thể tiêu thụ kịp. Trong khi đó, vì tình trạng chung toàn vụ là thiếu mía, nên lúc đầu vụ mặc dù mía chưa chín, chữ Đường thấp nhưng các nhà máy cố gắng tranh nhau mua, ép mía sớm để bù đắp cho lượng thiếu hụt lúc cuối mùa. Vòng luẩn quẩn lặp đi lặp lại năm này qua năm khác đang làm suy yếu năng lực cạnh tranh Ngành Mía Đường Việt Nam.

BỨC TRANH TỪ NGƯỜI LÁNG GIẾNG THÁI LAN

Hiện tại, Thái Lan có khoảng 54 nhà máy Mía Đường với tổng công suất thiết kế 1.000.000 TMN và có thêm 36 dự án nhà máy Đường mới với tổng công suất thiết kế là 300.000 TMN đang xúc tiến. Tại Thái Lan, nhiều nhà máy Mía Đường tồn tại dưới hình thức sở hữu tư nhân với chuỗi nhà máy đạt

mức công suất rất lớn, lớn nhất phải kể đến hệ thống các nhà máy của Tập đoàn Mitr Phol Group gồm 5 nhà máy với tổng công suất 130.500 TMN và Tập đoàn Thai Roong Ruang Group với 7 nhà máy với tổng công suất 121.800 TMN. Ngoài ra còn có 8 nhóm sở hữu từ 2 nhà máy trở lên với công suất bình quân khoảng 40.000 TMN.

Chính hình thức sở hữu này đã góp phần không nhỏ trong việc giảm thiểu tình trạng tranh giành nguyên liệu giữa các nhà máy cùng hệ thống, đồng thời đạt được hiệu quả lợi ích kinh tế theo quy mô cao nhất. Chuỗi giá trị tạo ra bởi các nhà máy này rất đa dạng, phong phú, không chỉ riêng sản phẩm Đường mà còn bao gồm Ethanol và tận dụng được tất cả các sản phẩm phụ đi kèm quá trình chế biến Đường như mật rỉ, phân vi sinh, bã mía để sản xuất ra các sản phẩm như giấy, điện tái tạo, nhựa sinh học, bột ngọt... Điều này làm gia tăng đáng kể giá trị Ngành Mía Đường Thái Lan.



Dàn cày chảo, một trong những hoạt động cơ giới hoá tại TTC Biên Hòa



Máy cơ giới tại VNL Nhà máy TTC Attapeu

BÀI HỌC CHO NGÀNH MÍA ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA

XÂY DỰNG ĐƯỢC CƠ CHẾ PHÂN CHIA THU NHẬP GIỮA NGƯỜI TRỒNG MÍA VÀ NHÀ MÁY NHẪM ĐẢM BẢO MỐI LIÊN KẾT BỀN VỮNG GIỮA CÁC BÊN. BÊN CẠNH VIỆC PHÁT TRIỂN BỘ GIỐNG MÍA PHÙ HỢP ĐỂ ĐẢM BẢO NGUỒN CUNG MÍA NGUYÊN LIỆU ĐỦ CHO CÔNG SUẤT ÉP MÍA, BÀI TOÁN NGÀNH MÍA ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA SẼ THÁO GỠ ĐƯỢC KHÓ KHĂN KHI GIẢI QUYẾT ỒN THỎA VẤN ĐỀ CÔNG SUẤT NHÀ MÁY. BÊN CẠNH TĂNG CÔNG SUẤT Ở NHỮNG VNL ĐÁP ỨNG ĐỦ NHẪM ĐẠT ĐƯỢC HIỆU QUẢ KINH TẾ THEO QUY MÔ, VIỆC MỞ RỘNG CÔNG SUẤT VÀ SÁP XẾP LẠI VNL GIỮA CÁC NHÀ MÁY THÔNG QUA SÁP NHẬP CÁC NHÀ MÁY LÀ ĐIỀU RẤT QUAN TRỌNG.

Tại Việt Nam, mô hình chuỗi liên kết các nhà máy đã bước đầu hình thành sau khi TTC Biên Hòa kiên trì mua lại gần chục công ty Mía Đường lớn nhỏ, và đặc biệt là sáp nhập CTCP Đường Biên Hòa để hình thành nên CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa, nắm giữ tổng cộng gần 40% thị phần trong nước. Bên cạnh đó, việc nắm 100% cổ phần của Đường Biên Hòa, TTC Biên Hòa sẽ trực tiếp và gián tiếp sở hữu một loạt doanh nghiệp Mía Đường lớn khác như Đường Biên Hòa-Ninh Hòa, TTC Gia Lai, Mía Đường Phan Rang, Mía Đường Tây Ninh (Tanisugar), Mía Đường TTC Attapeu... Ngoài ra, trong chiến lược phát triển

dài hạn, Công ty cũng đang đầu tư và nỗ lực xây dựng chuỗi liên kết giá trị tại các nhà máy Đường khu vực miền Trung-Tây Nguyên và Nam Bộ. Đây là tín hiệu đáng mừng trên khía cạnh tăng cường sức mạnh cạnh tranh cho các nhà máy Đường Việt Nam, đặc biệt là đối với các nhà máy khi đã quy về một mối. Tổng công suất hiện tại của TTC Biên Hòa đạt xấp xỉ 37.500 TMN trong vụ mùa 2017-2018 giúp khối liên kết sẽ đạt được chuỗi giá trị tối ưu, đạt hiệu quả kinh tế cao nhất, bố trí hợp lý hơn VNL mía giữa các nhà máy trong cùng hệ thống giúp các nhà máy cải thiện đáng kể chất lượng mía (CCS),

tránh tranh giành mía non, giảm thiểu chi phí vận chuyển... Đây là những tín hiệu đầu tiên cho hướng đi đúng mà nước láng giềng Thái Lan đã thực hiện.

Sự kết hợp giữa nhà máy sản xuất Đường và kênh phân phối còn giúp gia tăng lợi ích cho các bên so với cạnh tranh riêng lẻ, gây thiệt hại lẫn nhau. Do đó, một quy trình khép kín với mối liên kết chặt chẽ giữa người trồng mía - nhà máy và công ty thương mại là mô hình sản xuất Ngành Mía Đường Việt Nam cần nghiên cứu, phát triển và hướng tới trước khi ATIGA có hiệu lực.

MUA CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG HOÀNG ANH GIA LAI - HAGL SUGAR

VỚI VNL TỐT NHƯ VẬY, VIỆC SÁP NHẬP HAGL SUGAR SẼ TRỞ THÀNH MỘT MẮT XÍCH QUAN TRỌNG ĐỂ HOÀN THIỆN CHUỖI GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY, GIÚP HẠ GIÁ THÀNH ĐỂ CẠNH TRANH VỚI ĐƯỜNG THÁI LAN.

HAGL Sugar là pháp nhân được thành lập tại Việt Nam để đầu tư vào Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu - đơn vị sở hữu nhà máy Đường và nông trường mía với diện tích lên tới 7.000 ha tại tỉnh Attapeu, Lào. Màng Mía Đường của HAGL đã có những lợi thế mà bất cứ doanh nghiệp đường nội địa nào cũng mơ ước là VNL tập trung thửa lớn, mía chữ Đường cao, nguồn đất sạch có khả năng phát triển dòng sản phẩm Đường hữu cơ. Với VNL tốt như vậy, việc sáp nhập HAGL Sugar sẽ trở thành một mắt xích quan trọng để hoàn thiện chuỗi giá trị của Công ty, giúp hạ giá thành để cạnh tranh với Đường Thái Lan.

Không chỉ vậy, Lào thuộc một trong những nước được hưởng ưu đãi xuất khẩu hàng hoá vào thị trường Liên minh Châu Âu (EU) dựa trên chương trình ưu đãi thuế phổ cập mới đối với các nước chậm phát triển nhất; trong khi Việt Nam đã không còn thuộc nhóm này mà di chuyển lên nhóm những nước đang phát triển. Quy mô tiêu thụ Đường của EU khá lớn, không chỉ dành cho công nghiệp thực phẩm mà còn cả phi thực phẩm. Rõ ràng, nếu Công ty có tham vọng xuất khẩu sản phẩm sang EU để đa dạng hóa thị trường tiêu thụ tránh phụ thuộc vào thị trường trong nước thì thương vụ mua lại nhà máy Đường HAGL tại Lào sẽ giải quyết được nhiều khó khăn. Mặt khác, cụm công nghiệp Mía Đường này vẫn tiếp tục nhận được những ưu đãi lớn về chính sách như thuế, tiền sử dụng đất từ Chính phủ Lào.

Đối tượng nhận chuyển nhượng	- CTCP Đường Biên Hòa - CTCP Mía Đường TTC Tây Ninh
Đối tượng chuyển nhượng	- 60% VDL của CTCP Mía Đường Hoàng Anh Gia Lai từ CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai cho CTCP Đường Biên Hòa - 39,987% VDL của CTCP Mía Đường Hoàng Anh Gia Lai từ CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai cho CTCP Mía Đường TTC Tây Ninh - 0,013% còn lại thuộc sở hữu cá nhân cho CTCP Mía Đường TTC Tây Ninh
Giá trị chuyển nhượng	1.440 tỷ đồng , trong đó: - 798 tỷ đồng cho 60% cổ phần - 532 tỷ đồng cho 39,987% cổ phần - 110 tỷ đồng cho 0,013% cổ phần
Hoàn tất sáp nhập	Tháng 6/2017



VNL thuộc Nhà máy TTCS Gia Lai

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY SÁP NHẬP TẠI THỜI ĐIỂM SÁP NHẬP

CTCP MÍA ĐƯỜNG HOÀNG ANH GIA LAI

Địa chỉ	: 15 Trường Chinh, P. Phù Đồng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Vốn điều lệ	: 815 tỷ đồng
Giấy CNĐKKD	: Số 5900764381 đăng ký lần đầu ngày 26/01/2011, thay đổi lần thứ 5 ngày 10/01/2014 tại Sở KHĐT tỉnh Gia Lai
Ngành nghề đăng ký kinh doanh chính	: Sản xuất đường, trồng mía, trồng cây lâu năm, dịch vụ trồng trọt, sau thu hoạch

SÁP NHẬP CTCP ĐƯỜNG BIÊN HÒA BẰNG HOÁN ĐỔI CỔ PHIẾU



303,8 TRIỆU CỔ PHIẾU

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH ĐỂ HOÁN ĐỔI

VIỆC SÁP NHẬP BHS VÀO TTC BIÊN HÒA LÀ MỘT TRONG NHỮNG BƯỚC ĐI MANG TÍNH CHIẾN LƯỢC TRONG ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY TRỞ THÀNH DOANH NGHIỆP LỚN MẠNH KHÔNG CHỈ TRONG NƯỚC MÀ HƯỚNG TỚI KHU VỰC.

Thương hiệu Đường TTC Biên Hòa hiện diện tại đa dạng Kênh tiêu thụ

TTC BIÊN HÒA NHẬN SÁP NHẬP BHS ĐỂ HIỆN THỰC HÓA CHIẾN LƯỢC MỞ RỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, GIA TĂNG THỊ PHẦN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG.

Việc sáp nhập này sẽ tạo giá trị gia tăng cho Công ty, từ đó cải thiện giá trị cho các CĐ nhờ các yếu tố cộng hưởng mang lại so với lúc hai Công ty hoạt động riêng lẻ, hướng đến mục tiêu trở thành doanh nghiệp lớn mạnh trong ngành về vốn hóa, công nghệ sản xuất hiện đại, VNL mở rộng, cơ giới hóa với năng suất cải thiện, cơ cấu sản phẩm đa dạng với chất lượng sản phẩm vượt trội, mạng lưới kinh doanh rộng khắp nhằm chiếm lĩnh thị phần, thương hiệu uy tín có giá trị và nguồn nhân sự chuyên môn cao.

Việc sáp nhập BHS vào TTC Biên Hòa là một trong những bước đi mang tính chiến lược trong định hướng phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp lớn

mạnh không chỉ trong nước mà hướng tới khu vực. TTC Biên Hòa và BHS thống nhất hoàn toàn sẽ làm tăng quy mô, và từ đó sẽ làm tăng vị thế của doanh nghiệp trong đàm phán. Công ty sẽ tận dụng được lợi ích kinh tế nhờ tránh được sự chồng chéo trong quản lý và chi tiêu; từ đó, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, tạo cơ hội mở rộng quy mô, đa dạng hoá sản phẩm, tăng hiệu quả hoạt động, cải thiện năng lực cạnh tranh. Sau sáp nhập, hiệu ứng cộng hưởng giá trị của đôi bên đã được chứng minh ở những điểm nổi bật như:

- » Chiến lược hoạt động tập trung và thống nhất;
- » TTC Biên Hòa có thể sử dụng ưu thế về thương hiệu, hệ thống phân phối kênh B2C, hệ thống khách hàng B2B và chuỗi giá trị Ngành Đường của BHS đang sở hữu tại các khu vực Đồng Nam Bộ, Trung Nam Bộ;

- » Bổ sung cho nhau về nguồn lực và thể mạnh thông tin như dự báo thị trường, tình hình biến động giá, nguồn nguyên vật liệu, nghiên cứu phát triển sản phẩm, đối thủ cạnh tranh...; tăng cường hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

VỀ TÀI CHÍNH:

- » Khai thác hiệu quả thể mạnh tài chính của nhau;
- » Luân chuyển và khai thác hiệu quả nguồn vốn;
- » Tận dụng xu thế quy mô vốn lớn nhằm tăng cường hiệu quả trong việc huy động vốn;
- » Giảm thiểu chi phí sử dụng vốn nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động.

SÁP NHẬP CTCP ĐƯỜNG BIÊN HÒA BẰNG HOÁN ĐỔI CỔ PHIẾU (tiếp theo)

VỀ NHÂN SỰ:

- » Luân chuyển cán bộ ở những bộ phận có cùng chức năng để tăng cường cho những bộ phận cần mở rộng;
- » Đồng bộ hóa hệ thống phần mềm Quản lý nông nghiệp, Smartcane, Smartlab, ERP;
- » Tận dụng được đội ngũ nhân sự chuyên môn cao.

VỀ SẢN PHẨM:

- » Sự cộng lực của hai Công ty có quy mô lớn nhất Ngành Đường Việt Nam, Công ty sau sáp nhập củng cố vị trí số 1;
- » Đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng về mẫu mã sản phẩm, chất lượng sản phẩm, tính đa dạng của sản phẩm;
- » Tận dụng được những lợi thế sau sáp nhập, Công ty chủ động điều chỉnh giá bán sản phẩm khi có hiệu quả gia tăng theo quy mô;
- » Mang lại lợi ích thiết thực cho người tiêu dùng và xã hội.

Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng
Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành để hoán đổi	303.831.938 cổ phiếu để hoán đổi 100% số lượng cổ phiếu BHS
Tỷ lệ chuyển đổi	- Tỷ lệ 1:1,02 - 1 cổ phiếu BHS sẽ được hoán đổi thành 1,02 cổ phiếu SBT phát hành thêm
Hoàn tất sáp nhập	Tháng 9/2017

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY SÁP NHẬP TẠI THỜI ĐIỂM SÁP NHẬP

CTCP ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Niêm yết tại	: HOSE
Mã chứng khoán	: BHS
Địa chỉ	: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam
Vốn điều lệ	: 2.978 tỷ đồng
Giấy CNĐKKD	: Số 3600495818 do Sở KHĐT tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 16/05/2001, thay đổi lần thứ 17 ngày 12/05/2017
Ngành nghề kinh doanh	: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm Mía Đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường, sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành Mía Đường; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành Mía Đường; Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành Mía Đường; Thi công các công trình xây dựng và công nghiệp; Mua bán, đại lý, ký gởi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật tư ngành Mía Đường; Dịch vụ vận tải; Dịch vụ ăn uống; Cho thuê kho bãi; Sản xuất và kinh doanh sản phẩm rượu các loại; Kinh doanh BDS; Dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp; Sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp.



Người nông dân thu hoạch mía bằng máy

MUA CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU BTCO

Năm 2015, sau khi chuyển nhượng mảng sản xuất, nhà máy cơm dừa sấy khô, BTCO chuyển hẳn hoạt động sang kinh doanh thương mại. Thuộc ngành bán lẻ, BTCO hoạt động như một nhà phân phối hàng tiêu dùng, thực phẩm nước uống, bia, sữa, nước suối và đường.

BTCO có 2 cửa hàng bán lẻ trực tiếp với doanh số trên dưới 700 triệu đồng/tháng. Mảng đại lý phân phối chiếm trên 95% doanh số. Khách hàng mục tiêu của BTCO hầu hết là các tiệm tạp hóa và các chợ trong địa bàn Tỉnh Bến Tre và một số Tỉnh lân cận. Bằng việc mua lại BTCO, CTCP Thương mại XNK Biên Hòa vốn đóng vai trò là công ty chủ lực trong việc phân phối các sản phẩm Đường của TTC Biên Hòa, sẽ tận dụng mạng lưới

phân phối sẵn có của BTCO để đẩy mạnh Kênh tiêu thụ B2C, góp phần hiện thực hóa chiến lược mở rộng kênh tiêu thụ này của TTC Biên Hòa.

Đối tượng nhận chuyển nhượng	CTCP Thương mại XNK Biên Hòa
Đối tượng chuyển nhượng	100% VDL của Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu BTCO từ CTCP XNK Bến Tre
Giá trị chuyển nhượng	9 tỷ đồng
Hoàn tất sáp nhập	Tháng 2/2018

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY SÁP NHẬP TẠI THỜI ĐIỂM SÁP NHẬP

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU BTCO

Địa chỉ	: 226B Nguyễn Đình Chiểu, P. 8, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Vốn điều lệ	: 8 tỷ đồng
Giấy CNĐKKD	: Số 1300392818 đăng ký lần đầu ngày 08/06/2005, thay đổi lần thứ 5 ngày 23/11/2015 tại Sở KHĐT tư tỉnh Bến Tre
Ngành nghề kinh doanh	: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ

MUA CÔNG TY TNHH MTV HẢI VỊ

Mục đích của thương vụ này nhằm mở rộng và chủ động VNL, tập trung tối ưu hóa hoạt động quản lý canh tác và thu hoạch tại các nông trường. Để chuẩn bị sẵn sàng với những thách thức mới của Ngành Đường, BLD Công ty từ lâu đã định hướng những chiến lược nhằm nâng cao năng suất và giảm giá thành mía, chuyên canh hóa VNL, mục tiêu hướng tới phát triển VNL mía bền vững, đặc biệt là mong muốn sở hữu nhiều nông trường mía kiểu mẫu lớn nhất Việt Nam.

Ngày 01/09/2016, Hải Vị kế thừa nhân sự và bộ máy của Chi nhánh Nông trường Biên Hòa Thành Long, chính thức hoạt động với mô hình Công ty nông nghiệp, áp dụng quy trình canh tác mía hiện đại; sử dụng cơ giới hóa từ khâu trồng, chăm sóc đến thu hoạch; tưới hiệu quả thông qua các hệ thống tưới hiện đại như Center Pivot, Big Gun; PTBV qua việc hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phát triển đa dạng hệ sinh thái, thay thế dần phân vô cơ bằng phân hữu cơ...

Theo đó, Hải Vị quản lý toàn bộ các nông trường mía tại Khu vực Tây Ninh,

bao gồm Nông trường Thành Long, Hải Vị, Bến Cầu, Biên Giới, Tân Hưng với tổng diện tích khoảng 2.000 ha.

Với mục tiêu mở rộng và phát triển VNL mới, trong năm 2017, Hải Vị tiếp nhận thêm hai khu vực khác, vươn mình khỏi địa bàn Tây

Ninh. Kết quả, nông trường Thành Long 2 thuộc tỉnh Svayrieng, Campuchia và Nông trường Phước Hòa thuộc tỉnh Bình Dương được khai sinh, nâng tổng diện tích canh tác từ 2.000 ha lên đến hơn 3.500 ha, tỷ lệ tăng 175% so với cùng kỳ.

Đối tượng nhận chuyển nhượng	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
Đối tượng chuyển nhượng	- 99% VDL của Công ty TNHH MTV Hải Vị từ CTCP Lộc Thổ - 1% VDL của Công ty TNHH MTV Hải Vị từ Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai
Giá trị chuyển nhượng	22.196.662.711 đồng , trong đó: - 21.974.696.084 đồng cho 99% cổ phần - 221.966.627 đồng cho 1% cổ phần
Hoàn tất sáp nhập	Tháng 3/2018

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY SÁP NHẬP TẠI THỜI ĐIỂM SÁP NHẬP

CÔNG TY TNHH HẢI VỊ

Địa chỉ	: Tổ 1, Ấp Thành Đông, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vốn điều lệ	: 1,5 tỷ đồng
Giấy CNĐKKD	: Số 3900244283 đăng ký lần đầu ngày 23/05/1997, thay đổi lần thứ 14 ngày 31/10/2016 tại Sở KHĐT tỉnh Tây Ninh
Ngành nghề đăng ký kinh doanh chính	: Trồng mía, dịch vụ trồng trọt, sau thu hoạch

CHUẨN BỊ CHO VIỆC HỘI NHẬP ATIGA CŨNG NHƯ HƯỚNG TỚI CHIẾN LƯỢC “PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÙNG CÂY MÍA VIỆT NAM”, CÔNG TY ĐÃ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU, TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ VÀ ĐƯA RA NHIỀU GIẢI PHÁP NHẪM HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU GIẢM GIÁ THÀNH SẢN XUẤT.

Chuẩn bị cho việc hội nhập ATIGA cũng như hướng tới chiến lược **“Phát triển bền vững cùng cây mía Việt Nam”**, Công ty đã tổ chức nghiên cứu, triển khai đầu tư và đưa ra nhiều giải pháp nhằm hướng đến mục tiêu giảm giá thành sản xuất. Đối với ngành sản xuất Mía Đường, chi phí nguyên liệu mía chiếm tỷ trọng rất cao trong chi phí chế biến, nằm trong khoảng 75% đến 80% giá thành.

01 NÂNG CẤP VÀ CẢI TẠO TRUNG TÂM NHIỆT ĐIỆN

Tổng mức đầu tư: 160 tỷ đồng

Tiến độ thực hiện:

- » Dự án đã hoàn thành.
- » Đưa vào hoạt động trong Niên độ 2017-2018.

Mục đích:

- » Hướng đến giảm suất tiêu hao hơi trong sản xuất từ 0,57 xuống 0,54, suất tiêu hao hơi sinh điện từ 8,26 tấn xuống còn 6,14 tấn cho 1 MWh.
- » Việc giảm tiêu hao hơi trong công nghệ sản xuất Đường sẽ giúp dư lượng bã, kéo dài thời gian luyện Đường, giúp gia tăng sản lượng Đường hàng năm.
- » Việc giảm suất tiêu hao hơi sinh điện sẽ giúp gia tăng sản lượng điện hàng năm khi cùng đưa vào chế biến một sản lượng mía như nhau.
- » Dự án này được đầu tư tại TTCS - Nhà máy có quy mô lớn nhất của TTC Biên Hòa và là một trong những Nhà máy sản xuất Đường lớn nhất Việt Nam, tọa lạc tại Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
- » Niên độ 2017-2018 vừa qua, các thông số kỹ thuật 2 hạng mục quan trọng của Dự án nghiệm thu đạt yêu cầu là thông số kỹ thuật của lò hơi và turbine phát điện (TA):
 - ❖ Lò hơi đạt được áp suất 40 bar (A), nhiệt độ 485°C;
 - ❖ Máy phát có áp suất hơi vào đạt 38 bar (A), nhiệt độ 480°C, đạt công suất phát 25 MW;
 - ❖ Suất tiêu hao hơi của TA 5,97 tấn hơi cho 1 MWh.
- » Niên độ 2018-2019, TTC Biên Hòa sẽ tiếp tục hoàn thiện công nghệ để đạt suất tiêu hao hơi như mục tiêu 0,54 ban đầu; hứa hẹn sẽ gia tăng đáng kể lượng bã phục vụ cho luyện đường, tăng sản lượng Đường.

Hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, TTC Biên Hòa đã có những giải pháp về chính sách đầu tư, canh tác, thu hoạch để giảm chi phí đầu vào. Trên cơ sở công nghệ hiện tại, TTC Biên Hòa đã đề ra những giải pháp và triển khai đầu tư để gia tăng sản lượng Đường, giảm chi phí chế biến trên cơ sở lượng mía đầu vào có xu hướng giảm đi. Những Dự án hướng đến các mục tiêu này mà Công ty đã và đang triển khai đầu tư như sau:



Hệ thống giải nhiệt nước dùng trong sản xuất

02 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN HỮU CƠ VI SINH

Tổng mức đầu tư: 53 tỷ đồng

Tiến độ thực hiện:

- » Dự kiến tháng 10/2018 sẽ hoàn thành và đi vào hoạt động.
- » Tổng tiến độ đạt 65%.
- » Về pháp lý, Ban Quản lý Dự án đã ký hợp đồng về khảo nghiệm công thức phân, báo cáo đánh giá tác động môi trường, xin giấy phép sản xuất phân hữu cơ vi sinh.

Mục đích:

- » Dự án được phê duyệt với công suất 34.000 tấn mỗi năm.
- » Dự án cung cấp nội bộ nguồn Phân hữu cơ vi sinh cho các nông trường mía thuộc TTC Biên Hòa.
- » Sau đó sẽ phát triển và cung cấp đến các nông trường bên ngoài.
- » Dự án đang tiến hành xây dựng nhà xưởng và kho bãi phục vụ cho sản xuất.

03 HỆ THỐNG SẤY BÃ MÍA

Tổng mức đầu tư: 40 tỷ đồng

Tiến độ thực hiện:

- » Dự kiến tháng 10/2018 sẽ hoàn thành và đi vào hoạt động.
- » Tiến độ Dự án đạt 60%.

Mục đích:

- » Dự án được phê duyệt với công suất của hệ thống sấy bã 110 tấn/giờ.
- » Sau khi đi vào hoạt động, tỷ lệ bã thừa khoảng 2% so với sản lượng mía ép.
- » Với việc dư bã mía thì thời gian sản xuất luyện Đường ngoài vụ sẽ được kéo dài nhằm gia tăng sản lượng Đường hàng năm.
- » Dự án đã triển khai 5 gói thầu quan trọng:
 - ❖ Thiết kế toàn hệ thống, cung cấp thiết bị sấy, thiết bị tự động cho toàn hệ thống;
 - ❖ Thiết kế cung cấp lắp đặt 4 tầng tải cao su;
 - ❖ Lắp đặt thiết bị hệ thống sấy, thiết kế chế tạo damper xả bã;
 - ❖ Xây dựng móng máy và móng thiết bị;
 - ❖ Giám sát xây dựng.



Hệ thống Sấy bã mía đang vận hành tại TTC Biên Hòa

04 THÀNH LẬP NHÀ MÁY CƠ KHÍ

Tổng mức đầu tư: 20 tỷ đồng

Tiến độ thực hiện: Dự án chia làm 2 GĐ

- » GĐ 1: Kết thúc ngày 30/6/2018.
- » GĐ 2: Với tầm quan trọng của Nhà máy cơ khí, Dự án đã chuyển hướng thành lập Công ty và đang triển khai các bước tiếp theo.

Mục đích:

- » TTC Biên Hòa có 9 Nhà máy sản xuất Đường nên việc thành lập Nhà máy Cơ khí là cần thiết.
- » TTC Biên Hòa cũng sở hữu nhiều thiết bị cơ giới phục vụ cho việc canh tác, thu hoạch mía nên Nhà máy Cơ khí góp phần không nhỏ vào việc chế tạo gia công các thiết bị cơ giới phục vụ cho ngành nông nghiệp.
- » Dự án với mục đích gia công, chế tạo những thiết bị của Ngành Mía Đường đòi hỏi độ chính xác không cao.
- » Các hạng mục đầu tư phần lớn là đầu tư vào việc mua sắm thiết bị, máy móc công cụ để phục vụ cho công tác gia công, chế tạo thiết bị cho các nhà máy Đường.
- » Đánh giá sơ bộ GĐ 1, Nhà máy đang đi vào nề nếp, bước đầu hoạt động khá thành công.
- » Nhà máy hiện nay do Công ty TTCE quản lý với hình thức hạch toán độc lập nhằm tạo điều kiện, động lực thúc đẩy nhà máy phát triển:
 - ❖ Gia công chế tạo các ro-mooc vận chuyển mía cho TTCA;
 - ❖ Gia công các thiết bị cho nông nghiệp;
 - ❖ Cung cấp và lắp đặt hệ thống băng tải của Dự án sấy bã với giá trị lên đến 7 tỷ đồng.
- » Nhà máy đang thực hiện:
 - ❖ Một số các hạng mục đầu tư cải tạo của Nhà máy Đường Nước Trong với giá trị 2,6 tỷ đồng;
 - ❖ Thực hiện cho bộ phận cơ giới của ngành nông nghiệp khoảng 10,3 tỷ đồng.
- » Nhà máy Cơ khí được xem là một trong những nguồn sinh lợi tích cực cho TTC Biên Hòa thông qua việc tận dụng gia công cho các Dự án thuộc các Công ty trong Tập đoàn TTC, các doanh nghiệp có nhu cầu trên thị trường, đặc biệt định hướng để cung cấp các dịch vụ cho đơn vị nước ngoài trong tương lai gần.

05 KIỂM SOÁT TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Tổng mức đầu tư: 15 tỷ đồng

Tiến độ thực hiện:

- » Dự án đã hoàn thành.
- » Triển khai tại tất cả các nhà máy của TTC Biên Hòa.

Mục đích:

- » Thực hiện theo ND số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính Phủ về quản lý chất thải và phế liệu, các nhà máy Đường của TTC Biên Hòa đã triển khai thực hiện theo luật định về việc lắp đặt các thiết bị quan trắc khí thải.
- » Tầm quan trọng của việc lắp đặt hệ thống:
 - ❖ Công cụ để các Nhà máy kiểm soát liên tục hiệu quả hoạt động của các thiết bị phát thải khí thải ra môi trường;
 - ❖ Ứng phó với sự hạn chế nguồn cung cấp than Anthraxit đang diễn ra và xu hướng ngày càng khan hiếm;
 - ❖ Thể hiện tinh thần trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội trong việc giữ gìn môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

06 HỆ THỐNG TIẾT KIỂM HƠI

Tổng mức đầu tư: 13 tỷ đồng

Tiến độ thực hiện:

- » Dự kiến tháng 10/2018 sẽ hoàn thành và đi vào hoạt động.
- » Tiến độ Dự án đạt 37%.

Mục đích:

- » Dự án được phê duyệt với mục tiêu giảm tiêu thụ hơi từ 0,57 xuống 0,5.
- » Dự án đã triển khai 2 gói thầu quan trọng:
 - ❖ Cung cấp các cột ngưng tụ tạo chân không;
 - ❖ Cung cấp thiết bị gia nhiệt;
 - ❖ Lắp đặt các cột ngưng tụ tạo chân không;
 - ❖ Mua sắm tấm truyền nhiệt cho bốc hơi;
 - ❖ Cải tạo hệ thống bốc hơi cho gia nhiệt.
- » Dự án này là tiếp bước của Dự án Cải tạo TTNĐ nhằm giảm suất tiêu hao hơi cho sản xuất Đường tại Nhà máy TTCS.



Hệ thống Xử lý nước thải tại Nhà máy TTCS

07 THAY ĐỔI PHƯƠNG THỨC GIAO HÀNG

Tổng mức đầu tư: 11 tỷ đồng

Tiến độ thực hiện:

- » Dự án dự kiến hoàn thành tháng 1/2019.
- » Tiến độ Dự án đạt 45%.

Mục đích:

- » Nhằm đảm bảo chất lượng phục vụ khách hàng tốt nhất, nâng cao năng lực cạnh tranh, TTC Biên Hòa đã phát triển những phương thức giao hàng mới so với phương thức truyền thống hiện nay.
- » Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai đã đầu tư hệ thống xếp bao tự động lên pallet.
- » Theo phương thức giao nhận này, khách hàng sẽ an tâm về an toàn thực phẩm, tiết giảm được nhân công bốc dỡ hàng hóa.
- » Ngoài việc giao hàng bằng pallet, phương thức giao hàng bằng bao đường “big bag” cũng đã có chủ trương cho đầu tư tại Nhà máy TTCS.
- » Việc bốc dỡ hàng hóa được thay thế bằng máy móc tự động, phù hợp với xu thế nguồn nhân công lao động thủ công ngày càng giảm.
- » Việc thay thế máy móc tại những vị trí lao động nặng nhọc cho con người:
 - ❖ Tạo ra môi trường làm việc thân thiện;
 - ❖ Giảm chi phí nhân công cho đơn vị sản phẩm;
 - ❖ Giảm nguy cơ tiềm ẩn ảnh hưởng đến sản phẩm do can thiệp của con người.

08 CẢI TẠO CHUYỂN ĐỔI NHIÊN LIỆU ĐỐT LÒ

Tổng mức đầu tư: 8 tỷ đồng

Tiến độ thực hiện:

- » Dự kiến Dự án hoàn thành tháng 10/2018.

Mục đích:

- » Tại Nhà máy Biên Hòa - Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai đã tiến hành thực hiện Dự án:
 - ❖ Cải tạo chuyển đổi nhiên liệu đốt lò;
 - ❖ Đầu tư hệ thống xử lý khói thải dạng túi để đảm bảo chỉ tiêu môi trường của khói thải.
- » Hiện nay, toàn bộ các Nhà máy của TTC Biên Hòa đã đảm bảo an toàn và thân thiện với môi trường.
- » Dự án này đánh dấu 100% cam kết bảo vệ môi trường của Công ty.

09 SẢN XUẤT ĐƯỜNG THỎI

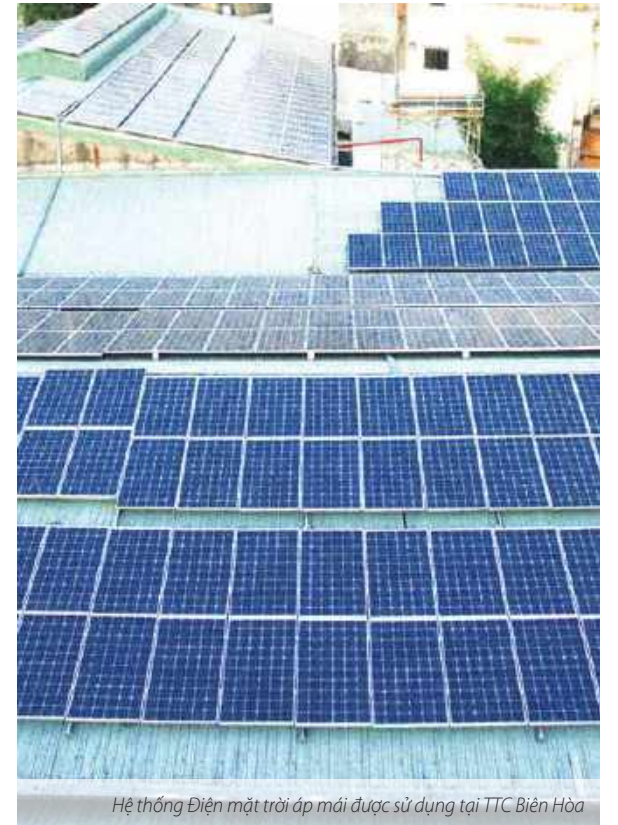
Tổng mức đầu tư: 786 triệu đồng

Tiến độ thực hiện: Dự án được phê duyệt triển khai làm 2 GĐ

- » GĐ 1: đã kết thúc.
- » GĐ 2: Ban Quản lý dự án đang nghiên cứu giải pháp đầu tư để giảm giá thành sản xuất. Dự kiến hoàn thành và đưa vào sản xuất ngày 15/12/2018.

Mục đích:

- » Đầu tư sản xuất Đường thối hình nón cụt giúp TTC Biên Hòa chủ động thực hiện chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường ra nước ngoài.
- » GĐ 1 đã sản xuất thử để thăm dò thị trường với quy mô 2 tấn/ngày, và đã xuất lô hàng đầu tiên đi Mỹ là 29 tấn.
- » Đánh giá kết quả sản xuất thử ở GĐ 1 cho thấy việc sản xuất theo mô hình thủ công sẽ làm giá thành cao và Dự án không hiệu quả như mong đợi.
- » Đánh giá chi phí tăng do quy mô sản xuất nhỏ và thủ công, bộ phận Quản lý Dự án đã nghiên cứu và đề xuất:
 - ❖ Tăng công suất lên 9 tấn/ngày;
 - ❖ Đầu tư máy móc thiết bị dạng công nghiệp để giảm nhân công với tổng mức đầu tư lên tới 10 tỷ đồng;
 - ❖ Sẽ áp dụng trong GĐ 2 của Dự án.



Hệ thống Điện mặt trời áp mái được sử dụng tại TTC Biên Hòa

10 ĐIỆN MẶT TRỜI

Tổng mức đầu tư: Đang nghiên cứu

Tiến độ thực hiện:

- » Dự án đã được ghi nhận và đưa vào phát triển quy hoạch điện lực Tỉnh Tây Ninh.
- » Quy hoạch đã được Ủy ban Tỉnh gửi đến Bộ Công thương xem xét.

Mục đích:

- » Đầu tư Điện mặt trời được xem là một trong những xu thế đầu tư mới của thế giới và đang rất thịnh hành ở Việt Nam.
- » Về phương diện PTBV, Điện mặt trời mang lại lợi ích môi trường to lớn khi so sánh với các nguồn năng lượng không tái tạo khác vốn đang là một trong những nguồn năng lượng chủ lực ở nhiều quốc gia tiến bộ.
- » Tại TTC Biên Hòa, Dự án là Điện mặt trời áp mái với công suất dự kiến 9MW.

01



Khối hàng được quấn màng co bảo vệ

ĐẦU TƯ HỆ THỐNG ROBOT XẾP BAO 50 KG LÊN PALLET VÀ QUẤN MÀNG CO TẠI NHÀ MÁY BIÊN HÒA-ĐỒNG NAI

Niên độ 2017-2018 vừa qua, Công ty đã áp dụng các giải pháp ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất, vận hành, đặc biệt là sự ứng biến nhanh nhạy với sự khan hiếm về nhân công lao động và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Nhờ quá trình cải tiến không ngừng, hiệu quả SXKD và năng lực cạnh tranh đã được nâng cao đáng kể.

Cụ thể, Nhà máy Biên Hòa - Đồng Nai đang triển khai hệ thống Robot xếp bao 50 kg lên pallet, thay thế hoàn toàn việc bốc xếp thủ công trong công đoạn đóng bao và chuyển sang kho chứa trung gian. Đồng thời, hệ thống cũng giúp tiết giảm chi phí thuê lao động bốc xếp khoảng hơn 2 tỷ đồng/năm và đặc biệt không phụ thuộc vào nguồn lao động thủ công ngày càng ít đi.

Triển khai việc giao hàng bằng pallet quấn màng co bảo vệ cũng đáp ứng được các nhu cầu về AT VSTP, một trong những yêu cầu đang rất được quan tâm hiện nay, khi đòi hỏi của thị trường và người tiêu dùng ngày khắt khe cả về mặt hình thức và chuẩn mực chất lượng.

02



Trung tâm Nhiệt điện tại Nhà máy TTCS

ĐẦU TƯ BỔ SUNG CẢI TẠO TTNĐ TẠI NHÀ MÁY TTCS

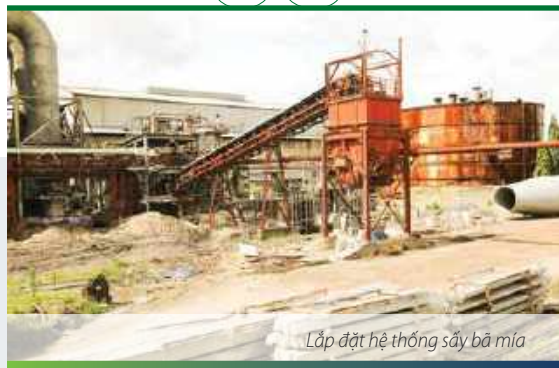
Trong Niên độ 2017-2018, TTNĐ tại Nhà máy TTCS được đầu tư cải tạo nâng cấp nhiều thiết bị nhằm mục đích ưu tiên hàng đầu là tạo ra năng lượng nhiều hơn song song tiết kiệm năng lượng tiêu thụ, từ đó tối ưu hóa hiệu quả sản xuất.

Để giải quyết bài toán này, lò hơi được đầu tư nâng cấp với mục tiêu nâng áp lực hoạt động của lò hơi ở mức cao hơn từ 32 bar lên 45 bar, tương ứng nhiệt độ hơi siêu nhiệt được nâng từ 415°C lên 445°C. Bên cạnh đó, 1 turbine mới có công suất 25 MW, gấp đôi công suất turbine cũ được đầu tư mới với suất tiêu hao hơi cho 1 MWh thấp hơn từ 8,26 tấn xuống 6,14 tấn. Như vậy, cùng một lượng hơi nhưng lượng điện phát ra lớn hơn so với trước đây. Với sản lượng mía ép hàng năm hiện nay của Nhà máy là 1 triệu tấn, sản lượng điện sẽ gia tăng từ 40.000 MWh lên 70.000 MWh.

Giảm tiêu hao hơi, gia tăng sản lượng bã để tạo ra được sản lượng đường nhiều hơn so với phương án cũ. Dự án này cải tạo và chuyển đổi hệ thống bốc hơi từ 4 hiệu sang 5 hiệu với mục đích tận dụng được hơi thứ cấp để cung cấp cho nhiều mục đích khác nhau trong sản xuất, giảm tiêu hao hơi trên tấn mía từ 0,57 tấn hơi xuống 0,5 tấn.

Dự án này đã đi vào hoạt động chính thức vào đầu vụ sản xuất 2017-2018 và phát huy được hiệu quả thực tế trong việc giảm chi phí, tăng lợi nhuận.

03



Lắp đặt hệ thống sấy bã mía

ĐẦU TƯ HỆ THỐNG SẤY BÃ MÍA TẠI NHÀ MÁY TTCS

Thực hiện chuỗi giá trị khép kín, Nhà máy TTCS còn tận dụng bã mía để làm nguồn nhiên liệu chính trong sản xuất, dùng để đốt lò hơi và là nguyên liệu phục vụ cho các ngành công nghiệp khác như sản xuất nhiệt điện, thức ăn chăn nuôi, bột giấy và ván ép. Nhà máy hiện đang triển khai hệ thống sấy bã mía nhằm mục đích giảm hàm lượng nước trong bã, nâng cao nhiệt trị bã mía làm cho hiệu suất lò hơi tăng, đồng nghĩa với việc bã mía tiêu thụ để sản xuất 1 tấn hơi giảm, từ đó tiết kiệm bã. Lượng bã thừa được lưu trữ để làm nguồn nhiên liệu sản xuất ngoài vụ mía. Việc sấy bã được thực hiện nhờ nguồn nhiệt của khói thải lò hơi trước khi thải ra môi trường.

Việc tiết kiệm bã mang lại hiệu quả rất lớn khi sử dụng làm nguồn nhiên liệu thay cho than đá để luyện Đường. Ngoài việc mang lại hiệu quả về mặt kinh tế, do nhiệt độ lò hơi đốt cao hơn, bã khô và cháy triệt để hơn nên hệ thống sấy bã còn mang lại hiệu quả về khía cạnh bảo vệ môi trường vì hàm lượng bụi trong khói lò sau khi đi qua hệ thống sấy bã sẽ giảm đáng kể.

Độ ẩm bã từ 52% giảm còn 40%, nhiệt trị bã tăng từ 2.184 kcal/kg lên 2.828 kcal/kg. Lượng bã tiết kiệm hàng giờ so với trước đây lên đến 12 tấn/giờ. Với sản lượng ép mía hơn 1 triệu tấn tại Nhà máy TTCS có thể tạo ra lượng bã dư 25.000 tấn, tương ứng luyện và có thêm 25.000 tấn sản phẩm Đường tinh luyện. Ngoài ra, với lượng bã dư, Nhà máy TTCS có thể điều tiết được sản lượng Đường tồn kho đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn tươi, không bị ẩm và gia tăng giá trị sản phẩm.

04



Quá trình vận hành thiết bị sản xuất Đường

TIẾT KIỆM HƠI TRONG SẢN XUẤT TẠI NHÀ MÁY TTCS

Hơi là năng lượng chính không thể thiếu trong sản xuất chế luyện Đường từ mía hoặc từ Đường thô. Tiêu thụ hơi tính trên tấn Mía hay trên tấn Đường thô trong Ngành Mía Đường ở Việt Nam còn rất cao, bình quân 0,6 tấn hơi/tấn mía.

Với mục tiêu giảm tiêu thụ từ 0,57 tấn hơi/tấn mía xuống 0,5 tấn hơi/tấn mía, Dự án đã cải tạo và thay mới một số thiết bị như đầu tư mới hoàn toàn hệ thống thiết bị ngưng tụ thay cho 13 máy phun tạo chân không của nồi nấu liên tục; bốc hơi và trợ tinh; đầu tư một số thiết bị gia nhiệt trực tiếp và gia nhiệt nước mía bằng nước nóng; cải tạo hệ thống thu hồi đường bốc hơi hiệu 1, hiệu 2. Ngoài ra, Công ty cũng đã tính toán lại cân bằng hơi, từ đó sử dụng nguồn hơi hợp lý hơn, qua đó đạt hiệu quả tiết kiệm năng lượng.

Dự án tiết kiệm hơi trong sản xuất mang lại hiệu quả cao, với sản lượng mía ép hơn 1 triệu tấn mía hàng năm, lượng hơi tiết kiệm được sẽ luyện thêm mỗi vụ từ 25.000 đến 26.000 tấn Đường thành phẩm so với trước khi chưa đầu tư Dự án.

Thành công của một doanh nghiệp phụ thuộc không nhỏ vào chất lượng sản phẩm và sự sáng tạo không ngừng để cung cấp liên tục những loại hình sản phẩm mới ra thị trường. Đa dạng hóa danh mục sản phẩm chính là yếu tố cốt lõi trong chiến lược PTBV của TTC Biên Hòa trong trung và dài hạn.

TTC BIÊN HÒA HIỆN ĐANG CHÚ TRỌNG CÔNG TÁC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐỂ CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM ĐÁP ỨNG NHU CẦU ĐA DẠNG CỦA NHỮNG PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG CAO CẤP, ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG TIÊU CHUẨN KHẮT KHE CỦA CÁC THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU KHÓ TÍNH, HƯỚNG ĐẾN SẢN XUẤT NHỮNG SẢN PHẨM THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG, ĐẢM BẢO AN TOÀN VÀ PHÙ HỢP DINH DƯỠNG.

Hiện nay, các sản phẩm Đường của TTC Biên Hòa đã được xuất sang 6 Quốc gia bao gồm Mỹ, Trung Quốc, Singapore, Sri Lanka, Myanmar, và Kenya. Kênh tiêu thụ Doanh nghiệp B2B đang chiếm 56% cơ cấu DT của Đường Niên độ 2017-2018 và là kênh chiếm tỷ trọng lớn nhất. Trong đó, các sản phẩm Đường Công nghiệp đang được bán trực tiếp từ Nhà máy đến các Kênh Công nghiệp lớn MNC như Friesland Campina, Coca-Cola, Nestlé, Nutifood, Suntory Pepsi, Tân Hiệp Phát, Vinacafe, Vinamilk... Bên cạnh đó, Kênh Tiểu thủ công nghiệp SME cũng đóng góp một phần không nhỏ trong cơ cấu tiêu thụ và DT. Nước giải khát gồm có Chương Dương, FES (Cà phê Phố), Yến sào Khánh Hòa...; Thực phẩm



Hệ thống Kho thành phẩm quy mô lớn

gồm Asiafoods, Cholimex, Thực phẩm Thiên Hương...; Bánh kẹo là Bibica, Phạm Nguyên...; Sữa kem là IDP, KIDO, Yakult VN... và cuối cùng là Dược phẩm gồm Cửu Long, Domesco, Hậu Giang, Mekophar, Sanofi...

Ngoài ra, Đường tiêu dùng cũng như các sản phẩm Cạnh Đường-Sau Đường không chỉ được phân phối qua Kênh Thương mại mà còn là Kênh Tiêu dùng B2C. Có thể kể đến ở đây là một hệ thống mạng lưới rộng khắp từ Kênh Truyền thống 49.000 Cửa hàng tạp hóa bán lẻ và 88 Nhà phân phối đại lý; Kênh Hiện đại 2.035 Siêu thị và Cửa hàng tiện lợi đến các Chuỗi Nhà hàng, Cà phê, Trường học... Riêng các sản phẩm nước giải khát vẫn được tập trung sử dụng tiêu thụ nội bộ bởi các CTTV và một phần cung cấp đến khách hàng thông qua TTC Hospitality, một TV khác của Tập đoàn TTC hiện đang hoạt động trong lĩnh vực Du lịch và Nghỉ dưỡng.



Trung tâm nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG R&D TRONG NIÊN ĐỘ 2017-2018

PHÒNG R&D HIỆN ĐANG NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI VÀO SẢN XUẤT SẢN PHẨM CAO CẤP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CŨNG NHƯ HOÀN THIỆN CHUỖI GIÁ TRỊ CÁC SẢN PHẨM GIÁ TRỊ GIA TĂNG TỪ MÍA, TỪ ĐÓ ĐA DẠNG HÓA DANH MỤC SẢN PHẨM PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG.

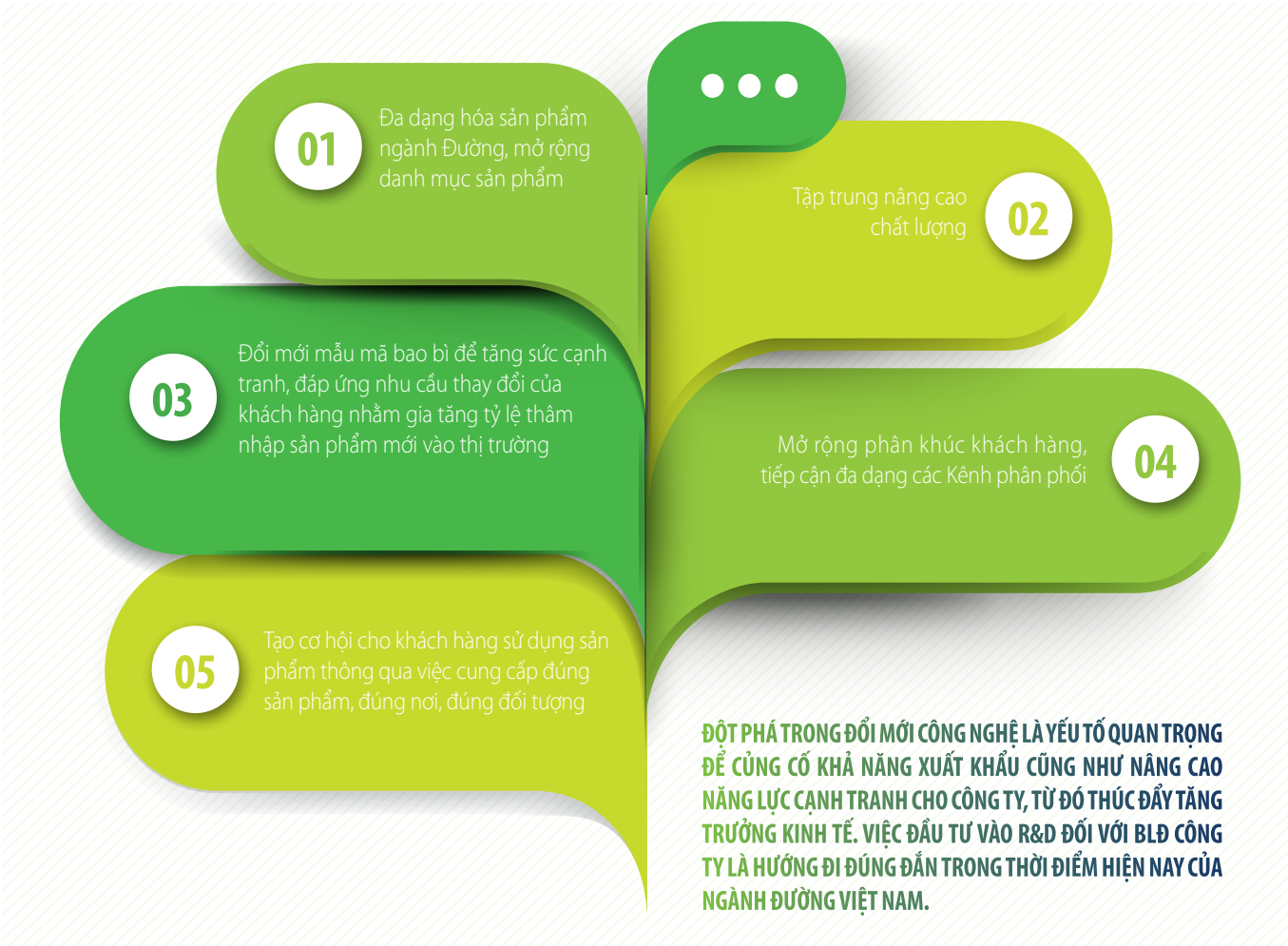
TRONG NIÊN ĐỘ 2017-2018, CÔNG TY ĐANG THỰC HIỆN NGHIÊN CỨU 21 SẢN PHẨM MỚI VÀ DỰ KIẾN SẼ ĐƯỢC TUNG RA THỊ TRƯỜNG TRONG THỜI GIAN TỚI.

STT	Sản phẩm	Tiến độ	Thông tin sản phẩm
A. SẢN PHẨM ĐƯỜNG			
1	ĐƯỜNG THỜI HÌNH NÓN	Đã xuất khẩu sang Mỹ trong tháng 4/2018	» Phục vụ nhu cầu xuất khẩu. » Loại Đường không trải qua quá trình kết tinh mà cô đặc trực tiếp từ mật mía. » Đang tiếp tục giai đoạn phát triển theo quy mô công nghiệp.
2	ĐƯỜNG PHÈN		
2.1	Đường phen hạt thiên nhiên BH Pro	Đã hoàn thành nghiên cứu sản phẩm mẫu	» Phục vụ nhóm khách hàng tiêu dùng. » Làm tổ yến chung, hầm thuốc bắc, nước mát thanh nhiệt và các món tráng miệng như chè, mứt. » Sử dụng và bảo quản tại căn bếp của mỗi gia đình Việt.
2.2	Đường phen thiên nhiên BH Pro		
2.3	Đường phen cây thiên nhiên BH Pro		
2.4	Đường phen vàng viên BH Pro		
2.5	Đường phen vàng thiên nhiên BH Pro	Bắt đầu triển khai nghiên cứu từ tháng 9/2018	
2.6	Đường phen bột thiên nhiên BH Pro		
3	ĐƯỜNG VÀNG		» Giữ trọn hương vị tự nhiên, màu vàng óng và vị ngọt thơm của mật mía. » Sản phẩm đáp ứng thị yếu của khách hàng giữ nguyên chất lượng và hương vị tự nhiên của cây mía. » Tạo độ màu và hương vị tự nhiên cho sản phẩm. » Phục vụ Kênh Tiêu dùng B2C và Kênh Công nghiệp MNC.
3.1	Đường nâu Organic Light Brown BH Gold	Đã hoàn thành nghiên cứu sản phẩm mẫu	» Phục vụ nhóm khách hàng cao cấp. » Có yêu cầu cao về đường kính hạt đường nhỏ hoặc to để chế biến cà phê, bánh, kẹo đóng gói hoặc dược phẩm. » Đường que tinh luyện Biên Hòa có màu tự nhiên, đem đến vị ngọt tự nhiên cho cà phê, trà và các thức uống một cách tiện lợi nhất. » Thích hợp cho các đồ uống như trà, cà phê, cocktails và nước trái cây. » Phù hợp sử dụng trong các quán cà phê, nhà hàng, khách sạn, phòng khách gia đình. » Thành phần tự nhiên và nhiều sự lựa chọn về hương vị. » Mang lại vị ngọt tự nhiên cho các loại đồ uống phổ biến như trà, cà phê, ca cao hay các loại cocktail nhiệt đới. » Là nguyên liệu không thể thiếu để làm bánh ngọt, yogurt, các món tráng miệng. » Cho món thêm ngon, cho cuộc sống thêm tươi vui và hứng khởi.
3.2	Đường nâu Organic Dark Brown BH Gold		
3.3	Đường nâu Light Soft Brown BH Gold		
3.4	Đường nâu Dark Soft Brown BH Gold		
3.5	Đường vàng thiên nhiên hạt nhuyển BH Gold		
4	ĐƯỜNG PURE		
4.1	Đường tinh luyện hạt nhuyển Pure Caster		
4.2	Đường tinh luyện hạt lớn BH Pure		
5	ĐƯỜNG BH JOY		
5.1	Đường vàng thiên nhiên que BH Joy		
6	ĐƯỜNG LỎNG		
6.1	Đường lỏng (có trên thị trường, đổi bao bì)		
6.2	Mật mía BH Syrup		
6.3	Đường màu BH Syrup		
6.4	Syrup lỏng có hương		
B. CÁC SẢN PHẨM CẠNH ĐƯỜNG-SAU ĐƯỜNG			
1	PHÂN HỮU CƠ VỊ SINH	Dự kiến sản xuất tháng 10/2018	» Cải tạo đất cho vùng trồng mía, nâng cao năng suất mía. » Phục vụ các nông trường và bà con nông dân.
2	NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT ĐÓNG CHAI	Dự kiến sản xuất tháng 8/2018	» Sản xuất từ dây chuyền hiện đại. » Đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ĐÃ CHUYỂN SANG SẢN XUẤT TRONG NIÊN ĐỘ 2017-2018

STT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Thời gian dự kiến hoàn thành	Thông tin về Dự án
1	Phân hữu cơ vi sinh	52 tỷ đồng	Tháng 10/2018	» Giúp cải tạo đất cho vùng trồng mía, nâng cao năng suất mía, phục vụ các nông trường và bà con nông dân. » Cung cấp nội bộ nguồn phân hữu cơ vi sinh cho các nông trường mía thuộc TTC Biên Hòa. » Phát triển và cung cấp đến các nông trường bên ngoài.
2	Sản xuất Đường thời xuất khẩu	800 triệu đồng	» Đã hoàn thành » Đang chuyển sang sản xuất quy mô công nghiệp	» Đã hoàn thành 29 tấn Đường thời xuất khẩu sang thị trường Mỹ. » Bước đầu đánh dấu bước tiến lớn cho TTC Biên Hòa cũng như Ngành Đường Việt Nam.
3	Sản xuất Nước tinh khiết không hương	Tận dụng dây chuyền Míaqua	Tháng 8/2018	» Tận dụng hoàn toàn dây chuyền sản xuất Nước hương mía Míaqua để sản xuất nước tinh khiết không hương. » Mang lại cho Công ty sản phẩm mới khi không tốn chi phí đầu tư và chủ động sản xuất khi hết vụ mía, đa dạng sản phẩm nước uống đến người tiêu dùng.

CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM MỚI NIÊN ĐỘ 2018-2019 ĐẾN NIÊN ĐỘ 2019-2020



CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM MỚI NIÊN ĐỘ 2018-2019 ĐẾN NIÊN ĐỘ 2019-2020 (tiếp theo)

CHIẾN LƯỢC R&D GIAI ĐOẠN 2018-2019	
ĐƯỜNG BỘT SẤY PHUN	» Được sản xuất bằng công nghệ sấy phun hiện đại từ nước mía tươi. » Lưu giữ hương mía tự nhiên và vị ngọt thanh.
ĐƯỜNG LÔNG CÔNG NGHIỆP	» Được đặc biệt nghiên cứu, phát triển cho những nhu cầu chuyên biệt. » Hỗ trợ việc chế biến tiện lợi hơn trong ngành công nghiệp thực phẩm.
ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN BẰNG CÔNG NGHỆ LỌC MÀNG MEMBRANE	» Sử dụng công nghệ lọc màng Membrane tiên tiến, hoàn toàn loại bỏ tạp chất trong mía và giúp giữ trọn hương vị tự nhiên của mật mía. » Giúp các món ăn đậm đà hơn, màu sắc hấp dẫn.
ĐƯỜNG MÀU	» Là nguyên liệu không thể thiếu để làm bánh ngọt, yogurt, các món tráng miệng. » Giúp các món ăn đậm đà với màu sắc hấp dẫn.
MẬT MÍA ORGANIC	» Là nguyên liệu không thể thiếu để làm bánh ngọt, yogurt, các món tráng miệng. » Giúp các món ăn đậm đà với màu sắc hấp dẫn.

CHIẾN LƯỢC R&D GIAI ĐOẠN 2019-2020	
ĐƯỜNG TRANG TRÍ <i>Icing sugar</i> <i>Baking sugar</i>	» Gồm nhiều dòng sản phẩm đa dạng. » Được nghiên cứu và phát triển cho những nhu cầu chế biến món ăn chuyên biệt. » Giúp việc nấu ăn trở nên tiện lợi, dễ dàng hơn, món ăn ngon hơn.
ĐƯỜNG LÀM MỨT <i>Preserving sugar:</i> <i>Cho trái cây có nhiều Pectin</i> <i>Jam Sugar:</i> <i>Cho trái cây ít Pectin</i>	
ĐƯỜNG THÔ <i>Demerara sugar,</i> <i>Muscovado sugar,</i> <i>Sucanat sugar</i>	» Là loại Đường vàng được sản xuất từ phương pháp kết tinh hiện đại. » Cho Kênh khách hàng B2C tiêu dùng, Doanh nghiệp nhỏ: Nội trợ, làm bánh, tiệm bánh, quán trà...
KEO PHÈN <i>Kẹo phèn trắng</i> <i>Kẹo phèn nâu</i> <i>Kẹo phèn thập cẩm</i>	» Với thành phần hoàn toàn từ mía đường tự nhiên. » Được thiết kế tiện lợi cho 1 lần sử dụng. » Mang lại cảm giác hiện đại, tinh tế.

CÔNG TY CON

STT	Công ty Con	Trụ sở	Lĩnh vực Kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu (%)	VĐL (Tỷ đồng)	Nguồn Doanh thu chính	Nhà máy luyện/Công suất
1	Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai	Đồng Nai	Sản xuất đường, trồng mía	100	2.979	Đường, mật đường, phân bón	1. Biên Hòa-Trị An: 2.500 TMN 2. Biên Hòa-Tây Ninh: 4.000 TMN 3. Biên Hòa-Đồng Nai: 400 tấn Đường/ngày Duy nhất luyện quanh năm
2	Công ty TNHH Mía Đường TTC Attapeu	Gia Lai	Kinh doanh đường, các sản phẩm phụ làm từ mía	100	1.715	Mua bán vật tư	NA
3	Công ty TNHH MTV Mía Đường TTC Attapeu	Lào	Trồng mía, sản xuất, kinh doanh đường, các sản phẩm phụ làm từ mía	100	732	Đường, mật đường, điện	TTC-Attapeu: 7.500 TMN
4	Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Khánh Hòa	Sản xuất đường, các phụ phẩm khác từ mía	100	608	Đường, mật đường, phân bón	Biên Hòa-Ninh Hòa: 5.200 TMN
5	Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai	Gia Lai	Sản xuất đường, các sản phẩm cạnh đường, sau đường	100	540	Đường, mật đường, điện, phân bón	TTCS Gia Lai: 6.000 TMN
6	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	Khánh Hòa	Sản xuất điện, cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện	100	300	Điện	NA
7	Công ty TNHH MTV Tư nhân Đầu tư TSU	Singapore	Mua bán, sản xuất, đóng gói đường	100	284	Kinh doanh thương mại đường	NA
8	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Gia Lai	Sản xuất, truyền tải, phân phối điện	100	130	Điện	NA
9	CTCP Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	Tây Ninh	Nghiên cứu, lai tạo mía giống	100	30	Hom giống, phân tích đất, khảo nghiệm	NA
10	Công ty TNHH MTV Biên Hòa - Thành Long	Tây Ninh	Trồng mía, sản xuất, kinh doanh phân bón	100	20	-	NA
11	Công ty TNHH Tư nhân NHSS	Singapore	Kinh doanh thương mại	100	15	Kinh doanh thương mại đường	NA
12	Công ty TNHH Hải Vi	Tây Ninh	Trồng mía, dịch vụ trồng trọt, sau thu hoạch	100	2	Mía	NA
13	Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Kontum	Kon Tum	Sản xuất đường, sản xuất hoá chất cơ bản, trồng cây mía	100	1	-	NA
14	Công ty TNHH MTV Nước Miaqua	Tây Ninh	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	100	1	Nước	NA
15	CTCP Mía Đường Tây Ninh		Trồng mía, sản xuất, kinh doanh đường, sắn, cao su	99,42	294	Đường, sản phẩm từ cao su	NA
16	CTCP TMDV XNK BTCO	Bến Tre	Kinh doanh thương mại	98	411	Đường	NA
17	CTCP Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa	TP.HCM	Kinh doanh đường	98	120	Đường	NA
18	CTCP Đường Biên Hòa - Phan Rang	Ninh Thuận	Sản xuất, kinh doanh đường, các sản phẩm phụ từ mía	92	45	Đường, mật đường, phân bón	Biên Hòa-Phan Rang: 1.500 TMN
19	CTCP Bò giống Miền Trung	Khánh Hòa	Chăn nuôi bò, trồng mía, các loại cây công nghiệp khác	91	23	Cây mía, bò	NA
20	CTCP Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công	Tây Ninh	Sản xuất cồn, các sản phẩm phụ sau cồn	90	189	Gia công cơ khí, thiết bị nông nghiệp, sản xuất phân vi sinh	NA
21	CTCP Đường Nước Trong	Tây Ninh	Sản xuất đường, trồng cây mía	81,23	58	Đường, mật đường, phân bón	Nước Trong: 1.000 TMN
22	CTCP Cao su Nước Trong	Tây Ninh	Sản xuất plastic, cao su	52,69	30	Sản phẩm từ cao su	NA

CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Công ty Con	Trụ sở	Lĩnh vực Kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu (%)	VĐL (Tỷ đồng)	Nguồn Doanh thu chính
1	CTCP Hạ tầng Cụm Công nghiệp Tân Hội	Tây Ninh	Kinh doanh BĐS, đầu tư xây dựng hạ tầng, quản lý KCN	47,29	30	Quản lý KCN
2	CTCP Khoai mì Tây Ninh	Tây Ninh	Sản xuất, kinh doanh tinh bột khoai mì	29,83	112	Tinh bột khoai mì
3	Công ty TNHH Tapioca Việt Nam	Tây Ninh	Sản xuất, kinh doanh tinh bột khoai mì	29,83	76	Tinh bột khoai mì
4	CTCP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	Tây Ninh	Sản xuất tinh bột, các sản phẩm liên quan đến tinh bột	19,13	157	Tinh bột

CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM LÀ MỘT TRONG NHỮNG MỤC TIÊU HÀNG ĐẦU CỦA TTC BIÊN HÒA NHẪM HƯỚNG ĐẾN SỰ HÀI LÒNG CAO NHẤT CỦA KHÁCH HÀNG, TIẾP TỤC MỞ RỘNG KÊNH PHÂN PHỐI VÀ GIA TĂNG THỊ PHẦN CHIẾM LĨNH THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC CŨNG NHƯ MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU.

Hàng năm, Công ty thực hiện nhiều dự án cải tiến công nghệ, năng suất và chất lượng sản phẩm để hỗ trợ giảm thiểu chi phí, nâng cao chất lượng, điều chỉnh tỷ lệ sản phẩm không phù hợp, duy trì các hệ thống đảm bảo chất lượng sản phẩm, thân thiện với môi trường gắn liền trách nhiệm xã hội. Ngoài ra, Công ty còn hướng đến kế hoạch PTBV thông qua việc xây dựng hệ thống Bonsucro - Tiêu chuẩn Nông nghiệp Mía Đường Bền vững. Qua đó, Công ty cân bằng giữa bài toán quản trị kinh doanh hiệu quả cũng như bảo vệ môi trường. Hệ thống Bonsucro có thể đo lường được về tác động kinh tế, môi trường và xã hội đối với sản xuất mía và chế biến sơ cấp. Ngoài ra, TTC Biên Hòa, khách hàng và những BLQ đến Đường và Ethanol có thể nhận sản phẩm có nguồn gốc từ mía và được sản xuất theo tiêu chí được chấp thuận, đáng tin cậy, minh bạch và có thể đo lường. Vị thế “người tiên phong” trong mắt các NĐT, cơ quan đánh giá, nhà phân tích... sẽ giúp TTC Biên Hòa cải thiện tốt hơn mối quan hệ với các BLQ và tạo độ tin cậy tối đa với khách hàng.

KẾT QUẢ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐẠT ĐƯỢC SO VỚI KẾ HOẠCH NIÊN ĐỘ 2017-2018

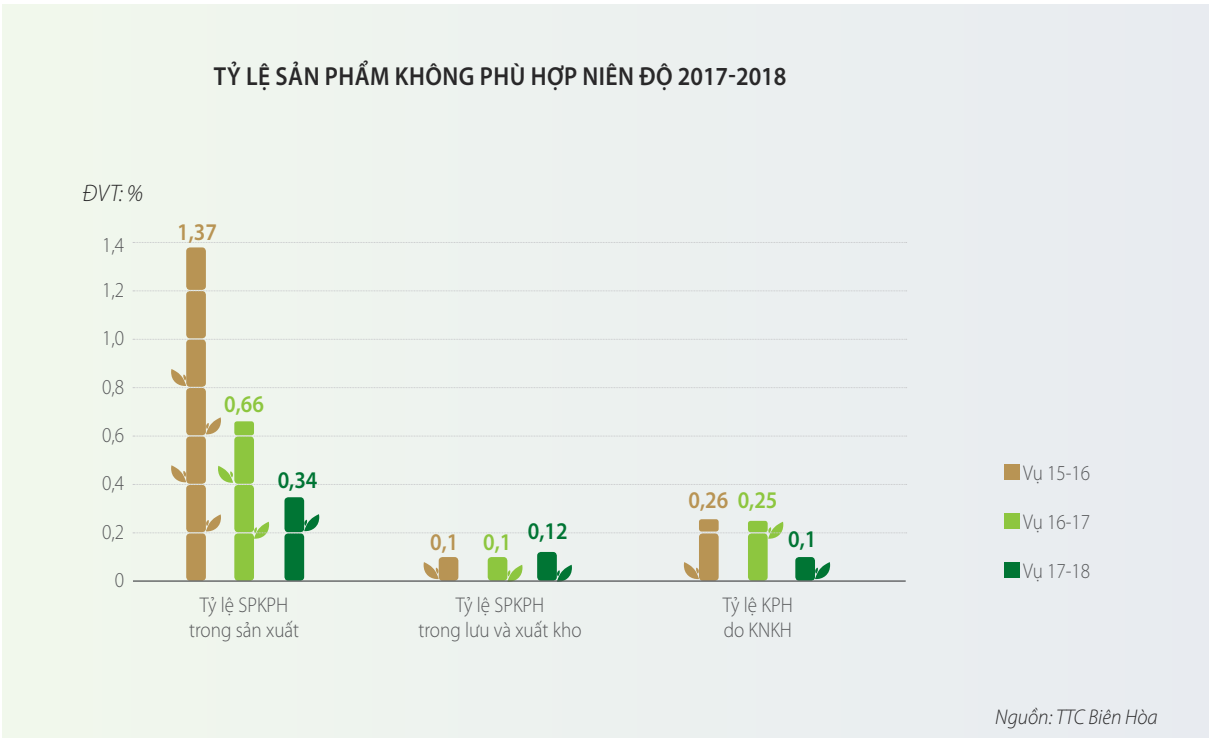
Chỉ tiêu	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu 2017-2018	Kết quả 2017-2018	Tăng/Giảm Mục tiêu (%)	Đánh giá
Chất lượng	Sản phẩm bị khách hàng khiếu nại (lỗi chính đáng)	(%)	0,33	0,1	-70	Tốt
	Sản phẩm không phù hợp trong quá trình sản xuất	(%)	0,62	0,34	-45	Tốt
	Sản phẩm không phù hợp trong quá trình lưu và xuất kho	(%)	0,21	0,12	-43	Tốt
Môi trường	Vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Số lần	0	0	-	Xuất sắc
	COD phát thải	(kgCOD/TM)	0,41	0,27	-34	Tốt
	Số lần nước thải xả ra kênh tưới không đạt chuẩn loại A theo QCVN 40:2011/BTNMT	Số lần	0	0	-	Xuất sắc
An toàn vệ sinh thực phẩm	Sản phẩm bị khách hàng trả về do khiếu nại về vi phạm AT VSTP (nhiễm Coliform, kim loại nặng trong thành phẩm)	Số sản phẩm	0	0	-	Xuất sắc

Nguồn: TTC Biên Hòa



Chuỗi sản phẩm Đường đa dạng với chất lượng đảm bảo của TTC Biên Hòa

Kết quả đảm bảo chất lượng của Niên độ 2017-2018 đều vượt mục tiêu đề ra từ đầu năm khi các chỉ tiêu bao gồm *Môi trường - COD phát thải, Chất lượng - Sản phẩm không phù hợp trong quá trình lưu và xuất kho, Chất lượng - Sản phẩm không phù hợp trong quá trình sản xuất và Chất lượng - Sản phẩm bị khách hàng khiếu nại (lỗi chính đáng)* đều giảm lần lượt 34%, 43%, 45% và 70% so với kế hoạch. Đối với các Chỉ tiêu mà TTC Biên Hòa đánh giá rằng không thể để xảy ra bất kỳ sai sót nào trong quá trình thực hiện như *Môi trường - Vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường, Môi trường - Số lần nước thải xả ra kênh tưới không đạt chuẩn loại A theo QCVN 40:2011/BTNMT và ATVSTP - Sản phẩm bị khách hàng trả về do khiếu nại về vi phạm ATVSTP (nhiễm Coliform, kim loại nặng trong thành phẩm)* đều hoàn thành xuất sắc khi không có trường hợp nào xảy ra.



Tỷ lệ sản phẩm không phù hợp trong sản xuất cũng như khiếu nại khách hàng có xu hướng giảm qua các Niên độ. Tỷ lệ sản phẩm không phù hợp trong sản xuất Niên độ 2017-2018 đã giảm đáng kể 49% so với Niên độ 2016-2017 và 75% so với Niên độ 2015-2016 nhờ cải tiến công nghệ sản xuất cũng như tăng cường kiểm soát chặt chẽ trong từng khâu của quá trình sản xuất. Ngoài ra, Tỷ lệ sản phẩm không phù hợp do khiếu nại khách hàng cũng đạt được con số đáng khích lệ là 0,1%, lần lượt giảm 60% và 62% so với Niên độ 2016-2017 và 2015-2016 do nắm rõ yêu cầu của từng khách hàng; từ đó lựa chọn lô hàng giao phù hợp, cũng như tăng cường kiểm soát trong quá trình lưu xuất hàng, giao hàng, đảm bảo sản phẩm an toàn, chất lượng đến với khách hàng.

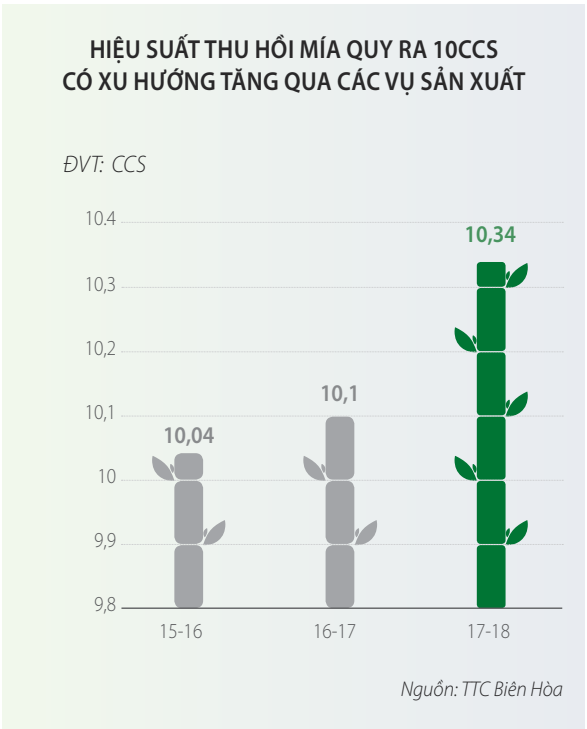
Tuy nhiên, Tỷ lệ sản phẩm không phù hợp trong lưu và xuất kho Niên độ 2017-2018 cao hơn so với Niên độ 2016-2017 và 2015-2016 khoảng 20% do có trường hợp Đường rách vỡ trong quá trình xuất kho và Đường tăng ẩm và màu trong quá trình lưu kho. Nhằm khắc phục những vấn đề này, Công ty đang lên kế hoạch bảo trì hệ thống băng tải, hạn chế số lượng bao Đường bị vướng trong quá trình lưu chuyển dẫn đến rách. Ngoài ra, Công ty đặt mục tiêu tăng tốc độ giải phóng hàng tồn trong kho xuống dưới 30 ngày, hạn chế quá trình chuyển màu, đồng thời tăng tỷ lệ áp dụng phương pháp sản xuất bằng cacbonat hóa thay vì sunfit hóa để cải thiện chất lượng Đường.



Quá trình sản xuất Đường theo tiêu chuẩn nghiêm ngặt



Đường hữu cơ, một trong những sản phẩm chiến lược của TTC Biên Hòa trong thời gian tới



Trong Niên độ 2017-2018, hiệu suất thu hồi mía quy ra 10 CCS đạt 10,34 CCS, tăng 3% so với Niên độ 2016-2017 và Niên độ 2015-2016. Hiệu suất thu hồi mía cải thiện qua từng năm nhờ áp dụng các biện pháp cơ giới hóa như cày ngấm trồng mới vừa giúp mía chống hạn ở những vùng không có điều kiện tưới, vừa chống đổ ngã làm giảm thất thoát CCS, cũng như đầu tư hệ thống tưới mía phù hợp giúp nâng cao năng suất bình quân. Kết quả mà TTC Biên Hòa thu hoạch được là góp phần tăng hiệu suất thu hồi mía qua từng năm, nâng cao chữ Đường, vừa đảm bảo được quyền lợi của người nông dân, vừa giảm được chi phí đầu vào của sản phẩm cho Công ty.

Đảm bảo chất lượng sản phẩm trong Niên độ 2017-2018 được TTC Biên Hòa tập trung thực hiện và đạt được những thành quả khả quan, đặc biệt là đánh giá độc lập từ bên thứ 3 thông qua *Chương trình Khảo sát sự hài lòng của khách hàng* mà Công ty đã chủ động thực hiện. Để nhận được những kết quả chính xác nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như chất lượng phục vụ khách hàng, TTC Biên Hòa đã tiếp tục thực hiện đánh giá đa dạng trên 40 khách hàng của tất cả các kênh tiêu thụ khác nhau gồm Doanh nghiệp B2B, Thương mại, Tiêu dùng B2C và Xuất khẩu.

TỔNG HỢP BẢNG KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG KHÁCH HÀNG NIÊN ĐỘ 2017-2018

Tiêu chí	Mức độ đáp ứng kịp thời những vấn đề mà khách hàng yêu cầu			Quá trình thực hiện giao hàng so với yêu cầu của khách hàng trong đơn hàng			Chất lượng sản phẩm Đường		
	Số lượng ý kiến	Tỷ lệ 2017-2018	Tỷ lệ 2016-2017	Số lượng ý kiến	Tỷ lệ 2017-2018	Tỷ lệ 2016-2017	Số lượng ý kiến	Tỷ lệ 2017-2018	Tỷ lệ 2016-2017
Rất tốt	18	45%	37%	13	33%	31%	13	33%	20%
Tốt	19	48%	52%	21	53%	60%	22	55%	71%
Bình thường	3	7%	11%	6	14%	9%	5	12%	9%
Khả kém	0	0%	0%	0	0%	0%	0	0%	0%
Kém	0	0%	0%	0	0%	0%	0	0%	0%
Tổng	40	100%	100%	40	100%	100%	40	100%	100%

Nguồn: TTC Biên Hòa

Qua kết quả khảo sát khách hàng, tỷ lệ hài lòng của khách hàng đạt 93% đánh giá Tốt và Rất tốt về *Mức độ đáp ứng kịp thời những vấn đề mà khách hàng yêu cầu*, cải thiện khoảng 5% so với đợt đánh giá của Niên độ 2016-2017. Ngoài ra, 86% đánh giá Tốt và Rất tốt về *Quá trình thực hiện giao hàng so với yêu cầu của khách hàng trong đơn hàng*. Đối với *Chất lượng sản phẩm Đường*, đánh giá Tốt và Rất tốt đạt 88% từ các khách hàng. Đáng chú ý, tất cả các chỉ số này đều được cải thiện đáng kể trong tiêu chí đánh giá Rất tốt so với Niên độ trước, cụ thể *Mức độ đáp ứng kịp thời những vấn đề mà khách hàng*

yêu cầu đạt 45% trong tổng số 100%, cải thiện 22% so với Niên độ trước; *Quá trình thực hiện giao hàng so với yêu cầu của khách hàng* trong đơn hàng đạt 33%, cải thiện 7% và *Chất lượng sản phẩm Đường* đạt 33%, cải thiện vượt bậc 65% so với đợt khảo sát trước đây.

Những con số này sẽ là động lực để TTC Biên Hòa tiếp tục củng cố hoạt động Đảm bảo chất lượng trong niên độ 2018-2019, phấn đấu tất cả các chỉ tiêu khảo sát đạt trên 90%, hướng đến mục tiêu 50% thị phần Đường Việt Nam vào Niên độ 2020-2021.



Gia tăng VNL Nông trường, định hướng chiến lược của TTC Biên Hòa

NHÂN SỰ

LÀ ĐIỂM TỰA VỮNG CHẮC CỦA DOANH NGHIỆP

NIÊN ĐỘ 2017-2018 ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ LÀ MỘT NĂM THÀNH CÔNG TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH KHI TTC BIÊN HÒA HOÀN THÀNH TỐT, THẬM CHÍ VƯỢT TẤT CẢ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH ĐÃ ĐỀ RA. NGUỒN NHÂN LỰC LÀ YẾU TỐ KHÔNG THỂ KHÔNG NHẮC ĐẾN NHƯ MỘT ĐIỂM TỰA VỮNG CHẮC CHO NHỮNG THÀNH QUẢ MÀ CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC. ƯỚC TÍNH TRONG NIÊN ĐỘ 2017-2018, 1 LAO ĐỘNG CƠ HỮU TẠO RA KHOẢNG 2,5 TỶ ĐỒNG DT, TÍNH TRÊN 4.187 NHÂN SỰ KHÔNG BAO GỒM LAO ĐỘNG THỜI VỤ.



4.187

NGƯỜI

TỔNG NHÂN SỰ NIÊN ĐỘ 2017-2018
KHÔNG GỒM LAO ĐỘNG THỜI VỤ



Đội ngũ nhân sự trẻ, năng động, sáng tạo và nhiệt huyết tại TTC Biên Hòa

2,5

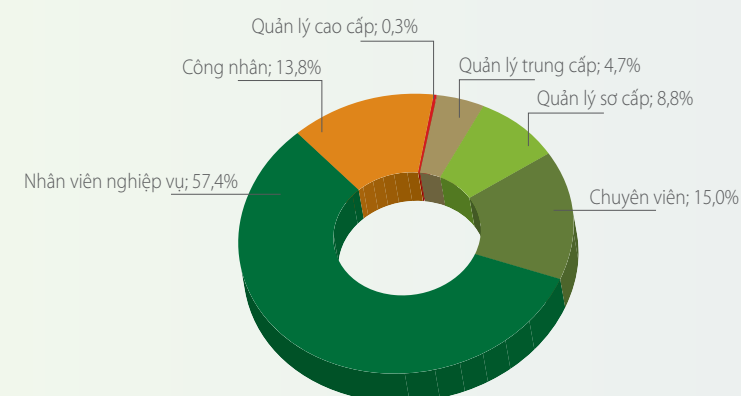
TỶ ĐỒNG DOANH THU

DO 1 LAO ĐỘNG CƠ HỮU TẠO RA

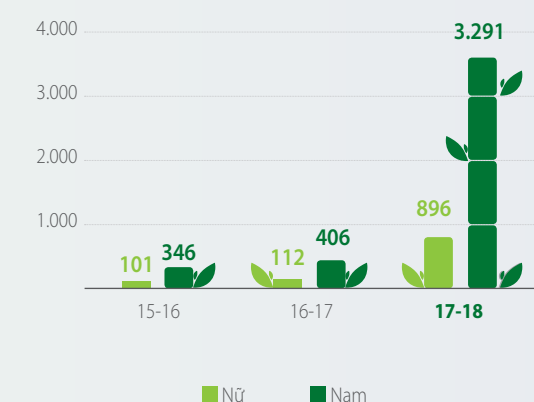
Nhân sự của Công ty được bố trí phù hợp với trình độ, năng lực, kinh nghiệm cũng như định hướng, mục tiêu nghề nghiệp của mỗi một CBNV. Xét cơ cấu nhân sự theo cấp bậc chức vụ và trình độ học vấn, lực lượng lao động của TTC Biên Hòa tập trung ở cấp Nhân viên nghiệp vụ/Công nhân kỹ thuật với trình độ trung cấp, sơ cấp và lao động phổ

thông là chủ yếu với khoảng 58%, do đặc thù hoạt động của Công ty là sản xuất và kinh doanh trực tiếp. Tuy nhiên, lực lượng lao động mà TTC Biên Hòa đang sở hữu đều có trình độ tay nghề cao, kỹ năng thực hành tốt và đáp ứng tiêu chuẩn sản xuất khắt khe của các Nhà máy. Bên cạnh đó, lao động Nam có tỷ trọng lớn hơn chiếm 79% do tính chất công việc trong ngành về vận hành máy móc thiết bị, bảo trì sửa chữa, canh tác... là chủ yếu. Theo định hướng thực hiện bình đẳng giới, một trong những tiêu chuẩn được nhắc đến gần đây của QTDN hiện đại, tỷ lệ này đang được cải thiện dần qua các năm, đặc biệt Niên độ 2017-2018, tỷ lệ lao động nữ đã tăng 700% so với cùng kỳ. Cũng trong Niên độ này, Công ty đã chuẩn hóa cách thức phân chia cấp bậc và áp dụng cho toàn bộ các CTTV.

CƠ CẤU NHÂN SỰ
THEO CẤP BẬC NIÊN ĐỘ 2017-2018



CƠ CẤU NHÂN SỰ
THEO GIỚI TÍNH NIÊN ĐỘ 2017-2018



Nguồn: TTC Biên Hòa

Mặc dù cơ cấu lao động tập trung ở cấp Chuyên viên đến Quản lý cấp cao chỉ là 29% nhưng trình độ nhân sự có chuyên môn từ Cao đẳng trở lên đạt 35%. Đây là nỗ lực của Khối Nhân sự trong việc đảm bảo chất lượng đầu vào của tất cả CBNV, thể hiện sự chuẩn bị toàn diện của Công ty cho quá trình hội nhập cũng như mục tiêu vươn tầm khu vực trong những Niên độ sắp tới.

Trong Niên độ 2015-2016 và 2016-2017, cơ cấu trình độ của nhân sự được duy trì ổn định. Tuy nhiên, trong Niên độ 2017-2018, sau khi hoàn thành quá trình sáp nhập với CTCP Đường Biên Hòa, tổng số lượng nhân viên đã tăng đột biến, phần lớn trong đó là lực lượng lao động phổ thông phục vụ cho hoạt động sản xuất. Chính điều này làm giảm nhẹ tỷ trọng nhân viên có trình độ từ đại học trở lên, tương ứng với cấp bậc chuyên viên cấp trung và quản lý. Song, chính điều này cũng góp phần đảm bảo tinh gọn bộ máy nhưng vẫn nâng cao năng suất làm việc của các cấp bậc cao hơn.

STT	Trình độ	Tỷ lệ (%)		
		2015-2016	2016-2017	2017-2018
1	Trên đại học	2%	3%	0,9%
2	Đại học	37%	37%	25,1%
3	Cao đẳng	5%	6%	8,7%
4	Trung cấp	17%	16%	19,1%
5	Sơ cấp	16%	16%	8,3%
6	Lao động phổ thông	23%	22%	37,9%
Tổng		100%	100%	100%

Nguồn: TTC Biên Hòa

NHÂN SỰ THEO ĐỘ TUỔI CỦA CÔNG TY TẬP TRUNG KHOẢNG 54% Ở ĐỘ TUỔI 21-37; ĐÂY LÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG TRẺ, ĐẢM BẢO TÍNH NĂNG ĐỘNG, NHỊT HUYẾT VÀ SÁNG TẠO ĐỂ PHỤC VỤ CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY. ĐƯA TRÊN ĐẶC ĐIỂM TÍNH CÁCH, NHẬN THỨC, LỐI SỐNG, SUY NGHĨ, ĐỘNG LỰC... CƠ CẤU NHÂN SỰ ĐƯỢC CHIA THEO CÁC NHÓM THỂ HỆ TƯƠNG ỨNG NHƯ SAU:

STT	Độ tuổi	2017- 2018 (%)	Ghi chú	Ý nghĩa
1	Dưới 21 tuổi	0,5	Gen Z	Thế hệ Z đang chuẩn bị bước vào lực lượng lao động chính. Thế hệ này cảm thấy được khuyến khích với các phần thưởng xã hội, sự cố vấn và phản hồi liên tục. Họ cũng muốn sống có ý nghĩa và chịu trách nhiệm. Giống như thế hệ trước, họ cũng đòi hỏi lịch làm việc linh hoạt. Các cách khác để thúc đẩy thế hệ này là thông qua các phần thưởng và huy hiệu kinh nghiệm và cơ hội phát triển cá nhân. Họ cũng mong đợi sự rõ ràng và minh bạch trong môi trường làm việc.
2	21-37 tuổi	53,5	Gen Y	Họ là những người có hiểu biết về công nghệ cao và đang bắt đầu bước chân vào lực lượng lao động chủ chốt của thế giới. Họ không trung thành, tuy nhiên, chúng ta hoàn toàn có thể tác động tới họ qua các khóa đào tạo kỹ năng, tư vấn, phản hồi. Văn hoá làm việc cũng rất quan trọng đối với thế hệ Y. Họ muốn làm việc trong một môi trường nơi họ có thể cộng tác với người khác. Lịch trình linh hoạt, có thời gian nghỉ ngơi và nắm bắt công nghệ mới nhất để giao tiếp cũng rất quan trọng đối với thế hệ này. Thế hệ Y cũng thành công khi có công việc ổn định, có cơ hội học tập và phản hồi ngay lập tức. Họ thích phần thưởng bằng cổ phiếu hơn là tiền mặt. Những người trong thế hệ X thích làm việc độc lập với sự giám sát tối thiểu.
3	38-53 tuổi	40,2	Gen X	Thế hệ X có thể được thúc đẩy bởi lịch trình linh hoạt, các lợi ích như được công nhận từ sếp, tiền thưởng, cổ phiếu và thẻ quà tặng dưới dạng tiền mặt.
4	Trên 53 tuổi	5,8	Boomer	Họ thích phần thưởng là tiền nhưng cũng thích các khoản thưởng không phải là tiền bạc. Vì Boomer là thế hệ hướng tới mục tiêu, nên họ có thể được thúc đẩy bởi các chương trình khuyến mại, phát triển chuyên môn. Sự công nhận về thành quả lao động rất quan trọng đối với thế hệ này. Họ cũng có thể được thúc đẩy thông qua các cấp cao về trách nhiệm, đặc quyền, khen ngợi và thách thức.

Nguồn: TTC Biên Hòa



CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN TỐT CÁC CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ, CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC NGÀY Càng ĐƯỢC CHÚ TRỌNG VÀ NÂNG CAO, NHẪM ĐẢM BẢO NHÂN SỰ ỔN ĐỊNH CHO QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT DIỄN RA LIÊN TỤC, KHÔNG BỊ GIÁN ĐOẠN.

VỚI MỤC TIÊU NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC VÀ GẮN KẾT LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG, CÔNG TY KHÔNG NGỪNG NGHIÊN CỨU, XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH, PHÚC LỢI MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ, RÕ RÀNG VÀ PHÙ HỢP VỚI NGUYỆN VỌNG CỦA CBNV, CŨNG NHƯ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY.



Đội ngũ nhân sự được cơ cấu phù hợp về giới tính, độ tuổi và trình độ



Các kỹ sư dày dặn kinh nghiệm điều khiển Trung tâm sản xuất

Tỷ lệ nghỉ việc tại TTC Biên Hòa chỉ là 12%, dưới mức bình quân của thị trường trong lĩnh vực sản xuất/nông nghiệp là gần 17%, nhờ Công ty đã thực hiện tốt các chính sách đãi ngộ, chất lượng môi trường làm việc ngày càng được chú trọng và nâng cao, nhằm đảm bảo nhân sự ổn định cho quá trình hoạt động sản xuất diễn ra liên tục, không bị gián đoạn. Với mục tiêu nâng cao hiệu quả công việc và gắn kết lực lượng lao động, Công ty không ngừng nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, phúc lợi một cách đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với nguyện vọng của CBNV, cũng như định hướng phát triển của Công ty. Trong Niên độ 2017-2018, những chính sách nhân sự nổi bật đã được thực hiện gồm có:

01

Thực hiện xét duyệt tăng lương cho CBNV

02

Triển khai áp dụng chính sách thưởng theo doanh số cho CBNV Khối Kinh doanh Công nghiệp

03

Thực hiện chương trình GĐLĐ với mục tiêu nâng cao năng lực đội ngũ CBQL hiện hữu để cải tiến và hoàn thiện hệ thống tổ chức

04

Ban hành áp dụng danh mục chính sách phúc lợi theo từng cấp bậc, phù hợp với thị trường lao động



TIỀN LƯƠNG

Tiền lương là một trong những chính sách nổi bật mà Công ty tự hào đã thực hiện tốt nhằm thu hút những nhân sự tài năng để đáp ứng hiệu quả công việc và sự PTBV của Công ty. Chế độ tiền lương được xây dựng dựa trên các nguyên tắc: (1) Tiền lương được xác định dựa trên hiệu quả công việc, năng lực, trách nhiệm, vị trí, thâm niên công tác, bằng cấp chuyên môn và chính sách hỗ trợ của Công ty trong từng thời kỳ; khuyến khích CBNV làm việc hiệu quả, hoàn thành tốt công việc, đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh của Công ty; (2) Các đề xuất liên quan đến việc xác định, điều chỉnh tiền lương của CBNV đều phải đảm bảo khách quan, công bằng, tương xứng với phạm vi trách nhiệm, năng lực và kết quả thực hiện công việc.



THU NHẬP BÌNH QUÂN

Thu nhập bình quân của người lao động tăng lên qua các năm khi tổng quỹ lương-thưởng-phúc lợi trong Niên độ 2017-2018 đạt 649 tỷ đồng, tăng gần 500% so với Niên độ 2016-2017. Thu nhập bình quân của người lao động Niên độ 2017-2018 là 13 triệu đồng/người/tháng, tăng nhẹ so với Niên độ 2016-2017 và

649 TỶ ĐỒNG

**TỔNG QUỸ LƯƠNG-THƯỞNG-PHÚC LỢI
TRONG NIÊN ĐỘ 2017-2018**

➔ GẦN 500% SO VỚI NIÊN ĐỘ 2016-2017

cao hơn những doanh nghiệp cùng Ngành. Mức tăng thu nhập đến từ việc năng suất lao động được nâng cao và tăng theo kế hoạch xét duyệt tăng lương định kỳ dựa vào kết quả thi đua Niên độ, thành tích, sự cống hiến và kết quả kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ. Với các chính sách lương thưởng, khuyến khích có tính cạnh tranh trên thị trường lao động của Ngành Mía Đường, chất lượng lao động và năng suất lao động đang được cải thiện qua từng năm. Các khảo sát nội bộ cho thấy, sự hài lòng của người lao động khi trở thành TV trong gia đình TTC Biên Hòa chuyển biến tích cực.



Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn nghiên cứu phát triển các chính sách phúc lợi nhằm nâng cao đời sống về vật chất, tinh thần cho CBNV. Căn cứ vào tình hình hoạt động, khả năng tài chính, Công ty quyết định các chế độ phúc lợi cho CBNV bao gồm các chế độ: cơm trưa, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn, khám sức khỏe định kỳ, quà tặng sinh nhật, tháng lương thứ 13, nghỉ mát... Ngoài ra, Công ty có trạm y tế với một bác sĩ và một y tá, được trang bị xe cứu thương và các trang thiết bị cần thiết cho việc khám chữa bệnh ban đầu.

Hàng năm, Công ty phối hợp với các hội, đoàn thể tổ chức hội diễn văn hóa văn nghệ, thi đấu thể thao và tạo điều kiện cho người lao động tham gia; tổ chức khám sức khỏe định kỳ vào tháng 7, bệnh nghề nghiệp vào tháng 9, khám sức khỏe chuyên khoa cho lao động nữ... Công ty còn có các chế độ bồi dưỡng tại chỗ cho người lao động như nâng cao chất lượng bữa ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại để đảm bảo sức khỏe, tinh thần cũng như tạo tâm lý tốt nhất cho người lao động trong quá trình làm việc. Định kỳ hàng năm, Công ty mời các cơ quan chức năng kiểm tra độ ổn, rung, bụi... để có căn cứ nghiên cứu và trang bị bổ sung thêm đồng phục, thiết bị bảo hộ cho nhân viên nhằm hạn chế ảnh hưởng của môi trường đến sức khoẻ người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty cũng có chính sách đối với nhân viên làm việc ở những vị trí có yếu tố độc hại, hưởng phụ cấp độc hại theo quy định của Nhà nước. Công ty chủ trương và thực hiện xây dựng môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp cùng những khẩu hiệu, hình ảnh giúp người lao động có thể nhận thức thông suốt các chủ trương, chính sách về việc bảo vệ ngôi nhà chung, môi trường chung. Các hoạt động quyền góp, thiện nguyện cũng được Công ty phát động thường xuyên nhằm động viên, san sẻ gánh nặng, hỗ trợ những mảnh đời bất hạnh, kém may mắn, những hoàn cảnh khó khăn, cơ cực.



Văn phòng Thương mại của TTC Biên Hòa tại Toà nhà Thành Thành Công

CỦNG CỐ & XÂY DỰNG NGUỒN NHÂN LỰC VỮNG MẠNH

CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC LÀ LỢI THẾ SO SÁNH HÀNG ĐẦU CỦA DOANH NGHIỆP, BỞI ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ GIỎI SẼ GÓP PHẦN QUAN TRỌNG TRONG VIỆC DUY TRÌ VÀ THÚC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN THÔNG QUA NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG NGÀY MỘT CẢI THIẾN.

Nhận thức tầm quan trọng của nguồn nhân lực chất lượng cao, Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm cho CBNV từ cấp Nhân viên/Chuyên viên cho đến các cấp QL, LD sẽ có cái nhìn tổng quan về hoạt động đào tạo và phát động của Công ty theo từng thời kỳ. Để hoạt động đào tạo, phát

triển nguồn nhân lực thực sự phát huy được hiệu quả, Công ty triển khai thực hiện Khung chương trình đào tạo theo từng vị trí chức danh. Thông qua Khung chương trình đào tạo này, các cấp QL, LD sẽ có cái nhìn tổng quan về hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của tổ chức.

Riêng đối với chế độ bảo hiểm xã hội, Công ty thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ và các khoản nộp khác theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành. Chi phí trích nộp tương ứng các năm gần đây được thể hiện cụ thể như sau:

Chi phí trích nộp (Tỷ đồng/năm)							
STT	Loại chi phí	2012	2013	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
1	BHXH	4	4,2	6,8	7,5	8,5	30,9
2	BHYT	0,7	0,7	1,2	1,3	1,5	5,3
3	BHTN	0,2	0,3	0,5	0,6	0,7	1,8
Tổng		4,9	5,2	8,5	9,4	10,7	38,0

Nguồn: TTC Biên Hòa

STT	Nhóm Chương trình	Nội dung chính	Chương trình đào tạo thực hiện trong Niên độ 2017-2018		Tỷ lệ (%)
			Tên Chương trình	Đối tượng	
1	Đào tạo nghiệp vụ	Cung cấp kiến thức, kỹ năng cần thiết có liên quan đến công việc/chuyên môn	» Kỹ năng thao tác trong phòng thí nghiệm » Kiến thức chuyên môn về KTNB » Thiết bị và dây chuyền công nghệ TTC Biên Hòa » Xây dựng kế hoạch ngân sách » Nghiệp vụ kế toán » Nghiệp vụ nhân sự: Tuyển dụng, đào tạo, tiền lương, chế độ BHXH » Nhận thức và phương pháp xác định rủi ro, cơ hội theo ISO 9001:2015 & ISO 14001:2015; phương pháp đánh giá theo ISO 19011:2011 áp dụng cho ISO 9001:2015 » Đào tạo chuyển đổi áp dụng IFRS	Chuyên viên, Nhân viên nghiệp vụ, Công nhân kỹ thuật, Công nhân... của các CTTV	79
2	Đào tạo theo luật định và yêu cầu của các tổ chức cấp chứng nhận về tiêu chuẩn, chất lượng	Đáp ứng yêu cầu của pháp luật về tiêu chuẩn trình độ cũng như kiến thức cần thiết	» An toàn lao động các nhóm » Tập huấn về AT VSTP » Kiến thức về Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001 » Các công cụ cải tiến » Nâng cao đánh giá viên nội bộ về hệ thống tích hợp ISO	CBNV thuộc đối tượng theo luật định (Công nhân sản xuất, Nhân viên nghiệp vụ, LĐ)	10
3	Đào tạo hội nhập	» Giới thiệu thông tin về Công ty » Trình bày, hướng dẫn các vấn đề cần thiết cho CBNV mới	» Đào tạo Hội nhập Tập đoàn » Đào tạo Hội nhập Ngành » Đào tạo Hội nhập Công ty	CBNV tân tuyển	5
4	Đào tạo kỹ năng quản lý, lãnh đạo	» Bồi dưỡng kiến thức » Phát triển kỹ năng QL, LĐ cho các cấp QL	» Quản trị nguồn lực dành cho LĐ » Quản trị nhân sự chiến lược » Phát triển quản lý cấp trung » GD sản xuất » TTC Talent 2017 » Quản trị Quan hệ khách hàng dành cho cấp ĐH	CBQL các cấp	4
5	Đào tạo kỹ năng mềm	» Bồi dưỡng kiến thức » Phát triển kỹ năng mềm cần thiết, nâng cao hiệu quả công việc cá nhân	» Nghệ thuật thuyết trình ấn tượng và Kỹ năng trình bày Power Point » Kỹ năng trình bày thuyết trình, chủ trì cuộc họp » Phương pháp tư duy và giải quyết vấn đề » Kỹ giao tiếp hiệu quả	CBNV các CTTV	2
6	Đào tạo phát triển, kế thừa	Kết hợp nhiều nội dung đào tạo khác nhau nhằm phát triển các cá nhân có tiềm năng/năng lực vượt trội trở thành nhà QL cấp trung/cấp cao trong tương lai	Kết hợp nhiều nội dung đào tạo khác nhau với mục đích phát triển các cá nhân có tiềm năng/năng lực vượt trội trở thành nhà QL cấp trung/cấp cao trong tương lai	Đội ngũ nhân sự tiềm năng	0
Tổng cộng				6.594 lượt	100

Nguồn: TTC Biên Hòa

Trong Niên độ 2017-2018, TTC Biên Hòa đã chi gần 2 tỷ đồng cho hoạt động đào tạo CBNV, tăng 206% so với Niên độ trước, bao gồm tự đào tạo 28% và thuê ngoài 72% cho 147 khóa học với tổng số lượt học viên tham dự là 6.594 lượt.

Thời gian	Số lượng khóa học	Số lượt tham gia
Tháng 07/2017	9	487
Tháng 08/2017	20	198
Tháng 09/2017	10	135
Tháng 10/2017	17	1.238
Tháng 11/2017	36	2.319
Tháng 12/2017	14	1.415
Tháng 01/2018	9	132
Tháng 02/2018	4	25
Tháng 03/2018	6	158
Tháng 04/2018	7	148
Tháng 05/2018	5	150
Tháng 06/2018	10	189
Tổng cộng	147	6.594

Các chương trình đào tạo cao điểm vào khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 12 do đây là thời điểm chuẩn bị bước vào vụ sản xuất mới - đặc thù của các doanh nghiệp sản xuất Mía Đường, CBNV cần được đào tạo và đào tạo lại các nội dung liên quan đến AT VSLĐ, ATTP cũng như cập nhật kiến thức chuyên môn, quy trình sản xuất. Phần lớn các chương trình đào tạo tập trung vào nâng cao kỹ năng làm việc, nâng cao tay nghề và phát triển đội ngũ. Song song với các hoạt động đào tạo, Công ty cũng chú trọng quy hoạch, xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa với lộ trình rõ ràng, bài bản. Đây là hướng đi chiến lược về mặt nhân sự để đón đầu cơ hội và vượt qua những thách thức của thời đại trong những Niên độ tiếp theo.

Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các cuộc thi tay nghề nhằm phát hiện, vinh danh, bồi dưỡng và phát triển các nhân sự tài năng trong từng lĩnh vực hoạt động. Trong Niên độ 2017-2018, lần đầu tiên, cuộc thi “*Tay lái vàng*” và “*Thợ nấu vàng*” được tổ chức, đón nhận được sự quan tâm của đông đảo CBNV và các cấp LĐ. Sau mỗi cuộc thi, tinh thần học hỏi, chia sẻ lại được nâng cao và lan tỏa, tình đồng nghiệp giữa các CBNV được thắt chặt, văn hóa thi đua, học tập, một lần nữa được thúc đẩy mạnh mẽ. Đặc biệt là cuộc thi “*TTC Talent*”, nơi các tài năng về quản trị được phát hiện, tỏa sáng. Thí sinh xuất sắc lọt vào Top 10 của cuộc thi được biểu dương, khen thưởng qua thông báo, bảng tin nội bộ và tiền mặt, và điều đặc biệt họ sẽ được quy hoạch vào đội ngũ kế thừa với các chương trình đào tạo phát triển phù hợp.

Niên độ 2017-2018, TTC Biên Hòa vinh dự được bình chọn vào “*Top 50 Doanh nghiệp Việt có thương hiệu Nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất Việt Nam*”. Đây chính là sự ghi nhận cho những nỗ lực



147

KHÓA ĐÀO TẠO
NIÊN ĐỘ 2017-2018



6.594

SỐ LƯỢT HỌC VIÊN THAM DỰ



của Công ty trong việc xây dựng một môi trường làm việc an ninh, an toàn, lành mạnh, chuyên nghiệp, thân thiện và công bằng. Một môi trường luôn thu hút và giữ chân những con người tài năng dù họ có xuất phát điểm khác nhau, hướng đến tạo dựng “*ngôi nhà thứ hai*” cho mỗi CBNV, gắn kết mỗi CBNV trên tinh thần đoàn kết và chia sẻ. Các giải thưởng một lần nữa khẳng định uy tín, vị thế của TTC Biên Hòa trên thị trường lao động Việt Nam.

Trách Nhiệm – Sẻ Chia

ĐỒNG HÀNH ĐỐI TÁC & PHỤNG SỰ XÃ HỘI

TTC Biên Hòa luôn đảm bảo hài hòa và gắn kết quyền lợi với các Bên liên quan, xem việc phụng sự Cộng đồng Xã hội như là trách nhiệm và triết lý kinh doanh của Công ty.



04

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

17 Tiêu chí Phát triển Bền vững của Liên Hiệp Quốc	160
Chia sẻ của Khách hàng	164
Chia sẻ của Người nông dân và các Trưởng trạm nông vụ	168
Chia sẻ của Nhân viên	170
Sự tham gia của các Bên liên quan	172
Tăng trưởng kinh tế bền vững	176
Bảo vệ môi trường	183
Cộng đồng, Xã hội	190

TTC BIÊN HÒA DÙ CHỈ LÀ MỘT NHÂN TỐ NHỎ TRONG NỀN KINH TẾ VIỆT NAM, NHƯNG VỚI SỨ MỆNH CỦA MỘT TRONG NHỮNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG ĐẦU NGÀNH, CHÚNG TÔI ĐÃ VÀ ĐANG ĐÓNG GÓP VÀO MỤC TIÊU CHUNG.

17 Mục tiêu PTBV của Liên Hợp Quốc là một trong những định hướng chiến lược cho giai đoạn mới đối với sự PTBV của nền kinh tế toàn cầu; nhằm khuyến khích các quốc gia trên thế giới cùng tham gia tạo nên một thế giới năng động, phát triển hài hoà và bền vững trong dài hạn. Đối với Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự PTBV thông qua 17 Mục tiêu PTBV quốc gia đến năm 2030. TTC Biên Hòa dù chỉ là một nhân tố nhỏ trong nền kinh tế Việt Nam, nhưng với sứ mệnh của một trong những Công ty Mía Đường đầu Ngành, chúng tôi đã và đang đóng góp vào mục tiêu chung.

XÓA NGHÈO TRÊN MỌI KHÍA CẠNH, Ở MỌI NƠI
XÓA ĐÓI, ĐẢM BẢO AN NINH LƯƠNG THỰC, CẢI THIỆN DINH DƯỠNG, KHUYẾN KHÍCH NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

01&02

Xóa nghèo

Xóa đói

~2,6 TỶ ĐỒNG

- » Ủng hộ, quyên góp các chiến dịch vì người nghèo, xóa nghèo trên toàn quốc
- » Cứu trợ bà con lũ lụt, hỗ trợ sự cố vỡ đập
- » Tặng quà cho người nghèo nhân dịp Lễ Tết
- » Hỗ trợ giống mía, tặng bò giống, vật tư nông nghiệp, hướng dẫn kỹ thuật trồng mía
- » Xây nhà tình thương, cầu đường
- » Tặng quà từ thiện...

CUỘC SỐNG KHỎE MẠNH VÀ NÂNG CAO PHÚC LỢI CHO MỌI LỬA TUỔI

03

Cuộc sống khỏe mạnh

~5.000 CBNV
14+ TỶ ĐỒNG
15 CHƯƠNG TRÌNH

- » Khám bệnh định kỳ
- » Du lịch hàng năm
- » Chương trình khám bệnh miễn phí
- » Hỗ trợ kinh phí điều trị ung thư máu
- » Chương trình “Chung tay bảo trợ trẻ em trước xâm phạm tình dục”
- » Đào tạo phòng vệ AT VSTP, an toàn lao động cho CBNV

GIÁO DỤC CÓ CHẤT LƯỢNG, CÔNG BẰNG VÀ HIỆU QUẢ; NÂNG CAO CƠ HỘI HỌC TẬP CHO MỌI NGƯỜI

04

Chất lượng giáo dục

254 TRIỆU ĐỒNG
3.000 QUYỀN VỠ TRẮNG
1.000 CBNV
147 KHÓA HỌC
6.594 LƯỢT THAM GIA
2 TỶ ĐỒNG
20+ HỘI THẢO, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- » Ủng hộ các Quỹ khuyến học trên toàn quốc
- » Chương trình “Áo trắng yêu thương cùng em đến trường”
- » Gửi tặng học sinh nghèo
- » Tham gia các chương trình đào tạo bắt buộc theo quy định của pháp luật
- » Đào tạo thực tế
- » Đào tạo định kỳ nội bộ
- » Nâng cao năng lực quản lý
- » Phát triển đội ngũ kế thừa
- » “Nâng cao nhận thức về Phòng vệ Thực phẩm” định kỳ hàng năm cho khách hàng
- » Đào tạo phòng vệ AT VSTP, an toàn lao động cho CBNV

BÌNH ĐẲNG GIỚI, TRAO QUYỀN CHO PHỤ NỮ VÀ BÉ GÁI

05

Bình đẳng giới

22%
20%
896 LAO ĐỘNG NỮ

- » Lao động là nữ giới
- » Lao động nữ là Quản lý cấp cao và Lãnh đạo chiến lược
- » Thực hiện đầy đủ các quyền lợi, chế độ: Thai sản, phụ nữ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi...
- » Tặng quà mỗi dịp 8/3, 20/10...

NGUỒN CUNG ỨNG VÀ QUẢN LÝ BỀN VỮNG NGUỒN NƯỚC, CÁC ĐIỀU KIỆN VỆ SINH AN TOÀN CHO MỌI NGƯỜI

06

Nước sạch và vệ sinh

HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ISO 14001
12 LẦN/NĂM
400.000 THÙNG MIAQUA

- » Áp dụng trong hoạt động sản xuất
- » Kiểm tra định kỳ hệ thống nước sinh hoạt và sản xuất
- » Sản xuất nước đóng chai từ hơi nước ngưng tụ trong quá trình luyện Đường

KHẢ NĂNG TIẾP CẬN NGUỒN NĂNG LƯỢNG HIỆN ĐẠI, BỀN VỮNG, ĐÁNG TIN CẬY VỚI GIÁ CẢ HỢP LÝ

07

Năng lượng sạch và bền vững

123+ TRIỆU KWH
4 NHÀ MÁY CÓ TTND
132 MW
700+ KW
14+ TỶ ĐỒNG

- » Lượng điện bán lên lưới điện quốc gia hàng năm
- » Nguồn nhiên liệu sinh khối là bã mía
- » Tổng công suất lắp đặt
- » Triển khai hệ thống năng lượng mặt trời trong canh tác và sản xuất

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ VIỆC LÀM BỀN VỮNG

08

Tăng trưởng kinh tế và việc làm bền vững

~ 40.000 NGƯỜI THỤ HƯỞNG
~190 TRIỆU ĐỒNG/HA
40%
10.285 TỶ ĐỒNG

- » Việc làm trực tiếp và gián tiếp được tạo ra
- » Hỗ trợ vốn, kỹ thuật canh tác... cho bà con nông dân trồng mía tại địa phương
- » Thị phần nội địa
- » Doanh thu

160 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN (NĐTC 2017-2018)

www.ttcsugar.com.vn 161

XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐỒNG BỘ, TẬP TRUNG CÔNG NGHIỆP HÓA BỀN VỮNG VÀ KHUYẾN KHÍCH SÁNG TẠO

09

 Xây dựng cơ sở hạ tầng	1 NHÀ MÁY PHÂN VI SINH	» Nguyên liệu chính là bã bùn, tro lò hơi trong quá trình sản xuất Đường
	4 TTND	» Các lò hơi sử dụng lò hơi cao áp » Turbine phát điện có suất tiêu hao hơi thấp
	0,5 TẤN HƠI/TẤN MÍA	» Dự án giải pháp tiết kiệm hơi trong sản xuất

GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG

10

 Giảm bất bình đẳng	365 TRIỆU ĐỒNG	» Hỗ trợ người khuyết tật, người vô gia cư, người già neo đơn
	896 LAO ĐỘNG NỮ	» Tạo cơ hội việc làm, thăng tiến bình đẳng cho lao động nữ
	25.000 LAO ĐỘNG ĐỊA PHƯƠNG	» Đảm bảo duy trì công ăn việc làm cho lao động địa phương
	10.000 NÔNG DÂN	» Tạo công ăn việc làm ổn định
	100 NGƯỜI THỤ HƯỞNG	» Cơ hội việc làm cho người khuyết tật, lao động thuộc diện chính sách xã hội, lao động về hưu, sinh viên thực tập...

XÂY DỰNG ĐÔ THỊ VÀ CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ AN TOÀN BỀN VỮNG

11

 Đô thị và cộng đồng bền vững	9 NHÀ MÁY	» Trồng cây xanh xung quanh nhà máy, khu vực sản xuất
	4,4 TỶ ĐỒNG	» Kiểm tra, khắc phục, xử lý các tác động tới môi trường một cách kịp thời

SẢN XUẤT VÀ TIÊU DÙNG CÓ TRÁCH NHIỆM

12

 Sản xuất và tiêu dùng có trách nhiệm	2 LẦN/NĂM 1 LẦN/NĂM	» Thực hiện đánh giá tác động môi trường » Thực hiện soát xét quy chế đảm bảo an toàn vệ sinh lao động
	700⁺ KW CÔNG SUẤT LẮP ĐẶT ~9 TỶ ĐỒNG	» Sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mặt trời » Áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất, hệ thống xử lý nước thải
	13 SẢN PHẨM ĐƯỜNG	» Cung cấp sản phẩm sạch an toàn đến tay người tiêu dùng
	4 SẢN PHẨM CẠNH ĐƯỜNG-SAU ĐƯỜNG	» Tiết kiệm nguyên nhiên liệu, năng lượng, hạn chế chất thải vào môi trường

ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

13

 Ứng phó với biến đổi khí hậu	15 TỶ ĐỒNG	» Thiết bị quan trắc khí thải nhằm kiểm soát tác động môi trường tại tất cả nhà máy
	TIÊU CHUẨN ISO 14001	» Áp dụng trong sản xuất kinh doanh
	40 TỶ ĐỒNG	» Đầu tư hệ thống nhằm giảm nhiệt trong khói thải trước khi thải ra môi trường

BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG HỆ SINH THÁI ĐẠI DƯƠNG

14

 Tài nguyên nước	~ 9 TỶ ĐỒNG	» Đầu tư hệ thống giải nhiệt nước tuần hoàn để tái sử dụng nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải » Sử dụng công nghệ mới trong sản xuất giúp hạn chế lượng khí thải
	400.000 THÙNG/NĂM	» Sử dụng nguồn nước ngưng tụ từ nấu Đường làm nguyên liệu sản xuất nước đóng chai

BẢO VỆ, TÁI TẠO VÀ KHUYẾN KHÍCH SỬ DỤNG CÁC HỆ SINH THÁI MẶT ĐẤT

15

 Tài nguyên đất	3.200⁺ HA 1 LẦN/NĂM	» Phương pháp cây sâu giúp đất tơi xốp, bón phân hữu cơ để cải tạo đất » Cập nhật Sổ tay sâu bệnh, hướng dẫn các phương pháp sinh học diệt trừ sâu bọ, giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật
	1 NHÀ MÁY PHÂN VI SINH 10.000 NGƯỜI THỤ HƯỞNG	» Cải tạo đất cho vùng trồng mía » Nâng cao năng suất mía » Phục vụ nông trường và bà con nông dân

XÃ HỘI HÒA BÌNH, TẠO RA CƠ HỘI VỀ CÔNG BẰNG VÀ CÔNG LÝ CHO MỌI NGƯỜI

16

 Xã hội hòa bình	4 LẦN/NĂM	» Đối thoại định kỳ với người lao động
	1 LẦN/NĂM	» Tổ chức Hội nghị người lao động
	12 GIẢI THƯỞNG	» Giải thưởng tầm vóc quốc gia và quốc tế » QTDN, kinh doanh, nhân sự, cộng đồng, trách nhiệm xã hội doanh nghiệp

QUAN HỆ ĐỐI TÁC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TOÀN CẦU

17

 Hợp tác toàn cầu	LẦN 5	» Hội thảo Thường niên Mía Đường Quốc tế TTC
	LẦN 4	» Hội nghị Liên minh Mía Đường ASEAN

CHẤT LƯỢNG CHUẨN MỰC QUỐC TẾ, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU KHẮT KHE NHẤT CỦA MỌI KHÁCH HÀNG



Phân xưởng luyện Đường tại Nhà máy TTC

KÊNH KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP B2B

“

Để tìm nguồn nguyên liệu đường chất lượng ổn định, đặc biệt là Đường Pass Flocc (không có kết tủa) thì chọn lựa đầu tiên của chúng tôi luôn là Đường cao cấp tinh luyện TTC Biên Hòa. Công ty hiểu rất rõ nhu cầu chất lượng của Đường chuyên dùng trong ngành sản xuất NGK, đảm bảo từng hạt Đường giao đến chúng tôi luôn tinh khiết, chất lượng ổn định, không kết tủa.

Đường TTC Biên Hòa được chúng tôi đánh giá rất cao sau nhiều đợt kiểm tra, đánh giá nghiêm ngặt theo những quy chuẩn nhất định để đảm bảo chất lượng sản phẩm của chúng tôi cung cấp ra thị trường luôn làm hài lòng khách hàng.

► **Một khách hàng chiến lược**
trong lĩnh vực Nước giải khát



“

Chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, giao hàng đúng theo kế hoạch, giá ổn định trong thời gian dài là các yếu tố then chốt để chúng tôi tiếp tục hợp tác chặt chẽ với TTC Biên Hòa.

Sản phẩm Đường của Công ty là một trong những thành phần nguyên liệu sạch cho các sản phẩm phục vụ phân khúc khách hàng cao cấp của chúng tôi, trong đó có thể kể đến đường nhuyển dùng trong sản xuất sữa, cà phê 3 trong 1, bánh kẹo, kem...

► **Một khách hàng lớn**
trong lĩnh vực Thực phẩm



“

Đặc thù ngành dược phẩm là yêu cầu khắt khe bậc nhất về chất lượng, độ tinh khiết của nguyên liệu dùng trong sản xuất thuốc, bởi vì đây là sản phẩm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người sử dụng, trong đó có trẻ em.

Và sản phẩm Đường RE thượng hạng của TTC Biên Hòa hiện đang đáp ứng rất tốt yêu cầu này. Chính vì vậy, chúng tôi rất an tâm khi sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào từ Công ty và tin tưởng vào một mối quan hệ tốt đẹp, bền chặt trong thời gian tới.

► **Một đối tác**
ngành Dược phẩm



KÊNH KHÁCH HÀNG TIÊU DÙNG B2C

“

Đường TTC Biên Hòa có sức mua rất tốt trên thị trường. Mặc dù bị cạnh tranh bởi Đường bao, Đường cây không rõ nguồn gốc với giá thấp hơn nhưng Đường TTC Biên Hòa vẫn được nhiều cửa hàng tạp hóa, quán cà phê, quán ăn... trên địa bàn lựa chọn nhờ thương hiệu lâu năm, chất lượng đảm bảo.

Khi đi chào hàng Đường TTC Biên Hòa, anh em kinh doanh chúng tôi rất tự tin giới thiệu sản phẩm.

► **Anh Tâm - Nhà phân phối Kênh Truyền thống**
Q. Gò Vấp, TP. HCM



“

Đường TTC Biên Hòa là sản phẩm quen thuộc với nhiều thế hệ gia đình trên các kệ sản phẩm tiêu dùng của siêu thị. Về phía khách hàng, rất nhiều người lựa chọn Đường TTC Biên Hòa như một thói quen vì giá cả hợp lý, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, cộng thêm những chương trình khuyến mãi hấp dẫn nên hàng trên kệ thường được tiêu thụ rất nhanh.

Về phía siêu thị chúng tôi, Đường TTC Biên Hòa cũng có nhiều chính sách, ưu đãi cho kênh phân phối hiện đại này, đôi bên đang duy trì một mối quan hệ hợp tác rất tốt.

► **Chị Loan - Nhà phân phối Kênh Hiện đại**
Trưởng ngành hàng Siêu thị Big C (TP. HCM)



“

Sản phẩm Đường lồng, Đường baking, Đường que của TTC Biên Hòa rất thích hợp cho pha chế thức uống, chất lượng hoàn toàn có thể thay thế các loại Đường nhập khẩu mà giá lại hợp lý hơn.

Toàn bộ chuỗi quán Cà phê “Ngày Xưa Ấy” đều nhập Đường TTC Biên Hòa về sử dụng và sản phẩm được tạo ra rất chất lượng, chưa nhận được bất cứ phản ánh nào từ phía khách hàng.

► **Chị Thu - Chuỗi cửa hàng**
Nhân viên pha chế Cà phê “Ngày Xưa Ấy 2” (Q. Bình Thạnh, TP. HCM)

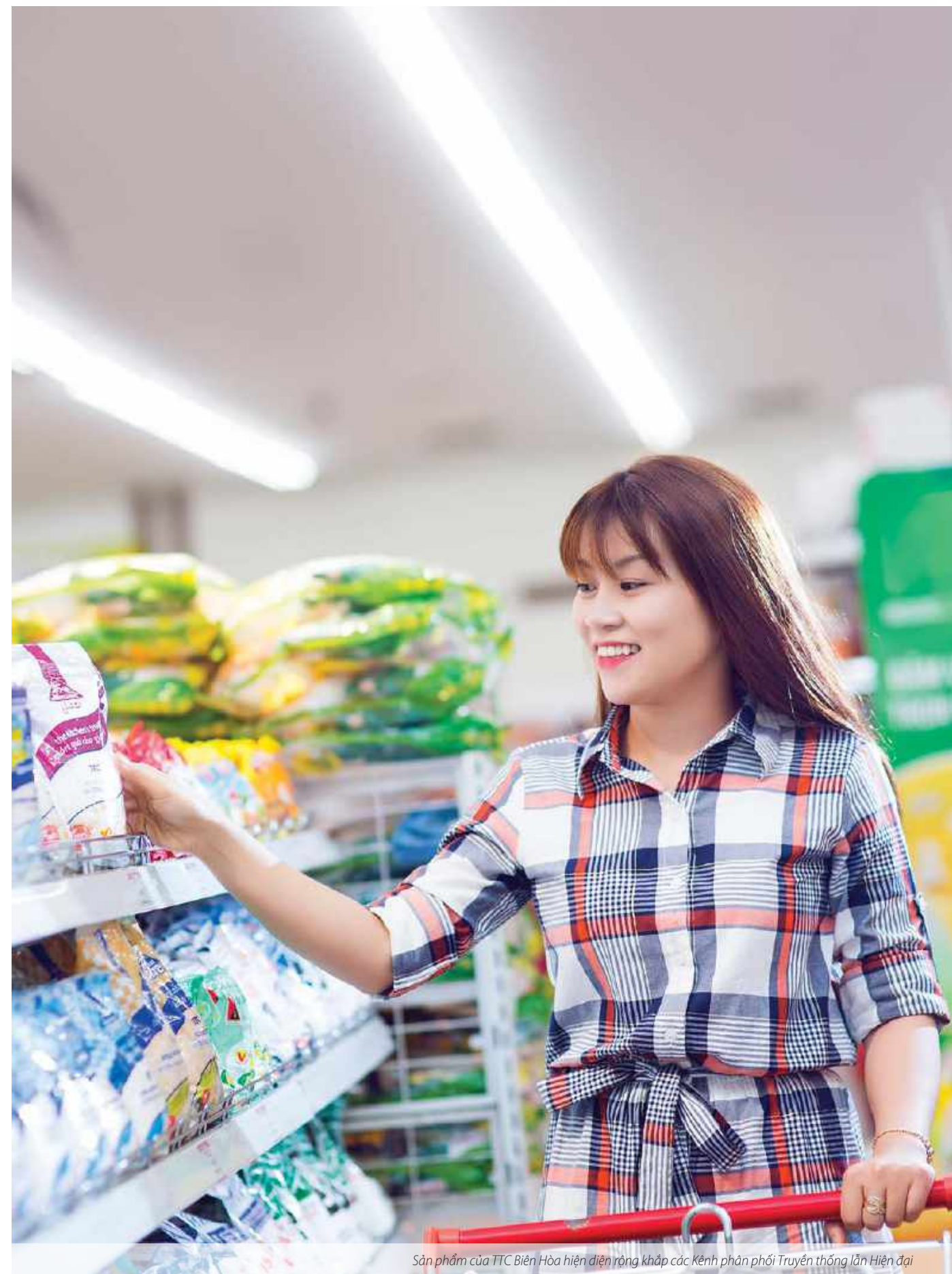


“

Từ trước đến giờ gia đình tôi chỉ sử dụng Đường TTC Biên Hòa. Mặc dù các loại Đường không nhãn mác khác có giá thấp hơn nhưng chúng tôi chỉ mua Đường TTC Biên Hòa vì đây cũng là thương hiệu Việt có uy tín lâu năm, các sản phẩm đều đạt chất lượng cao, đảm bảo sạch, không hóa chất tẩy trắng.

Gia đình tôi rất an tâm khi sử dụng sản phẩm của Công ty và sẽ tiếp tục là một trong những khách hàng trung thành của TTC Biên Hòa.

► **Chị Hân - Nội trợ**
Q. 1, TP. HCM



Sản phẩm của TTC Biên Hòa hiện diện rộng khắp các Kênh phân phối Truyền thống lẫn Hiện đại

TÂN TÂM, SÁT CÁNH ĐỒNG HÀNH VÌ VÙNG NGUYÊN LIỆU SẠCH, ỔN ĐỊNH VÀ HIỆU QUẢ CAO



Thu hoạch mía tại VNL-Đầu tư của TTC Biên Hòa tại Tây Ninh

“

Chúng tôi chỉ trồng những loại mía không biến đổi gen do chính Công ty cung cấp. Về kỹ thuật canh tác thì tôi rất an tâm vì lúc nào cũng có sự hướng dẫn chi tiết của các anh Kỹ sư nông nghiệp mà Công ty cử xuống.

Các anh ấy rất sát sao với bà con nông dân chúng tôi, nhất là những lúc vào vụ hay khi mía có dấu hiệu sâu bệnh. Vì chỉ có sản xuất theo đúng quy trình mới có thể đảm bảo mía của chúng tôi luôn là một sản phẩm chất lượng về độ an toàn cũng như năng suất trồng trọt, có như vậy mới được Công ty thu mua. Chúng tôi luôn muốn giữ tốt uy tín của mình.

Chị Hà Thị Kim Lý

Người nông dân tại VNL khu vực Nhà máy TTCS - Tỉnh Tây Ninh



“

Chúng tôi được Công ty hỗ trợ từ giống, cho tới kỹ thuật canh tác, máy móc thiết bị và chỉ hoàn trả lại cho Công ty khi tới vụ thu hoạch. Chính nhờ điều đó mà chúng tôi không bị áp lực về chi phí trồng trọt, có thể dành nhiều thời gian hơn để chuyên tâm vào quá trình chăm sóc cây mía.

Không có những chính sách đó từ phía Công ty thì khó lòng nông dân chúng tôi an tâm làm ăn. Đối với bản thân tôi mà nói đây là một sự hỗ trợ vô cùng lớn.

Chị Nguyễn Thị Nhiều

Người nông dân tại VNL khu vực Nhà máy TTCS Gia Lai - Tỉnh Gia Lai



“

Hỗ trợ giống hay kỹ thuật sản xuất cũng quan trọng thật, nhưng theo tôi yếu tố quyết định ở đây là Công ty còn cam kết bao tiêu đầu ra sản phẩm, không giống như nhiều loại nông sản khác hay bị rơi vào tình trạng được mùa mất giá.

Nhờ thế chúng tôi không quá lo lắng về tình trạng sản xuất mà không bán được hàng, kể cả trong những thời điểm rất khó khăn của cây mía, Công ty vẫn giữ đúng lời hứa ban đầu. Chúng tôi thật sự rất cảm kích những chính sách hỗ trợ từ phía Công ty.

Anh Phùng Thông

Người nông dân tại VNL khu vực Nhà máy Biên Hòa-Ninh Hòa - Tỉnh Khánh Hòa



“

Tuy quản lý đến hơn 58.000 hecta mía bao gồm trên phạm vi toàn quốc và cả 2 nước khác ở khu vực Đông Dương nhưng chúng tôi luôn có sự phân chia quản lý, ghi chép các số liệu về từng cánh đồng mía trong tất cả các quá trình từ khi xuống giống đến lúc thu hoạch.

Công việc này giúp chúng tôi theo dõi, truy xuất nguồn gốc, chất lượng của từng cánh đồng mía, thậm chí là từng cây mía. Trong suốt cả quá trình, chúng tôi luôn hỗ trợ, theo sát Người nông dân để hỗ trợ họ đạt được năng suất tốt nhất.

Anh Trịnh Văn Lâm

Trưởng trạm Nông vụ tại Gia Lai



“

Chúng tôi luôn theo sát Người nông dân trong từng giai đoạn từ khi cung cấp giống cây trồng, sử dụng máy móc thiết bị, kỹ thuật canh tác đến khi thu hoạch. Chúng tôi hỗ trợ họ bằng các công việc giám sát, theo dõi nhằm đảm bảo bà con tuân thủ đúng quy trình canh tác, phòng ngừa bệnh trên cây mía nhưng không lạm dụng các chất hóa học.

Chúng tôi cùng Người nông dân trồng mía một cách hiệu quả, đảm bảo nguồn nguyên liệu sạch, an toàn và chất lượng cao vì một mục tiêu chung tạo ra sản phẩm chất lượng tốt nhất đến tay người tiêu dùng.

Anh Nguyễn Quang Xuân

Trưởng trạm Nông vụ tại Lào



NHÂN SỰ LUÔN ĐƯỢC ĐẶT Ở VỊ TRÍ TRUNG TÂM TRONG MỌI HOẠT ĐỘNG VÀ CHIẾN LƯỢC CỦA TTC BIÊN HÒA



Ông Phạm Hồng Dương - Chủ tịch HĐQT (thứ 2 từ trái sang) cùng các CBNV đi khảo sát cánh đồng mía

“

Tôi rất vui và cảm thấy may mắn khi có được một công việc ổn định tại Nông trường Thành Long. Thu nhập ở đây rất khá, giúp tôi có thể đảm bảo cho cuộc sống của bản thân và gia đình.

Không những thế, Công ty còn có rất nhiều chính sách hỗ trợ anh em từ bữa ăn cho tới các dịp Lễ, Tết. Từ khi vào làm ở đây đời sống gia đình tôi ổn định hơn, con cái tôi có điều kiện ăn học tốt hơn. Tôi hy vọng mình có thể tiếp tục gắn bó và cống hiến lâu dài.

► **Anh Trần Phi Hồ -**
Nhân viên canh nông
Nông trường Thành Long -
Nhà máy TTCS

“

Tôi vừa trở lại tiếp nhận lại các công việc cũ của mình sau một thời gian khá dài nghỉ thai sản. Ở TTC Biên Hòa, chính sách đãi ngộ dành cho phụ nữ rất tốt như chính sách thai sản, tặng quà nhân những ngày lễ dành riêng cho phụ nữ.

Tôi không nhận ra sự phân biệt đối xử nào giữa nam và nữ, mọi cá nhân đều có được đối xử bình đẳng về quyền lợi cũng như trách nhiệm trong công việc. Đặc biệt, đã có rất nhiều chị em với tài năng thật sự của mình, trở thành Cán bộ LĐ cao cấp và góp phần vào sự thành công của Công ty.

► **Chị Nguyễn Thị Kim Dung -**
Nhân viên Phòng Kỹ Thuật Sản Xuất
Nhà máy TTCS

“

Tôi là một trong những chiến binh kinh doanh, góp phần nhỏ công sức của mình đưa thương hiệu TTC Biên Hòa tới tay mỗi khách hàng, đặc biệt là những tên tuổi lớn trên thị trường mà bất cứ Công ty nào cũng muốn trở thành đối tác. Họ luôn đặt hàng với một số lượng lớn, ổn định nhưng với những tiêu chuẩn về chất lượng vô cùng khắt khe và chuẩn mực.

Vì thế, chúng tôi rất cần sự phối hợp trôi chảy, chặt chẽ giữa các Phòng Ban để quá trình bán hàng diễn ra thuận lợi. Và TTC Biên Hòa đã hoàn toàn đáp ứng được điều này bằng sự hỗ trợ, hợp tác và đoàn kết từ tất cả các Phòng Ban. Bên cạnh đó, các cấp LĐ luôn có những định hướng phát triển rõ ràng, giúp Công ty ngày càng lớn mạnh, bản thân CBNV cũng yên tâm, tin tưởng gắn bó và cống hiến.

► **Chị Hoàng Hồng Hạnh -**
Trưởng ngành Kinh doanh
Khối Khách hàng Công nghiệp MNC

“

Môi trường làm việc ở TTC Biên Hòa vừa năng động lại vừa chuyên nghiệp. Văn phòng làm việc không gian mở tại tòa nhà Thành Thành Nam được BLĐ hết sức quan tâm, tạo thuận lợi cho mọi người dễ dàng kết nối với nhau; đặc biệt là ý tưởng một Singapore thu nhỏ, cây xanh ở khắp mọi nơi.

Công việc năng động đi kèm với chính sách đào tạo liên tục, chúng tôi có cơ hội phát triển từng ngày. Bên cạnh đó cũng không thể không nhắc tới chính sách thu nhập và phúc lợi hấp dẫn cùng với cơ hội thăng tiến rõ ràng tại TTC Biên Hòa. Đây là động lực để chúng tôi không ngừng cống hiến cho Công ty.

► **Chị Vũ Thị Bảo Trân**
Chuyên viên Phòng Kế toán

“

Đã có một thời gian gắn bó và làm việc lâu dài tại TTC Biên Hòa, tôi hoàn toàn hài lòng với quyết định chọn TTC Biên Hòa là điểm đến của mình. Ấn tượng của tôi đó là Chính sách đãi ngộ Công ty dành cho CBNV viên rất tốt và con đường thăng tiến thật sự rõ ràng.

Đây là động lực khiến tôi tin tưởng vào sự phát triển trong tương lai của bản thân cũng như sự vươn lên mạnh mẽ của thương hiệu TTC Biên Hòa.

► **Anh Lâm Trọng Kha**
Chuyên viên Chính sách pháp chế

“

Là một nhân viên làm trong mảng nhân sự, đã có cơ hội trải qua môi trường và văn hóa tại nhiều Công ty khác nhau, nhưng tôi có thể tự tin nói rằng TTC Biên Hòa là một trong những công ty có môi trường làm việc năng động, thân thiện, đề cao tính chủ động, khả năng thăng tiến tốt và phát huy mọi khả năng của nhân viên. Tuy mới gắn bó trong thời gian chưa dài, nhưng tôi tin TTC Biên Hòa sẽ là một bến đỗ trong sự nghiệp của mình.

► **Anh Nguyễn Hữu Bằng**
Chuyên viên Nhân sự

GRI 102-42

NHẬN DIỆN VÀ LỰA CHỌN CÁC BÊN LIÊN QUAN

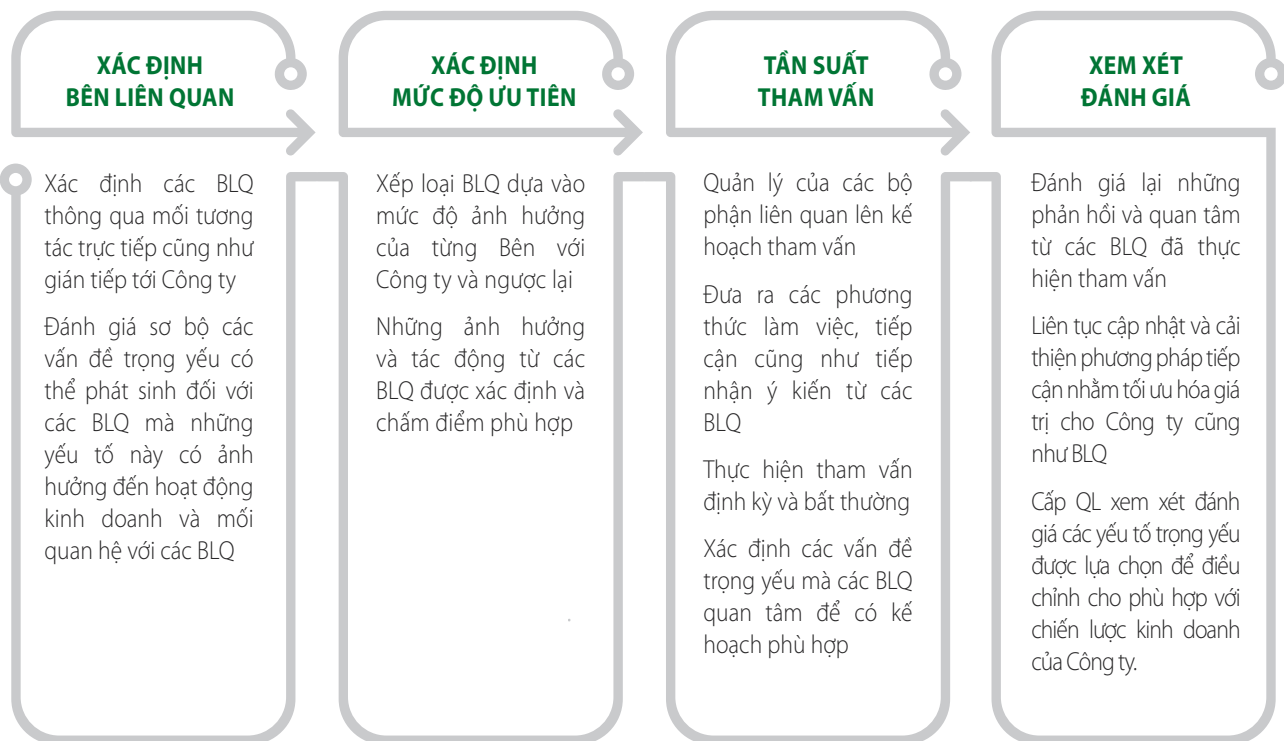
Với vị thế là Công ty dẫn đầu Ngành Đường Việt Nam trên mọi phương diện từ thị phần, năng lực sản xuất, cơ cấu sản phẩm và địa bàn kinh doanh; TTC Biên Hòa hiện có rất nhiều BLQ, và mỗi BLQ đều đóng vai trò như một mắc xích quan trọng trong sự tồn tại, vận hành và phát triển của Công ty. Trong thời gian qua, Công ty luôn cẩn trọng trong việc đánh giá mối quan hệ cũng như mức độ tương tác, ảnh hưởng qua lại của từng đối tượng trong nhóm các BLQ trọng yếu để từ đó có thể đưa ra những kế hoạch hành động, ứng xử và tương tác phù hợp.

Phương pháp gắn kết các BLQ mà TTC Biên Hòa đã áp dụng có thể kể đến việc khảo sát, phỏng vấn, lắng nghe ý kiến, thực hiện báo cáo, hội thảo chuyên ngành, chuỗi hoạt động QHNDT... đối với 6 nhóm BLQ trọng tâm là Người nông dân, Khách hàng, CĐ/NDT tiềm năng, CBNV, Chính quyền/Cơ quan Nhà nước và Cộng đồng địa phương.

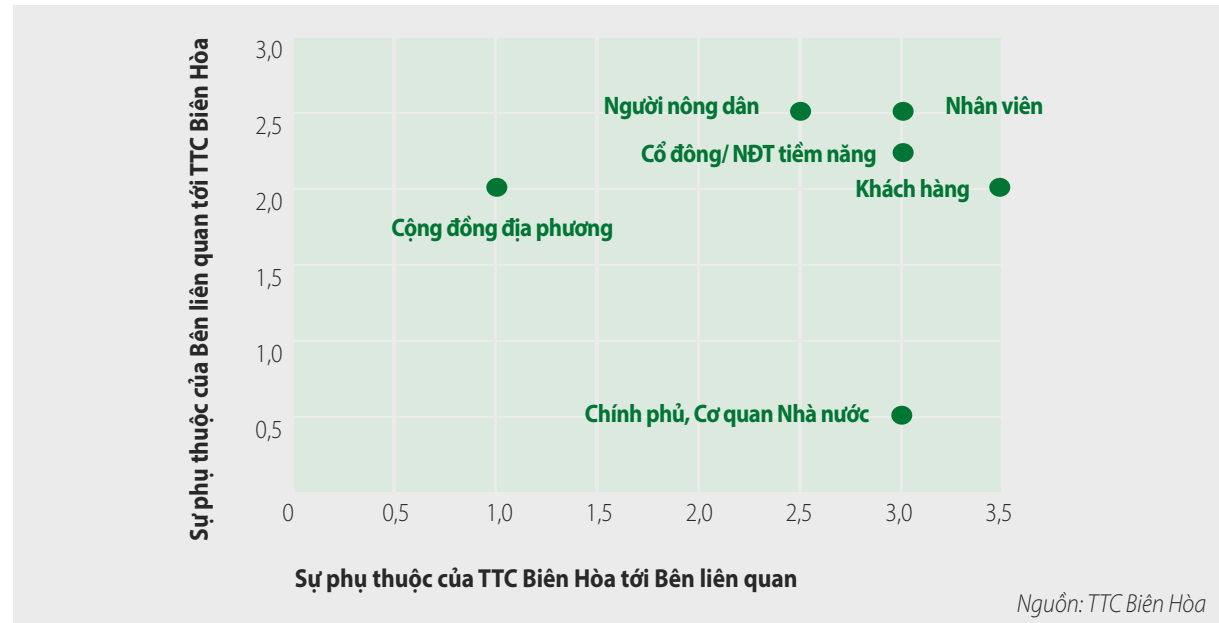
GRI 102-43

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN ĐỐI VỚI GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Quy trình xác định Bên liên quan



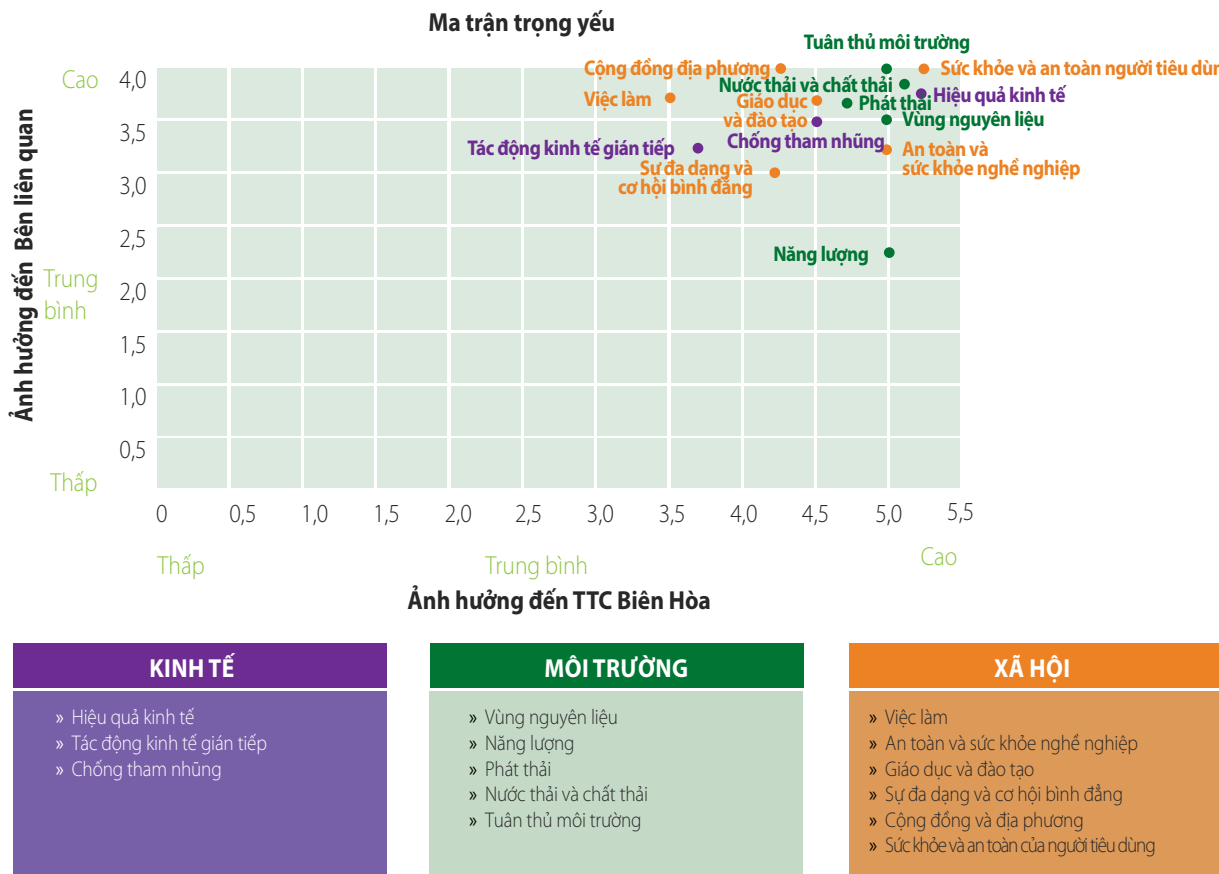
Mối quan hệ tương tác giữa TTC Biên Hòa và các Bên liên quan



Đánh giá lĩnh vực trọng yếu

TTC Biên Hòa hoạt động trong ngành hàng tiêu dùng với địa bàn sản xuất và VNL trải khắp các tỉnh thành khu vực miền Nam và thậm chí vượt khỏi lãnh thổ Việt Nam là Lào và Campuchia, cũng như địa bàn tiêu thụ từ Bắc vào Nam và 6 thị trường xuất khẩu; theo một quy trình khép kín từ Nguyên liệu (Đầu tư mía nguyên liệu, mua mía nguyên liệu vật tư, kiểm tra nguyên liệu vật tư) - Sản xuất (Sản xuất, kiểm tra thành phẩm, lưu kho thành phẩm) - Tiêu thụ (Bán hàng, giao hàng).

Việc quản lý hiệu quả chuỗi giá trị Ngành Đường đóng vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty. Dựa trên kết quả đánh giá các mối quan tâm trọng yếu của các BLQ có mối tương quan 2 chiều với TTC Biên Hòa, phù hợp với chiến lược PTBV của Công ty cũng như 17 mục tiêu PTBV của LHQ, TTC Biên Hòa xác định ma trận 14 lĩnh vực trọng yếu như sau:



GRI 102-44

CÁC MỐI QUAN TÂM VÀ CHỦ ĐỀ CHÍNH

Trong thời gian qua, để bảo đảm tính trung thực, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động, TTC Biên Hòa đã luôn nỗ lực xây dựng và hoàn thiện các cơ chế tương tác giữa Công ty với các BLQ khác; qua đó tạo điều kiện giúp các đối tượng này có thể dễ dàng phản hồi ý kiến với Công ty nhằm tạo sự hài lòng với các BLQ. Mục tiêu của TTC Biên Hòa là tạo ra một chuỗi giá trị bền vững dựa trên nền tảng tập trung vào lợi ích trung và dài hạn của Công ty và các BLQ.

STT	Bên liên quan	Các mối quan tâm chính	Phương pháp tiếp cận hiện nay	Kế hoạch trọng tâm thời gian tới
1	Người nông dân	» Bao tiêu sản lượng đầu ra » Chính sách thu mua ổn định » Cam kết giá mua mía tối thiểu » Tuân thủ các quy định của hợp đồng giao dịch » Hướng dẫn những phương thức canh tác, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ cơ giới hóa » Hỗ trợ tiếp cận với những thông tin và xu hướng mới nhất của Ngành Đường thế giới và Việt Nam	» Cử cán bộ nông vụ thường xuyên khảo sát, tiếp nhận và phản hồi thông tin hai chiều » Tổ chức hướng dẫn chuyển giao công nghệ, máy móc, kỹ thuật canh tác, thu hoạch » Hỗ trợ giống mía phù hợp với từng vùng thổ nhưỡng » Có những chính sách cam kết bao tiêu đầu ra phù hợp từng thời kỳ, tránh tình trạng được mùa mất giá » Tổ chức các buổi hội thảo để phổ biến và hướng dẫn về kỹ thuật canh tác » Tổ chức hội thảo đầu vụ cũng như hội nghị tổng kết cuối vụ để đánh giá kết quả công tác nguyên liệu của mỗi vụ » Tổ chức Hội nghị Quốc tế Mía Đường nhằm cung cấp thông tin ngành	» Tiếp tục đưa ra những chính sách hỗ trợ đảm bảo thu nhập Người nông dân ổn định » Tiếp tục hợp tác chặt chẽ, sát sao cùng Người nông dân trên cơ sở đôi bên cùng có lợi để đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định về sản lượng và chất lượng » Tiếp tục tổ chức các buổi hội thảo cập nhật những thông tin cần thiết và mới nhất tới Người nông dân kịp thời; qua đó nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc cũng như chất lượng sản phẩm
2	Khách hàng (Người tiêu dùng/ Nhà phân phối)	» Sản phẩm chất lượng tốt và giá cả cạnh tranh » Cơ cấu sản phẩm đa dạng » Thương hiệu uy tín » Chính sách bán hàng ưu đãi » Dịch vụ chăm sóc khách hàng, hậu mãi tốt	» Tổ chức các cuộc khảo sát thị hiếu và thẩm định chất lượng sản phẩm từ 4 Kênh tiêu thụ chính » Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp với các khách hàng Doanh nghiệp B2B như Công nghiệp lớn MNC, Tiểu thủ Công nghiệp SME, Xuất khẩu và Tiêu dùng » Liên tục cập nhật thông tin sản phẩm mới trên Website Công ty, Bản tin NĐT » Thực hiện truyền thông về Đường sạch » Tiếp nhận câu hỏi và phản hồi thông qua email, điện thoại, fax... » Xây dựng những chính sách gắn bó dài hạn với nhà phân phối, khách hàng lớn » Tổ chức các Hội thảo Phòng vệ Thực phẩm tại các thành phố lớn nhằm nâng cao nhận thức cho khách hàng về an toàn thực phẩm sạch	» Tiếp tục đưa ra những Chương trình bán hàng ưu đãi cho khách hàng, các chương trình khuyến mãi có quy mô lớn trên toàn quốc » Tiếp tục nâng cao công tác R&D để tạo ra nhiều sản phẩm mới phù hợp với từng đối tượng khách hàng khác nhau » Tiếp tục cải tiến và mở rộng chuỗi giá trị Ngành Đường làm phong phú các sản phẩm Cạnh Đường-Sau Đường, đa dạng hóa nguồn DT » Tiếp tục thực hiện các cuộc khảo sát về sự hài lòng của của khách hàng
3	CE/ NĐT tiềm năng	» Kết quả hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định hợp lý qua các năm, bền vững trong trung và dài hạn » Giá trị thị trường của cổ phiếu phản ánh đúng nội lực và tiềm năng của Công ty » Giá trị nội tại của Công ty tăng trưởng liên tục và bền vững » Tuân thủ CBTT theo tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo thông tin thường xuyên, liên tục, minh bạch và đáng tin cậy » Bảo vệ quyền lợi và đảm bảo công bằng với CE » Năng lực quản trị và điều hành của BLĐ cấp cao	» ĐHCĐ thường niên, bất thường, lấy ý kiến CE bằng văn bản, họp HĐQT, các Tiểu ban giúp việc cho HĐQT » Tổ chức các chương trình Roadshow trong và ngoài nước cho CE, NĐT tiềm năng nhằm cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh, định hướng hoạt động trong ngắn trung và dài hạn » Tổ chức gặp gỡ các chuyên gia phân tích đến từ các CTCK, Quỹ đầu tư, Định chế tài chính... » Tổ chức gặp gỡ các NĐT tiềm năng quan tâm đến Công ty và Ngành Mía Đường Việt Nam » CBTT BCTC, Diễn giải BCTC, TCBC cập nhật hoạt động của Ngành cũng như Công ty, Bài thuyết trình về Công ty, Bản tin NĐT, BCTN, Báo cáo PTBV cung cấp thông tin trên Website, Diễn đàn ... » Xử lý khủng hoảng thông tin kịp thời để tránh thiệt hại cho CE, NĐT » Tiếp nhận câu hỏi và phản hồi thông tin qua email, điện thoại...	» Tiếp tục cải thiện và nâng cao hoạt động QHNDT, đặc biệt là mở rộng sang các chương trình thăm VNL, nhà máy sản xuất để chứng minh nội lực cũng như tiềm năng hoạt động của Công ty » Cải tiến việc áp dụng tiêu chuẩn CBTT theo các thông lệ tốt nhất trên thị trường như CBTT song ngữ, cập nhật thông tin kịp thời và minh bạch nhằm đáp ứng chuẩn mực QTCT quốc tế cũng như góp phần cải thiện chất lượng CBTT của TTCK Việt Nam, đặc biệt là trong mắt các NĐT nước ngoài

STT	Bên liên quan	Các mối quan tâm chính	Phương pháp tiếp cận hiện nay	Kế hoạch trọng tâm thời gian tới
4	Cán bộ Nhân viên	» Môi trường làm việc chuyên nghiệp và năng động » Đảm bảo an toàn lao động » Chế độ đãi ngộ, lương thưởng tốt » Các chương trình đào tạo phù hợp để nâng cao kiến thức và tay nghề » Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp » Đào tạo đội ngũ kế thừa	» Tổ chức các buổi đào tạo nội bộ, cũng như thường xuyên mời các chuyên gia về giảng dạy nhằm giúp nâng cao kiến thức và kỹ năng QTDN, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm làm việc, đào tạo kỹ năng mềm » Hỗ trợ hội nhập doanh nghiệp cho các CBNV mới thông qua các chương trình đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu » Ban hành chính sách phúc lợi phù hợp, đồng thời luôn nghiên cứu, cập nhật và phát triển các chính sách phúc lợi nhằm nâng cao đời sống về vật chất, tinh thần cho CBNV » Khảo sát sự hài lòng về môi trường làm việc, các chính sách lương thưởng và phúc lợi của CBNV » Lấy ý kiến CBNV thông qua email, điện thoại và mạng xã hội » Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, đoàn thể, nghỉ mát... » Tổ chức các cuộc thi tay nghề nhằm phát hiện, khen thưởng và phát triển các nhân sự tài năng trong từng lĩnh vực hoạt động như cuộc thi <i>“Tay lái vàng”, “Thợ nấu vàng”, “TTC Talent”</i>... » Các chương trình GĐLĐ để CBNV tiềm năng tiếp cận với việc QTDN một cách thực tế và hiệu quả	» Tiếp tục xây dựng những chương trình đào tạo, đặc biệt là các chương trình mang tầm vóc quốc tế nhằm nâng cao năng lực CBNV » Tiếp tục thực hiện các chương trình đào tạo đội ngũ kế thừa bài bản » Tiếp tục xây dựng và bổ sung những cơ chế lương thưởng phù hợp để thu hút nhân tài, đặc biệt là các chính sách trong dài hạn, chính sách hưu trí... » Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của CBNV với mục tiêu tạo ra một môi trường làm việc thân thiện, văn minh và tôn trọng nhân tài » Đảm bảo Công ty luôn nằm trong Top những môi trường làm việc tốt nhất tại Việt Nam
5	Chính quyền/ Cơ quan Nhà nước	» Tuân thủ pháp luật » Thực hiện sản xuất kinh doanh có trách nhiệm đối với sức khỏe người tiêu dùng, môi trường và xã hội » Ủng hộ các chính sách và kêu gọi của các Cơ quan Nhà nước	» Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của doanh nghiệp như nghĩa vụ thuế, bảo hiểm, an toàn sức khỏe, an toàn lao động, AT VSTP... » Tham gia các hoạt động của Hiệp hội Mía Đường Việt Nam với trách nhiệm của Doanh nghiệp Mía Đường hàng đầu: Ý kiến đóng góp các hoạt động xây dựng chính sách Ngành, chống buôn lậu Mía Đường, chiến lược phát triển Ngành Đường Việt Nam... » Liên tục cập nhập các chính sách, quy định do Cơ quan Chính phủ và Nhà nước ban hành » Tham gia các phong trào, chương trình phát động của Cơ quan Nhà nước nhằm hỗ trợ cộng đồng, xã hội	» Tiếp tục tích cực trong việc tương tác với Chính phủ và các Cơ quan Nhà nước, nâng tầm và khẳng định thương hiệu đầu Ngành » Tiếp tục chú trọng việc cập nhật các văn bản luật pháp trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Công ty một cách thường xuyên và kịp thời » Tuyệt đối tuân thủ pháp luật » Đi đầu trong việc thực hiện những yêu cầu của các Cơ quan Nhà nước
6	Cộng đồng địa phương	» Phát triển kinh tế địa phương » Tạo ra các cơ hội nghề nghiệp » Nâng cao thu nhập cho người dân địa phương » Thực hiện các hoạt động vì Cộng đồng » Đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương » Bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường sống của Cộng đồng	» Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc tham gia vào các hoạt động tài trợ cho Xã hội và Cộng đồng nơi Công ty đang hoạt động » Phát triển các chương trình Phát triển cộng đồng, Giáo dục, Sức khỏe và An sinh xã hội » Tham gia các chương trình thiện nguyện tại các địa phương mà Công ty đang hoạt động hoặc đầu tư: Sử dụng ngân sách hàng năm để chăm sóc người nghèo ở các địa phương (tặng nhà ở, quà tết...) » Ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương, kết hợp với đào tạo - trao học bổng, chương trình thực tập: Nâng cao mức thu nhập và nâng cao năng lực nguồn nhân lực địa phương » Áp dụng lộ trình cơ giới hóa, kết hợp với chương trình hỗ trợ máy móc sinh kế: Đảm bảo duy trì công ăn việc làm cho lao động địa phương » Thực hiện các chương trình bảo vệ môi trường	» Tiếp tục tham gia tích cực và sẵn sàng hỗ trợ các chương trình vì Cộng đồng tại địa phương » Tiếp tục hỗ trợ tạo việc làm ổn định cũng như giúp tăng thu nhập cho nguồn nhân lực sẵn có tại địa phương

GRI 201

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PTBV CỦA TTC BIÊN HÒA ĐƯỢC XÂY DỰNG TRÊN CƠ SỞ 17 MỤC TIÊU PTBV CỦA LIÊN HIỆP QUỐC CŨNG NHƯ 17 MỤC TIÊU PTBV QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030.

GRI 201-1

Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ

GRI 201-2

Ảnh hưởng về kết quả tài chính và các rủi ro/cơ hội khác do biến đổi khí hậu

GRI 201-4

Hỗ trợ tài chính nhận được từ Chính phủ

Với mô hình QTDN theo tiêu chuẩn quốc tế đang được triển khai, bao gồm Thẻ điểm QTCT khu vực ASEAN, các nguyên tắc QTCT của OECD, quy tắc QTDN của IFC, Bộ tiêu chuẩn quốc tế GRI về PTBV; BLĐ TTC Biên Hòa nhận thức sâu sắc trách nhiệm ngày càng lớn đối với các BLQ đặc biệt là giữ vững niềm tin của CĐ, NĐT - thành phần đóng góp nguồn vốn quan trọng của Công ty. Nhằm đánh giá sự cộng hưởng giữa TTC Biên Hòa và các BLQ, Công ty đã thiết lập ma trận phân tích 14 Lĩnh vực trọng yếu thuộc 3 Chủ đề quan trọng là Kinh tế - Xã hội - Môi trường.

Đối với lĩnh vực Kinh tế, Công ty tập trung xây dựng thông tin trên các khía cạnh *Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ; Ảnh hưởng về kết quả hoạt động tài chính và các rủi ro cơ hội khác do biến đổi khí hậu; và Hỗ trợ tài chính nhận được từ Chính phủ.* Nhờ các giá trị cộng hưởng được lan tỏa, TTC Biên Hòa không chỉ tạo ra hiệu quả về hoạt động kinh tế trong ngắn hạn mà còn định hướng lợi ích lâu dài cho các Bên. Quản lý tăng trưởng về kinh tế bền vững là nền tảng cơ bản giúp Công ty gia tăng sự hiện diện của mình trên hầu hết mọi lĩnh vực thông qua các đóng góp thiết thực cho Ngân sách Nhà nước, Cộng đồng Xã hội; đảm bảo các quyền lợi và đối xử công bằng với CĐ, NĐT; chăm lo để nâng cao hiệu quả hoạt động của người lao động; tạo điều kiện và việc làm cho Người nông dân; cũng như cung cấp các sản phẩm an toàn đến người tiêu dùng. Định hướng chiến lược của BLĐ Công ty là không ngừng hoạt động nghiên cứu phát triển để tạo giá trị gia tăng cho các BLQ thông qua các chuỗi cung ứng khép kín Người nông dân - Khách hàng - Công ty.

GRI 201-1: GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA VÀ PHÂN BỐ

DOANH THU

DTT Niên độ 2017-2018 đạt 10.285 tỷ đồng, tăng mạnh 129% so với cùng kỳ và đạt 104% kế hoạch. Trong nhiều năm liên tục, DTT của Công ty luôn duy trì được tốc độ tăng trưởng ổn định và có sự nhay vọt đáng kể trong Niên độ 2017-2018 kể từ sau khi sáp nhập với BHS để trở thành doanh nghiệp đầu Ngành về thị phần, năng lực sản xuất, địa bàn hoạt động và kênh phân phối. Mức tăng trưởng kép CAGR trong vòng 4 năm đạt 71% và sẽ tiếp tục được duy trì trong các năm tiếp theo nhờ vào Cơ cấu sản phẩm có sự gắn kết mạnh mẽ giữa 13 sản phẩm Đường, 4 sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường tạo nên chuỗi giá trị Ngành Đường phong phú xuất phát từ cây mía.

DT hoạt động tài chính của Công ty tăng hơn 221% đạt 712 tỷ đồng. Ngoài các khoản lợi tức có được từ tiền gửi

ngân hàng, các khoản cho vay hoặc cổ tức thì phần lớn đến từ hoạt động thanh lý khoản đầu tư, cụ thể là việc sang nhượng cổ phần tại TTCIZ. Giá trị thu hồi từ việc sang nhượng cổ phần sẽ phục vụ cho nhu cầu vốn dài hạn đối với hoạt động đầu tư đáp ứng chiến lược phát triển của Công ty đến năm 2020. Đối với DT từ các hoạt động khác, trong kỳ Công ty cũng ghi nhận hơn 128 tỷ đồng nhờ việc chuyển nhượng KCN Tân Kim. Việc ghi nhận DT vào thời điểm hợp lý đến từ những tích sản của Công ty cũng góp một phần đáng kể để đạt được mục tiêu LN trong GD Ngành Đường có nhiều thăng trầm như hiện nay. Tương tự như DTT, đây cũng là năm thứ 4 liên tiếp LNST có sự tăng trưởng vượt bậc tương đương với CAGR GD 2014-2018 là 42%, đạt 545 tỷ đồng và vượt kế hoạch.

10.285 TỶ ĐỒNG

DOANH THU THUẦN NIÊN ĐỘ 2017-2018

➔ 129% VÀ ĐẠT 104% KẾ HOẠCH

712 TỶ ĐỒNG

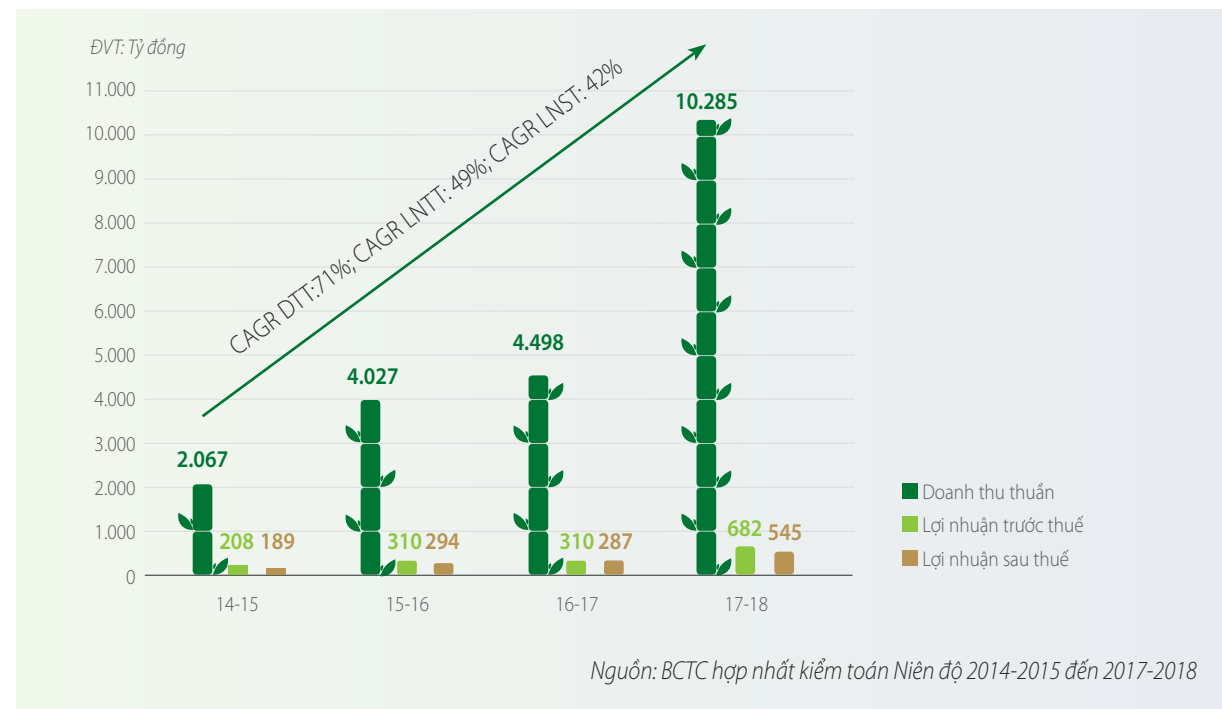
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

➔ HƠN 221%

545 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

VỚI CAGR GD 2014 -2017 ➔ 42%



CHI PHÍ VẬN HÀNH

Giá vốn hàng bán trong Niên độ 2017-2018 vào khoảng 8.959 tỷ đồng, trong đó chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao nhất là Mía và Đường thô. Tuy tỷ trọng giá vốn của sản phẩm chính là Đường giảm đáng kể so với kỳ trước nhưng với việc Công ty đang mở rộng phát triển các sản phẩm Cạnh đường-Sau đường như mật rỉ, điện... trong GD đầu với chi phí giá vốn tương đối cao khiến cho tổng chi phí giá vốn của Niên độ tăng so với kỳ trước. Tuy nhiên, trong một Niên

độ mà giá Đường gần như chạm đáy trong lịch sử Ngành, Công ty vẫn duy trì được Biên LNG 13%, tương đương Niên độ trước và đang nỗ lực tiệm cận trung bình Ngành khoảng 16%. Bên cạnh đó, Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận lần lượt ở mức 318 và 436 tỷ đồng. Tỷ trọng Chi phí bán hàng và Quản lý doanh nghiệp trên DTT là 7,3%, tăng nhẹ so với cùng kỳ là 5,2% do Công ty đang tiếp tục đẩy mạnh phát triển hệ thống phân phối B2C thông qua các kênh và chuỗi phân phối bán lẻ.

20%

BIÊN EBITDA

14 %

BIÊN EBIT

13 %

BIÊN LỢI NHUẬN GỘP



LƯƠNG VÀ PHÚC LỢI NHÂN VIÊN

Ước tính trong Niên độ 2017-2018, 1 lao động cơ hữu (không bao gồm lao động thời vụ) tạo ra khoảng 2,5 tỷ đồng Doanh thu. Ngoài ra, để phục vụ cho chính sách kế nhiệm cũng như nâng cao chất lượng nhân sự, gia tăng năng suất lao động, TTC Biên Hòa đã chi gần 2 tỷ đồng cho hoạt động đào tạo, tăng 206% so với Niên độ trước, bao gồm tự đào tạo 28% và thuê ngoài 72% cho 147 khóa học với tổng số lượt học viên tham dự là 6.594 lượt.



Nguồn: TTC Biên Hòa



SỐ LƯƠNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

649 TỶ ĐỒNG

LƯƠNG THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI
↗ 500% SO VỚI NIÊN ĐỘ 2016-2017

13 TRIỆU ĐỒNG

THU NHẬP BÌNH QUÂN THÁNG

147

KHÓA HỌC

6.594 LƯỢT

TỔNG SỐ LƯỢT HỌC VIÊN THAM DỰ

2 TỶ ĐỒNG

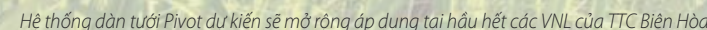
CHI CHO HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO
↗ 206% SO VỚI NIÊN ĐỘ TRƯỚC

BÊN CẠNH ĐÓ, CÔNG TY LUÔN CHÚ TRỌNG HOÀN THÀNH NGHĨA VỤ ĐÓNG BẢO HIỂM CHO CBNV, TỔNG CHI CHO HẠNG MỤC NÀY KHOẢNG 38 TỶ ĐỒNG, TĂNG 255% SO VỚI NIÊN ĐỘ TRƯỚC.

Tổng chi phí (Tỷ đồng/năm)

Nguồn: TTC Biên Hòa

Bên cạnh các lợi thế từ quá trình sáp nhập, ở chiều ngược lại, các khoản nợ vay ngắn và dài hạn cũng tăng lên dẫn tới việc chi phí lãi vay của Công ty tăng so với cùng kỳ. Niên độ 2017-2018 ghi nhận Chi phí lãi vay là 714 tỷ đồng. Tuy vậy, Công ty đã tận dụng được đòn bẩy tài chính này cho quá trình phát triển mở rộng, nhờ đó vẫn duy trì được hệ số khả năng thanh toán lãi vay EBIT/Chi phí lãi vay ở mức



Thực hiện nghĩa vụ đóng thuế không chỉ đơn thuần là việc tuân thủ pháp luật mà còn được Công ty xem là một trong những hoạt động có ý nghĩa đóng góp cho sự phát triển của đất nước và những địa phương Công ty đang hoạt động, đặc biệt đối với Ngành Nông nghiệp luôn được Chính phủ quan tâm và định hướng. Trong Niên độ, chi phí thuế TNDN hiện hành ghi nhận 149 tỷ đồng, là năm có chi phí thuế vượt trội so với những năm còn lại, tăng mạnh 475% so với Niên độ trước, với tốc độ tăng trưởng kép GEĐ 2014-2015 đến 2017-2018 lên tới 93%, phù hợp với tỷ lệ tăng trưởng DT trong quá trình mở rộng hoạt động SXKD. Tổng cộng 4 Niên độ từ 2014-2015 đến 2017-2018, tổng chi phí thuế TNDN hiện hành của Công ty đạt 206 tỷ đồng.



ĐVT: Tỷ đồng

TTC Biên Hòa đặc biệt xem trọng các hoạt động liên quan đến Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người. Đối với các hoạt động cộng đồng xã hội bao gồm: Xóa nghèo trên mọi khía cạnh, ở mọi nơi - Xóa đói, đảm bảo an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng, khuyến khích nông nghiệp bền vững - Giáo dục có chất lượng, công bằng và hiệu quả, nâng cao cơ hội học tập cho mọi người và Giảm bất bình đẳng, tổng đóng góp của Công ty trong 4 năm qua cho các hạng mục này lên tới 10 tỷ đồng, riêng trong Niên độ 2017-2018 là 3,2 tỷ đồng, tăng 52% so với cùng kỳ dành cho trên 35.000 người thụ hưởng từ các chương trình.



ĐVT: Tỷ đồng

Nguồn: TTC Biên Hòa

GRI 201-2: ẢNH HƯỞNG VỀ KẾT QUẢ TÀI CHÍNH VÀ CÁC RỦI RO/CƠ HỘI KHÁC DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

RỦI RO DO DIỄN BIẾN THỜI TIẾT KHÔNG THUẬN LỢI VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

Hoạt động sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ từ các tác động của điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, môi trường khí hậu... Để hiệu quả kinh doanh đạt tối ưu, ngoài phương châm “thuận theo tự nhiên” nghĩa là hạn chế các biện pháp tác động vào môi trường thiên nhiên như canh tác sâu làm xói mòn đất, ngăn đập...; Công ty còn áp dụng hài hòa các công nghệ hiện đại, biện pháp kỹ thuật, thử nghiệm giống mía mới, tăng cường hoạt động cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ trồng trọt, chăm sóc cây trồng, sản xuất linh hoạt theo mùa vụ... nhờ đó giảm thiểu những tổn thất đến từ thời tiết mà vẫn đạt năng suất cao, cải thiện hiệu quả kinh tế. Các hoạt động này còn hạn chế các tác động tiêu cực tự nhiên, lãng phí tài nguyên và đặc biệt không gây ảnh hưởng đến môi trường. Công ty cũng chủ động học tập công nghệ quản trị ngành nông nghiệp từ các doanh nghiệp hàng đầu thế giới trong cùng lĩnh vực, cũng như từ các tổ chức tư vấn (Deloitte) về chiến lược của các hoạt động cụ thể như QT VNL, quy hoạch sản xuất... để tối ưu hóa các hoạt động trong khâu triển khai VNL nói chung.

TÌNH HÌNH NGUỒN NĂNG LƯỢNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP

Một trong những tiêu chí mà TTC Biên Hòa tập trung cải thiện là tăng cường các dự án sử dụng nguồn năng lượng tái tạo nhằm cung cấp cho hoạt động sản xuất cũng như nhu cầu sử dụng của khối văn phòng, cụ thể thông qua việc tận dụng nguồn bã mía và năng lượng mặt trời... Điều này không chỉ góp phần tiết giảm chi phí cho Công ty mà đồng thời thúc đẩy việc sử dụng năng lượng xanh, bảo vệ an toàn môi trường. Có thể kể đến các Dự án tiêu biểu được triển khai thực hiện trong Niên độ 2017-2018 như: *Dự án nâng cấp và cải tạo TTND* đã giảm suất tiêu hao hơi sinh điện từ 8,26 tấn xuống còn 6,14 tấn cho 1 MWh; *Dự án tiết kiệm hơi* giảm tiêu thụ hơi từ 0,57 xuống 0,5; *Dự án cải tạo chuyển đổi nhiên liệu đốt lò*, cụ thể là đầu tư hệ thống xử lý khói thải dạng túi để đảm bảo chỉ tiêu môi trường của khói thải; *Dự án điện mặt trời* giúp tiếp kiệm chi phí điện sinh hoạt cho bộ phận văn phòng. Tổng quan chung, hiệu quả các Dự án sẽ làm giảm thiểu tác động vào môi trường theo định hướng phát triển dài hạn, phù hợp xu hướng PTBV của thế giới.

TỔNG MẤT MÁT TRONG SẢN XUẤT

Trong niên vụ 2017-2018, tổng mất mát đạt 1,91% Pol/mía, vượt kế hoạch toàn Niên độ 4%, hiệu quả hơn so với Niên độ trước với thông tin ghi nhận là 1,96% Pol/mía nhờ hiệu quả thu hồi tốt hơn; từ đó tăng được sản lượng cho hoạt động sản xuất. Tuy nhiên, tỷ lệ mía cháy là 13,8% và tỷ lệ tạp chất bình quân là 5,06%, tăng nhẹ so với Niên độ trước do các yếu

tố khách quan về thời tiết. Niên độ 2018-2019 sắp tới, Công ty tiếp tục nghiên cứu và triển khai các biện pháp tốt hơn để chăm sóc cây mía như thường xuyên tưới tiêu và cày sâu để cây mía hấp thụ đủ lượng nước cần thiết nhằm giảm thiểu việc chất lượng mía bị ảnh hưởng do cháy nắng.

RỦI RO VÀ CƠ HỘI VỀ VẬT CHẤT

Do VNL thường nằm tại các khu vực có điều kiện thổ nhưỡng, thời tiết kém thuận lợi hơn so với các loại cây công nghiệp khác, nên Công ty tập trung vào việc hạn chế các rủi ro thời tiết đến từ hạn hán, lũ lụt làm ảnh hưởng tới năng suất, chất lượng và chữ Đường. Cụ thể, để hạn chế mía cháy, nhân viên nông vụ phải tích cực theo dõi ruộng mía, đảm bảo có biện pháp tưới tiêu phù hợp hoặc lên kế hoạch thu hoạch mía sớm. Để phòng ngừa lũ, các công tác cày ngấm cây sâu được triển khai nhằm tạo bộ rễ tốt hơn cho mía đồng thời cũng giúp việc thoát nước nhanh hơn, tránh làm úng cây. Song ở chiều ngược lại, mía là cây trồng có khả năng sinh khối lớn và khả năng tái sinh mạnh. Nhờ đặc điểm có chỉ số diện tích là lớn nên cây mía có khả năng lợi dụng cao ánh sáng mặt trời trong quá trình quang hợp. Mía là cây trồng có thể để gốc được nhiều năm, nghĩa là một lần trồng nhưng thu hoạch nhiều vụ. Không chỉ vậy với khả năng thích ứng rộng, cây mía có thể trồng trên nhiều loại đất với các điều kiện sinh thái khác nhau, chống chịu tốt các điều kiện bất thuận của tự nhiên, dễ thích nghi với các trình độ sản xuất và chế biến.

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Để giảm thiểu rủi ro về mặt thể chất đối với người lao động, Công ty thực hiện các biện pháp hỗ trợ như bố trí nhà xưởng một cách khoa học với tiêu chí thông thoáng và hợp lý hóa sản xuất; thường xuyên tăng cường giải nhiệt khu làm việc trực tiếp, cung cấp trang thiết bị bảo hộ cho người lao động; áp dụng các quy chế, đặt ra các chế tài về an toàn lao động trong công tác phòng chống cháy nổ; thực hiện chế độ bồi dưỡng, khám sức khỏe định kỳ. Trong suốt 8 năm qua, mỗi năm một lần, Công ty đã tiến hành mời các cơ quan chức năng kiểm tra độ ổn, rung, bụi... để có căn cứ nghiên cứu và trang bị bổ sung thêm đồng phục, thiết bị bảo hộ cho nhân viên nhằm hạn chế ảnh hưởng môi trường đến sức khỏe người lao động. Đặc biệt trong Niên độ 2017-2018, Công ty hoàn thành xây dựng môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp đạt được những kỳ vọng ngoài mong đợi, từ đó tạo không gian làm việc thoải mái và sáng tạo để tăng năng suất lao động cho mỗi CBNV. Ngoài ra, Công ty có trạm y tế với một bác sĩ và một y tá, được trang bị xe cứu thương và các trang thiết bị cần thiết cho việc khám chữa bệnh ban đầu. Công ty cũng có chính sách đối với nhân viên làm việc ở những vị trí có yếu tố độc hại, hưởng phụ cấp độc hại theo quy định của Nhà nước.

GRI 201-4: HỖ TRỢ TÀI CHÍNH NHẬN ĐƯỢC TỪ CHÍNH PHỦ

VỚI ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA "10 NĂM TỚI, NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM PHẢI ĐỨNG TRONG NHÓM 15 NƯỚC CÓ NGÀNH NÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN NHẤT THẾ GIỚI, TRONG ĐÓ CHẾ BIẾN NÔNG SẢN LÀ TOP 10 THẾ GIỚI", TTC BIÊN HÒA LUÔN NHẬN ĐƯỢC NHỮNG HỖ TRỢ ĐÁNG KỂ TỪ CHÍNH PHỦ.

Công ty chỉ chịu mức thuế suất thuế TNDN là 10% thu nhập chịu thuế so với các lĩnh vực khác từ 20%. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động SXKD Đường làm từ Mía kể từ 01/01/2015 theo hướng dẫn của TT số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/06/2015. Hệ thống các Công ty con cũng chỉ có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất từ 10% đến mức thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế. Các Công ty con này cũng được hưởng miễn giảm TNDN theo các giấy phép đăng ký kinh doanh tương ứng và các luật thuế hiện hành.

GRI 203

TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP

CÔNG TY ĐÃ CHI HƠN 70 TỶ ĐỒNG CHO CÁC HOẠT ĐỘNG VÌ MỤC TIÊU PTBV CỦA LIÊN HỢP QUỐC, VỚI HƠN 40.000 NGƯỜI THỤ HƯỞNG TRONG ĐÓ CÓ 25.000 LAO ĐỘNG ĐỊA PHƯƠNG, 10.000 NÔNG DÂN, 5.000 CBNV VÀ HÀNG NGÀN NGƯỜI DÂN, PHỤ NỮ, TRẺ EM... TỪ TẤT CẢ CÁC CHƯƠNG TRÌNH.

Đóng góp vào tăng trưởng kinh tế bền vững của xã hội, TTC Biên Hòa không chỉ thực hiện các chương trình liên quan đến phát triển kinh tế, mà còn hướng tới các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên cũng như xây dựng cộng đồng xã hội văn minh. Đây là thước đo để đánh giá mức độ đóng góp bằng tài chính của Công ty vào nền kinh tế, thông qua việc thực hiện các công trình đầu tư cơ sở hạ tầng và dịch vụ được hỗ trợ, các tác động hiện tại hoặc dự kiến đối với cộng đồng và nền kinh tế địa phương, những khoản đầu tư và dịch vụ đóng góp cho mục đích công.

Không chỉ ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương, kết hợp đào tạo - trao học bổng - chương trình thực tập nhằm nâng cao mức thu nhập và năng lực nguồn nhân sự tại mỗi VNL; Công ty còn thực hiện áp dụng lộ trình cơ giới hóa, kết hợp với chương trình hỗ trợ máy móc sinh kế nhằm đảm bảo duy trì công ăn việc làm cho lực lượng lao động này. Ngoài ra là các *Chương trình hỗ trợ Xóa đói; Xóa nghèo; Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh, nâng cao phúc lợi cho mọi lứa tuổi; Cải thiện giáo dục có chất lượng, công bằng và hiệu quả, mở rộng cơ hội học tập cho mọi người; Thực hiện bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và bé gái; Quản lý bền vững nguồn nước, các điều kiện vệ sinh an toàn cho xã hội; Tiếp cận nguồn năng lượng hiện*

Đây là những hỗ trợ vô cùng tích cực mà Chính Phủ đã dành cho nền nông nghiệp Việt Nam nói chung và Ngành Mía Đường trong nước nói riêng. Sự hỗ trợ tài chính nhận được từ Chính Phủ, so với các khoản thuế đã trả, có thể hữu ích cho việc kiến tạo một hình ảnh cân bằng về mối tương giao giữa Công ty trong Ngành cũng như TTC Biên Hòa với Chính Phủ. Trong thời gian tới, cùng những cam kết của Chính Phủ trong việc quan tâm và hỗ trợ Ngành Mía Đường, Công ty tự tin có thể hoàn thành tốt các mục tiêu đã đề ra và tiếp tục đóng góp vào sự phát triển chung của toàn xã hội.



Đồng hành cùng Người nông dân

đại, bền vững, đáng tin cậy với giá cả hợp lý; Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, tập trung công nghiệp hóa bền vững và khuyến khích sáng tạo; Giảm bất bình đẳng xã hội; Xây dựng đô thị và cộng đồng dân cư an toàn bền vững; Sản xuất và tiêu dùng có trách nhiệm; Ứng phó biến đổi khí hậu; Bảo tồn và sử dụng bền vững hệ sinh thái đại dương; Bảo vệ, tái tạo và khuyến khích sử dụng các hệ sinh thái mặt đất; Xã hội hòa bình, tạo ra cơ hội về công bằng và công lý cho mọi người; và Quan hệ đối tác PTBV toàn cầu. Các hoạt động được diễn ra thường xuyên và liên tục trên mọi miền tổ quốc, thậm chí mở rộng sang khu vực Đông Dương trong đó có Lào, nơi TTC Biên Hòa đang sở hữu VNL. Trong Niên độ vừa qua, Công ty đã chi hơn 70 tỷ đồng cho các hoạt động vì mục tiêu PTBV của Liên Hợp Quốc, với hơn 40.000 người thụ hưởng trong đó có 25.000 Lao động địa phương, 10.000 Nông dân, 5.000 CBNV và hàng ngàn người dân, phụ nữ, trẻ em... từ tất cả các chương trình.

GRI 204

THÔNG LỆ MUA SẮM

Việc QT ổn định hiệu quả chuỗi cung ứng được thể hiện thông qua trách nhiệm với các BLQ một cách chủ động của Công ty. Nhà cung cấp nói chung có một vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng. Qua các chương trình khuyến nông, các quy định về đầu tư và mua sắm, Bộ QCUX, Công ty đề cao việc cân đối lợi ích đối với nhà cung cấp, hướng tới việc đồng hành trong dài hạn. Thông qua việc hỗ trợ các nhà cung cấp địa phương, TTC Biên Hòa có thể gián tiếp thu hút thêm đầu tư, trực tiếp gia tăng thu nhập cho nền kinh tế địa phương. Việc đồng hành với nguồn cung ứng tại địa phương là một trong những chiến lược giúp đảm bảo nguồn cung, hỗ trợ kinh tế địa phương ổn định cũng như duy trì các mối quan hệ với cộng đồng tại đây.

GRI 204-1: TỶ LỆ CHI TIÊU CHO CÁC NHÀ CUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG

Về việc mua mía nguyên liệu, Công ty tiến hành các hợp đồng hợp tác chuyên sâu với Người nông dân, cụ thể bằng các biện pháp bao tiêu đầu ra, giúp Người nông dân giảm thiểu các rủi ro về giá bán. Công ty luôn cam kết mua lại 100% mía nguyên vật liệu của nông dân có ký các điều khoản đảm bảo. Mặc dù ngành Đường có những yếu tố không thuận lợi trong

Niên độ 2017-2018, song Công ty vẫn giữ đúng cam kết với Người nông dân, giá mua luôn cao hơn mức giá khuyến nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Về việc mua nguyên vật liệu (không bao gồm Mía Đường), dịch vụ phục vụ SXKD, Công ty luôn lấy tiêu chuẩn chất lượng, danh tiếng, tính bền vững, trách nhiệm

xã hội của nhà cung cấp làm cơ sở đánh giá. Tỷ lệ nhà cung cấp nội địa (nguyên vật liệu phụ, mua hàng bảo trì, mua hàng phục vụ các dự án...), chiếm 80% trong tổng cơ cấu của Niên độ 2017-2018 với tổng giá trị 1.028 tỷ đồng trước thuế; qua đó mở ra nhiều cơ hội cho các nhà cung ứng “thuần Việt” có chất lượng và thương hiệu mạnh để cộng hưởng cùng phát triển.

GRI 205

CHỐNG THAM NHŨNG

BỘ QCUX ĐƯỢC ÁP DỤNG ĐỒNG BỘ VỚI TẤT CẢ CÁC THÀNH VIÊN CÔNG TY, TỪ CẤP QUẢN LÝ CAO NHẤT ĐẾN NHÂN VIÊN TRONG HÀNH XỬ HÀNG NGÀY VỚI CÁC BLQ NHƯ ĐỐI TÁC KINH DOANH, ĐỐI TÁC ĐẦU TƯ, ĐỒNG NGHIỆP

Công ty xem trọng phòng chống tham nhũng như là một thành phần không thể thiếu trong quá trình QT thông qua việc lần đầu tiên ban hành Bộ QCUX trong Niên độ 2017-2018; với sự tư vấn thực hiện của IFC, nhằm truyền thông, đào tạo và thực hiện chế tài liên quan đến các quy tắc giao tiếp, ứng xử, cam kết đạo đức nghề nghiệp cũng như phòng chống tham nhũng. Bộ QCUX được áp dụng đồng bộ với tất cả các TV Công ty, từ cấp QL cao nhất đến nhân

viên trong hành xử hàng ngày với các BLQ như đối tác kinh doanh, đối tác đầu tư, đồng nghiệp... Thông qua các chương trình huấn luyện, đào tạo hội nhập cho toàn bộ nhân viên mới, tinh thần và nội dung của Bộ QCUX đã được truyền đạt tới từng CBNV, giúp xây dựng nhận thức cho cả nội bộ lẫn bên ngoài về những năng lực cần thiết để phòng chống tham nhũng, với mục tiêu xa hơn là tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu suất lao động của tập thể.

Công ty cũng tổ chức theo dõi và tiếp nhận các thông tin về tham nhũng bằng các kênh nội bộ và bên ngoài từ các đối tượng hữu quan thông qua Ban KTNB. Đồng thời, để bảo vệ người báo cáo, Bộ quy chế cũng khẳng định trong bất kỳ trường hợp nào, Công ty đều nghiêm cấm việc trả thù hoặc trừng phạt, trù dập những người đã trình báo một cách trung thực về các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp, quy định nội bộ Công ty, quy định pháp luật. Dù Bộ quy chế chưa được chính thức ban hành, nhưng toàn bộ CBNV Công ty luôn đặt sự chính trực làm kim chỉ nam trong mọi hoạt động, vì vậy chưa từng xảy ra bất kỳ trường hợp tham nhũng nào trong suốt quá trình hoạt động của Công ty.

GRI 301

VẬT LIỆU

ĐỐI VỚI NGÀNH MÍA ĐƯỜNG, NGUYÊN VẬT LIỆU QUAN TRỌNG NHẤT CHÍNH LÀ MÍA VÀ ĐƯỜNG THÔ KHI HAI NGUYÊN LIỆU NÀY CÙNG CHIẾM TỶ TRỌNG CAO NHẤT TRONG GIÁ VỐN HÀNG BÁN NIÊN ĐỘ 2017-2018. BÊN CẠNH NĂNG LỰC ÉP MÍA VÀ SẢN XUẤT ĐƯỜNG TỪ MÍA, NHIỀU NHÀ MÁY CỦA TTC BIÊN HÒA CÓ THỂ LUYỆN ĐƯỜNG TỪ ĐƯỜNG THÔ, GIÚP Kéo DÀI THỜI GIAN LUYỆN ĐƯỜNG NGOÀI VỤ, TỐI ƯU HÓA NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG. YẾU TỐ TRỌNG YẾU ĐƯỢC PHÂN TÍCH TRONG KHOẢN MỤC VẬT LIỆU SẼ LÀ VẬT LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO TRỌNG LƯỢNG HOẶC KHỐI LƯỢNG.



Mía - Nguyên liệu chính để sản xuất Đường

GRI 301-1: VẬT LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO TRỌNG LƯỢNG HOẶC KHỐI LƯỢNG

MÍA NGUYÊN LIỆU

Tại TTC Biên Hòa, nông dân trồng mía không đơn thuần là đối tác mà còn là người bạn đồng hành với Công ty và là một mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh Mía Đường. Trong công tác nguyên liệu mía, Công ty xác định tôn chỉ trong mọi hoạt động là làm sao để nông dân có lợi thì nhà máy mới có lời.

Phát triển VNL được xem là công tác ưu tiên hàng đầu hiện nay, quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty. Với chiến lược phát triển VNL ổn định, bền vững, năng suất, chất lượng cao, tiến tới mục tiêu chủ động và làm chủ VNL, ngoài công tác thu mua mía bao tiêu và đầu tư theo chiều rộng, Công ty tiến hành thực hiện mạnh mẽ đầu tư chiều sâu vào VNL thông qua các chương trình ưu tiên: (1) Phát triển sản xuất tập trung áp dụng khoa học kỹ thuật cao;

(2) Đẩy mạnh canh tác khép kín từ cung ứng giống mía đến khâu thu hoạch về nhà máy; (3) Tăng cường cơ giới hóa; (4) Phát triển công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp; (5) Sản xuất các giống mía cải tiến cho năng suất tốt. Tất cả chương trình áp dụng đều phải đảm bảo việc tuân thủ các quy định về an toàn môi trường.

Hiện nay TTC Biên Hòa đang sở hữu 58.600 ha diện tích VNL phân bổ tại các khu vực có khí hậu, thổ nhưỡng thích hợp cho cây Mía phát triển như Tây Ninh (23.800 ha), Khánh Hòa (12.500 ha), Gia Lai (11.400 ha), Ninh Thuận (3.800 ha), Đồng Nai (2.600 ha)..., chiếm khoảng 1/4 diện tích VNL của cả nước và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới. Thế mạnh VNL của Công ty là nằm gần các Nhà máy luyện Đường, vừa đảm bảo chữ Đường cao vừa giảm chi phí vận

chuyển để tăng hiệu quả sinh lời. VNL Nông trường tại 22 nông trường với tổng diện tích là 10.200 ha, tăng 636% so với Niên độ 2013-2014, chiếm 17% tổng diện tích VNL, hiện đang được cơ giới hóa 100%, thu hoạch hầu hết bằng máy lớn. Sau thương vụ M&A với HAGL Sugar, Công ty đã sở hữu thêm Nhà máy Luyện TTC Attapeu với công suất ép mía 7.500 TMN, sản xuất 700 tấn Đường/ngày cùng với VNL nông trường với diện tích lên tới 6.000 ha tại tỉnh Attapeu (Lào). Ngoài ra, Công ty còn sở hữu 48.400 ha VNL Đầu tư (chiếm 83% tổng diện tích VNL) trải dài 3 nước Đông Dương Việt Nam - Lào - Campuchia, cũng đang được triển khai cơ giới hóa theo từng giai đoạn. TTCS Tây Ninh là Nhà máy có công suất ép mía và công suất sản xuất lớn nhất, lần lượt 9.800 TMN và 1.000 tấn Đường/ngày.

GRI 301-1: VẬT LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO TRỌNG LƯỢNG HOẶC KHỐI LƯỢNG (tiếp theo)

MÍA NGUYÊN LIỆU (tiếp theo)

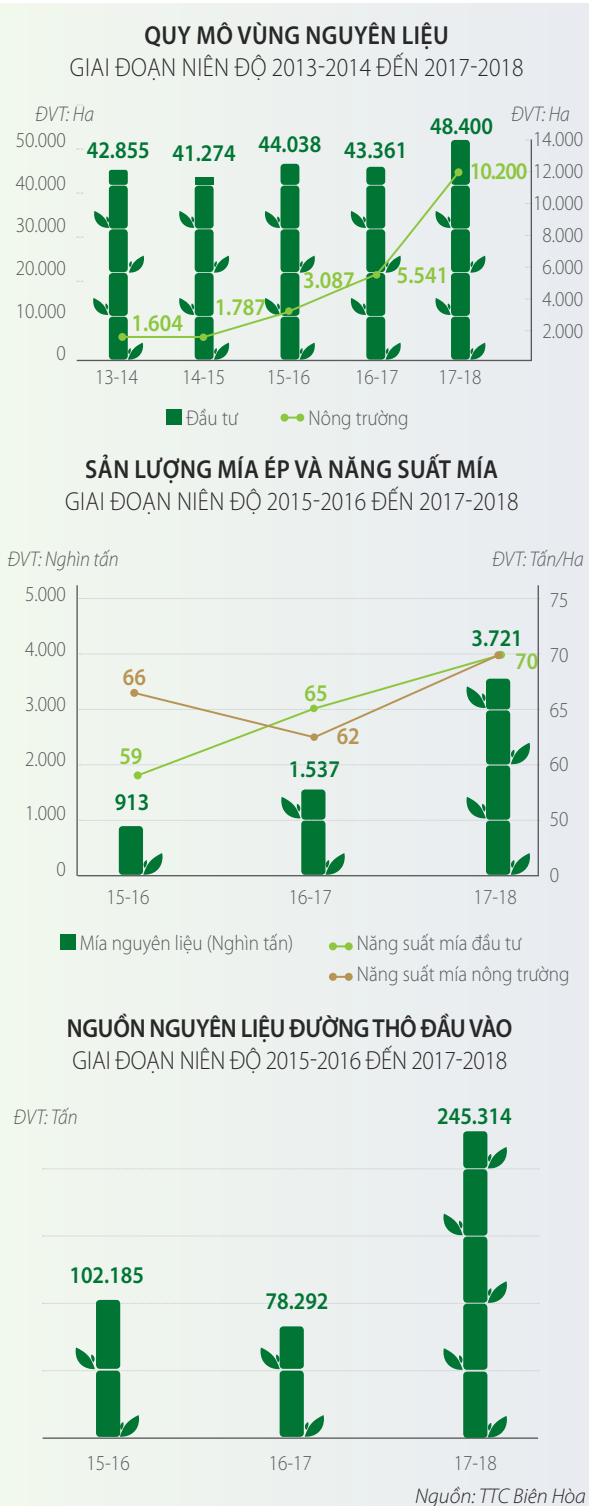
Mía nguyên liệu đang được sử dụng có xu hướng tăng dần với tốc độ tăng 68% trong Niên độ 2016-2017 so với mức 142% trong Niên độ 2017-2018 do nhu cầu mở rộng sản xuất. Tỷ lệ mía nguyên liệu tăng lên cũng dẫn tới việc sản lượng bã mía tăng tương ứng góp phần quan trọng trong quá trình tạo ra điện năng phục vụ cho giai đoạn chế luyện ngoài vụ cũng như tiết kiệm chi phí. Chiến lược dài hạn của Công ty về nguồn nguyên liệu tự nhiên kết hợp với các chính sách canh tác, cải tiến công nghệ, từ đó các phụ phẩm được thu hồi không chỉ có giá trị thương phẩm cao mà còn giúp tận dụng các nguồn năng lượng sạch, giảm thiểu tác động môi trường.

TTC Biên Hòa hướng đến xây dựng những Người nông dân trồng mía có trình độ cao, thừa hưởng được những điều kiện thuận lợi từ Công ty để làm kinh tế nông nghiệp một cách chuyên nghiệp, giảm thiểu các rủi ro thiệt hại, nâng cao năng lực cạnh tranh. Trong niên vụ 2017-2018, thời tiết thay đổi bất lợi cho cây Mía, các cây trồng khác cạnh tranh với cây Mía khiến diện tích canh tác bị thu hẹp bên cạnh những thông tin về hiệp định ATIGA. Tuy vậy, nông trường trồng Mía của TTC Biên Hòa vẫn giữ vững được sản lượng cung cấp cho Nhà máy nhờ vào chính sách nông nghiệp, liên kết cùng nông dân trồng mía và cách chăm sóc cây mía để tăng năng suất nên sản lượng mía nguyên liệu đầu vào vẫn tăng.

ĐƯỜNG THÔ NGUYÊN LIỆU

Niên độ 2017-2018 ghi nhận sản lượng Đường thô nguyên liệu tăng đáng kể 214% từ 78.292 tấn trong Niên độ 2016-2017 lên 245.314 tấn Niên độ 2017-2018 do tác động sau quá trình hợp nhất. Trong số 9 Nhà máy luyện Đường mà TTC Biên Hòa đang sở hữu với tổng công suất ép mía 37.500 TMN và tổng công suất sản xuất 620.000 tấn Đường/năm, có 4 Nhà máy có khả năng sản xuất Đường thô, trong đó là 3 Trung tâm luyện Đường thô lớn TTCS, Biên Hòa-Đồng Nai và Biên Hòa-Ninh Hòa. Biên Hòa-Đồng Nai là Nhà máy Đường duy nhất có khả năng luyện quanh năm với công suất 400 tấn Đường/ngày, nhờ đó Công ty có thể tự chủ tốt hơn về nguyên liệu đầu vào, tăng thời gian chế luyện cũng như năng suất hoạt động của máy móc. Một phần lớn trong lượng Đường thô này được chế luyện từ nguồn Mía nguyên liệu. Vì vậy, bên cạnh việc nâng cao năng lực sản xuất, Công ty vẫn luôn nỗ lực thực hiện cam kết gắn bó với Người nông dân, thể hiện trách nhiệm xã hội trong dài hạn của Công ty tại các địa phương mà TTC Biên Hòa có VNL.

Bên cạnh nguyên liệu chính, Công ty có sử dụng các chất phụ gia thực phẩm trong quá trình chế luyện Đường. Với tiêu chí an toàn cho người tiêu dùng và thân thiện với môi trường luôn được đặt lên hàng đầu, Công ty luôn cam kết mang tới những sản phẩm sạch tới cho người tiêu dùng.



GRI 302

NĂNG LƯỢNG

HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY GẮN LIỀN VỚI HÀNG LOẠT NGUỒN NĂNG LƯỢNG ĐA DẠNG NHƯ NĂNG LƯỢNG KHÔNG TÁI TẠO TỪ CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG HÓA THẠCH NHƯ DẦU DO, THAN NÂU...; NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO NHƯ NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI, HƠI NƯỚC...; VÀ NĂNG LƯỢNG ĐƯỢC TẬN DỤNG TỪ CÁC CHẾ PHẨM, PHỤ PHẨM DÙNG LÀM CHẤT ĐÓT ĐƯỢC PHÂN BỐ KHOA HỌC TRONG VIỆC SỬ DỤNG NỘI BỘ VÀ XUẤT BÁN. TRONG CHỈ TIÊU NÀY, CÁC THÔNG TIN VỀ TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG TỔ CHỨC VÀ GIẢM TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG ĐƯỢC CHÚ TRỌNG VÌ CÓ ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP TỚI HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT.

GRI 301-1: TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG TỔ CHỨC

LƯỢNG TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU TỪ CÁC NGUỒN TÁI TẠO

Nguồn năng lượng này được tận dụng từ bã mía, trấu hoặc gỗ xay trong Niên độ 2017-2018 vừa qua đã cung cấp nhiệt năng cho sản xuất lên tới hơn 35 triệu MJ, tăng gấp 8 lần so với Niên độ trước. Công ty đang hoạch định biện pháp sử dụng hoàn toàn các nguồn năng lượng tái tạo và các phụ phẩm thông qua các dự án cải tạo hệ thống thiết bị hiện đại. Điều này không chỉ giúp Công ty tiết kiệm chi phí mà còn đảm bảo các tiêu chí về môi trường. Cụ thể, 8 trong 9 Nhà máy của TTC Biên Hòa đều có khả năng phát điện, không chỉ cung cấp đủ nguồn điện để phục vụ HĐSX cho chính các Nhà máy đó mà một phần còn được hòa lưới điện quốc gia. Trong Niên độ vừa qua, tổng lượng Điện thương phẩm của Công ty lên tới 123 triệu kWh được cung cấp bởi 4 Nhà máy TTCS, TTCS Gia Lai, Biên Hòa-Ninh Hòa và TTC Attapeu; tăng 56% so với Niên độ trước. Trong đó, riêng Nhà máy TTCS với tổng công suất ép mía và sản xuất lớn nhất đã cung cấp tới 38% tổng sản lượng điện, tăng 9% so với cùng kỳ.

LƯỢNG TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU TỪ CÁC NGUỒN KHÔNG TÁI TẠO

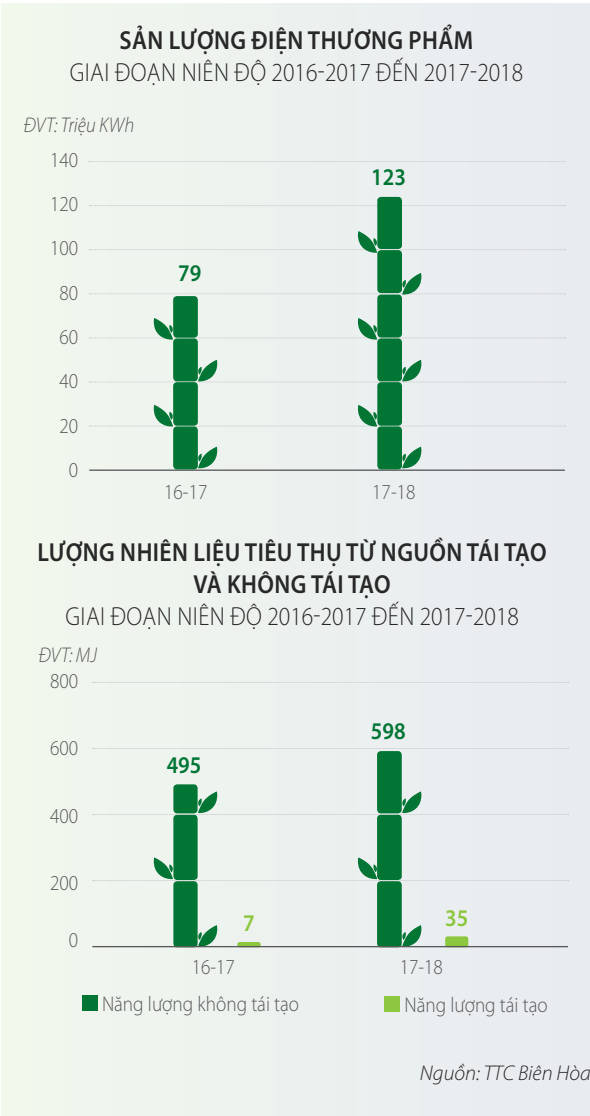
Nguồn năng lượng này chủ yếu là dầu DO sử dụng cho hoạt động của các máy cơ giới (chiếm khoảng 3%) và phần lớn là than nâu phục vụ cho việc chế luyện Đường (chiếm 97%). Do trong hệ thống 9 Nhà máy của TTC Biên Hòa chỉ có Biên Hòa-Đồng Nai là Nhà máy duy nhất có khả năng luyện Đường từ Đường thô và luyện được quanh năm, vì vậy nguồn nhiên liệu than đá chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất của Nhà máy này.

GRI 302-4: GIẢM TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG

Tiêu hao điện năng và suất tiêu hao hơi trên một tấn Mía so với Niên độ 2016-2017 đều ghi nhận sự cải thiện đáng kể. Trong đó tiêu hao điện tại Nhà máy TTCS trong Niên độ 2017-2018 giảm 2% so với Niên độ 2015-2016 và giảm đến 9% so với Niên độ 2016-2017 nhờ nỗ lực kiểm soát tiêu hao điện năng của Công ty. Bên cạnh đó, suất tiêu hao hơi trong sản xuất được cũng được duy trì và kiểm soát tốt hơn so với các kỳ trước, giảm 5% và dưới định mức nhờ đầu tư hơn 160 tỷ đồng để nâng cấp và cải tạo TTND.

123 TRIỆU KWH

TỔNG LƯỢNG ĐIỆN THƯƠNG PHẨM
↗ 56% SO VỚI NIÊN ĐỘ TRƯỚC



GRI 302-4: GIẢM TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG (tiếp theo)

33.000 KWH

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI
NIÊN ĐỘ 2017-2018

2 LẦN SO VỚI NIÊN ĐỘ 2016-2017



Xu thế chuyển dịch sử dụng nguồn năng lượng mặt trời tại TTC Biên Hòa

Bên cạnh hoạt động sản xuất, Công ty cũng tăng cường việc sử dụng điện mặt trời tại khu vực hành chính văn phòng. Điển hình như tại Nhà máy TTCS, Nhà máy có tổng công suất ép mía và sản xuất lớn nhất trong hệ thống với 9.800TMN và 1.000 tấn Đường/ngày; có tổng sản lượng tiêu thụ từ năng lượng mặt trời Niên độ 2017-2018 là hơn 33 ngàn kWh, gấp hơn 2 lần so với Niên độ trước. Nhờ đó, chi phí tiết kiệm từ điện mặt trời là hơn 47 triệu đồng, tăng 63% so với năm ngoái. Tuy con số chưa thực sự lớn song cũng phản ánh nỗ lực cũng như xu thế chuyển dịch sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo giá rẻ của Công ty.

Cùng với các dự án điện mặt trời đang được Công ty nghiên cứu tính khả thi, trong tương lai tỷ trọng của nguồn năng lượng này chắc chắn sẽ đóng góp đáng kể vào mục tiêu giảm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Sản lượng điện mặt trời tiêu thụ tại Nhà máy TTCS

Niên độ	Điện mặt trời (kWh/vụ)	Tiết kiệm tiền (Triệu đồng/vụ)
Vụ 2016-2017	16.113	29
Vụ 2017-2018	33.536	47

Tiếp cận trách nhiệm chung của toàn xã hội là giảm tiêu hao và tránh lãng phí, trong Niên độ 2017-2018, Công ty đã giảm tiêu hao các nhóm năng lượng so với Niên độ trước đó với kết quả khả quan. Ví dụ như tại Nhà máy TTCS, bằng việc đầu tư nâng cấp lò hơi với mục tiêu tăng áp lực hoạt động cũng như nhiệt độ hơi siêu nhiệt tương ứng đã giúp giảm được tỷ lệ hơi tiêu thụ từ 8,15 tấn/KWh xuống còn 6,15 tấn/KWh, tương đương 25% hiệu suất. Ngoài ra, nhờ việc cung cấp lượng mía đầu vào đều đặn hơn so với Niên độ trước, quá trình ép diễn ra liên tục nên hiệu quả sử dụng điện năng trên sản phẩm cũng được cải thiện đáng kể, giảm 6,38 kWh/tấn sản phẩm tương đương 22.935 KJ.

Giảm tiêu hao hơi và điện năng tiêu thụ tại Nhà máy TTCS

Chỉ tiêu	Hơi tiêu thụ (Tấn hơi/KWh)	Điện năng tiêu thụ (KWh/Tấn sản phẩm)
Vụ 2016-2017	8,15	37,57
Vụ 2017-2018	6,15	31,19
Tiết kiệm	2	6,38
Quy đổi (kJ/tấn sản phẩm)		22.935

GRI 303

NƯỚC

TRONG VIỆC ĐỀ CAO VAI TRÒ QUAN TRỌNG CỦA NGUỒN NƯỚC ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ MÔI TRƯỜNG NÓI CHUNG, TTC BIÊN HÒA CHÚ TRỌNG HƠN CẢ 2 CHỈ TIÊU QUẢN TRỊ NGUỒN NƯỚC LÀ LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO THEO NGUỒN VÀ TUẦN HOÀN VÀ TÁI SỬ DỤNG NƯỚC VỚI TIÊU CHÍ TIẾT KIỆM, HIỆU QUẢ VÀ TÁI SỬ DỤNG. NIÊN ĐỘ 2017-2018, TTC BIÊN HÒA ĐẨY MẠNH CÁC GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM NƯỚC, TỐI ƯU HÓA CÁC BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG SỬ DỤNG LƯỢNG NƯỚC TÁI SỬ DỤNG VÀ RÀ SOÁT TỔNG THỂ HOẠT ĐỘNG SINH HOẠT NHẪM ĐẠT TIÊU CHÍ TIẾT KIỆM, HỢP LÝ HÓA TRONG SỬ DỤNG.

GRI 303-1: LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO THEO NGUỒN

Công ty chủ yếu sử dụng nước từ nguồn mua bên ngoài theo kênh chứa nước và nguồn nước tái sử dụng sau khi đã được xử lý. Trong niên vụ vừa qua, thời tiết thay đổi, mưa thường xuyên trong vụ sản xuất khiến mía nguyên liệu đưa vào sản xuất không liên tục, dẫn tới tốn nước cho hoạt động vệ sinh máy móc do phải thường xuyên dừng thiết bị. Song Công ty đã có biện pháp linh hoạt tái sử dụng lượng nước từ hệ thống xử lý nước thải để cấp cho hệ thống giải nhiệt, từ đó giảm được lượng nước tiêu thụ. Kết quả các chỉ tiêu về tổng lượng nước phục vụ sản xuất, bình quân lượng nước tiêu thụ trên ngày hay trên tấn sản phẩm trong Niên độ 2017-2018 đều được cải thiện.

GRI 303-3: TUẦN HOÀN VÀ TÁI SỬ DỤNG NGUỒN NƯỚC

Nước sau khi đi qua hệ thống giải nhiệt thì có nhiệt độ cao, không còn sử dụng được và phải xả bỏ ra ngoài, hệ thống phải tiếp tục lấy nước mua ngoài từ kênh dẫn nước để cung cấp bù vào hoạt động giải nhiệt. Để tiết kiệm nước, tái sử dụng lượng nước từ hệ thống giải nhiệt, từ đầu năm 2010 đến nay, Công ty đã đầu tư hệ thống Cooling Tower, nhằm tuần hoàn nước sử dụng sau quá trình giải nhiệt để cắt giảm lượng nước mua ngoài, tiết kiệm chi phí. Theo đánh giá chung, việc sử dụng hệ thống này giúp Công ty giảm chi phí nước mua từ các đơn vị bên ngoài khoảng 73%. Đặc biệt trong Niên độ 2017-2018 ghi nhận nước thải được tái sử dụng 100% và tiết giảm được chi phí khoảng 399 triệu đồng (443.060 m³ x 900 đồng).

Nhìn chung, xu hướng tái sử dụng nước ngày càng tăng cho thấy ý thức và trách nhiệm của Công ty đối với sự PTBV của xã hội, thể hiện qua mức tăng 67% lượng nước tái sử dụng cũng như tỷ lệ nước tái sử dụng so với tổng lượng nước đầu vào ngày càng tăng, chiếm 26% trong Niên độ 2017-2018, tăng 84% so với cùng kỳ.

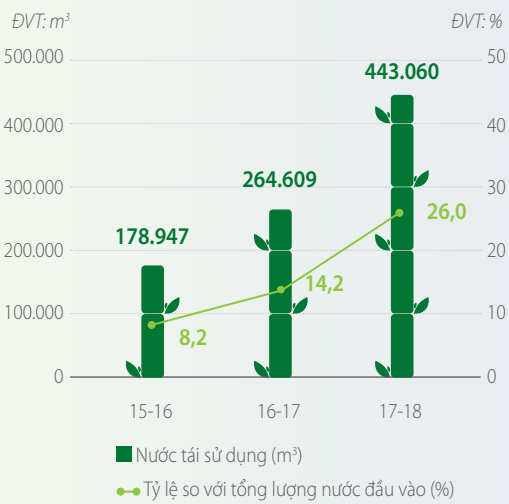


Thông tin về lượng nước sử dụng tại Nhà máy TTCS Giai đoạn Niên độ 2015-2016 đến 2017-2018

Niên độ	Nước sản xuất (m³)	Bình quân (m³/ngày)	Lượng nước sử dụng (m³/tấn sp)
Vụ 2015-2016	2.172.960	11.087	12
Vụ 2016-2017	1.870.560	11.337	12,10
Vụ 2017-2018	1.706.400	10.280	11,52

Điển hình như tại Nhà máy TTCS đã giảm hơn 1.000 m³/ngày tương đương 9,3% lượng nước tiêu thụ trung bình mỗi ngày, góp phần đáng kể trong việc hạ giá thành sản phẩm.

LƯỢNG NƯỚC TÁI SỬ DỤNG VÀ TỶ LỆ SO VỚI NGUỒN NƯỚC ĐẦU VÀO GIAI ĐOẠN NIÊN ĐỘ 2015-2016 ĐẾN 2017-2018



Nguồn: TTC Biên Hòa

GRI 305

PHÁT THẢI

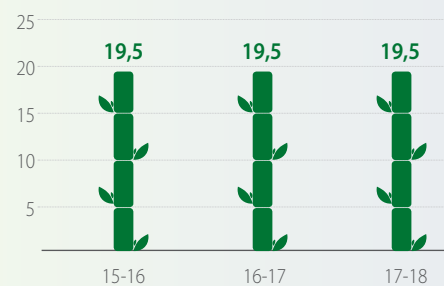
VỚI VAI TRÒ LÀ DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU NGÀNH ĐƯỜNG VÀ LÀ MỘT CÔNG TY SXKD CÓ TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG VÀ XÃ HỘI, TTC BIÊN HÒA LUÔN ĐẢM BẢO TUYỆT ĐỐI TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, ĐẶC BIỆT LÀ CÁC YÊU CẦU VỀ MÔI TRƯỜNG NHƯ LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2014, NĐ 38/2015/NĐ-CP VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI VÀ PHÉ LIỆU. THÔNG QUA NHỮNG DỰ ÁN THIẾT THỰC VỀ SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU SẠCH VÀ HẠN CHẾ KHÍ THẢI ĐỘC HẠI CÙNG NHƯ CÁC QUY ĐỊNH NỘI BỘ VỀ AN TOÀN MÔI TRƯỜNG.

GRI 305-1: PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TRỰC TIẾP

Trong công nghệ sản xuất có sử dụng lò hơi, lò hơi của các Nhà máy của TTC Biên Hòa chủ yếu dùng nhiên liệu sinh khối từ bã mía hơn là dùng than đá, nhờ vậy lượng phát thải khí CO₂ vào không khí được hạn chế đáng kể. Ngoài ra, trong công nghệ sản xuất Đường, TTC Biên Hòa chủ yếu áp dụng công nghệ Cacbonat hóa, nghĩa là sử dụng CO₂ và vôi trong quy trình sản xuất nhằm loại bỏ tạp chất, nhờ đó mà phần lớn khí CO₂ sinh ra được trích thu từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi và tái sử dụng. Trong 3 Niên độ liên tiếp từ 2015-2016 đến 2017-2018, tỷ lệ khí CO₂ tái sử dụng điển hình tại Nhà máy TTCS được duy trì ở mức ổn định 19,5 m³ trên một tấn thành phẩm và sẽ tiếp tục được duy trì trong các Niên độ tới.

KHÍ CO₂ TÁI SỬ DỤNG TẠI NHÀ MÁY TTCS
GIAI ĐOẠN NIÊN ĐỘ 2015-2016 ĐẾN 2017-2018

ĐVT: M³/Tấn thành phẩm



Nguồn: TTC Biên Hòa

GRI 306

NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐANG NHẬN ĐƯỢC SỰ QUAN TÂM CỦA TOÀN XÃ HỘI. TTC BIÊN HÒA LUÔN CHỦ TRỌNG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NHIỀU THÀNH QUẢ, HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH MỘT CÁCH BỀN VỮNG. PHẦN LỚN CHẤT THẢI PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT ĐÃ ĐƯỢC CÔNG TY TẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH LỢI THẾ CẠNH TRANH. DO ĐÓ, TRONG CHỈ TIÊU NÀY SẼ CHỦ YẾU ĐỂ CẬP TỚI TỔNG NƯỚC THẢI THEO CHẤT LƯỢNG VÀ ĐỊA ĐIỂM THẢI VÀ TỔNG LƯỢNG CHẤT THẢI THEO LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ.

GRI 306-1: TỔNG NƯỚC THẢI THEO CHẤT LƯỢNG VÀ ĐỊA ĐIỂM THẢI

Trong quá trình sản xuất Đường, các mối lo hàng đầu về môi trường là nước thải, khí thải, bã mía, bã bùn và tro lò. Tại TTC Biên Hòa, hệ thống vận hành xử lý nước thải đạt theo yêu cầu pháp luật hiện hành QCVN 40:2011/BTNMT. Nước thải sau khi đi qua hệ thống xử lý được tái sử dụng 100%, giúp tiết kiệm chi phí cho Công ty và góp phần bảo vệ tài nguyên nước.



Hồ xử lý nước thải - Nhà máy Biên Hòa-Đồng Nai



Hồ xử lý nước thải tại Nhà máy TTCS

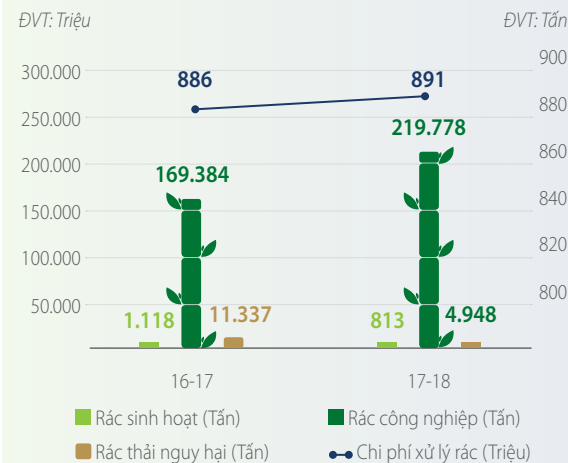
GRI 306-2: TỔNG LƯỢNG CHẤT THẢI THEO LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ

Sau khi dùng để sản xuất ra Đường, bã mía sẽ được tận dụng triệt để làm nguyên liệu đốt lò hơi, cấp hơi và điện cho HDSX Nhà máy cũng như hòa bán vào lưới điện quốc gia, mang về nguồn LN cho Công ty. Lò hơi sử dụng nguyên liệu sinh khối là bã mía càng giảm thiểu phát sinh khí CO₂ và các khí khác gây hại môi trường. Trong khi đó, khí CO₂ từ lò hơi, qua hệ thống xử lý khí thải được sử dụng để loại bỏ tạp chất của Đường, vừa tiết kiệm chi phí, vừa bảo vệ môi trường. Tro lò, bã bùn được dùng để cung cấp thêm men vi sinh, làm phân bón cải tạo đất nông trường, tăng độ phì nhiêu của đất, tăng năng suất cho cây mía.

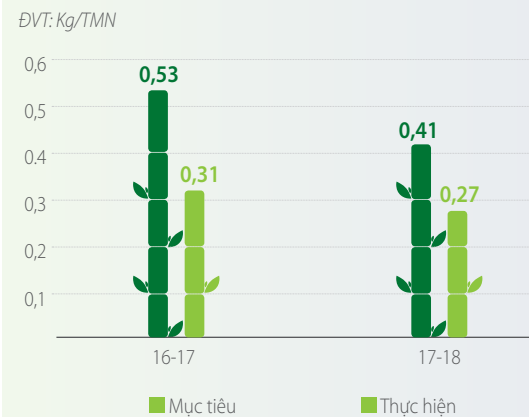
Chất thải trong quá trình sản xuất được chia ra làm 3 loại là Rác sinh hoạt, Rác công nghiệp và Rác thải nguy hại. Cùng với sự gia tăng của sản lượng, lượng Rác thải công nghiệp cũng tăng thêm 30% so với Niên độ trước. Tuy nhiên, lượng Rác thải sinh hoạt và đặc biệt là Rác thải nguy hại lại giảm tương ứng 27% và 56%, phần nào giảm tác động trực tiếp tới môi trường. Mặc dù tổng sản lượng rác thải tăng lên 24% nhưng chi phí xử lý rác thải chỉ tăng nhẹ 0,6%.

COD hay nhu cầu oxy hóa học (Chemical Oxygen Demand) là lượng oxy cần thiết để oxy hóa toàn bộ các chất hữu cơ có trong nước thải, kể cả lượng chất hữu cơ không có khả năng phân hủy sinh học và được xác định bằng phương pháp bicromat trong môi trường axit sunfuric có thêm chất xúc tác sunfat bạc, đơn vị tính mg O₂/l. Chỉ số COD được sử dụng rộng rãi để đo gián tiếp khối lượng các hợp chất hữu cơ có trong nước. Lượng COD phát thải thấp sẽ giúp hệ thống xử lý nước thải xử lý dễ dàng hơn, ít tổn hóa chất hơn. Trong cả hai Niên độ gần đây, chỉ số COD thực hiện đều thấp hơn đáng kể so với mục tiêu nhờ những nỗ lực kiểm soát tại từng Nhà máy, việc này không chỉ giảm tác động tới môi trường mà còn góp phần vào giảm chi phí sản xuất. Trong Niên độ 2017-2018, lượng COD phát thải chỉ ở mức 0,27 kg/TMN, giảm 34% so với kế hoạch năm và giảm 12% so với Niên độ 2016-2017.

KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI VÀ CHI PHÍ XỬ LÝ
GIAI ĐOẠN NIÊN ĐỘ 2016-2017 ĐẾN 2017-2018



LƯỢNG COD PHÁT THẢI
GIAI ĐOẠN NIÊN ĐỘ 2016-2017 ĐẾN 2017-2018



Nguồn: TTC Biên Hòa

VÌ CỘNG ĐỒNG PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

TTC BIÊN HÒA ĐANG KẾT HỢP HÀI HÒA GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG SONG HÀNH CÙNG PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG, VÌ MỘT ĐÔ THỊ VÀ CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ AN TOÀN-BỀN VỮNG. CÁC BLQ ĐẾN CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU NHƯ VIỆC LÀM; AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP; GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO; SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG; CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG; SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG LUÔN ĐƯỢC CÔNG TY QUAN TÂM ĐÚNG MỨC VÀ ĐANG TẠO ĐƯỢC NHỮNG ĐÓNG GÓP NHẤT ĐỊNH CHO XÃ HỘI.



Chuyên đề giáo dục "Chung tay bảo vệ trẻ em trước xâm hại tình dục"



Chương trình đào tạo quản lý cấp trung Ngành Nông nghiệp



Ông Phạm Hồng Dương - Chủ tịch TTC Biên Hòa (đứng giữa) và Bà Đỗ Thu Ngân - PTGD TTC tham gia cứu trợ tại Tỉnh Attapeu, Lào

GRI 401

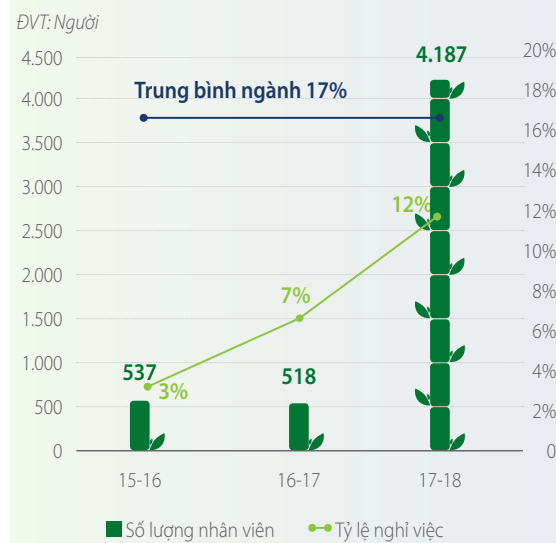
VIỆC LÀM

GRI 401-1: SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI VÀ TỶ LỆ THÔI VIỆC

C hình sách nhân sự được quy định đầy đủ trong Quy chế tổ chức hoạt động của Công ty, tuân thủ Luật Lao động Việt Nam, các quy định pháp luật có liên quan và các Bộ Luật, quy định tương tự tại Lào, Campuchia nơi TTC Biên Hòa có VNL và trực tiếp sử dụng lao động. Khối Nhân sự đứng đầu là GD Khối chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai chính sách trên theo chủ trương của BLĐ.

Với 26 Đơn vị Thành viên, TTC Biên Hòa đang tạo ra việc làm cho 4.187 nhân sự chưa kể lao động thời vụ, tăng trưởng kỷ lục 708% so với Niên độ trước chỉ với 518 nhân sự; do trong Niên độ này, Công ty đã sáp nhập thêm BHS cùng một số nhà máy Đường khác theo đúng định hướng chiến lược của HĐQT. Sở hữu hệ thống chính sách và quy trình thực hiện bài bản trong nỗ lực đảm bảo nguồn nhân lực ổn định cho quá trình hoạt động sản xuất diễn ra liên tục, không bị gián đoạn; tỷ lệ nghỉ việc của TTC Biên Hòa chỉ là 12%, dưới mức bình quân của thị trường trong lĩnh vực sản xuất/nông nghiệp là khoảng dưới 17%, nhờ Công ty đã thực hiện tốt các chính sách đãi ngộ, chất lượng môi trường làm việc ngày càng được chú trọng trong Niên độ 2017-2018.

SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ VÀ TỶ LỆ NGHỈ VIỆC GIAI ĐOẠN NIÊN ĐỘ 2015-2016 ĐẾN 2017-2018

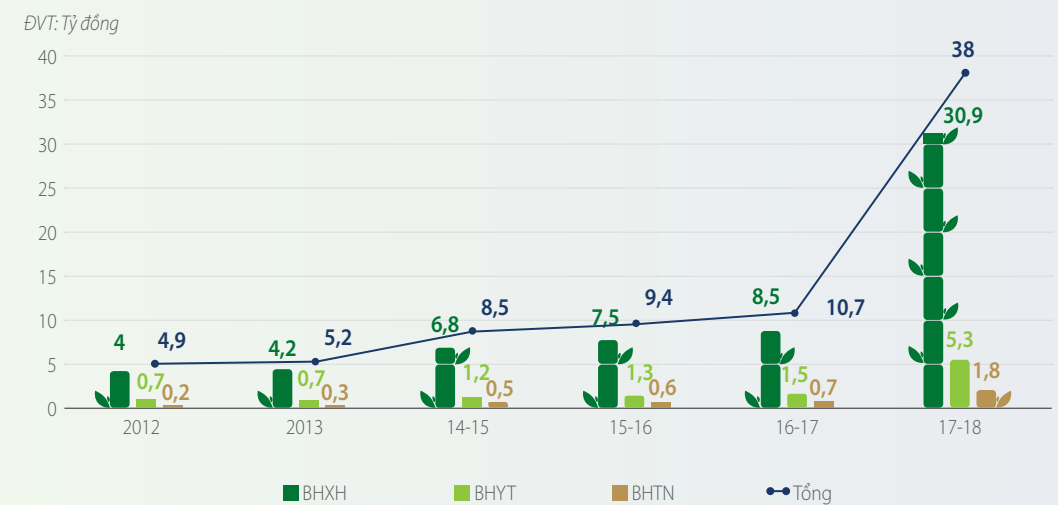


Nguồn: TTC Biên Hòa

Công ty còn nỗ lực tăng bồi dưỡng độc hại cho người lao động và thường xuyên kiểm tra điều kiện làm việc của người lao động như các chỉ tiêu về độ ồn, rung bụi nhằm đảm bảo một môi trường làm việc an toàn và hiệu quả. Tổng chi phí thực hiện các hoạt động này là gần 3 tỷ đồng, tăng mạnh so với Niên độ trước.

Bên cạnh đó, Công ty áp dụng Bộ thỏa ước lao động tập thể, phổ biến chế độ lương thưởng và công tác phí; qua đó, đảm bảo hệ thống chế độ và phúc lợi của người lao động được đề cao và thực hiện nghiêm túc. Công ty ban hành danh mục chính sách phúc lợi theo từng cấp bậc, đảm bảo tính công bằng và cạnh tranh trên thị trường lao động.

CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI GIAI ĐOẠN NĂM 2012 ĐẾN NIÊN ĐỘ 2017-2018



Nguồn: TTC Biên Hòa

GRI 403

AN TOÀN SỨC KHỎE VÀ NGHỀ NGHIỆP

TTC BIÊN HÒA LUÔN BẢO ĐẢM MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC ĐẠT YÊU CẦU VỀ KHÔNG GIAN, ĐỘ THOÁNG, BỤI, HƠI, KHÍ ĐỘC, PHÓNG XẠ, ĐIỆN TỪ TRƯỜNG, SỨC NÓNG, ĐỘ ẨM, TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG, VÀ CÁC YẾU TỐ CÓ HẠI KHÁC ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI CÁC QUY CHUẨN KỸ THUẬT LIÊN QUAN; VÀ CÁC YẾU TỐ NÀY BẮT BUỘC PHẢI ĐƯỢC ĐỊNH KỲ ĐO LƯỜNG VÀ KIỂM TRA.

Hàng năm, Công ty mời các cơ quan chức năng kiểm tra độ ồn, rung, bụi... để có căn cứ nghiên cứu và trang bị bổ sung thêm đồng phục, thiết bị bảo hộ cho nhân viên nhằm hạn chế ảnh hưởng môi trường đến sức khỏe người lao động. Ngoài ra, Công ty luôn kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, có hại, cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động; định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, nhà xưởng, kho hàng.

Để thuận lợi trong công tác khám chữa bệnh ban đầu, Công ty đã đầu tư trạm y tế với 1 bác sĩ và 1 y tá, được trang bị xe cứu thương và các trang thiết bị cần thiết tại Nhà máy TTCS ở Tây Ninh. Trong niên độ vừa qua, Công ty đã ban hành Bộ Sổ tay An toàn Lao động áp dụng chung cho các Nhà máy nhằm nâng cao nhận thức về an toàn và sức khỏe trong quá trình lao động. Tổng chi phí thực hiện các hoạt động đảm bảo an toàn sức khỏe nghề nghiệp của CBNV trong Niên độ 2017-2018 lên tới gần 2,2 tỷ đồng.



CBNV nhà máy chuẩn bị tham gia Chương trình Khám sức khỏe định kỳ Niên độ 2017-2018

Vừa mang ý thức bảo vệ môi trường, vừa tăng khả năng sáng tạo trong công việc; Công ty đã triển khai và đẩy mạnh việc trồng cây xanh quanh khu vực Nhà máy, Văn phòng; thực hiện xây dựng môi trường làm việc Xanh - Sạch - Đẹp cùng khẩu hiệu "Một tầng - Một Singapore" nhằm tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho mỗi CBNV.

GRI 404

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GRI 404-1: SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH MỖI NĂM CHO MỖI NHÂN VIÊN

NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG VỚI TAY NGHỀ CAO SẼ LÀ YẾU TỐ QUAN TRỌNG GÓP PHẦN VÀO QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN ỔN ĐỊNH VÀ BỀN VỮNG CỦA CÔNG TY.

Hàng năm, Công ty đều xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo cho CBNV từ cấp Nhân viên/Chuyên viên cho đến các cấp QL với những nhóm Chương trình chính căn cứ nhu cầu hoạt động của Công ty theo từng thời kỳ. Niên độ 2017-2018, TTC Biên Hòa đã chi gần 2 tỷ đồng cho hoạt động đào tạo với 147 khóa học và tổng số lượt học viên tham dự là 6.594 lượt, tăng 206% so

với Niên độ trước, bao gồm tự đào tạo 28% và thuê ngoài 72%. Trung bình với gần 45 học viên cho mỗi khóa học đảm bảo duy trì chất lượng

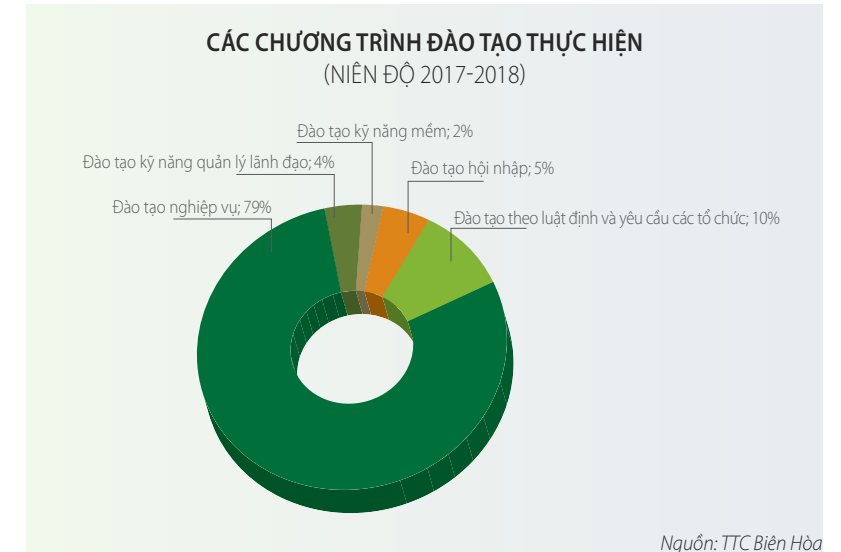
cho mỗi chương trình, Công ty phần đầu có thể tạo điều kiện cho tất cả hơn 4.000 CBNV được tham gia đào tạo nâng cao năng lực bản thân.



GRI 404-2: CÁC CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO KỸ NĂNG CHO NHÂN VIÊN VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ CHUYỂN TIẾP

ĐỂ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC THỰC SỰ PHÁT HUY ĐƯỢC HIỆU QUẢ, CÔNG TY TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO TỪNG VỊ TRÍ CHỨC DANH. THÔNG QUA KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NÀY, CÁC CẤP QUẢN LÝ, LÃNH ĐẠO SẼ CÓ CÁI NHÌN TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CỦA TỔ CHỨC.

Công ty chia các chương trình đào tạo làm 5 Loại hình chính là (1) Đào tạo nghiệp vụ cung cấp kiến thức, kỹ năng cần thiết có liên quan đến công việc/chuyên môn; (2) Đào tạo theo luật định và yêu cầu của các tổ chức cấp chứng nhận về tiêu chuẩn, chất lượng đáp ứng yêu cầu của pháp luật về tiêu chuẩn trình độ cũng như kiến thức cần thiết; (3) Đào tạo hội nhập giới thiệu thông tin về Công ty, hướng dẫn các vấn đề cần thiết cho CBNV mới; (4) Đào tạo kỹ năng QL, LĐ nhằm bồi dưỡng kiến thức và phát triển kỹ năng QL, LĐ cho các cấp QL; (5) Đào tạo kỹ năng mềm bồi dưỡng kiến thức và phát triển kỹ năng mềm cần thiết, nâng cao hiệu quả công việc cá nhân và một hình thức bổ sung là Đào tạo phát triển, kế thừa kết hợp nhiều nội dung đào tạo khác nhau nhằm phát triển các cá nhân có tiềm năng, năng lực vượt trội trở thành nhà QL cấp trung, cấp cao trong tương lai. Trong các Niên độ tiếp theo, các chương trình này sẽ được tiếp tục hoàn thiện về nội dung lẫn cách thức giảng dạy để có thể thu hút được nhiều hơn lượt tham dự của CBNV Công ty.



Niên độ 2017-2018 là giai đoạn đầu hậu sáp nhập, Công ty cần nguồn lực CBNV đầy đủ phẩm chất và năng lực để đáp ứng những thách thức của GE này, do đó tỷ trọng chương trình về đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ là cao nhất với 79%. Các chương trình đào tạo cao điểm vào khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 12, đây là thời điểm chuẩn bị bước vào vụ sản xuất mới, CBNV cần được đào tạo và tái đào tạo lại các

nội dung liên quan đến AT VS/LD, ATTP cũng như cập nhật kiến thức chuyên môn, quy trình sản xuất. Trong cả Niên độ, phần lớn các chương trình đào tạo tập trung vào nâng cao kỹ năng làm việc, chất lượng tay nghề và phát triển đội ngũ. Các chương trình đào tạo đội ngũ kế thừa như GE/LD hay cuộc thi TTC Talent cũng được khuyến khích nhằm hoạch định nhân sự dài hạn cho tương lai.



TTC Talent - Cuộc thi tìm kiếm nguồn nhân sự kế thừa cho Công ty



Chương trình đào tạo Chuyên viên cấp trung

GRI 405

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

GRI 405-1: SỰ ĐA DẠNG CỦA CẤP QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

896 NGƯỜI

TỔNG SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG NỮ
NIÊN ĐỘ 2017-2018

50%

TỶ LỆ NỮ TRONG HĐQT
NIÊN ĐỘ 2017-2018

↗ 25% SO VỚI NIÊN ĐỘ 2016-2017

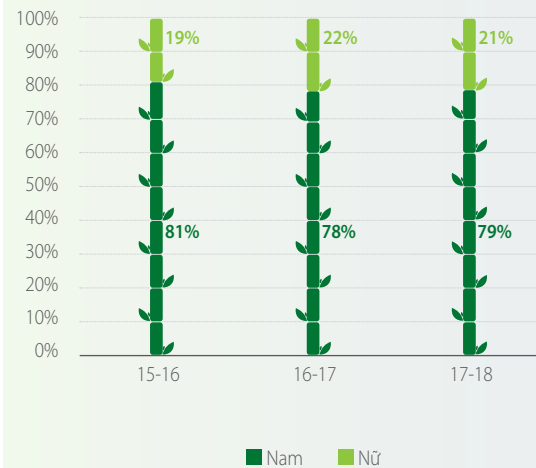
↗ 40% SO VỚI NIÊN ĐỘ 2015-2016

Công ty có đội ngũ nhân viên trẻ, năng động và nhiệt huyết với số lượng nhân viên từ 37 tuổi trở xuống chiếm tới 54% tổng số nhân viên, số lượng nhân viên trên 53 tuổi chỉ chiếm khoảng 6%. Đây là cơ sở để Công ty có thể đặt ra các mục tiêu đầy hoài bão nhưng vẫn có những thành viên dày dặn kinh nghiệm, kịp thời tư vấn và đưa ra những bài học quý báu.

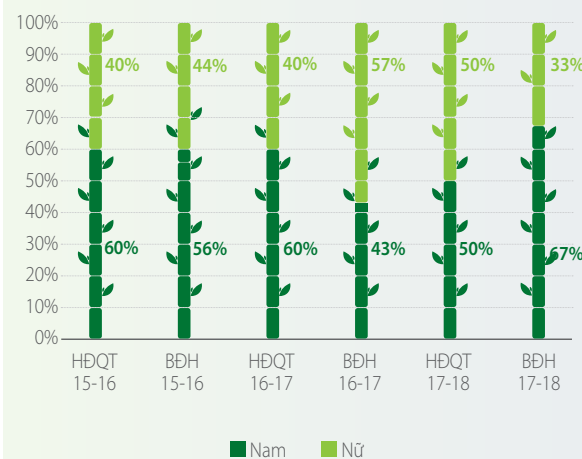
Với đặc thù là Công ty Mía Đường với nhiều vị trí sản xuất cần lao động có sức khỏe tốt, tỷ lệ lao động Nam chiếm 79% và Nữ là 21%; và tỷ lệ lao động Nữ này được duy trì khá ổn định qua các năm khi Niên độ 2016-2017 là 22% và Niên độ 2015-2016 là 19%. Tổng số lượng lao động nữ trong Niên độ 2017-2018 là 896 người được Công ty chủ động tạo cơ chế thăng tiến bình đẳng với 20% nữ giới là LĐ chiến lược và QL cấp cao. Đặc biệt, Niên độ 2017-2018 ghi nhận tỷ lệ nữ trong HĐQT là 50%, tăng trưởng 25% so với Niên độ 2016-2017 và Niên độ 2015-2016 là 40%.

Mặc dù cơ cấu lao động tập trung ở cấp Chuyên viên đến QL cấp cao chỉ là 29% nhưng trình độ nhân sự từ có chuyên môn từ Cao đẳng trở lên đạt 35%. Đây là nỗ lực của Khối Nhân sự trong việc đảm bảo chất lượng đầu vào của tất cả những CBNV của Công ty, thể hiện sự chuẩn bị toàn diện của Công ty cho quá trình hội nhập cũng như mục tiêu vươn tầm khu vực trong những Niên độ tới.

CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO GIỚI TÍNH
GIAI ĐOẠN NIÊN ĐỘ 2015-2016 ĐẾN 2017-2018



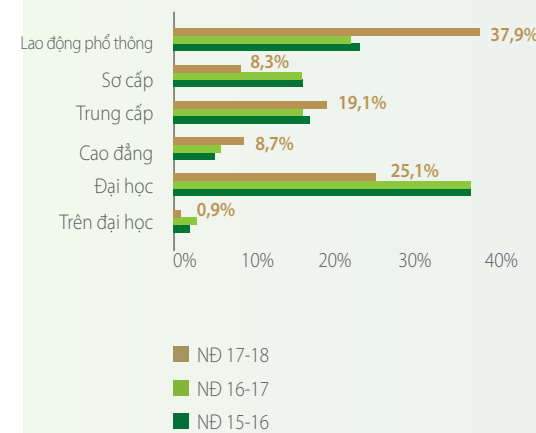
TỈ LỆ NỮ GIỚI THUỘC HĐQT VÀ BĐH
GIAI ĐOẠN NIÊN ĐỘ 2015-2016 ĐẾN 2017-2018



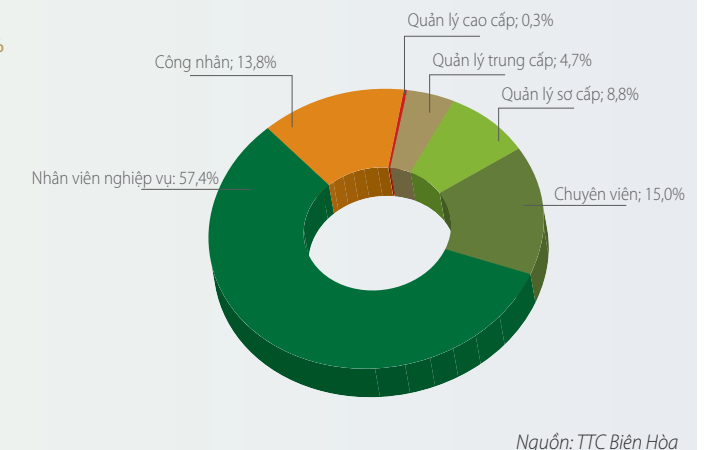
Nguồn: TTC Biên Hòa

CƠ CẤU TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG

GIAI ĐOẠN NIÊN ĐỘ 2015-2016 ĐẾN 2017-2018



CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO CẤP BẬC



Nguồn: TTC Biên Hòa

GRI 405-2: TỶ LỆ LƯƠNG CƠ BẢN VÀ THÙ LAO CỦA PHỤ NỮ SO VỚI NAM GIỚI

Tương tự như các Niên độ trước, mức lương trung bình của nữ giới thường nhỉnh hơn so với nam giới. Do đặc thù là Công ty sản xuất với công việc nặng nhọc nên phần lớn lực lượng lao động là công nhân và lao động phổ thông làm việc trong nhà máy chiếm 38%. Trong khi đó, CBNV nữ tuy chiếm số lượng nhỏ hơn khoảng 21% tổng số nhân sự nhưng phần lớn là lao động trí thức làm việc chủ yếu ở khối văn phòng.

GRI 413

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

GRI 413-1: NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN

“PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG” LUÔN LÀ MỤC TIÊU HÀNG ĐẦU TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP TẠI TTC BIÊN HÒA.

Công ty luôn là bạn đồng hành cùng với chính quyền các địa phương trong việc *Xóa đói giảm nghèo, ổn định cuộc sống; Cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho mọi lứa tuổi; Giáo dục có chất lượng, công bằng và hiệu quả, nâng cao cơ hội học tập cho mọi người; Xây dựng kinh tế, tạo việc làm bền vững; và Giảm bất bình đẳng, xây dựng cộng đồng dân cư an toàn và bền vững.*

TTC Biên Hòa hiện sở hữu 9 Nhà máy luyện Đường tại Gia Lai, Bình Thuận, Khánh Hòa, Đồng Nai, Tây Ninh, Attapeu (Lào) cùng VNL trải dài khắp 3 nước Đông Dương Việt Nam - Lào - Campuchia. Sản phẩm Đường TTC Biên Hòa hiện có mặt trên toàn quốc và tập trung nhiều nhất ở khu vực miền Nam. Đối với những địa bàn đặt Nhà máy luyện Đường, TTC Biên Hòa tạo ra nguồn việc làm ổn định cho lực lượng lao động địa phương với hơn 40.000 việc làm, góp phần tăng thu nhập và phát triển kinh tế địa phương cũng như mang lại hàng loạt tác động tích cực cho cộng đồng. Đối với những khu vực VNL thuộc sở hữu của TTC Biên Hòa, Công ty



Đồng hành cùng Người nông dân, tạo công ăn việc làm bền vững

tạo ra việc làm ổn định cho Người nông dân, hướng họ trở thành những “công nhân nông nghiệp” với tư duy và tác phong hiện đại, được hưởng nguồn thu nhập cao hơn cũng như các chính sách phúc lợi tốt. Còn đối với các ruộng mía hợp tác, TTC Biên Hòa tiến hành ký hợp đồng bao tiêu đầu ra, cung cấp mía giống và hướng dẫn kỹ thuật canh tác cho nông dân. Để thúc đẩy vấn đề cơ giới hóa đồng ruộng, Công ty xây dựng cơ chế hỗ trợ tài chính để Người nông dân có thể mua sắm các thiết bị máy móc hiện đại, giúp giải phóng sức lao động cũng như tăng năng suất, chữ Đường.

GRI 413

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (tiếp theo)

GRI 413-1: NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

Về mặt pháp lý, toàn bộ hoạt động thuê mướn lao động toàn thời gian, thời vụ, công nhật... đều được Công ty tuân thủ theo Luật Lao động. Công nhân làm việc tại nhà máy và nông trường được đào tạo kỹ năng cũng như cấp phát đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động. Các hoạt động hợp tác, bao tiêu sản phẩm, hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho nông dân được lập thành hệ thống chính

sách rõ ràng, có hợp đồng ký kết với các điều khoản mang tính chia sẻ lợi ích cũng như rủi ro giữa đôi bên.

Về phương diện bán hàng, sản phẩm của TTC Biên Hòa đang dần thay thế các loại đường nhập lậu, không rõ nguồn gốc trên tất cả các địa bàn phân phối. Điều này có tác động đáng kể đến thói quen tiêu dùng của cộng đồng. Theo kết quả đánh giá từ một số đơn vị khảo sát độc lập, đời sống của người dân địa phương có sự thay đổi tích cực khi làm việc hoặc hợp tác sản xuất với TTC Biên Hòa, trong đó gồm có thu nhập tăng, việc làm ổn định, khả năng tiếp cận với các công nghệ, kỹ thuật canh tác mới, môi trường làm việc cải thiện.



Chương trình “Ấm tình Attapeu - Lào” - Một trong những chương trình hướng đến Cộng đồng Xã hội của TTC Biên Hòa

STT	Mục tiêu chính	Các hoạt động tiêu biểu	Người thụ hưởng	Chi phí
1	Xóa đói giảm nghèo, ổn định cuộc sống	» Xây dựng, sửa chữa đường giao thông nông thôn tại các Tỉnh/Thành mà Công ty hoạt động » Ủng hộ bà con bị lũ lụt tại miền Trung hàng năm » Cứu trợ bà con trong sự cố vỡ đập tại Attapeu (Lào) » Tặng quà từ thiện » Ủng hộ, quyên góp các chiến dịch vì người nghèo, xóa nghèo trên toàn quốc » Tặng quà hỗ trợ người nghèo đón Tết, Trung thu, các dịp Lễ Tết trong năm » Tổ chức Chương trình “Ấm tình Attapeu - Lào” » Xây nhà tình thương cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn » Hỗ trợ bò giống cho nông dân nghèo » Hỗ trợ giống mía, tặng bò giống, vật tư nông nghiệp, hướng dẫn kỹ thuật trồng mía	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ NGƯỜI NGHÈO NGƯỜI NÔNG DÂN	~2,6 TỶ ĐỒNG
2	Cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho mọi lứa tuổi	» Khám bệnh định kỳ » Du lịch hàng năm » Đào tạo phòng vệ VS ATTP, ATLD » Hiến máu tự nguyện » Chương trình khám chữa bệnh miễn phí tại các địa phương » Hỗ trợ kinh phí điều trị ung thư máu » Chương trình “Chung tay bảo trợ trẻ em trước xâm phạm tình dục” » “Nâng cao nhận thức về Phòng vệ Thực phẩm” định kỳ hàng năm cho khách hàng	CBNV NGƯỜI NGHÈO TRẺ EM KHÁCH HÀNG	14+ TỶ ĐỒNG
3	Giáo dục có chất lượng, công bằng và hiệu quả; nâng cao cơ hội học tập cho mọi người	» Ủng hộ các Quỹ khuyến học tại địa phương trên toàn quốc » Gửi tặng sách vở » Chương trình “Áo trắng yêu thương cùng em đến trường” » Ủng hộ chi phí thực hiện chương trình “Xây thư viện xanh” » Tham gia các chương trình đào tạo bắt buộc theo quy định của pháp luật » Đào tạo thực tế » Đào tạo định kỳ nội bộ » Nâng cao năng lực quản lý » Phát triển đội ngũ kế thừa	TRẺ EM HỌC SINH CBNV	2,3+ TỶ ĐỒNG
4	Xây dựng kinh tế, tạo việc làm bền vững	» Tạo việc làm trực tiếp và gián tiếp cho xã hội » Hỗ trợ vốn, kỹ thuật canh tác... cho bà con nông dân trồng mía tại địa phương	NGƯỜI LAO ĐỘNG NGƯỜI NÔNG DÂN	40.000+ NGƯỜI
5	Giảm bất bình đẳng, xây dựng cộng đồng dân cư an toàn và bền vững	» Hỗ trợ người khuyết tật, người vô gia cư, người già neo đơn » Cơ hội việc làm cho người khuyết tật, lao động thuộc diện chính sách xã hội, lao động về hưu, sinh viên thực tập... » Tạo cơ hội việc làm, thăng tiến bình đẳng cho lao động nữ » Đảm bảo duy trì công ăn việc làm cho lao động địa phương	NGƯỜI CHIU THIẾT THỜI CỦA XÃ HỘI SINH VIÊN NỮ GIỚI NGƯỜI ĐỊA PHƯƠNG NÔNG DÂN	400 TRIỆU ĐỒNG 35.000+ NGƯỜI

Nguồn: TTC Biên Hòa

GRI 413

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (tiếp theo)

GRI 413-2: NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC TIỀM ẨN VÀ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC THỰC TẾ ĐÁNG KỂ TỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

DO ĐẶC THÙ HOẠT ĐỘNG CANH TÁC VÀ SẢN XUẤT LUÔN TIỀM ẨN NHỮNG NGUY CƠ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG, TTC BIÊN HÒA LUÔN Ý THỨC NHỮNG RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA VỚI CỘNG ĐỒNG XUNG QUANH ĐỂ CÓ NHỮNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN RỦI RO CŨNG NHƯ GIẢM THIỂU CÁC TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC.

NHẬN DIỆN CÁC RỦI RO VÀ NHỮNG BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU RỦI RO

Yếu tố chính	Rủi ro	Hành động
CANH TÁC MÍA NGUYÊN LIỆU	» Phá rừng làm đất canh tác » Ô nhiễm môi trường đất, nguồn nước » Mất cân bằng sinh thái địa phương » Mất cân đối diện tích cây trồng	» Đảm bảo đất canh tác không xâm phạm đến diện tích đất rừng » Kiểm soát chặt chẽ sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật » Đảm bảo không để tồn dư chất độc trong đất và nguồn nước » Các hoạt động canh tác hạn chế thấp nhất việc ảnh hưởng đến hệ động thực vật » Các loài chim và côn trùng thiên địch được khuyến khích phát triển » Hoa được trồng dọc theo bờ các ruộng mía » Mở rộng VNL tuân theo chủ trương, quy hoạch về nông nghiệp của chính quyền địa phương » Tỷ lệ diện tích đất trồng mía được xác định theo hướng có lợi nhất cho người dân
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT	» Ô nhiễm đất, nguồn nước, không khí, tiếng ồn » Vấn đề thất nghiệp	» <i>Về nước thải:</i> Đầu tư hệ thống xử lý nước thải hiện đại, đảm bảo nước thải ra môi trường không gây ô nhiễm » <i>Về chất thải rắn:</i> Tận dụng hầu như toàn bộ các phụ phẩm sinh ra trong quá trình sản xuất để sử dụng cho các mục đích khác nhau » <i>Về ô nhiễm không khí và tiếng ồn:</i> Quy định chi tiết trong vận hành máy móc thiết bị, đảm bảo không phát thải đáng kể bụi cũng như tiếng ồn » Tạo điều kiện tối đa cho lao động địa phương có việc làm tại Công ty » Trong quá trình sáp nhập, tái cơ cấu, Công ty vẫn giữ lại những lao động cũ có năng lực » Hỗ trợ phương tiện đưa đón, ăn ở khi điều động công tác tại địa phương khác.



Người nông dân trồng hoa tại nông trường mía

GRI 416

SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG

GRI 416-1: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA CÁC LOẠI SẢN PHẨM HOẶC DỊCH VỤ

“Mang Đường sạch đến với mọi nhà” là tiêu chí hoạt động của TTC Biên Hòa, chính vì vậy sức khỏe và an toàn của người tiêu dùng là ưu tiên hàng đầu mà Công ty tuân thủ trong quá trình sản xuất. Sản phẩm Đường của TTC Biên Hòa được sản xuất theo công nghệ Châu Âu, tiêu chuẩn ISO 9001 và ISO 22000. Công ty cũng là doanh nghiệp Đường đầu tiên ở Việt Nam xuất hàng đi Mỹ với việc đạt được các chỉ tiêu Giấy chứng nhận của Cục Quản lý Thực phẩm, Dược phẩm Mỹ (FDA) và chứng minh sản xuất bằng công nghệ Châu Âu với các tiêu chuẩn nghiêm ngặt.

Bên cạnh việc đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng mọi nhu cầu tiêu dùng của khách hàng đặc biệt là an toàn sức khỏe, Công ty đang đẩy mạnh phát triển mảng Đường hữu cơ, không chỉ mang

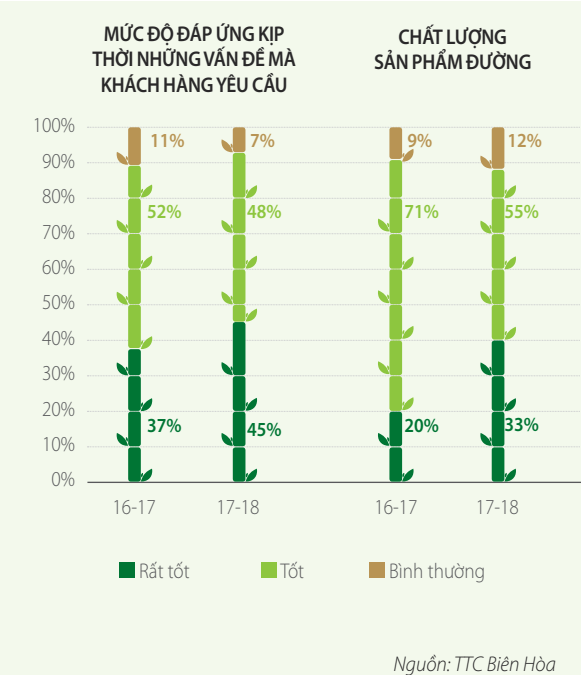
GRI 416-2: CÁC VỤ VIỆC KHÔNG TUÂN THỦ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC TÁC ĐỘNG, SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Kết quả đảm bảo chất lượng của Niên độ 2017-2018 đều vượt mục tiêu đề ra từ đầu năm khi các chỉ tiêu liên quan đến *Chất lượng - Sản phẩm bị khách hàng khiếu nại (lỗi chính đáng), Sản phẩm không phù hợp trong quá trình sản xuất, Sản phẩm không phù hợp trong quá trình lưu và xuất kho* đều được đánh giá tốt với kết quả thực hiện lần lượt là 0,1%, 0,34% và 0,12%, giảm 70%, 45% và 43% so với mục tiêu của cả Niên độ. Riêng về tiêu chí AT VSTP bao gồm Sản phẩm bị khách hàng trả về do khiếu nại vi phạm AT VSTP (nhễm Coliform, kim loại nặng trong thành phẩm) đều hoàn thành xuất sắc khi không xảy ra trường hợp nào.

Hàng năm, Công ty luôn thực hiện khảo sát đánh giá chất lượng sản phẩm thông qua Chương trình Khảo sát sự hài lòng của khách hàng để có những điều chỉnh kịp thời. Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như chất lượng phục vụ khách hàng, Niên độ 2017-2018, TTC Biên Hòa đã thực hiện đánh giá đa dạng trên 40 khách hàng của tất cả các kênh tiêu thụ khác nhau gồm Doanh nghiệp B2B, Thương mại, Tiêu dùng B2C và Xuất khẩu. Qua kết quả khảo sát, tỷ lệ hài lòng của khách hàng đạt 93% đánh giá Tốt và Rất tốt về Mức độ đáp ứng kịp thời những vấn đề mà khách hàng yêu cầu, cải thiện khoảng 5% so với đợt đánh giá của Niên độ 2016-2017. Đối với Chất lượng sản phẩm Đường, đánh giá Tốt và Rất tốt đạt 88%. Đáng chú ý, tất cả các chỉ số này đều được cải thiện đáng kể trong tiêu chí đánh giá Rất tốt so với Niên độ trước, cụ thể Mức độ đáp ứng kịp thời những vấn đề mà khách hàng yêu cầu đạt 45% trong tổng số 100%, cải thiện 22%; Chất lượng sản phẩm

lại giá trị gia tăng lớn mà còn góp phần cải thiện sức khỏe của người tiêu dùng. Công nghệ sản xuất cho sản phẩm này sẽ cho ra những hạt Đường “sạch” theo tiêu chuẩn quốc tế, được làm từ những cây mía không sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu, hoàn toàn tốt cho sức khỏe người dùng vì chứa hàm lượng dinh dưỡng và khoáng chất cao hơn so với loại đường thông thường.

Các nỗ lực đảm bảo sức khỏe và an toàn cho khách hàng của Công ty cũng được minh chứng bằng một loạt các chứng nhận quốc tế như Chứng nhận Quản lý ATVSTP FSSC 22000 của Bureau Veritas, Chứng nhận AT VSTP tại Trung Đông của HCA Việt Nam, Thương hiệu Gia vị xuất sắc nhất 2018 của CMO Asia.



Đường đạt 33%, cải thiện vượt bậc 65%. Những con số này sẽ là động lực để TTC Biên Hòa tiếp tục củng cố công tác bảo vệ sức khỏe và an toàn của khách hàng trong Niên độ 2018-2019, phấn đấu tất cả các chỉ tiêu khảo sát đạt trên 90%, hướng đến mục tiêu 50% thị phần Đường Việt Nam trong Niên độ 2020-2021.

Vũng Vàng - Minh Bạch

TIẾN BƯỚC, VƯƠN XA THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chuẩn mực báo cáo quốc tế, hệ thống quản trị tiên tiến theo thông lệ tốt nhất đang được triển khai áp dụng, từng bước đưa thương hiệu TTC Biên Hòa vươn ra thị trường Khu vực và Thế giới.



05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất Niên độ 2017-2018	202
Báo cáo tài chính kiểm toán riêng Niên độ 2017-2018	256

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ 2017-2018

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa, trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (“Công ty”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở, và các hoạt động đầu tư.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các TV Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Hoa	Phó chủ tịch thường trực	
Ông Lê Văn Dĩnh	Phó chủ tịch	miễn nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2017
Bà Đặng Huỳnh Ước My	Thành viên	
Ông Henry Chung	Thành viên	
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2017
Ông See Beow Tean	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2017

TIỂU BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng ban
Ông Henry Chung	Thành viên
Ông See Beow Tean	Thành viên

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Ngử	Tổng Giám đốc	
Bà Trần Quế Trang	Phó Tổng Giám đốc thường trực	
Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017 từ nhiệm ngày 22 tháng 1 năm 2018 bổ nhiệm ngày 12 tháng 2 năm 2018
Ông Lê Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2017
Ông Trương Thạnh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 22 tháng 1 năm 2018 từ nhiệm ngày 30 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Anh Vũ	Giám đốc Quan hệ Đầu tư	bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2018
Ông Lê Đức Tồn	Giám đốc Nhà máy	từ nhiệm ngày 22 tháng 2 năm 2018
Ông Lê Huy Thành	Quyển Giám đốc chi nhánh Giám đốc Khối Nông nghiệp kiêm Giám đốc Phát triển Nguyên liệu Vùng 1	bổ nhiệm ngày 22 tháng 2 năm 2018 bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Bà Trương Thị Kim Phượng	Giám đốc kinh doanh	bổ nhiệm ngày 12 tháng 2 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Hòa	Giám đốc Phát triển Nguyên liệu Vùng 3	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017 từ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2018
Ông Trần Huy Hào	Giám đốc Điều hành Trung tâm Thương mại TTC Plaza Tây Ninh	bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017
Ông Trương Trí Cường	Giám đốc Quản lý hệ thống	bổ nhiệm ngày 2 tháng 5 năm 2018 từ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2018
Bà Đoàn Vũ Uyên Duyên	Giám đốc Khối Tài chính – Kế toán	bổ nhiệm ngày 5 tháng 9 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám đốc Khối Tài chính – Kế toán	từ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2018
Ông Huỳnh Văn Pháp	Phó Giám đốc chi nhánh Giám đốc Kinh doanh	bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2018
Ông Trang Thanh Trúc	Giám đốc Đối ngoại	
Ông Thái Bá Hòa	Giám đốc Nguyên liệu	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Hùng Việt	Giám đốc Kỹ thuật	miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Việt Hùng	Giám đốc Phát triển Nguyên liệu Vùng 2 Phó Tổng Giám đốc Nguyên liệu	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017 miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017 miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Hồng Dương.

Ông Nguyễn Thanh Ngử được Ông Phạm Hồng Dương ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 31/2017/QĐ – CT.HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Hồng Dương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa, trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 25 tháng 9 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 80, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán

Số: 0426-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 9 năm 2018



Vương Văn Minh

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán

Số: 3446-2015-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 30 tháng 6 năm 2018

B01-DN/HN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.813.282.063.081	4.414.791.304.183
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	324.968.354.928	202.593.033.644
111	1. Tiền		270.968.354.928	202.593.033.644
112	2. Các khoản tương đương tiền		54.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		614.337.054.432	112.385.986.079
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6	147.759.126.842	115.587.852.769
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6	(8.622.072.410)	(3.701.866.690)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7	475.200.000.000	500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.714.794.529.834	2.067.763.576.522
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.1	1.585.814.700.457	562.526.221.534
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.2	2.327.714.818.742	1.161.739.185.942
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	215.317.000.000	285.800.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	661.365.229.237	97.453.892.875
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8, 10	(75.417.218.602)	(39.755.723.829)
140	IV. Hàng tồn kho	11	3.971.722.969.990	1.958.094.882.102
141	1. Hàng tồn kho		4.009.377.285.392	1.959.735.521.352
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(37.654.315.402)	(1.640.639.250)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		187.459.153.897	73.953.825.836
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	126.639.033.019	63.048.737.092
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		45.214.465.625	1.097.290.925
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13(b)	15.605.655.253	9.807.797.819

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.880.275.890.655	3.333.549.293.991
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		542.698.458.694	247.604.257.836
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	8.2	129.111.796.826	87.265.337.933
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn		-	200.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	10	413.586.661.868	160.138.919.903
220	II. Tài sản cố định		4.698.440.525.940	1.442.294.352.074
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	4.506.630.843.371	1.223.071.433.345
222	Nguyên giá		8.483.696.268.432	3.148.451.311.003
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.977.065.425.061)	(1.925.379.877.658)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	119.133.104.380	62.692.225.631
225	Nguyên giá		151.725.361.276	73.767.448.385
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(32.592.256.896)	(11.075.222.754)
227	3. Tài sản cố định vô hình	15	72.676.578.189	156.530.693.098
228	Nguyên giá		106.932.919.031	172.777.949.697
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(34.256.340.842)	(16.247.256.599)
230	III. Bất động sản đầu tư	16	181.161.531.163	131.118.256.994
231	1. Nguyên giá		205.807.780.825	138.061.019.789
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(24.646.249.662)	(6.942.762.795)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		134.062.023.484	78.656.574.346
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17	134.062.023.484	78.656.574.346
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	18	637.130.825.071	1.372.916.355.311
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	192.557.122.221	1.372.916.355.311
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	445.314.919.184	770.062.384
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(741.216.334)	(770.062.384)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.686.782.526.303	60.959.497.430
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.500.510.998.039	44.416.155.370
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	15.853.707.016	573.205.126
269	3. Lợi thế thương mại	19	170.417.821.248	15.970.136.934
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		17.693.557.953.736	7.748.340.598.174

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018

B01-DN/HN

VND

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B02-DN/HN

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		11.596.198.019.420	4.686.930.142.777
310	I. Nợ ngắn hạn		8.901.828.418.619	3.163.682.467.090
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20	357.620.227.232	125.823.866.896
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	189.075.241.605	90.045.951.574
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	159.302.208.063	11.094.258.042
314	4. Phải trả người lao động		26.482.285.100	8.634.282.071
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	299.200.761.237	54.505.220.916
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		6.717.903.350	3.466.732.320
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	24	80.757.931.129	7.293.806.406
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25	7.702.811.475.586	2.849.665.687.097
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		3.862.913.000	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		75.997.472.317	13.152.661.768
330	II. Nợ dài hạn		2.694.369.600.801	1.523.247.675.687
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		12.946.654.043	15.600.295.440
337	2. Phải trả dài hạn khác	24	6.679.256.280	6.338.567.960
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25	2.581.878.050.298	1.501.308.812.287
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	90.300.433.513	-
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		565.206.667	-
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		2.000.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.097.359.934.316	3.061.410.455.397
410	I. Vốn chủ sở hữu		6.097.359.934.316	3.061.410.455.397
411	1. Vốn cổ phần	26.1	5.570.186.730.000	2.531.882.680.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		5.570.186.730.000	2.531.882.680.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	26.1	6.243.045.915.565	75.894.194.065
414	3. Phụ trội hợp nhất	26.1	(5.534.410.411.336)	-
415	4. Cổ phiếu quỹ	26.1	(1.099.985.561.092)	-
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	26.1	(60.609.170.380)	6.812.245.007
418	6. Quỹ đầu tư phát triển	26.1	69.863.681.464	39.217.460.174
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26.1	856.496.451.241	395.854.229.859
421a	- Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến cuối năm trước		308.122.494.453	111.025.631.641
421b	- Lợi nhuận sau thuế năm nay		548.373.956.788	284.828.598.218
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27	52.772.298.854	11.749.646.292
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		17.693.557.953.736	7.748.340.598.174


Nguyễn Thùy Trang
Người lập


Lê Phát Tín
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Ngự
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 9 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	10.325.400.666.889	4.502.976.571.901
02	2. Các khoản giảm trừ	28.1	(40.705.067.180)	(4.593.193.827)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	10.284.695.599.709	4.498.383.378.074
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(8.958.611.031.521)	(3.942.241.645.355)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.326.084.568.188	556.141.732.719
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	712.478.611.133	221.886.524.205
22	7. Chi phí tài chính	30	(806.070.490.610)	(280.225.773.821)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(714.074.144.851)	(256.785.222.928)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		60.942.913.700	40.212.488.665
25	9. Chi phí bán hàng	31	(317.657.679.907)	(87.356.899.046)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(436.326.601.038)	(149.592.462.244)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		539.451.321.466	301.065.610.478
31	12. Thu nhập khác	33	178.470.049.565	18.912.677.772
32	13. Chi phí khác	33	(35.629.630.048)	(10.375.487.711)
40	14. Lợi nhuận khác	33	142.840.419.517	8.537.190.061
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		682.291.740.983	309.602.800.539
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(149.395.403.503)	(22.108.146.430)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	34.3	12.193.387.854	(278.190.193)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		545.089.725.334	287.216.463.916
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		544.871.022.423	287.703.220.863
62	20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát		218.702.911	(486.756.947)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.4	974	939
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26.4	974	939


Nguyễn Thùy Trang
Người lập


Lê Phát Tín
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Ngự
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B03-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		682.291.740.983	309.602.800.539
Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	13, 14, 15, 16, 19	629.119.582.515	199.931.775.661
03	Các khoản dự phòng		59.778.780.260	1.799.007.212
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		685.718.668	228.630.602
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(834.844.728.106)	(248.674.307.088)
06	Chi phí lãi vay	30	714.074.144.851	256.785.222.928
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.251.105.239.171	519.673.129.854
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		726.047.615.035	(133.478.152.810)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		109.490.373.651	(625.639.249.669)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(432.206.135.109)	119.012.667.901
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		148.580.746.790	(22.317.933.836)
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		17.637.697	(61.471.251.902)
14	Tiền lãi vay đã trả		(574.728.514.548)	(253.009.593.869)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(118.970.300.226)	(26.193.402.027)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(23.939.198.356)	(48.617.968.424)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		1.085.397.464.105	(532.041.754.782)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(479.534.685.000)	(183.499.708.180)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		79.678.702.438	8.558.550.022
23	Tiền chi cho vay		(682.600.000.000)	(1.248.380.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		1.424.125.000.000	1.095.380.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(834.605.279.975)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		317.063.186.329	355.792.706.726
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		116.651.561.966	111.174.717.491
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		775.383.765.733	(695.579.013.916)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		-	107.097.422.535
32	Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	26.1	(1.099.985.561.092)	-
33	Tiền thu từ đi vay		14.288.029.800.206	5.957.144.296.648
34	Tiền trả nợ gốc vay		(14.895.977.008.106)	(5.480.015.161.840)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(29.384.431.079)	(9.162.829.080)
36	Cổ tức đã trả	26.2	(12.074.600)	(63.122.250)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(1.737.329.274.257)	575.000.606.013
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		123.451.955.581	(652.620.162.685)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		202.593.033.644	855.375.120.630
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.076.634.297)	(161.924.301)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		324.968.354.928	202.593.033.644


Nguyễn Thùy Trang
Người lập

Ngày 25 tháng 9 năm 2018


Lê Phát Tín
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Ngự
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa, trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (“Công ty”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty và các công ty con (“Nhóm công ty”) là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 4.217 (ngày 30 tháng 6 năm 2017: 1.367).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có 6 công ty con trực tiếp và 16 công ty con gián tiếp như sau:

Công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty con trực tiếp					
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan; kinh doanh cồn và các sản phẩm liên quan; sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía	Đang hoạt động	90,00	90,00
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai	Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất đường và các sản phẩm sau đường: mật rỉ, bánh kẹo, đồ uống, sản xuất, truyền tải và phân phối điện, sản xuất phân bón	Đang hoạt động	100,00	100,00
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư nhân Đầu tư TSU	Singapore	Mua bán, sản xuất và đóng gói đường thô, đường tinh luyện để bán trong lãnh thổ Singapore và xuất khẩu trong khu vực	Đang hoạt động	100,00	100,00
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	100,00	100,00
Công ty TNHH MTV Nước Miaqua	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; sản xuất và chế biến nước ngọt, nước trái cây và sữa đậu nành; sản xuất nước tinh khiết đóng chai	Đang hoạt động	100,00	100,00
Công ty TNHH Hải Vi	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	Trồng mía, cung cấp dịch vụ trồng trọt, tư vấn kỹ thuật, kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp; sản xuất và bán điện; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường	Đang hoạt động	100,00	100,00

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty con gián tiếp (tiếp theo)					
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất đường và các phụ phẩm khác từ mía; sản xuất điện; kinh doanh vật tư nông nghiệp; sản xuất và kinh doanh phân bón; và cung cấp dịch vụ cho thuê kho	Đang hoạt động	100,00	100,00
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất điện và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện	Đang hoạt động	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh đường, sắn và cao su	Đang hoạt động	99,88	99,88
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất đường, trồng cây mía, trồng cây lấy củ có chất bột, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp thực phẩm và bán buôn tổng hợp	Đang hoạt động	81,47	81,53
Công ty Cổ phần Cao su Nước Trong	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (từ gỗ, tre, nứa) và đồ gỗ vật sống, bán buôn thực phẩm, trồng cao su, sản xuất và bán buôn các sản phẩm ngành cao su, bán buôn máy móc thiết bị ngành cao su.	Đang hoạt động	52,94	53,00
Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất đường; trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp; sản xuất và bán điện; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường	Đang hoạt động	100,00	100,00
Công ty TNHH Tư nhân NHSS	Singapore	Kinh doanh thương mại, mua bán các sản phẩm: đường, phụ phẩm từ hoạt động chế biến đường (mật rỉ)	Đang hoạt động	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận,	Sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ từ mía; sản xuất và kinh doanh phân hữu cơ và cồn thực phẩm; và kinh doanh xăng dầu và khí gas	Đang hoạt động	94,51	94,59
Công ty TNHH MTV Biên Hòa - Thành Long	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp	Đang hoạt động	98,00	98,00
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa	Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh đường và các sản phẩm có sử dụng đường làm nguyên liệu; kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống	Đang hoạt động	98,00	98,00
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Tỉnh Gia Lai	Kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía	Đang hoạt động	100,00	100,00
Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu	Tỉnh Attapeu, CHDCND Lào	Trồng mía, sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía	Đang hoạt động	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía	Đang hoạt động	100,00	100,00
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu BTCO	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh đường và các sản phẩm có sử dụng đường làm nguyên liệu; kinh doanh thực phẩm và đồ uống	Đang hoạt động	98,00	98,00
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung	Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác	Đang hoạt động	91,59	91,59
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Kontum (*)	Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Sản xuất đường, sản xuất hoá chất cơ bản, trồng cây mía, cao su, cây lấy dầu, cây hàng năm khác, sản xuất truyền tải và phân phối điện.	Ngưng hoạt động	100,00	100,00

(*) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Kon Tum đang hoàn thiện thủ tục giải thể doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	2 - 6 năm
Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
Tài sản khác	4 - 15 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Chi phí phân bổ ngoài vụ được tính toán và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở sản lượng đường thực tế sản xuất trong năm.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Lợi thế thương mại không được ghi nhận cho nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh các công ty cùng dưới sự kiểm soát chung, là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng. Chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bán được trình bày riêng biệt như một khoản phụ trội trong nguồn vốn chủ sở hữu khi hợp nhất (phụ trội hợp nhất trên bảng cân đối kế toán hợp nhất).

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị ghi sổ;
- Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh; và
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả kỳ kế toán năm, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất.

3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tài sản và công nợ của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong kỳ kế toán năm, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong năm thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá, nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ở khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

➤ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

➤ Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

3.21 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty cho rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam. Theo đó, báo cáo bộ phận không được trình bày.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

(i) Hoán đổi cổ phiếu của Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai (“ ”)

Vào ngày 6 tháng 9 năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 303.830.405 cổ phiếu mới để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai, trước đây là Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“TTC Biên Hòa”) theo tỷ lệ 1:1,02. Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 vào ngày 18 tháng 9 năm 2017. Theo đó, Công ty nắm giữ 100% tỷ lệ sở hữu trong công ty này.

Nghiệp vụ này được xác định là hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung bởi vì cả Công ty và TTC Biên Hòa đều dưới sự kiểm soát chung của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công. Theo đó, TTC Biên Hòa được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị ghi sổ như được trình bày tại Thuyết minh số 3.11. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ thuần so với giá phí hợp nhất kinh doanh kinh doanh với giá trị là 5.534.410.411.336 VND được trình bày như một khoản phụ trội hợp nhất trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 26.1).

Ngoài ra, giao dịch hoán đổi cổ phiếu trên cũng làm tăng tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong các công ty dưới đây và theo đó, các công ty này trở thành công ty con của Công ty.

	% sở hữu trước hoán đổi	% sở hữu sau hoán đổi	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	40,00	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	39,23	82,43	82,43
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	30,53	72,57	81,53
Công ty Cổ phần Cao su Nước Trong	-	43,69	53,00
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	62,00	100,00	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

(ii) Mua thêm cổ phần tại Cổ phần Mía đường Tây Ninh (“Mía đường Tây Ninh”)

Vào ngày 29 tháng 1 năm 2018, Nhóm Công ty hoàn tất việc mua thêm 4.993.680 cổ phần tại Mía đường Tây Ninh và qua đó, tăng tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại công ty con này lên 99,88%. Ngoài ra, giao dịch mua thêm cổ phần trên cũng làm tăng tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong các công ty con của Mía đường Tây Ninh là Công ty Cổ phần Đường Nước Trong và Công ty Cổ phần Cao su Nước Trong lên lần lượt là 81,47% và 52,94%. Theo đó, chênh lệch giữa tổng giá phí đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần tăng thêm với tổng giá trị là 3.939.103.024 VND được ghi nhận vào chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(iii) Mua thêm vốn góp của Công ty TNHH Hải Vi (“Hải Vi”)

Vào ngày 13 tháng 4 năm 2018, Nhóm Công ty hoàn tất việc mua thêm 99% vốn góp của Hải Vi với tổng số tiền là 22.196.662.710 VND, tăng tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại Hải Vi từ 1% lên 100% và Hải Vi trở thành công ty con của Nhóm Công ty tại ngày này. Theo đó, Nhóm Công ty ghi nhận khoản lợi thể thương mại với giá trị là 16.556.125.625 VND.

(iv) Mua vốn góp tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu BTCO (“BTCO”)

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2018, Nhóm Công ty hoàn tất việc mua thêm 98% vốn góp của BTCO với tổng số tiền là 9.000.000.000 VND, và BTCO trở thành công ty con của Nhóm Công ty tại ngày này. Theo đó, Nhóm Công ty ghi nhận khoản lợi thể thương mại với giá trị là 772.462.143 VND.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.114.542.175	2.051.075.445
Tiền gửi ngân hàng	267.853.812.753	200.541.958.199
Các khoản tương đương tiền (*)	54.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	324.968.354.928	202.593.033.644

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 5% một năm.

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

VND		
	Năm nay	Năm trước
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:		
Mua lại công ty con thông qua việc hoán đổi cổ phiếu phát hành mới	9.205.455.771.500	-

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
Cổ phiếu niêm yết				
- Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("VNG") (*)	6.588.880	99.746.443.455	-	-
- Công ty Cổ phầnTập đoàn Xây dựng Hòa Bình ("HBC")	55.000	2.514.265.753		
- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh("SB1")	1.000	15.022.500		
- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("VNM")	-	-	217.400	32.072.009.925
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CI")	-	-	421.100	16.296.563.595
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà ("SJS")	-	-	523.650	15.825.065.546
- Ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB")	-	-	200.000	5.186.327.840
Đầu tư khác		45.483.395.134		46.207.885.863
TỔNG CỘNG		147.759.126.842		115.587.852.769
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(8.622.072.410)		(3.701.866.690)
GIÁ TRỊ THUẦN		139.137.054.432		111.885.986.079

(*) 6.588.880 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Thuyết minh số 25.1).

7. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4.7% đến 6,9% một năm.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trị giá 264.000.000.000 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 25.1).

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

8.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên khác	685.384.408.853	345.338.250.199
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng NutiFood	181.999.954.501	5.392.560.600
- Công ty TNHH Nước Giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	60.169.642.050	63.752.010.000
- Khách hàng khác	443.214.812.302	276.193.679.599
- Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 35)	900.430.291.604	217.187.971.335
TỔNG CỘNG	1.585.814.700.457	562.526.221.534
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(3.095.617.778)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	1.582.719.082.679	562.526.221.534

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng trị giá 1.585.814.700.457 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 25.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

8.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.652.452.334	-
Dự phòng trích lập trong năm	464.197.452	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(21.032.008)	-
Số cuối năm	3.095.617.778	-

VND

8.2 Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.327.714.818.742	1.161.739.185.942
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 35)	1.735.651.980.265	578.198.519.644
Trả trước cho bên khác	592.062.838.477	583.540.666.298
Trong đó:		
- Nông dân (*)	482.285.135.924	492.196.315.484
- Các khoản trả trước khác	109.777.702.553	91.344.350.814
Dài hạn	129.111.796.826	87.265.337.933
Trả trước cho nông dân (*)	129.111.796.826	87.265.337.933
TỔNG CỘNG	2.456.826.615.568	1.249.004.523.875
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(58.036.481.816)	(29.822.442.780)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.398.790.133.752	1.219.182.081.095

VND

(*) Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo một phần bởi quyền sử dụng đất của người nông dân và hưởng lãi suất từ 7% đến 14% một năm.

Khoản trả trước cho người bán trị giá 142.885.000.000 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 25).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	29.822.442.780	24.882.892.556
Tăng do hợp nhất kinh doanh	19.760.946.415	-
Dự phòng trích lập trong năm	18.109.655.845	9.620.395.279
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(9.656.563.224)	(4.680.845.055)
Số cuối năm	58.036.481.816	29.822.442.780

VND

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 35)	93.600.000.000	285.800.000.000
Phải thu bên khác (*)	121.717.000.000	-
TỔNG CỘNG	215.317.000.000	285.800.000.000

VND

(*) Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất từ 6,0% đến 8,5% một năm

10. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	661.365.229.237	97.453.892.875
Phải thu chuyển nhượng cổ phiếu	399.807.803.729	13.349.424.000
Lãi phải thu	174.714.797.661	50.394.140.217
Ký quỹ	40.207.961.926	1.087.096.000
Tạm ứng nhân viên	17.086.945.451	15.427.146.238
Phải thu lợi nhuận được chia	-	7.288.838.895
Khác	29.547.720.470	9.907.247.525
Dài hạn	413.586.661.868	160.138.919.903
Ký quỹ thuê đất	411.429.606.926	147.431.494.903
Phải thu từ Dự án Svayrieng ở Campuchia	-	12.707.425.000
Khác	2.157.054.942	-
TỔNG CỘNG	1.074.951.891.105	257.592.812.778
Dự phòng các khoản phải thu khác ngắn hạn khó đòi	(14.285.119.008)	(9.933.281.049)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.060.666.772.097	247.659.531.729
Trong đó:		
Phải thu từ bên khác	180.829.112.364	154.928.057.701
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 35)	879.837.659.733	92.731.474.028

VND

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.933.281.049	9.835.999.158
Tăng do hợp nhất kinh doanh	132.462.138	-
Dự phòng trích lập trong năm	4.756.801.329	1.968.471.294
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(537.425.508)	(1.871.189.403)
Số cuối năm	14.285.119.008	9.933.281.049

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

11. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	1.094.134.341.626	(956.559.197)	226.442.965.630	-
Thành phẩm	1.254.207.156.953	(30.190.412.121)	1.623.410.045.466	(350.426.675)
Hàng hóa	1.232.865.151.504	-	64.744.311.694	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	379.478.590.609	-	37.815.300.158	-
Công cụ và dụng cụ	44.365.292.721	(6.507.344.084)	5.413.700.752	(1.290.212.575)
Hàng gửi đi bán	4.326.751.979	-	1.909.197.652	-
TỔNG CỘNG	4.009.377.285.392	(37.654.315.402)	1.959.735.521.352	(1.640.639.250)

Hàng tồn kho trị giá 3.604.222.907.328 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 25).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.640.639.250	819.491.576
Tăng do hợp nhất kinh doanh	11.315.181.129	-
Dự phòng trích lập trong năm	24.698.495.023	821.147.674
Số cuối năm	37.654.315.402	1.640.639.250

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	126.639.033.019	63.048.737.092
Chi phí phát triển vùng nguyên liệu	8.703.551.892	39.628.442.299
Chi phí ngoài vụ chờ phân bổ	81.046.894.341	16.234.914.961
Tiền thuê đất trả trước	19.463.476.655	-
Khác	17.425.110.131	7.185.379.832
Dài hạn	1.500.510.998.039	44.416.155.370
Vùng nguyên liệu và cây trồng trên đất (*)	1.122.957.137.501	-
Tiền thuê đất trả trước	313.197.465.446	28.952.284.022
Công cụ, dụng cụ	45.653.367.511	2.126.710.740
Khác	18.703.027.581	13.337.160.608
TỔNG CỘNG	1.627.150.031.058	107.464.892.462

(*) Vùng nguyên liệu và cây trồng trên đất thể hiện các chi phí về đất và chi phí phát triển nông trường trồng mía của Nhóm Công ty tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và giá trị phát sinh từ việc điều chỉnh theo giá trị hợp lý tài sản của Công TNHH Mía đường TTC Attapeu (“TTC Attapeu”), một công ty con được mua lại vào tháng 5 năm 2017, theo Chứng thư Thẩm định giá số 177/017/CT/TĐGSG ngày 15 tháng 8 năm 2017 (Thuyết minh số 19), và sẽ được phân bổ trong suốt thời gian thuê đất là 44 năm.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	482.570.872.562	2.541.179.284.521	48.706.683.631	12.814.990.998	63.179.479.291	3.148.451.311.003
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.176.190.654.645	3.360.818.568.501	246.576.789.687	28.211.137.767	12.716.894.686	4.824.514.045.286
Mua mới	5.749.506.262	142.121.212.140	9.265.310.725	2.423.107.731	788.489.170	160.347.626.028
Đầu tư XDCB hoàn thành	83.944.593.646	370.606.717.913	4.862.105.628	7.185.449.269	7.557.952.024	474.156.818.480
Xóa sổ	(619.126.497)	(101.274.577.335)	(2.061.863.483)	(1.089.487.066)	-	(105.045.054.381)
Thanh lý	(472.814.483)	(21.119.204.936)	(14.643.792.746)	(1.002.981.535)	-	(37.238.793.700)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(7.872.406.813)	-	-	-	-	(7.872.406.813)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.454.892.746	14.640.522.318	2.186.501.582	37.620.021	63.185.862	26.382.722.529
Số dư cuối năm	1.748.946.172.068	6.306.972.523.122	294.891.735.024	48.579.837.185	84.306.001.033	8.483.696.268.432
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	100.959.652.898	377.148.786.292	28.694.699.204	9.727.065.140	58.493.250.530	575.023.454.064
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	253.340.065.442	1.583.082.034.461	21.658.460.904	8.433.759.500	58.865.557.351	1.925.379.877.658
Tăng do hợp nhất kinh doanh	335.444.610.868	1.147.369.328.781	96.800.820.752	12.896.065.614	6.282.766.345	1.598.793.592.360
Khấu hao trong năm	123.186.901.604	430.021.989.570	22.252.248.134	6.615.028.657	1.992.644.267	584.068.812.232
Xóa sổ	(619.126.497)	(101.258.330.544)	(2.061.863.483)	(1.089.487.066)	-	(105.028.807.590)
Thanh lý	(361.581.413)	(17.281.931.065)	(9.753.209.008)	(342.681.777)	-	(27.739.403.263)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.068.870.568)	-	-	-	-	(2.068.870.568)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.328.644.189	1.787.086.220	533.298.708	65.438	11.129.677	3.660.224.232
Số cuối năm	710.250.643.625	3.043.720.177.423	129.429.756.007	26.512.750.366	67.152.097.640	3.977.065.425.061
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	229.230.807.120	958.097.250.060	27.048.222.727	4.381.231.498	4.313.921.940	1.223.071.433.345
Số cuối năm	1.038.695.528.443	3.263.252.345.699	165.461.979.017	22.067.086.819	17.153.903.393	4.506.630.843.371
Trong đó:						
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 25)	812.583.676.461	1.633.350.224.891	111.791.703.979	1.393.538.202	3.533.507.621	2.562.652.651.154

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá	
Số đầu năm	73.767.448.385
Tăng do hợp nhất kinh doanh	77.957.912.891
Số cuối năm	151.725.361.276
Giá trị khấu hao lũy kế	
Số đầu năm	11.075.222.754
Tăng do hợp nhất kinh doanh	11.697.309.778
Khấu hao trong năm	9.819.724.364
Số cuối năm	32.592.256.896
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	62.692.225.631
Số dư cuối năm	119.133.104.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	156.965.788.459	15.812.161.238	-	172.777.949.697
Tăng do hợp nhất kinh doanh	44.659.371.037	2.509.271.865	7.806.284.442	54.974.927.344
Mua mới	7.410.755.403	6.953.083.227	-	14.363.838.630
Thanh lý	(134.983.796.640)	(200.000.000)	-	(135.183.796.640)
Số cuối năm	74.052.118.259	25.074.516.330	7.806.284.442	106.932.919.031
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	5.869.907.479	5.725.488.081	-	11.595.395.560
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	8.886.205.537	7.361.051.062	-	16.247.256.599
Tăng do hợp nhất kinh doanh	11.188.556.202	2.109.448.062	3.251.824.391	16.549.828.655
Hao mòn trong năm	5.789.479.402	2.722.832.219	241.981.248	8.754.292.869
Thanh lý	(7.294.258.319)	(778.962)	-	(7.295.037.281)
Số cuối năm	18.569.982.822	12.192.552.381	3.493.805.639	34.256.340.842
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	148.079.582.922	8.451.110.176	-	156.530.693.098
Số cuối năm	55.482.135.437	12.881.963.949	4.312.478.803	72.676.578.189
Trong đó:				
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 25)	539.725.701	-	-	539.725.701

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	108.764.596.789	29.296.423.000	138.061.019.789
Tăng do hợp nhất kinh doanh	42.533.352.370	36.372.780.600	78.906.132.970
Đầu tư XDCB hoàn thành	30.824.520.571	10.237.696.182	41.062.216.753
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	7.872.406.813	-	7.872.406.813
Thanh lý	(42.533.352.370)	(17.560.643.130)	(60.093.995.500)
Số cuối năm	147.461.524.173	58.346.256.652	205.807.780.825
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	2.157.412.824	4.785.349.971	6.942.762.795
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.835.556.825	9.570.553.470	12.406.110.295
Khấu hao và hao mòn trong năm	5.934.647.841	1.800.907.827	7.735.555.668
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	2.068.870.568	-	2.068.870.568
Thanh lý	(3.190.001.428)	(1.317.048.236)	(4.507.049.664)
Số cuối năm	9.806.486.630	14.839.763.032	24.646.249.662
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	106.607.183.965	24.511.073.029	131.118.256.994
Số cuối năm	137.655.037.543	43.506.493.620	181.161.531.163
Trong đó:			
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 25)	137.655.037.543	43.432.963.002	181.088.000.545

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2018. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ trên cơ sở bất động sản đầu tư hầu hết đã được cho thuê tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia	39.682.376.555	-
Cải tạo nhà máy và văn phòng	43.178.950.607	3.271.803.998
Hệ thống dây chuyền máy móc thiết bị đang lắp đặt	13.448.632.163	40.287.428.624
Dự án Espace Bourbon Tây Ninh	-	16.454.088.618
Khác	37.752.064.159	18.643.253.106
TỔNG CỘNG	134.062.023.484	78.656.574.346

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 18.1)	192.557.122.221	1.372.916.355.311
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 18.2)	445.314.919.184	770.062.384
TỔNG CỘNG	637.872.041.405	1.373.686.417.695
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(741.216.334)	(770.062.384)
GIÁ TRỊ THUẦN	637.130.825.071	1.372.916.355.311

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

VND

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị ghi sổ	% sở hữu	Giá trị ghi sổ	% sở hữu
Công ty Cổ phần Khoai mì Tây Ninh	Sản xuất và kinh doanh tinh bột khoai mì và các sản phẩm liên quan đến tinh bột khoai mì	125.947.770.609	29,96	-	-
Công ty TNHH Tapioca Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh tinh bột khoai mì và các sản phẩm liên quan đến tinh bột khoai mì; thực hiện quyền xuất nhập khẩu các sản phẩm có liên quan đến tinh bột khoai mì như: tinh bột khoai mì, sorbitol, mạch nha, bột báng, bột biến tính, miến, mì lát và sản xuất khí đốt, nhiên liệu bằng đường ống	29.102.589.437	29,96	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Cụm Công nghiệp Tân Hội	Kinh doanh bất động sản và đầu tư xây dựng hạ tầng và quản lý khu công nghiệp	7.147.601.379	47,45	-	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm liên quan đến tinh bột; sản xuất các sản phẩm có đặc nhân tạo, đồ uống không có cồn và nước khoáng, hợp chất nitơ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	30.359.160.796	19,13	31.270.453.325	20,10
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công (*)	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và khu dân cư, khai thác nước ngầm, thoát nước và xử lý nước thải	-	-	210.985.942.196	49,00
Công ty TNHH Mía Đường TTC Attapeu (**)	Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu đường; trồng cây mía, cao su, cây lấy dầu, cây hàng năm khác; sản xuất truyền tải và phân phối điện; và bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	-	-	522.424.985.089	40,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau: (tiếp theo)

		VND			
Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị ghi sổ	% sở hữu	Giá trị ghi sổ	% sở hữu
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre (**)	Sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ dừa và hàng nông sản; gia công xuất khẩu; dịch vụ du lịch và đầu tư tài chính	-	-	410.928.536.143	48,99
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh (**)	Trồng, chế biến, kinh doanh các sản phẩm ngành mía đường	-	-	136.237.450.556	39,23
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (**)	Sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp	-	-	61.068.988.002	30,54
TỔNG CỘNG		192.557.122.221		1.372.916.355.311	

(*) Trong năm, Nhóm Công ty hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công (“TTC IZ”) cho bên liên quan (*Thuyết minh số 35*).

(**) Các khoản đầu tư trong các công ty này trở thành khoản đầu tư vào công ty con do giao dịch hoán đổi cổ phiếu (*Thuyết minh số 4*).

(***) Trong năm, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre hoàn tất việc phát hành thêm 108.000.000 cổ phiếu mới để thực hiện hoán đổi toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam, Công ty TNHH MTV Sản xuất Chế biến Chỉ xơ dừa và Công ty Cổ phần Thực phẩm và Đồ uống Thành Thành Công. Việc tăng vốn này đã được Sở Kế hoạch và Phát triển Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh Doanh lần thứ 16 ngày 7 tháng 12 năm 2017. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre giảm còn 13,5% và công ty này không còn là công ty liên kết của Nhóm Công ty.

		VND
Giá gốc của khoản đầu tư		
Số đầu năm		1.394.836.191.375
Tăng do hợp nhất kinh doanh		148.353.976.123
Giảm do trở thành công ty con		(715.761.711.375)
Giảm do thanh lý		(245.000.000.000)
Giảm khác		(402.495.280.000)
Số cuối năm		179.933.176.123
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua công ty liên kết		
Số đầu năm		(21.919.836.064)
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm		60.942.913.700
Giảm do trở thành công ty con		(3.969.712.272)
Giảm do thanh lý		2.288.867.474
Giảm khác		(24.718.286.740)
Số cuối năm		12.623.946.098
Giá trị còn lại		
Số đầu năm		1.372.916.355.311
Số cuối năm		192.557.122.221

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

		VND	
Tên công ty liên kết		Số cuối năm	
		Chi phí đầu tư	% sở hữu
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre		427.213.566.740	13,50
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương		17.360.136.000	13,08
Đầu tư dài hạn khác		741.216.444	
TỔNG CỘNG		445.314.919.184	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(741.216.334)	
GIÁ TRỊ THUẦN		444.573.702.850	

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

		VND
Nguyên giá		
Số đầu năm		19.357.741.738
Tăng do hợp nhất kinh doanh (*)		173.188.881.696
Số cuối năm		192.546.623.434
Giá trị khấu trừ lũy kế		
Số đầu năm		3.387.604.804
Phân bổ trong năm		18.741.197.382
Số cuối năm		22.128.802.186
Giá trị còn lại		
Số đầu năm		15.970.136.934
Số cuối năm		170.417.821.248

(*) Bao gồm lợi thế thương mại phát sinh từ việc điều chỉnh theo giá trị hợp lý tài sản của Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu, một công ty con được mua lại vào tháng 5 năm 2017, theo Chứng thư Thẩm định giá số 177/017/CT/ĐGSG ngày 15 tháng 8 năm 2017.

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 35</i>)	199.985.290.790	72.090.149.385
Phải trả bên khác	157.634.936.442	53.733.717.511
Trong đó:		
- Nông dân	42.485.849.679	15.190.523.170
- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	22.663.554.169	-
- Khác	92.485.532.594	38.543.194.341
TỔNG CỘNG	357.620.227.232	125.823.866.896

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 35)	121.042.011.694	87.662.305.831
Bên khác	68.033.229.911	2.383.645.743
Trong đó:		
Bà Lê Thị Thanh Nhân	26.983.548.900	-
Ông Nguyễn Thành Danh	26.983.548.900	-
Khác	14.066.132.111	2.383.645.743
TỔNG CỘNG	189.075.241.605	90.045.951.574

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại - Thuyết minh số 37)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	83.240.175.899	3.709.853.844
Tiền thuế đất	36.141.707.100	-
Thuế giá trị gia tăng	34.747.743.586	6.509.048.833
Thuế thu nhập cá nhân	5.049.495.209	740.275.598
Khác	123.086.269	135.079.767
TỔNG CỘNG	159.302.208.063	11.094.258.042

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	165.171.897.840	25.826.267.537
Chi phí mua mía	38.638.413.614	9.680.034.780
Chi phí vận chuyển	35.369.888.100	3.066.398.571
Trích trước chi phí thuế nhà thầu	18.861.709.054	-
Chiết khấu thương mại	9.677.773.356	-
Chi phí thuế đất	8.760.400.449	-
Khác	22.720.678.824	15.932.520.028
TỔNG CỘNG	299.200.761.237	54.505.220.916

24. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	80.757.931.129	7.293.806.406
Khoản phải trả Brightway Group Co., Ltd (*)	33.172.706.250	-
Cổ tức	21.802.006.989	432.034.015
Ký quỹ	8.660.459.786	1.116.657.796
Chi phí vận chuyển và thu hoạch	10.422.181.225	1.524.007.192
Khác	6.700.576.879	4.221.107.403
Dài hạn		
Ký quỹ	6.679.256.280	6.338.567.960
TỔNG CỘNG	87.437.187.409	13.632.374.366
Trong đó:		
Phải trả bên khác	86.356.631.196	12.432.374.366
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 35)	1.080.556.213	1.200.000.000

(*) Khoản phải trả Brightway Group Co., Ltd thể hiện khoản trả trước của Brightway Group Co., Ltd theo Hợp đồng ngày 16 tháng 6 năm 2011 để nhận chuyển nhượng dự án trồng mía và sản xuất đường tại Campuchia.

25. VAY

VND

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	2.849.665.687.097	19.773.953.352.148	(14.925.361.439.185)	4.553.875.526	7.702.811.475.586
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 25.1)	2.606.272.712.011	18.183.073.435.601	(14.367.789.122.772)	3.672.828.026	6.425.229.852.866
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 35)	-	300.000.000	-	-	300.000.000
Trái phiếu ngắn hạn (Thuyết minh số 25.2)	-	538.960.000.000	-	-	538.960.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (Thuyết minh số 25.3)	82.719.804.000	449.966.703.925	(277.631.076.673)	881.047.500	255.936.478.752
Vay dài hạn đến hạn trả bên khác (Thuyết minh số 25.4)	1.720.000.000	1.720.000.000	(1.720.000.000)	-	1.720.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan	2.386.342.000	-	(2.386.342.000)	-	-
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25.5)	147.404.000.000	551.896.933.321	(246.450.466.661)	-	452.850.466.660
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25.6)	9.162.829.086	48.036.279.301	(29.384.431.079)	-	27.814.677.308
Vay dài hạn	1.501.308.812.287	1.865.879.588.937	(792.953.170.451)	7.642.819.525	2.581.878.050.298
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 25.3)	297.086.721.220	898.869.238.137	(306.749.041.820)	7.642.819.525	896.849.737.062
Vay dài hạn bên khác (Thuyết minh số 25.4)	2.690.000.000	-	(1.720.000.000)	-	970.000.000
Vay dài hạn bên liên quan	4.772.682.000	-	(4.772.682.000)	-	-
Trái phiếu (Thuyết minh số 25.5)	1.162.398.800.000	929.507.666.662	(451.896.933.321)	-	1.640.009.533.341
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 25.6)	34.360.609.067	37.502.684.138	(27.814.513.310)	-	44.048.779.895
TỔNG CỘNG	4.350.974.499.384	21.639.832.941.085	(15.718.314.609.636)	12.196.695.051	10.284.689.525.884

25.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	701.032.666.948	-	Từ ngày 11 tháng 7 năm 2018 đến ngày 15 tháng 2 năm 2019	Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay và quyền sử dụng đất số 738 và 748 tại Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh
Ngân hàng TNHH ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	98.647.200.000	4.320.000	Ngày 12 tháng 12 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 18.750.000 đô la Mỹ Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 6.250.000 đô la Mỹ Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 46.250.000 đô la Mỹ Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 6.250.000 đô la Mỹ, bảo lãnh từ Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai
	334.736.000.000	-	Từ ngày 15 tháng 7 năm 2018 đến ngày 25 tháng 12 năm 2018	
	110.574.737.302	-	Từ ngày 9 tháng 7 năm 2018 đến ngày 19 tháng 11 năm 2018	
	97.961.322.963	-	Từ ngày 2 tháng 7 năm 2018 đến ngày 26 tháng 12 năm 2018	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	62.000.000.000	-	Từ ngày 7 tháng 8 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2018	Tiến gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng với giá trị 135.000.000.000 VND và hàng tồn kho với giá trị 300.000.000.000 VND
	445.539.373.764		Ngày 15 tháng 7 năm 2018 đến ngày 21 tháng 12 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 300.000.000.000 VND, và tiến gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với giá trị 43.500.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam -Chi nhánh Hồ Chí Minh	374.939.385.914	-	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2018 đến ngày 28 tháng 11 năm 2018	Quyền sử dụng đất thửa đất số 49 tại Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh và tài sản gắn liền với đất
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	348.339.442.735	-	Từ ngày 16 tháng 9 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2018	Phương tiện vận tải và máy móc thiết bị
	14.437.229.931	-	Từ ngày 31 tháng 7 năm 2018 đến ngày 21 tháng 9 năm 2018	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	350.434.198.180	-	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2018 đến ngày 21 tháng 11 năm 2018	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
	187.000.000.000	-	Từ ngày 25 tháng 10 năm 2018 đến ngày 13 tháng 11 năm 2018	Hàng tồn kho với giá trị 120.000.000.000 VND và 7.300.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hồ Chí Minh	99.078.251.445	-	Từ ngày 25 tháng 10 năm 2018 đến ngày 12 tháng 11 năm 2018	Hàng tồn kho với giá trị 110.000.000.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

25. VAY (tiếp theo)

25.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Hồ Chí Minh	92.799.271.734	-	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2018 đến ngày 22 tháng 11 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 137.195.034.656 VND
	43.465.951.540	1.890.646	Ngày 3 tháng 7 năm 2018	
	114.329.195.547	-	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2018	Khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị 137.195.034.656 VND
	11.348.093.708	-	Từ ngày 30 tháng 7 năm 2018 đến ngày 28 tháng 9 năm 2018	Hàng tồn kho hoặc khoản phải thu và quyền thụ hưởng bảo hiểm hàng tồn kho với giá trị tối thiểu 250.000 đô la Mỹ; các khoản phải thu và bảo lãnh từ Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	259.653.193.092	-	Từ ngày 29 tháng 6 năm 2018 đến ngày 26 tháng 12 năm 2018	Khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị 150.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	245.724.000.000	-	Từ ngày 4 tháng 9 năm 2018 đến ngày 25 tháng 12 năm 2018	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với giá trị 45.000.000.000 VND
Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	199.998.216.647	-	Từ ngày 28 tháng 7 năm 2018 đến ngày 28 tháng 11 năm 2018	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với giá trị 84.000.000.000 VND và phương tiện vận tải
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	199.500.000.000	-	Từ ngày 2 tháng 7 năm 2018 đến ngày 14 tháng 12 năm 2018	Khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị 126.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	186.073.708.198	-	Từ ngày 19 tháng 9 năm 2018 đến ngày 27 tháng 11 năm 2018	Hàng tồn kho với giá trị 200.000.000.000 VND, 6.588.880 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công và 4.849.000 cổ phiếu của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công
	50.000.000.000	-	Từ ngày 5 tháng 9 năm 2018 đến ngày 16 tháng 10 năm 2018	Hàng tồn kho với giá trị 100.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	92.571.920.772	-	Từ ngày 3 tháng 7 năm 2018 đến ngày 11 tháng 12 năm 2018	Hàng tồn kho với giá trị 143.000.000.000 VND
	59.976.375.000	-	Từ ngày 3 tháng 7 năm 2018 đến ngày 5 tháng 7 năm 2018	Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng đầu tư trả trước cho nông dân với giá trị 142.885.000.000 VND và hàng tồn kho với giá trị 143.000.000.000 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	133.000.000.000	-	Từ ngày 30 tháng 8 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018	Hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị 8.000.000 đô la Mỹ, bảo lãnh của Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công
	17.280.619.709	-	Ngày 4 tháng 9 năm 2018	Các khoản phải thu với giá trị 6.000.000 đô la Mỹ.
Ngân hàng United Oversea Bank Limited - Chi nhánh Hồ Chí Minh	135.884.234.200	5.910.580	Ngày 4 tháng 7 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 6.000.000 đô la Mỹ
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	128.278.863.300	-	Từ ngày 12 tháng 9 năm 2018 đến ngày 19 tháng 10 năm 2018	Hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị 200.000.000.000 VND
	6.336.292.875	-	Ngày 19 tháng 10 năm 2018	Hàng tồn kho với giá trị 100.000.000.000 VND
Ngân hàng Malayan Banking Berhard - Chi nhánh Hồ Chí Minh	81.868.309.830	3.561.040	Ngày 19 tháng 12 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 8.750.000 đô la Mỹ
	81.680.789.307	-	Từ ngày 9 tháng 7 năm 2018 đến ngày 29 tháng 12 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 2.500.000 đô la Mỹ
	42.914.893.397	-	Từ ngày 6 tháng 7 năm 2018 đến ngày 20 tháng 7 năm 2018	Khoản phải thu với giá trị 50.000.000.000 VND

25. VAY (tiếp theo)

25.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Sài Gòn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Đồng Nai	120.336.000.000	-	Từ ngày 6 tháng 8 năm 2018 đến ngày 29 tháng 12 năm 2018	Hàng tồn kho với giá trị 143.750.000.000 VND
	100.000.000.000	-	Ngày 19 tháng 9 năm 2018	Tín chấp
Ngân hàng Malayan Banking Berhard - Chi nhánh Hà Nội	53.959.331.664	-	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2018 đến ngày 25 tháng 8 năm 2018	Các khoản phải thu với giá trị 50.000.000.000 VND
	37.600.000.000	-	Từ ngày 13 tháng 7 năm 2018 đến ngày 20 tháng 7 năm 2018	Các khoản phải thu với giá trị 1.250.000 đô la Mỹ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	69.932.237.196	-	Từ ngày 15 tháng 10 năm 2018 đến ngày 12 tháng 11 năm 2018	Quyền sử dụng đất theo các hợp đồng thế chấp
	19.344.737.110	-	Từ ngày 20 tháng 7 năm 2018 đến ngày 28 tháng 11 năm 2018	Tài sản cố định
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	63.000.000.000	-	Ngày 18 tháng 7 năm 2018	Tín chấp
	21.904.040.171	-	Từ ngày 3 tháng 7 năm 2018 đến ngày 5 tháng 7 năm 2018	Tín chấp
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt - Chi nhánh Attapeu (*)	61.096.837.766	2.691.183	Từ ngày 21 tháng 4 năm 2016 đến ngày 17 tháng 8 năm 2017	Khách sạn Hoàng Anh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, hàng tồn kho, máy móc thiết bị và 3.441,3 héc-ta vùng mía nguyên liệu
	60.563.796.679	-	Từ ngày 12 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018	Phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	59.911.810.000	-	Từ ngày 21 tháng 11 năm 2018 đến ngày 28 tháng 11 năm 2018	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	56.577.138.836	-	Từ ngày 10 tháng 9 năm 2018 đến ngày 21 tháng 10 năm 2018	Tín chấp
	9.827.849.098	500.000	Từ ngày 11 tháng 7 năm 2018 đến ngày 9 tháng 9 năm 2018	Tài sản hình thành từ khoản vay và bảo lãnh của Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Tây Ninh	52.307.345.290	-	Từ ngày 21 tháng 9 năm 2018 đến ngày 30 tháng 11 năm 2018	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Khánh Hòa	50.000.000.000	-	Từ ngày 5 tháng 11 năm 2018 đến ngày 19 tháng 11 năm 2018	Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thương mại số 1207/2017/HĐKT-BHS-NHS

(*) Đây là khoản vay đã quá hạn của Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu, một công ty con được mua lại vào tháng 5 năm 2017 và Nhóm Công ty đang trong quá trình thương thảo sau khi chuyển đổi chủ sở hữu từ việc mua lại công ty này.

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	49.810.000.000	-	Từ ngày 12 tháng 9 năm 2018 đến ngày 29 tháng 11 năm 2018	Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thương mại số 1207/2017/HĐKT-BHS-NHS
	41.356.250.000	-	Từ ngày 3 tháng 7 năm 2018 đến ngày 8 tháng 7 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 11.000.000 đô la Mỹ
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang	40.237.338.682	-	Từ ngày 27 tháng 8 năm 2018 đến ngày 26 tháng 10 năm 2018	Thư bảo lãnh từ Công ty
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	32.251.742.587	-	Từ ngày 6 tháng 8 năm 2018 đến ngày 29 tháng 12 năm 2018	17.696.846 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh
	17.809.660.019	-	Từ ngày 12 tháng 9 năm 2018 đến ngày 20 tháng 11 năm 2018	Phương tiện vận tải và máy móc thiết bị
TỔNG CỘNG	6.425.229.852.866	18.873.449		

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được sử dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty và chịu lãi suất thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

25. VAY (tiếp theo)

25.2 Trái phiếu phát hành ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay trái phiếu ngắn hạn được trình bày như sau:

VND				
Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Mục đích vay
Phát hành theo mệnh giá				
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh - Hợp đồng mua trái phiếu số 139/2018/HĐMTP.TTCBH ngày 20 tháng 4 năm 2018 (*)	450.000.000.000	Ngày 20 tháng 4 năm 2019	10,5	Bổ sung vốn lưu động
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bưu Điện - Hợp đồng mua trái phiếu số 1005/2018/SBT - PTI ngày 10 tháng 5 năm 2018 (*)	100.000.000.000	Từ ngày 10 tháng 5 năm 2019 đến ngày 15 tháng 5 năm 2019	11,0	Bổ sung vốn lưu động
Chi phí phát hành	(11.040.000.000)			
TỔNG CỘNG	538.960.000.000			

- (*) Hình thức đảm bảo
- 61.600.900 cổ phiếu quỹ của Công ty được phong tỏa tại Công ty Cổ phần Chứng khoán MB với giá trị 1.100.000.000.000 VND; và tài sản đảm bảo bổ sung bằng tiền tương đương với giá trị cổ phiếu quỹ bị giảm giá trên 15% so với giá đóng cửa hàng ngày trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh;
 - Hợp đồng bảo lãnh số 139/2018/HĐBL-TTC ngày 18 tháng 4 năm 2018 và số 147/2018/HĐBL-TTC ngày 10 tháng 5 năm 2018, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang toàn bộ các nghĩa vụ của Công ty đối với các bên mua trái phiếu theo các Hợp đồng mua trái phiếu.

25.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	501.476.096.069	22.172.235	Từ ngày 28 tháng 9 năm 2018 đến ngày 21 tháng 4 năm 2023	Công trình xây dựng, hệ thống thiết bị nhà máy đường và nhà máy nhiệt điện hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	167.312.964.268	-	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2018 đến ngày 14 tháng 2 năm 2022	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
	95.510.596.000	-	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2018 đến ngày 1 tháng 10 năm 2022	Tài sản cố định hình thành từ khoản vay
	17.225.306.616	-	Từ ngày 29 tháng 9 năm 2018 đến ngày 29 tháng 3 năm 2022	Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Sài Gòn	90.166.215.344	-	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2018 đến ngày 17 tháng 11 năm 2022	Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh ĐakLak	63.335.000.000	-	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2018 đến ngày 26 tháng 3 năm 2023	Quyền sử dụng đất số 3106 tại Xã Tân Kim, Huyện Cănn Giuộc, Tỉnh Long An và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai
	39.916.000.000	-	Từ ngày 23 tháng 9 năm 2018 đến ngày 23 tháng 12 năm 2021	Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
	11.388.722.452	-	Từ ngày 8 tháng 7 năm 2018 đến ngày 8 tháng 1 năm 2022	Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	64.053.478.042	-	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2024	Dự án Trung tâm Nhiệt điện
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	48.257.000.000	-	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 21 tháng 5 năm 2021	Quyền sử dụng đất thửa số 513 tại Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh và máy móc hình thành từ khoản vay
	4.480.000.000	-	Từ ngày 10 tháng 8 năm 2018 đến ngày 10 tháng 5 năm 2021	Bất động sản đầu tư
	2.662.000.000	-	Từ ngày 15 tháng 7 năm 2018 đến ngày 17 tháng 2 năm 2021	Máy móc hình thành từ khoản vay
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	18.100.978.711	-	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2019 đến ngày 15 tháng 2 năm 2022	Máy móc hình thành từ khoản vay
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	7.818.908.149	-	Từ ngày 15 tháng 10 năm 2018 đến ngày 15 tháng 4 năm 2020	Tín chấp
	3.217.056.600	-	Từ ngày 14 tháng 10 năm 2018 đến ngày 14 tháng 4 năm 2020	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	6.795.180.000	-	Từ ngày 27 tháng 9 năm 2018 đến ngày 12 tháng 12 năm 2019	Máy móc hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	6.297.994.012	-	Từ ngày 5 tháng 9 năm 2018 đến ngày 9 tháng 9 năm 2020	Máy móc hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	4.772.719.551	-	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2018 đến ngày 9 tháng 10 năm 2022	Nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
TỔNG CỘNG	1.152.786.215.814	22.172.235		
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	255.936.478.752	3.500.000		
Vay dài hạn	896.849.737.062	18.672.235		

Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được sử dụng nhằm mục đích mua sắm và xây dựng tài sản cố định và chịu lãi suất thị trường.

25.4 Vay dài hạn bên khác

Chi tiết các khoản vay dài hạn bên khác được trình bày như sau:

VND			
Bên cho vay	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
Quỹ Bảo vệ Môi trường rừng	2.690.000.000	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2018 đến ngày 25 tháng 12 năm 2019	Bảo lãnh từ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	1.720.000.000		
Vay dài hạn	970.000.000		

Khoản vay dài hạn từ bên khác được sử dụng nhằm mục đích mua sắm và xây dựng tài sản cố định và chịu lãi suất 5,40% một năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

25. VAY (tiếp theo)

25.5 Trái phiếu phát hành dài hạn

Chi tiết khoản vay trái phiếu được trình bày như sau:

VND			
	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay
Phát hành theo mệnh giá			
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội sở Thành phố Hồ Chí Minh (*)	450.000.000.000	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2019 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (*)	300.000.000.000	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2019 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hồ Chí Minh (**)	300.000.000.000	Từ ngày 27 tháng 5 năm 2019 đến ngày 27 tháng 5 năm 2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (***)	425.600.000.000	Từ ngày 23 tháng 6 năm 2019 đến ngày 23 tháng 6 năm 2023	
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (***)	338.400.000.000	Từ ngày 23 tháng 6 năm 2019 đến ngày 23 tháng 12 năm 2023	Thực hiện dự án đầu tư cụm công nghiệp mía đường và vùng nguyên liệu tại tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào thông qua việc mua phần vốn góp của TTC Attapeu
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Sở Giao dịch (***)	300.000.000.000	Từ ngày 23 tháng 6 năm 2019 đến ngày 23 tháng 12 năm 2023	
Chi phí phát hành	(21.139.999.999)		
	2.092.860.000.001		
Trong đó:			
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	452.850.466.660		
Trái phiếu dài hạn	1.640.009.533.341		

(*) Lãi suất trái phiếu

Lãi suất trái phiếu là 8,5% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và cộng (+) với biên độ 2,6% một năm.

Hình thức đảm bảo

- Quyền sử dụng đất thửa số 97 tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và 51% phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai.

(**) Lãi suất trái phiếu

Lãi suất trái phiếu là 8,5% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND niêm yết công khai, trả lãi sau, kỳ hạn mười hai (12) tháng công bố của các ngân hàng thương mại gồm: Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và cộng (+) với biên độ 2,75% một năm.

25. VAY (tiếp theo)

25.5 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

(**) Lãi suất trái phiếu (tiếp theo)

Hình thức đảm bảo

- Công trình xây dựng trên đất - Nhà máy Đường Biên Hoà - Trị An tại thửa đất số 09, Ấp 1, Xã Trị An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai và máy móc thiết bị tại nhà máy;
- Bất động sản tại thửa đất số 329, Phường Thanh Bình, Thành phố Biên Hoà, Đồng Nai thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai; và
- Toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa.

(***) Lãi suất trái phiếu

Lãi suất trái phiếu sẽ được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định xác định tại ngày phát hành đối với kỳ tính lãi đầu tiên hoặc ngày làm việc thứ bảy (7) trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi đối với các kỳ tính lãi tiếp theo; và bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cộng (+) với biên độ 3,2% một năm.

Hình thức đảm bảo

- Quyền thuê đất theo Hợp đồng số 8011/TNM ngày 19 tháng 11 năm 2012 giữa Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu, trước đây là Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu, ("TTC Attapeu Lào") và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với diện tích đất 51 héc-ta tại Huyện Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và toàn bộ tài sản là động sản và bất động sản gắn liền với đất và các quyền, lợi ích và quyền lợi phát sinh từ tài sản gắn liền với đất của TTC Attapeu Lào; và quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên;
- Quyền thuê đất theo Hợp đồng ngày 26 tháng 12 năm 2013 giữa TTC Attapeu Lào và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với diện tích đất 2.739,9 héc-ta tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và toàn bộ tài sản gắn liền với đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất của TTC Attapeu Lào; công trình xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ nông trường, nhà máy đường, nhà máy nhiệt điện và nhà máy phân vi sinh; và quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; và
- Toàn bộ khoản vốn góp của Công ty và Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai tại TTC Attapeu.

25.6 Thuê tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuê máy móc và thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu và Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

VND						
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả						
Từ 1 năm trở xuống	33.160.559.659	5.345.882.351	27.814.677.308	12.752.367.380	3.589.538.294	9.162.829.086
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Từ 1 - 5 năm	36.539.369.027	3.793.014.490	32.746.354.537	40.380.015.099	6.019.406.032	34.360.609.067
Trên 5 năm	11.838.594.626	536.169.268	11.302.425.358	-	-	-
TỔNG CỘNG	81.538.523.312	9.675.066.109	71.863.457.203	53.132.382.479	9.608.944.326	43.523.438.153

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Phụ trợ hợp nhất	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
								VND
Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 37)								
Số đầu năm	1.947.610.330.000	155.174.403.823	-	(40.306.862.293)	(2.165.210.735)	243.709.260.201	386.137.417.421	2690.1593.38417
Tăng vốn trong năm	584.272.350.000	(146.070.770.000)	-	-	-	(233.713.240.000)	(204.488.340.000)	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	66.790.560.242	-	40.306.862.293	-	-	-	107.097.422.535
Lợi nhuận thuần trong năm (trình bày lại – Thuyết minh số 37)	-	-	-	-	-	-	287.703.220.863	287.703.220.863
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính sang VND trong năm	-	-	-	-	8.977.455.742	-	-	8.977.455.742
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	29.221.439.973	(29.221.439.973)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(44.276.638.452)	(44.276.638.452)
Số cuối năm	2.531.882.680.000	75.894.194.065	-	-	6.812.245.007	39.217.460.174	395.854.229.859	3.049.660.809.105
Năm nay								
Số đầu năm (trình bày lại)	2.531.882.680.000	75.894.194.065	-	-	6.812.245.007	39.217.460.174	395.854.229.859	3.049.660.809.105
Tăng vốn trong năm (*)	3.038.304.050.000	6.167.151.721.500	-	(1.099.985.561.092)	-	-	-	9205.455.771.500
Mua cổ phiếu quỹ (**)	-	-	(5.534.410.411.336)	-	-	-	-	(1.099.985.561.092)
Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung	-	-	-	-	(60.507.070.429)	-	-	(5.534.410.411.336)
Hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	(60.507.070.429)
Mua thêm từ lịch cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	3.352.107.031	3.352.107.031
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	544.871.022.423	544.871.022.423
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính sang VND trong năm	-	-	-	-	(6.914.344.958)	-	-	(6.914.344.958)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	30.646.221.290	(30.646.221.290)	-
Khác	-	-	-	-	-	-	(56.812.886.676)	(56.812.886.676)
Số cuối năm	5.570.186.730.000	6.243.045.915.565	(5.534.410.411.336)	(1.099.985.561.092)	(60.609.170.380)	69.863.681.464	856.496.451.241	6.044.587.635.462

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (*) Vào ngày 6 tháng 9 năm 2017, Công ty hoàn tất phát hành 303.830.405 cổ phiếu mới để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa theo tỷ lệ 1:1,02 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017. Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 vào ngày 18 tháng 9 năm 2017.
- (**) Vào ngày 18 tháng 5 năm 2018, Công ty hoàn tất mua 61.600.900 cổ phiếu để làm cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-ĐHČĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017. Cổ phiếu quỹ được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản trái phiếu phát hành ngắn hạn cho các tổ chức tài chính (Thuyết minh số 25.2).

26.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	2.531.882.680.000	1.947.610.330.000
Tăng trong năm	3.038.304.050.000	584.272.350.000
Số cuối năm	5.570.186.730.000	2.531.882.680.000
Cổ tức công bố	-	-
Cổ tức đã trả	(12.074.600)	(63.122.250)

26.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	557.018.673	253.188.268
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	557.018.673	253.188.268
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(61.600.900)	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	495.417.773	253.188.268

26.4 Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty (VND)	544.871.022.423	287.703.220.863
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(65.384.522.691)	(50.153.685.934)
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	479.486.499.732	237.549.534.929
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	491.805.718	252.898.723
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	974	939

- (*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập của năm nay theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

27. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

VND

Số đầu năm	11.749.646.292
Tăng do hợp nhất kinh doanh	103.382.120.397
Thay đổi tỷ lệ sở hữu	(62.578.170.746)
Lợi nhuận thuần trong năm	218.702.911
Số cuối năm	52.772.298.854

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp:	10.325.400.666.889	4.502.976.571.901
Trong đó:		
Doanh thu bán đường	9.085.503.491.590	3.890.626.622.497
Doanh thu bán mật đường	348.022.122.396	186.801.226.683
Doanh thu bán sản phẩm từ cao su	294.315.456.434	-
Doanh thu bán phân bón	227.851.686.505	123.099.383.747
Doanh thu bán điện	166.760.012.512	105.973.587.594
Doanh thu khác	202.947.897.452	196.475.751.380
Trừ:	(40.705.067.180)	(4.593.193.827)
Hàng bán trả lại	(19.232.917.599)	(2.489.839.720)
Chiết khấu thương mại	(21.472.149.581)	(2.103.354.107)
Doanh thu thuần	10.284.695.599.709	4.498.383.378.074
Trong đó:		
Doanh thu bán đường	9.044.825.709.704	3.886.484.285.563
Doanh thu bán mật đường	348.022.122.396	186.644.635.254
Doanh thu bán sản phẩm từ cao su	294.315.456.434	-
Doanh thu bán phân bón	227.851.686.505	123.006.968.301
Doanh thu bán điện	166.760.012.512	105.973.587.594
Doanh thu khác	202.920.612.158	196.273.901.362
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	7.016.994.966.593	2.490.584.444.530
Doanh thu đối với bên liên quan	3.267.700.633.116	2.007.798.933.544

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	280.009.634.773	134.299.173.133
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	409.954.101.307	70.255.215.430
Cổ tức	9.170.878.382	10.573.166.005
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.585.607.774	6.750.235.844
Khác	758.388.897	8.733.793
TỔNG CỘNG	712.478.611.133	221.886.524.205

28. DOANH THU (tiếp theo)

28.3 Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	37.154.555.649	6.402.180.435
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	23.523.595.050	2.567.486.404

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	Năm trước
		(trình bày lại 0–Thuyết minh số 37)
Giá vốn bán đường	7.797.489.394.872	3.376.648.406.411
Giá vốn bán mật đường	335.169.533.346	170.970.100.490
Giá vốn bán sản phẩm từ cao su	287.185.193.804	-
Giá vốn bán phân bón	211.588.640.546	109.800.763.623
Giá vốn bán điện	150.457.452.182	122.543.063.779
Giá vốn khác	176.720.816.771	162.279.311.052
TỔNG CỘNG	8.958.611.031.521	3.942.241.645.355

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	714.074.144.851	256.785.222.928
Chiết khấu thanh toán và lãi ứng trước	42.862.204.238	15.853.168.345
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.551.277.323	3.366.986.196
Dự phòng giảm giá đầu tư	8.851.076.348	1.575.408.894
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	2.585.105.125	-
Khác	24.146.682.725	2.644.987.458
TỔNG CỘNG	806.070.490.610	280.225.773.821

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.132.705.287	69.132.772.991
Chi phí nhân viên	83.458.331.575	9.416.545.804
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.957.515.143	3.601.885.953
Chi phí khác	29.109.127.902	5.205.694.298
	317.657.679.907	87.356.899.046
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	203.577.651.635	66.041.843.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.588.920.252	32.270.873.968
Chi phí dự phòng	24.010.306.175	10.366.048.860
Chi phí khấu hao và hao mòn	44.658.105.543	9.114.777.992
Chi phí khác	79.491.617.433	31.798.917.650
	436.326.601.038	149.592.462.244
TỔNG CỘNG	753.984.280.945	236.949.361.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	11.419.140.594.444	3.577.405.836.747
Chi phí nhân công	511.493.083.747	185.133.103.558
Chi phí khấu hao và hao mòn	408.466.666.779	199.092.198.747
Chi phí dịch vụ mua ngoài	416.939.446.839	136.469.477.678
Chi phí khác	260.173.081.245	81.090.389.915
TỔNG CỘNG	13.016.212.873.054	4.179.191.006.645

33. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Lãi thanh lý tài sản cố định	136.006.351.296	-
Thu nhập từ hoạt động cho thuê	19.640.784.393	12.239.830.084
Các khoản phạt	6.403.272.751	-
Khác	16.419.641.125	6.672.847.688
	178.470.049.565	18.912.677.772
Chi phí khác		
Chi phí hoạt động cho thuê	16.191.791.399	6.945.875.450
Các khoản phạt	7.356.155.704	-
Khác	12.081.682.945	3.429.612.261
	35.629.630.048	10.375.487.711
LỢI NHUẬN KHÁC	142.840.419.517	8.537.190.061

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) cho Công ty là 10% thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh đường làm từ mía kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo hướng dẫn Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất từ 10% đến mức thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn giảm TNDN theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

34.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	149.157.040.507	21.676.778.668
Chi phí thuế TNDN trích thiếu các năm trước (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	238.362.996 (12.193.387.854)	431.367.762 278.190.193
TỔNG CỘNG	137.202.015.649	22.386.336.623

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	682.291.740.983	309.602.800.539
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	117.715.087.206	49.046.625.398
Các điều chỉnh:		
Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	45.580.032.425	-
Chi phí không được khấu trừ	4.334.477.178	458.617.574
Phân bổ lợi thế thương mại	3.748.239.476	387.154.835
Thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	238.362.996	431.367.762
Chênh lệch thanh lý khoản đầu tư	(457.773.495)	5.597.015.335
Cổ tức	(2.193.178.244)	(1.057.316.600)
Thay đổi dự phòng đầu tư dài hạn	-	(283.260.313)
Lãi từ các công ty liên kết	(12.188.582.740)	(8.042.497.734)
Thuế TNDN được miễn	(19.574.649.153)	(24.151.369.634)
Chi phí thuế TNDN	137.202.015.649	22.386.336.623

34.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

34.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong năm hiện hành và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Tăng do hợp nhất kinh doanh	5.603.621.099	-	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.967.049.423	-	2.967.049.423	
Lợi nhuận chưa thực hiện	6.028.931.545	573.205.126	5.455.726.419	(278.190.193)
Thay đổi chi phí phải trả	1.254.104.949	-	1.254.104.949	
TỔNG CỘNG	15.853.707.016	573.205.126		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Tăng do hợp nhất kinh doanh	92.816.940.576	-	-	-
Thay đổi giá trị hợp lý tài sản thuần sau hợp nhất kinh doanh	(3.763.546.916)	-	3.763.546.916	-
Thay đổi dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.247.039.853	-	(1.247.039.853)	-
TỔNG CỘNG	90.300.433.513	-		
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại			12.193.387.854	(278.190.193)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

35. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Bên liên quan	Chuyển nhượng cổ phần TTC IZ	612.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	737.988.286.679	405.214.745.730
		Mua hàng hóa	434.192.717.781	1.891.192.768
		Thu nhập lãi	80.687.421.034	12.807.296.002
		Chi phí lãi	31.767.523.040	10.454.818.345
		Mua dịch vụ	21.988.040.858	11.294.834.190
		Cho vay	10.000.000.000	163.800.000.000
		Mua tài sản	1.357.067.442	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	676.995.736.402	50.823.320.505
		Mua hàng hóa	342.903.784.690	110.199.000.000
		Mua dịch vụ	47.301.031.396	38.564.027.640
		Thu nhập lãi	40.385.168.252	35.123.804.391
		Chi phí lãi	7.006.367.132	5.398.350.000
		Cung cấp dịch vụ	590.758.911	229.090.911
		Mua nguyên liệu	74.102.000	15.410.000.000
		Cho vay	-	840.880.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Mua hàng hóa	347.544.709.951	97.747.086.880
		Bán hàng hóa	101.240.877.882	35.214.778.071
		Mua nguyên liệu	68.843.602.504	68.742.132.077
		Thu nhập lãi	6.820.199.411	16.618.645.409
		Chi phí lãi	690.662.737	-
Global Mind Commodities Trading Pte., Ltd	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	965.136.534.786	970.532.804.268
		Bán hàng hóa	874.442.563.960	576.614.234.980
		Ứng trước mua hàng	211.157.419.200	207.967.005.792
		Thu nhập lãi	1.353.035.864	-
		Chi phí lãi	698.813.800	-
		Mua dịch vụ	-	1.603.249.737
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	81.019.607.504	114.044.021.914
		Bán hàng hóa	24.266.789.000	20.332.350.522
		Cung cấp dịch vụ	1.324.946.200	-
		Phân chia lợi nhuận	-	7.288.838.895
		Thu nhập lãi	-	45.424.928
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Bán hàng hóa	546.976.996.273	21.085.714.287
		Mua hàng hóa	91.744.315.250	48.710.142.857
		Thu nhập lãi	59.834.240.939	26.867.460.188
		Chi phí lãi	6.163.940.669	-
		Cho vay	-	109.000.000.000
		Mua nguyên liệu	-	149.472.871.475
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Bên liên quan	Bán tài sản cố định	255.498.447.101	-
		Bán hàng hóa	195.185.809.524	-
		Mua dịch vụ	1.471.655.031	1.008.785.960
		Cung cấp dịch vụ	136.363.636	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tâm Bình An	Bên liên quan	Mua hàng hóa	363.490.909.091	-
		Bán hàng hóa	140.170.000.000	-
		Chi hộ	4.071.756.165	-
Công ty Cổ phần Lộc Thổ	Bên liên quan	Bán hàng hóa	55.475.518.054	-
		Mua nguyên liệu	28.263.336.829	-
		Ký quỹ thuê đất	-	57.865.463.900
		Tiền thuê đất	-	4.134.487.500

35. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	8.937.246.843	7.989.089.060
		Mua hàng hóa	2.634.407.795	-
		Bán hàng hóa	135.207.790	-
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Bao Bì Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	100.798.910.077	8.438.095
		Mua hàng hóa	36.455.032.395	32.758.189.637
		Mua nguyên liệu	35.869.535.972	-
Công ty Cổ phần Đầu tư - Kiến trúc - Xây dựng Toàn Thịnh Phát	Bên liên quan	Mua dịch vụ	9.270.683.293	6.811.361.927
		Bán hàng hóa	61.605.714	-

Giao dịch với bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	8.087.517.913	6.111.632.740

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Bên liên quan	Bán tài sản cố định	249.302.744.490	-
		Bán hàng hóa	96.589.200.000	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Bán hàng hóa	235.036.706.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Bao Bì Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	74.859.135.994	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	73.224.351.338	10.520.376.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tâm Bình An	Bên liên quan	Bán hàng hóa	70.003.500.000	-
Global Mind Commodities Trading Pte., Ltd	Bên liên quan	Bán hàng hóa	57.876.301.528	59.156.583.419
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	36.152.729.758	4.525.001
		Cung cấp dịch vụ	-	48.000.000
Công ty Cổ phần Lộc Thổ	Bên liên quan	Bán hàng hóa	4.805.078.587	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.146.462.990	45.622.500
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	929.100.840	306.167.140
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Cụm Công nghiệp Tân Hội	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	497.683.935	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	6.287.123	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.000.021	-
Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	9.000	-
Công ty TNHH Hải Vi	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	-	4.096.638.534
		Bán hàng hóa	-	318.505.825

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

35. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)				
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	78.073.302.386
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	45.780.000.000
Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	10.281.485.332
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Bên liên quan	Bán tài sản	-	7.261.165.198
		Bán hàng hóa	-	754.600.000
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	-	420.000.000
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	121.000.000
TỔNG CỘNG			900.430.291.604	217.187.971.335
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công (*)	Bên liên quan	Mua hàng hóa	888.147.854.765	157.687.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (*)	Bên liên quan	Mua hàng hóa	295.910.880.000	-
Global Mind Commodities Trading Pte., Ltd	Bên liên quan	Mua hàng hóa	211.157.419.200	211.978.074.672
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (*)	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	164.758.103.986	52.722.834.951
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tâm Bình An (*)	Bên liên quan	Mua hàng hóa	96.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng (*)	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	52.634.652.710	20.015.194.100
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre (*)	Bên liên quan	Mua hàng hóa	21.405.055.440	118.988.721.305
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	2.533.253.700	1.075.030.000
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Bao Bì Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	1.701.160.464	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Bên liên quan	Mua dịch vụ	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Bên liên quan	Mua dịch vụ	253.600.000	126.800.000
Công ty TNHH Hải Vi	Bên liên quan	Mua dịch vụ	-	2.122.804.295
		Mua nguyên liệu	-	2.450.466.821
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	Bên liên quan	Mua dịch vụ	-	5.874.764.500
Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	-	5.156.829.000
TỔNG CỘNG			1.735.651.980.265	578.198.519.644

(*) Trả trước ngắn hạn cho bên liên quan hưởng lãi suất từ 8,0% đến 9,5% một năm.

35. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Bên liên quan	Chuyển nhượng cổ phần TTC IZ	394.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Thu nhập lãi	53.785.251.028	3.235.305.007
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Thu nhập lãi	35.420.856.485	-
		Đặt cọc	-	1.882.678.534
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Thu nhập lãi	31.006.207.153	1.831.084.444
		Đặt cọc	457.708.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tâm Bình An	Bên liên quan	Thu nhập lãi	3.067.709.133	-
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Chi hộ	1.825.864.722	1.568.832.139
		Lợi nhuận được chia	-	7.288.838.895
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Bên liên quan	Chi hộ	1.394.849.312	-
		Đặc cọc	465.150.000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	Công ty liên kết	Thu nhập lãi	48.600.000	-
Công ty TNHH Hải Vi	Bên liên quan	Chi hộ	-	2.973.460.912
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Thu nhập lãi	-	930.358.121
Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu	Bên liên quan	Chi hộ	-	821.360.146
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Chi hộ	-	742.647.317
Global Mind Commodities Trading Pte., Ltd	Bên liên quan	Đặt cọc	-	355.059.818
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Bên liên quan	Thu nhập lãi	-	280.785.366
		Chi hộ	-	11.552.762
Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai	Bên liên quan	Chi hộ	-	131.580.000
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Bên liên quan	Thu nhập lãi	-	105.041.667
TỔNG CỘNG			521.972.195.833	22.158.585.128
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)				
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Cho vay	79.400.000.000	109.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thuận Thiện	Bên liên quan	Cho vay	14.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	-	108.800.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	-	35.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Cho vay	-	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Bên liên quan	Cho vay	-	12.000.000.000
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Bên liên quan	Cho vay	-	3.000.000.000
TỔNG CỘNG			93.600.000.000	285.800.000.000

(*) Đây là các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn có kỳ hạn từ 1 tháng đến 6 tháng và hưởng lãi suất cho vay từ 8,5% đến 10,5% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

35. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Lộc Thổ	Bên liên quan	Đặt cọc	357.865.463.900	57.865.463.900
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	-	12.707.425.000
TỔNG CỘNG			357.865.463.900	70.572.888.900
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Mua hàng hóa	137.000.871.278	2.461.183.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	25.125.056.248	-
	Bên liên quan	Mua dịch vụ	-	100.300.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	22.117.023.356	7.127.364.214
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tâm Bình An	Bên liên quan	Mua hàng hóa	7.780.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Bao Bì Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	4.266.982.908	-
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Bên liên quan	Mua hàng hóa	3.360.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua hàng hóa	327.057.000	577.340.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	8.300.000	550.000.000
Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	-	36.562.958.884
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	21.006.825.000
Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Xây Dựng Toàn Thịnh Phát	Bên liên quan	Mua dịch vụ	-	1.917.610.286
Công ty cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	1.060.000.001
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	-	675.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Bên liên quan	Mua dịch vụ	-	51.568.000
TỔNG CỘNG			199.985.290.790	72.090.149.385

35. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Bán hàng hóa	66.829.943.383	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	37.268.337.247	72.570.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	16.943.731.064	10.958.320.000
Global Mind Commodities Trading Pte., Ltd	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	1.532.566.506
Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	1.280.449.618
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	-	1.214.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	99.149.707
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	-	7.820.000
TỔNG CỘNG			121.042.011.694	87.662.305.831
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre (*)	Bên liên quan	Vay	300.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Chi phí lãi	752.253.057	-
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Chi phí lãi	290.635.498	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Chi phí lãi	3.867.658	
Global Mind Commodities Trading Pte., Ltd	Bên liên quan	Chi phí lãi	33.800.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Bên liên quan	Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	-	1.200.000.000
TỔNG CỘNG			1.080.556.213	1.200.000.000

(*) Đây là khoản vay ngắn hạn có thời gian đáo hạn vào ngày 7 tháng 7 năm 2018 và chịu lãi suất 10% một năm, nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B09-DN/HN

36. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	26.675.423.391	3.804.307.240
Từ 1 – 5 năm	114.719.008.574	1.148.588.760
Trên 5 năm	227.749.422.265	-
TỔNG CỘNG	369.143.854.230	4.952.896.000

37. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Vào ngày 2 tháng 5 năm 2018, Công ty nhận được Công văn số 2316/TCHQ-TXNK của Tổng Cục Hải quan liên quan đến việc hoàn thuế nhập khẩu và không đề cập cụ thể đến hình thức xuất khẩu tại chỗ. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty nhận định rằng nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất thành phẩm xuất khẩu tại chỗ trong năm 2016 không thuộc đối tượng hoàn thuế nhập khẩu và do vậy quyết định điều chỉnh hồi tố khoản thuế nhập khẩu phải thu Nhà nước với giá trị 57.876.000.000 VND vào chi phí. Một số khoản mục và nghiệp vụ của dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được điều chỉnh lại như sau:

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh hồi tố	Số đầu năm (trình bày lại)
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	67.683.797.819	(57.876.000.000)	9.807.797.819
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16.881.858.042	(5.787.600.000)	11.094.258.042
Lợi nhuận sau thuế năm nay	336.916.998.218	(52.088.400.000)	284.828.598.218
	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh hồi tố	Năm trước (trình bày lại)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Giá vốn hàng bán	(3.884.365.645.355)	(57.876.000.000)	(3.942.241.645.355)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(27.895.746.430)	5.787.600.000	(22.108.146.430)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	339.304.863.916	(52.088.400.000)	287.216.463.916
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	339.791.620.863	(52.088.400.000)	287.703.220.863
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	367.478.800.539	(57.876.000.000)	309.602.800.539
Giảm (tăng) các khoản phải thu	(191.354.152.810)	57.876.000.000	(133.478.152.810)

38. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa nhận giữ hộ		
- Thành phẩm đường (tấn)	73.259	-
Ngoại tệ các loại		
- LAK	1.631.398.738	-
- USD	2.072.270	3.566.100
- SGP	58.793	137
- THB	19.460	-
- INR	18.140	18.140
- AUD	950	950
- GBP	630	630
- EUR	250	500

39. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Nguyễn Thùy Trang
Người lập

Ngày 25 tháng 9 năm 2018



Lê Phát Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Ngự
Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

ngày 30 tháng 6 năm 2018

B01-DN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm <i>(trình bày lại – Thuyết minh số 34)</i>
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.276.199.011.506	3.183.804.231.688
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	56.585.754.828	62.187.577.074
111	1. Tiền		56.585.754.828	62.187.577.074
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		46.323.850.003	67.736.224.925
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	2.529.288.253	69.379.966.906
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(1.205.438.250)	(1.643.741.981)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	45.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.616.751.590.028	1.323.782.479.290
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	754.241.677.253	495.859.975.929
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.295.171.011.943	763.063.021.070
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	113.800.000.000	15.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	502.391.841.203	88.352.460.694
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 9	(48.852.940.371)	(38.492.978.403)
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.516.096.011.030	1.659.685.225.883
141	1. Hàng tồn kho		1.547.056.717.834	1.660.975.438.458
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(30.960.706.804)	(1.290.212.575)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		40.441.805.617	70.412.724.516
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	31.459.034.403	60.634.346.409
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	8.982.771.214	9.778.378.107

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm <i>(trình bày lại – Thuyết minh số 34)</i>
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.567.457.395.400	3.480.477.637.716
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		162.160.445.217	182.797.313.608
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	7	60.566.551.291	22.658.393.705
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	101.593.893.926	160.138.919.903
220	II. Tài sản cố định		587.622.664.765	570.054.210.145
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	575.008.791.730	424.629.317.727
222	Nguyên giá		2.145.609.476.874	1.881.475.983.062
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.570.600.685.144)	(1.456.846.665.335)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	12.613.873.035	145.424.892.418
228	Nguyên giá		26.000.266.541	160.984.063.181
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(13.386.393.506)	(15.559.170.763)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	161.581.787.394	131.118.256.994
231	1. Nguyên giá		176.757.947.173	138.061.019.789
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(15.176.159.779)	(6.942.762.795)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		10.972.903.560	45.691.373.486
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	10.972.903.560	45.691.373.486
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16	11.483.375.664.386	2.514.826.747.088
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	11.065.553.278.185	1.118.629.504.600
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	16.2	31.579.200.000	1.397.740.319.375
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.3	403.236.496.444	770.062.384
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(16.993.310.243)	(2.313.139.271)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		161.743.930.078	35.989.736.395
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	155.459.549.932	35.654.264.372
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	6.284.380.146	335.472.023
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		16.843.656.406.906	6.664.281.869.404

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018

B01-DN

VND

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B02-DN

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại – Thuyết minh số 34)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.209.400.513.919	3.636.269.760.664
310	I. Nợ ngắn hạn		4.160.614.231.226	2.437.186.915.264
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	181.514.785.015	123.294.298.086
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	21.820.269.941	17.233.298.345
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	87.451.432.472	6.754.280.373
314	4. Phải trả người lao động		3.929.192.216	6.410.407.347
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	53.636.090.640	39.803.523.151
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	4.099.827.339	3.466.732.320
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	8.301.992.652	4.995.267.539
320	8. Vay ngắn hạn	23	3.754.991.615.292	2.223.270.638.025
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		44.869.025.659	11.958.470.078
330	II. Nợ dài hạn		1.048.786.282.693	1.199.082.845.400
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	12.537.563.120	15.600.295.440
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	6.359.756.280	6.153.067.960
338	3. Vay dài hạn	23	1.029.888.963.293	1.177.329.482.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	24	11.634.255.892.987	3.028.012.108.740
410	I. Vốn chủ sở hữu		11.634.255.892.987	3.028.012.108.740
411	1. Vốn cổ phần		5.570.186.730.000	2.531.882.680.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		5.570.186.730.000	2.531.882.680.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.243.045.915.565	75.894.194.065
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.099.985.561.092)	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		69.863.681.464	39.217.460.174
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		851.145.127.050	381.017.774.501
421a	- Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến cuối năm trước		308.596.087.663	126.643.961.605
421b	- Lợi nhuận sau thuế năm nay		542.549.039.387	254.373.812.896
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		16.843.656.406.906	6.664.281.869.404



Lê Văn Danh
Người lập

Ngày 24 tháng 9 năm 2018

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Ngử
Tổng Giám đốc



Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 34)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	4.551.547.946.031	3.422.709.715.600
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(4.847.029.852)	(4.593.193.827)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	4.546.700.916.179	3.418.116.521.773
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26, 30	(3.965.568.909.261)	(3.055.019.448.284)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		581.132.006.918	363.097.073.489
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	470.656.484.819	258.988.446.472
22	7. Chi phí tài chính	27	(322.252.972.342)	(191.221.246.992)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(286.316.265.526)	(182.287.488.941)
25	8. Chi phí bán hàng	28, 30	(79.473.786.689)	(59.629.689.336)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28, 30	(133.935.149.388)	(102.997.726.811)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		516.126.583.318	268.236.856.822
31	11. Thu nhập khác	29	150.308.162.340	16.273.229.651
32	12. Chi phí khác	29	(17.331.783.632)	(7.655.929.657)
40	13. Lợi nhuận khác	29	132.976.378.708	8.617.299.994
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		649.102.962.026	276.854.156.816
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(112.502.830.762)	(21.959.328.152)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	31.3	5.948.908.123	(521.015.768)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		542.549.039.387	254.373.812.896



Lê Văn Danh
Người lập

Ngày 24 tháng 9 năm 2018

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Ngử
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B03-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 34)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		649.102.962.026	276.854.156.816
Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư	12, 13, 14	128.449.876.866	107.434.366.531
03	Dự phòng		54.272.323.438	7.236.518.146
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		418.362.103	(184.759.106)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(581.334.800.711)	(247.045.124.526)
06	Chi phí lãi vay	27	286.316.265.526	182.287.488.941
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		537.224.989.248	326.582.646.802
09	Tăng các khoản phải thu		(554.915.402.543)	(32.296.886.782)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		113.918.720.624	(551.549.685.039)
11	Tăng các khoản phải trả		79.868.561.009	32.286.151.982
12	Tăng chi phí trả trước		(83.400.440.215)	(24.513.776.739)
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		66.850.678.653	(69.379.966.906)
14	Tiền lãi vay đã trả		(266.740.905.374)	(178.444.007.630)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(67.574.822.452)	(26.193.036.513)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.864.909.967)	(40.123.080.569)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(183.633.531.017)	(563.631.641.394)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(188.447.741.905)	(140.226.910.057)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		7.352.117.840	5.952.933.933
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng		(499.800.000.000)	(898.880.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi ngân hàng		356.000.000.000	998.380.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(23.543.379.154)	(935.605.279.975)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		218.000.000.000	355.792.706.726
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		33.058.823.955	73.436.774.065
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(97.380.179.264)	(541.149.775.308)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 34)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	24.1	-	107.097.422.535
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp phát hành	24.1	(1.099.985.561.092)	-
33	Tiền thu từ đi vay		6.058.935.327.364	4.802.787.608.475
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.683.526.526.719)	(4.301.275.653.029)
36	Cổ tức đã trả	24.2	(12.074.600)	(63.122.250)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		275.411.164.953	608.546.255.731
50	Lưu chuyển tiền thuần thuần trong năm		(5.602.545.328)	(496.235.160.971)
60	Tiền đầu năm		62.187.577.074	558.391.859.290
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		723.082	30.878.755
70	Tiền cuối năm	4	56.585.754.828	62.187.577.074



Lê Văn Danh

Người lập



Lê Phát Tín

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Ngử

Tổng Giám đốc



Về Thuyết minh BCTC riêng vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30/6/2018, vui lòng xem chi tiết tại website của Công ty: www.ttcsugar.com.vn.

Chủ Động - Sẵn Sàng

CHINH PHỤC TẦM CAO MỚI

Với sự chuẩn bị tích cực và chủ động, TTC Biên Hòa bước vào Giai đoạn phát triển chiến lược tới năm 2020-2021 với tâm thế sẵn sàng chinh phục những tầm cao mới.



06

TỔNG QUAN CÔNG TY

Hồ sơ doanh nghiệp	264
Quá trình hình thành và phát triển	268
Hệ thống mạng lưới	270
Thông tin liên hệ	274

6.097 TỶ ĐỒNG

VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

Tên tiếng Anh	: THANH THANH CONG - BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY
Mã số thuế	: 3900244389
Tên viết tắt	: TTC-BH
Mã cổ phiếu	: SBT
Sàn niêm yết	: HOSE
Vốn điều lệ	: 5.570.186.730.000 đồng
Vốn chủ sở hữu	: 6.097.359.934.316 đồng
Công ty Kiểm toán độc lập	: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
Số lượng cổ phiếu niêm yết	: 557.018.673 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu lưu hành	: 495.417.773 cổ phiếu
Giấy CNĐKDN	: Số 3900244389 do Sở KHĐT tỉnh Tây Ninh cấp, điều chỉnh lần 6 ngày 29/11/2017

NHÀ MÁY TTCS TẠI HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH, VỚI CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI,
CÔNG SUẤT ÉP MÍA ĐẠT 9.800 TMN VÀ CÔNG SUẤT SẢN XUẤT 1.000 TẤN ĐƯỜNG/NGÀY.



Toàn cảnh chi nhánh CTCP TTC Biên Hòa - Nhà máy TTCS

**NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH CỦA CÔNG TY
THEO GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

STT	Tên Ngành	Mã Ngành theo VSIC
1	Sản xuất đường <i>Chi tiết: Sản xuất đường</i>	1072 (chính)
2	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: Sản xuất và phân phối điện</i>	3510
3	Trồng cây mía	0114
4	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu <i>Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường</i>	1079
5	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ <i>Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp</i>	2012
6	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: Kinh doanh khách sạn</i>	5510
7	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động <i>Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng</i>	5610
8	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu <i>Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, công nghệ trong ngành sản xuất mía đường</i>	7490
9	Hoạt động tư vấn quản lý <i>Chi tiết: Tư vấn quản lý trong ngành sản xuất mía đường</i>	7020
10	Sản xuất hóa chất cơ bản <i>Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ cồn</i>	2011
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014</i>	6810
12	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng <i>Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, đồ uống không cồn; chế biến nước ngọt, nước trái cây, sữa đậu nành</i>	1104
13	Chế biến và bảo quản rau quả <i>Chi tiết: Chế biến hàng nông sản</i>	1030
14	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống <i>Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ lúa gạo, gỗ, tre, nứa và mủ cao su)</i>	4620
15	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

STT	Tên Ngành	Mã Ngành theo VSIC
16	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp <i>Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống có tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ đường, lúa gạo, thuốc lá, thuốc lào)</i>	4711
17	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
18	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; rau, quả; sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm khác (trừ đường và lúa gạo)</i>	4632
19	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp <i>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại; Bán lẻ khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ bán lẻ thuốc lá, thuốc lào, đường và lúa gạo)</i>	4719
20	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt; rau, quả; sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đường và lúa gạo)</i>	4722
21	Bán buôn đồ uống	4633
22	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
23	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ <i>Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm (trừ đường và lúa gạo); đồ uống lưu động hoặc tại chợ</i>	4781
24	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng (Nhà hàng, khách sạn, siêu thị)</i>	4290
25	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
26	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị ngành mía đường</i>	4659
27	Sửa chữa máy móc, thiết bị <i>Chi tiết: Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị ngành mía đường</i>	3312
28	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp <i>Chi tiết: Lắp đặt thiết bị ngành mía đường</i>	3320
29	Xây dựng nhà các loại	4100
30	<i>Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà luật không cấm; Các ngành nghề cấm đầu tư, kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư; Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định; Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.</i>	Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam



TRỤ SỞ CHÍNH

CTCP THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

Địa chỉ : Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
Số điện thoại : (0276) 375.3250
Email : ttcs@ttcsugar.com.vn

VĂN PHÒNG THƯƠNG MẠI

CTCP THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
Số điện thoại : (028) 3999.8811
Email : ttcs@ttcsugar.com.vn

MẠNG LƯỚI NHÀ MÁY

9
NHÀ MÁY

37.500_{TMN}
CÔNG SUẤT ÉP MÍA

620.000_{TẤN/NĂM}
SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT

STT	Nhà máy	Vị trí	Công suất ép mía (TMN)	Công suất sản xuất (Tấn Đường/Ngày)	Khả năng luyện	Thời gian luyện
1	TTCS	Tây Ninh	9.800	1.000		
2	Biên Hòa-Ninh Hòa	Khánh Hòa	5.200	600	Đường thô và Mía	Theo vụ
3	Biên Hòa-Trị An	Đồng Nai	2.500	250		
4	Biên Hòa-Đồng Nai	Đồng Nai	-	400	Đường thô	Quanh năm
5	TTC Attapeu	Lào	7.500	700		
6	TTCS Gia Lai	Gia Lai	6.000	600		
7	Biên Hòa-Tây Ninh	Tây Ninh	4.000	400	Mía	Theo vụ
8	Biên Hòa-Phan Rang	Ninh Thuận	1.500	150		
9	Nước Trong	Tây Ninh	1.000	100		
Tổng cộng			37.500	4.200		

MẠNG LƯỚI KHO



Hệ thống Kho thành phẩm hiện đại của TTC Biên Hòa

STT	Công ty	Địa chỉ	Số lượng kho	Diện tích (m²)
1	Công ty Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai	Đồng Nai	14	41.730
2	Nhà máy TTCS	Tây Ninh	5	20.000
3	Công ty TTC - Gia Lai	Gia Lai	3	12.380
4	Công ty Đường TTC Biên Hòa - Ninh Hòa	Khánh Hòa	3	11.800
5	Chi nhánh BHS - Tây Ninh	Tây Ninh	3	11.600
6	Công ty Mía đường TTC - Attapeu	Lào	3	8.460
7	Chi nhánh BHS - Trị An	Đồng Nai	2	4.200
8	Công ty Nước Trong	Tây Ninh	1	2.000
9	Công ty Đường TTC Biên Hòa - Phan Rang	Ninh Thuận	1	1.600
Tổng cộng			35	113.700

35

KHO THÀNH PHẨM

~114.000_{m²}

DIỆN TÍCH

4

KHO NGUYÊN VẬT LIỆU

70.000_{TẤN}

CÔNG SUẤT CHỨA NGUYÊN LIỆU THÔ

MẠNG LƯỚI 4 KÊNH PHÂN PHỐI CHÍNH

B2B (Doanh nghiệp) - Thương mại

B2C (Tiêu dùng) - Xuất khẩu

B2B	Thương mại	B2C	Xuất khẩu
MNC - Công nghiệp lớn: Friesland Campina, Coca-Cola, Nestlé, Nutifood, Suntory Pepsi, Tân Hiệp Phát, Vinacafe, Vinamilk... SME - Tiểu thủ công nghiệp: - Nước giải khát: Chương Dương, FES (Cà phê Phở), Yến sào Khánh Hòa... - Thực phẩm: Asiafood, Cholimex, Thực phẩm Thiên Hương... - Bánh kẹo: Bibica, Phạm Nguyễn... - Sữa kem: IDP, KIDO, Yakult VN... - Dược phẩm: Cửu Long, Domesco, Hậu Giang, Mekophar, Sanofi...	Các nhà đại lý phân phối Cấp 1: Đầu tư TTC, Thương mại TTC, Thành Thành Phát, Toàn Phát... Kênh truyền thống: 49.000 Cửa hàng bán lẻ 88 Nhà phân phối Kênh hiện đại: 2.035 Siêu thị và Cửa hàng tiện lợi Chuỗi cửa hàng: Cà phê Starbucks, Highlands, hệ thống trường học...	6 Quốc gia: Mỹ, Trung Quốc, Singapore, Sri Lanka, Myanmar, Kenya	

~ 58.600^{HA}

MẠNG LƯỚI VÙNG NGUYÊN LIỆU

MẠNG LƯỚI VÙNG NGUYÊN LIỆU

STT	Khu vực Nhà máy	VNL đầu tư (ha)	VNL nông trường (ha)
1	TTCS	12.500	2.200
2	Biên Hòa-Ninh Hòa	12.000	500
3	TTCS Gia Lai	11.100	300
4	Biên Hòa-Tây Ninh	3.900	2.100
5	Biên Hòa-Phan Rang	3.700	100
6	Nước Trong	3.100	-
7	Biên Hòa-Trị An	2.100	500
8	TTC Attapeu	-	4.500
Tổng cộng		48.400	10.200

MẠNG LƯỚI TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG MÍA ĐƯỜNG

STT	Tên Trung tâm	Địa chỉ
1	Trụ sở chính	Số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh
2	Chi nhánh tại Gia Lai	444 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã AyunPa, Tỉnh Gia Lai
3	Chi nhánh tại Ninh Hòa	Km 16, Thôn Lam Sơn, Xã Ninh Sim, Huyện Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa
4	Chi nhánh tại Ninh Thuận	QL27A, Thôn La Vang, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận

MẠNG LƯỚI CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

STT	Địa chỉ	Thành phố
1	512 Lý Thường Kiệt, Q. Tân Bình	TP. HCM
2	Khu Du lịch Tà Cú	TP Phan Thiết
3	Khu Du lịch Thung Lũng Tình Yêu	TP Đà Lạt



Toàn cảnh Nhà máy TTCS và VNL tại Tây Ninh

Trụ sở chính

Địa chỉ : Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
Số điện thoại : (0276) 375.3250
Email : tucs@ttcsugar.com.vn

Văn phòng thương mại

Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
Số điện thoại : (028) 3999.8811
Email : tucs@ttcsugar.com.vn

Đường dây nóng về Quy chế ứng xử

Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
Người liên hệ : Ông Huỳnh Thành Nhân - Trưởng Ban KTNB
Số điện thoại 24/7 : 0988.381.379
Email : tbbktnb@ttcsugar.com.vn

Phòng Quan hệ Nhà Đầu tư

Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
Người liên hệ : Ông Nguyễn Anh Vũ - Giám đốc Quan hệ Nhà Đầu tư
Số điện thoại : (028) 3999.8811 - Số máy lẻ: 3402
Email : ir.dir@ttcsugar.com.vn

Phòng Truyền thông, Quan hệ báo chí và Hoạt động cộng đồng

Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
Người liên hệ : Ông Hoàng Nam - Trưởng Bộ phận Truyền thông, Quan hệ báo chí và Hoạt động cộng đồng
Số điện thoại : (028) 3999.8811 - Số máy lẻ: 1706
Email : info@ttcsugar.com.vn

Phòng Kinh doanh

Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
Người liên hệ : Bà Dương Thị Tô Châu - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh
Số điện thoại : (028) 6292.6918 - (028) 6292.6919
Email : cd.dep-ceo@ttcsugar.com.vn

Phòng Cung ứng

Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
Người liên hệ : Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên - Trưởng Bộ phận Mua hàng
Số điện thoại : (028) 3999.8811 - Số máy lẻ: 4204
Email : admtn.mgr@bhs.vn



TTC SUGAR

Trụ sở chính

[🏠] : Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh

[☎] : (0276) 375.3250

[✉] : ttcs@ttcsugar.com.vn

Văn phòng thương mại

[🏠] : Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, P. 2
Q. Tân Bình, TP. HCM

[☎] : (028) 3999.8811

[✉] : ttcs@ttcsugar.com.vn

www.ttcsugar.com.vn